BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

…..ꕥ…..

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang

An Giang, tháng 10 năm 2026

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

.....ꕥ.....

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

Địa chỉ: Ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang

ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ **KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN** **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN VIỆT** **GIÁM ĐỐC**
Phan Thanh Sơn	Phan Huỳnh An Hạ

An Giang, tháng 10 năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC ..... **i**

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT ..... **iv**

DANH MỤC CÁC BẢNG ..... **v**

DANH MỤC CÁC HÌNH ..... **vii**

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ **1**

1. Tên chủ cơ sở 1

2. Tên cơ sở 1

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 5

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 11

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 15

5.1. Các văn bản pháp lý của KCN 15

5.2. Quy mô, khối lượng, kết cấu xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của cơ sở 15

5.3. Tiến độ hoàn thành và đưa vào hoạt động của cơ sở 19

Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG **20**

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 20

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: 21

2.1. Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm 21

2.2. Tính toán tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận 22

2.3. Tính toán tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm 22

2.4. Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải 22

Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ **26**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 26

1.1. Thu gom, thoát nước mưa 26

1.2. Thu gom, thoát nước thải 27

1.2.1. Công trình thu gom nước thải 27
1.2.2. Công trình thoát nước thải 29
1.2.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên ... 29
1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý 29
1.3. Xử lý nước thải..... 31
1.3.1. Công trình xử lý nước thải 31
1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục 60
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 61
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 63
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 64
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn..... 66
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành 66
7. Công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường khác 78
8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp 79
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG..... 81
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 81
1.1. Nguồn phát sinh nước thải: 81
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 81
1.3. Dòng nước thải: 81
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 81
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: 82
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có 82
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, rung..... 82
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, rung..... 82
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung 82
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung..... 82
3.3.1 Tiếng ồn..... 83
3.3.2. Độ rung..... 83
Chương V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG

TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 84

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 84

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 84

3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở: 89

Chương VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH 90

QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 90

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI 90

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 90

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 91

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của phát luật 92

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 92

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 92

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 93

Chương VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 94

PHỤ LỤC 96

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNNMT	: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
ĐTM	: Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HTXLTT	: Hệ thống xử lý tập trung
KCN	: Khu công nghiệp
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
STNMT	: Sở Tài nguyên và Môi trường
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ giới hạn của cơ sở 2
Bảng 2. Bảng cân bằng đất KCN.....5
Bảng 3. Các doanh nghiệp đã đầu tư vào KCN Bình Long 7
Bảng 4. Phạm vi đề xuất cấp phép môi trường 8
Bảng 5. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất của hệ thống XLNTTT Khu công nghiệp Bình Long 11
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng điện thực tế của KCN Bình Long 12
Bảng 7. Nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp trong KCN năm 2026.....13
Bảng 8. Nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp trong KCN.....14
Bảng 9. Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục chính của cơ sở .19
Bảng 10. Kết quả phân tích chất lượng nước thải (Ct).....23
Bảng 11. Kết quả phân tích chất lượng nguồn tiếp nhận 24
Bảng 12. Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm 24
Bảng 13. Giá trị Ltđ của các thông số ô nhiễm 24
Bảng 14. Giá trị Lnn của các thông số ô nhiễm 25
Bảng 15. Giá trị Lt của các thông số ô nhiễm 25
Bảng 16. Giá trị Ltn của các thông số ô nhiễm 25
Bảng 17. Giới hạn giá trị cho phép các thông số trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN 28
Bảng 18. Vị trí dấu nối nước thải của các doanh nghiệp trong KCN vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Long.....28
Bảng 19. Thống kê các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN 56
Bảng 20. Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục.....60
Bảng 21. Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở.....65
Bảng 22. Một số trường hợp hư hỏng thiết bị thường gặp và biện pháp khắc phục.....68
Bảng 23. Các sự cố thường gặp ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của hệ thống XLNTTT KCN.....69
Bảng 24. Những sự cố thường gặp tại trạm quan trắc tự động 75

Bảng 25. Nội dung thay đổi so với nội dung quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường 79

Bảng 26. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính đề nghị cấp phép 81

Bảng 27. Kết quả phân tích mẫu nước thải tại cửa xả nước thải trên sông Hậu năm 2024, 2025, 2026 85

Bảng 28. Kết quả phân tích chỉ tiêu COD đối chứng.....88

Bảng 29. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm 90

Bảng 30. Kế hoạch lấy mẫu của cơ sở.....91

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Vị trí, giới hạn của cơ sở 2
Hình 2. Hiện trạng các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN 8
Hình 3. Sơ đồ hoạt động chính của Khu công nghiệp 11
Hình 4. Đường nội bộ KCN 16
Hình 5. Cống thoát nước mưa trong KCN 17
Hình 6. Hồ sự cố 18
Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Long 29
Hình 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN 32
Hình 9. Bể gom nước thải 39
Hình 10. Bể lắng cát, tách dầu mỡ 41
Hình 11. Bể điều hòa 43
Hình 12. Cụm Bể phản ứng 45
Hình 13. Bể lắng hóa lý 47
Hình 14. Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 1 48
Hình 15. Hệ thống xử lý sinh học hiếu khí Aeroten 1 50
Hình 16. Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 2 51
Hình 17. Bể sinh học hiếu khí Aeroten 2 52
Hình 18. Bể lắng sinh học (dạng bể tròn) 53
Hình 19. Bể khử trùng 55
Hình 20. Vị trí xả thải của KCN 55
Hình 21. Sơ đồ kích hoạt UPSC 68
Hình 22. Sơ đồ quy trình vận hành hồ sự cố 74

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

- Địa chỉ văn phòng: 531 Nguyễn Trung Trực, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **Nguyễn Thanh Phong**, chức vụ: Trưởng ban.

- Điện thoại: 02973 942 791; E-mail: bqlkkt@angiang.gov.vn

- Quyết định thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang: Số 1501/QĐ-TTg ngày 09/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mã số thuế: 1702329220

*** Đơn vị quản lý:**

- Tên đơn vị quản lý: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế.

- Địa chỉ văn phòng: 315 Nguyễn Thị Định, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **Phan Thanh Sơn**, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

- Điện thoại: 02962 246 789; E-mail: ptsonmtkg@gmail.com

- Quyết định thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế: Số 1607/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh An Giang.

- Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 7/11/2025 của UBND tỉnh An Giang Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

- Mã số thuế: 1702339589

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động.

(*Thay đổi lưu lượng xả thải của Hệ thống xử lý nước thải KCN Bình Long từ 2.800 m^3/ngày lên 4.000 m^3/ngày*).

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, với tứ cận tiếp giáp và tọa độ giới hạn cơ sở như sau:

+ Phía Bắc: Tiếp giáp Khu dự án tái định cư, Kênh Phù Dật.

+ Phía Nam: Tiếp giáp Khu dân cư.

+ Phía Đông: Tiếp giáp sông Hậu.

+ Phía Tây: Tiếp giáp Quốc lộ 91.

Bảng 1. Tọa độ giới hạn của cơ sở

Điểm góc	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
1	1169040	554279
2	1169022	554225
3	1168756	553928
4	1168684	554003
5	1168735	554055
6	1149887	573368
7	1168307	554513
8	1168244	554643
9	1168498	554901



Hình 1. Vị trí, giới hạn của cơ sở

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:

+ Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 13/2/2012 Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long (Giai đoạn 1) huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1).

+ Thông báo số 2171/SXD-GĐXD ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng về việc thông báo chấp thuận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình: Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1), gói thầu số 12 (bao gồm thiết bị).

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Quyết định số 148/QĐ-STNMT ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Quyết định số 338/QĐ-STNMT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh chương trình giám sát môi trường các dự án đầu tư do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang làm chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Quyết định số 931/QĐ-STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Công văn số 725/STNMT-MT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc ý kiến bổ sung nội dung thay đổi hạng mục hồ sinh học của hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Bình Long.

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 548/GP-STNMT ngày 02 tháng 4 năm 2019 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

+ Công văn số 4156/STNMT-MT ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm.

+ Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long – Giai đoạn hoạt động.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng diện tích của cơ sở là 30,57 ha; đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư là 84.828.000.000 đồng *(theo Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh An Giang).* Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 (Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc một trong các trường hợp: dự án hạ tầng khu công nghiệp) thì thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm A.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở có xả nước thải vào nguồn nước mặt đang được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định tại điểm b khoản 4 điều 28 Nghị định 08:2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2025. Vì vậy, cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình hoạt động của cơ sở: đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào KCN bao gồm: Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại Điều 28 Luật bảo vệ môi trường.

Theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 Về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ sở thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh, quy định tại điểm b khoản 2, mục III "Tăng 10% lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng thải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường", dự kiến cơ sở sẽ tăng 30% lưu lượng nước thải trong thời gian tới.

Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển KCN Bình Long:

KCN Bình Long được thành lập tại Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 của UBND tỉnh An Giang.

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 ngày 3/9/2008 và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số số 67/QĐ-STNMT ngày 9/4/2011, với tổng diện tích KCN là 28,56 ha.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, KCN Bình Long đã được UBND tỉnh An Giang phê duyệt về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 mở rộng KCN Bình Long tại các Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 và Quyết định số 142/QĐ-BQLKKT ngày 18/11/2025.

Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5/12/2022 cho dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long – giai đoạn hoạt động, diện tích là 30,57ha.

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của KCN đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh và đã thu hút được 8 doanh nghiệp (trong đó có 6 doanh nghiệp đang hoạt động, 01 doanh nghiệp chuẩn bị đầu tư và 01 doanh nghiệp đang tạm ngưng hoạt động). KCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 4.000m^3/ngày đêm, lượng nước thải phát sinh hiện tại của KCN khoảng 1.751 m^3/ngày.đêm và dự kiến trong thời gian tới, lượng nước thải sẽ tăng do nhu cầu mở rộng, nâng công suất của các doanh nghiệp trong KCN và của nhà đầu tư mới.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Chủ cơ sở chỉ thay đổi chính về lưu lượng xả thải lớn nhất của hệ thống XLNT tập trung, đối với quy mô diện tích và cơ cấu sử dụng đất của KCN không thay đổi so với GPMT đã cấp trước đó, cụ thể như sau:

Bảng 2. Bảng cân bằng đất KCN

STT	Tên loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ
1	Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp	16,8124	59,9%
2	Khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng	0,52	1,8%
3	Đất khu kỹ thuật (trạm cấp nước, hệ thống xử lý nước thải).	1,2176	4,3%
4	Đất cây xanh	5,46	19,1%
5	Đất giao thông	4,55	15,9%
Toàn bộ khu công nghiệp		**28,56**	**100%**
6	Cảng Bình Long	2,01	

STT	Tên loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ
Tổng diện tích đất KCN + Cảng		**30,57**	

(Theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03/09/2008 và Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 17/08/2014 của UBND tỉnh An Giang và Quyết định số 142/QĐ-BQLKKT ngày 18/11/2025).

Danh mục các ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN Bình Long theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03/09/2008, Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 17/08/2014 và Quyết định số 142/QĐ-BQLKKT ngày 18/11/2025, gồm:

STT	**Loại hình, ngành nghề** (Quyết định số 1763/ QĐ-UBND ngày 03/09/2008)	**Loại hình ngành nghề điều chỉnh** (Quyết định số 142/QĐ-BQLKKT ngày 18/11/2025)	**Mã ngành nghề**
A	Chế biến lượng thực	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí	1030
B	Chế biến nông, thủy sản		1020
C	Chế biến có nguồn nguyên liệu nông, thủy sản, thức ăn, dầu cám		1075
D	May mặc, da giày		1410, 15200
E	Cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp		33120

Hiện trạng KCN Bình Long đã thu hút đươc 8 doanh nghiệp (trong đó 6 cơ sở đang hoạt động, 01 doanh nghiệp đang lập thủ tục đầu tư: Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy, 01 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động: Công ty cổ phần Minh Thắng An Giang). Tỷ lệ lấp đầy >61%. Các doanh nghiệp đã đầu tư trong KCN đang hoạt động ổn định, một số doanh nghiệp dự kiến mở rộng, nâng công suất. Các doanh nghiệp đã đầu tư vào KCN Bình Long gồm:

Bảng 3. Các doanh nghiệp đã đầu tư vào KCN Bình Long

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất	Tình trạng hoạt động
1	Công ty CP CB&XNK thủy sản Hòa Phát	Lô A	4,46	Chế biến thủy sản	Đang hoạt động Dự kiến đưa xưởng 2 vào hoạt động
2	Công ty TNHH MTV XNK thủy sản Đông Á	Lô B	3,15	Chế biến thủy sản	Đang hoạt động Có kế hoạch mở rộng sản xuất
3	Công ty CP XNK thủy sản Cửu Long AG	Lô C	4,29	Chế biến thức ăn thủy sản	Đang hoạt động Dự kiến lắp thêm line mới
4	Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang	Lô D	2,73	Chế biến rau quả	Đang hoạt động Đang lập thủ tục mở rộng, nâng công suất
5	Công ty TNHH Kovie Vina	Lô D	1	Chế biến bột cá, mỡ cá	Đang hoạt động Dự kiến nâng công suất
6	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	Lô A	2,18	Dịch vụ bốc xếp, xuất nhập hàng hóa bằng phương tiện vận tài đường thủy và kho bán thành phẩm thủy sản (đóng gói, mạ băng, bảo quản lạnh)	Đang hoạt động
7	Công ty cổ phần Minh Thắng An Giang	Lô A	0,58	-	Tạm ngưng hoạt động
8	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy	Lô E	1,36	Chế biến thủy sản	Đang lập thủ tục đầu tư



Hình 2. Hiện trạng các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN

Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bình Long, chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện các bể và lắp đặt đầy đủ máy móc thiết bị cho công suất 4.000 m^3/ngày đêm. Trong thời gian tới, cơ sở dự kiến thay đổi lưu lượng xả thải từ 2.800 m^3/ngày.đêm lên 4.000 m^3/ngày đêm, cơ sở chỉ thay đổi về chế độ vận hành hệ thống, không cải tạo hay lắp đặt thêm máy móc, thiết bị. Dự kiến lưu lượng xả thải đạt công suất 4.000 m^3/ngày đêm vào năm 2030.

Bảng 4. Phạm vi đề xuất cấp phép môi trường

TT	Hạng mục	Giấy phép Môi trường	Thực tế	Đề nghị cấp phép	Ghi chú
1	Lưu lượng nước thải hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình	2.800 m^3/ngày.đêm	1.751[1] m^3/ngày.đêm	4.000 m^3/ngày đêm	Do nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp trong KCN tăng, đề nghị cấp phép theo công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung

[1] Số liệu ghi nhận đầu năm 2026

	Long				KCN Bình Long đã được cấp theo ĐTM

Theo báo cáo số 55//BC-TTPTHTKKT ngày 27/5/2026 Lưu lượng xả nước thải theo hồ sơ môi trường, thực tế phát sinh và nhu cầu xả nước thải của các doanh nghiệp đầu tư tại khu công nghiệp Bình Long giai đoạn 2026 – 2030. Tổng lưu lượng tiếp nhận năm 2025: 519.000 m^3 (trung bình 1.422 m^3/ngày.đêm). Lưu lượng xử lý tháng lớn nhất (tháng 8/2025): 51.887 m^3/tháng, tương ứng 1.673 m^3/ngày.đêm; Lưu lượng trung bình năm 2026: 1.751 m^3/ngày.đêm. Lưu lượng xử lý cao nhất (trong ngày 22/01/2026): 2.230 m^3/ngày.đêm.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang đề nghị được tăng công suất xả nước thải của Công ty từ 900 m^3/ngày.đêm lên 1.700 m^3/ngày.đêm (tăng thêm 800 m^3/ngày.đêm), tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành từ tháng 11/2026 đến tháng 6/2028.

Ngoài ra, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy đang lập thủ tục đầu tư vào KCN, dự kiến lượng nước thải công ty phát sinh khoảng 400 m^3/ngày.đêm.

Theo đăng ký nhu cầu xả nước thải của các doanh nghiệp trên cho thấy tổng lượng nước thải đạt hơn 3.000 m^3/ngày, vượt so với lưu lượng xả nước thải tối đa của Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5/12/2022. Vì vậy, cơ sở đề nghị cấp giấy phép môi trường với lưu lượng xả nước thải tối đa là 4.000m^3/ngày.

3.2. Công nghệ của cơ sở

Đặc thù của cơ sở là kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Do đó hoạt động tại khu vực chủ yếu là hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN và sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc ở đây. Chủ cơ sở sẽ quản lý, giám sát hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, các công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong KCN, đồng thời vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

(1) Quản lý hoạt động đấu nối hạ tầng kỹ thuật

- Đấu nối hệ thống thu gom và thoát nước thải: Hiện tại, nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN đang hoạt động đều được xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Với tổng lượng nước thải trung bình khoảng 1.751 m^3/ngày.đêm.

+ Đối với nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong KCN: các doanh nghiệp trong KCN đều có hệ thống xử lý nước thải riêng, nước thải phát sinh sẽ được xử lý đạt Tiêu chuẩn đấu nối của KCN Bình Long trước khi đấu nối vào hệ thống

thu gom chung của KCN, dẫn về hệ thống XLNTTT KCN tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, nhân viên làm việc tại khu điều hành, khu xử lý nước thải tập trung của KCN: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó đấu nối về hệ thống XLNTTT KCN.

- Thu gom rác thải và vệ sinh môi trường: Các doanh nghiệp trong KCN có trách nhiệm tự thu gom, quản lý và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định

(2) Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật

- Trong giai đoạn hoạt động của cơ sở bao gồm việc vận hành hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật của KCN do Chủ cơ sở thực hiện theo quy định của nhà nước, cụ thể:

+ Hoạt động của hệ thống giao thông: Việc tuân thủ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường giao thông được thực hiện thường xuyên theo quy định hiện hành về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

+ Hệ thống vệ sinh môi trường, thu gom, thoát nước mưa và nước thải: Duy trì vận hành hệ thống vệ sinh môi trường, thu gom, thoát nước mưa và nước thải, đảm bảo khả năng vận hành tối đa công suất thiết kế các hạng mục này. Công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình vận hành cơ sở.

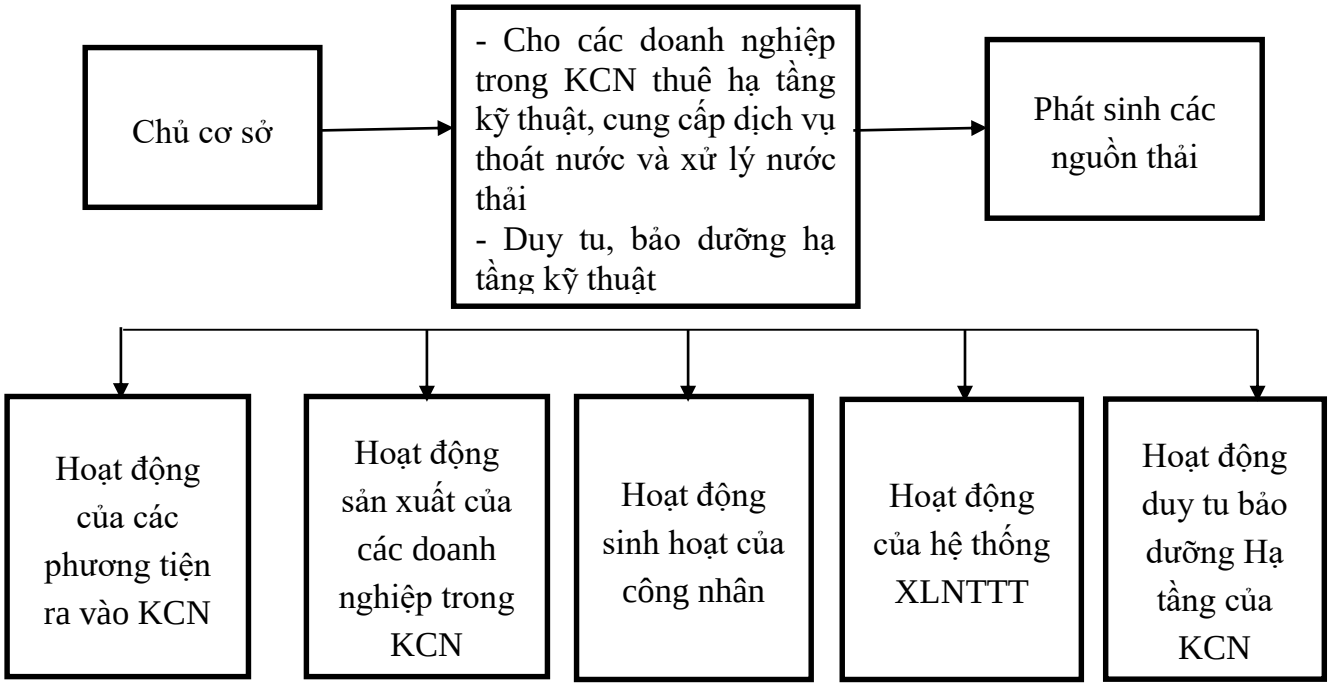
+ Nguồn cấp nước: được dẫn từ nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần Điện nước An Giang thông qua mạng lưới cấp nước trong KCN phân phối đến các doanh nghiệp trong KCN. Ngoài ra, một số doanh nghiệp tự khai thác nước mặt từ sông Hậu để phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất.

- Chăm sóc cây xanh trong khuôn viên dự án;

- Vận hành và quan trắc môi trường định kỳ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Các nội dung quản lý khác có liên quan.

- Sơ đồ hoạt động chính của KCN:



Hình 3. Sơ đồ hoạt động chính của Khu công nghiệp

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Thành lập KCN đa ngành nghề, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật các công trình giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, xử lý chất thải,… nhằm mục đích thu hút các doanh nghiệp thuê lại đất tại KCN.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long – Giai đoạn hoạt động không kinh doanh sản xuất, hoạt động chủ yếu của Khu công nghiệp là cho thuê hạ tầng, đồng thời đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải phát sinh của các doanh nghiệp trong KCN sau xử lý sơ bộ. Vì vậy, nhu cầu nhiên nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng chủ yếu cho hoạt động vận hành hệ thống XLNTTT KCN như sau:

Bảng 5. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất của hệ thống XLNTTT Khu công nghiệp Bình Long

TT	Hóa chất xử lý nước thải	Đơn vị	Khối lượng hiện nay (kg/năm)	Khối lượng dự kiến (khi tăng lưu lượng xả thải lên 4.000 m^3/ngày)

				(kg/năm)
1	Polymer Anion (A)	kg	127,4	182,00
2	Phèn (PAC)	kg	1350	1928,57
3	Javel (Clo)	kg	180	257,14
4	Vi sinh xử lý BOD, COD, TSS (IMWT)	kg	4	5,71
5	Vi sinh xử lý Amonia, Nitơ	kg	4	5,71
6	Mật rỉ đường	kg	640	914,29
	Tổng		**2.305,4**	**3.293,43**

Nguồn: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Công ty điện lực An Giang

- Nhu cầu sử dụng điện: Điện được sử dụng cho mục đích sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt và các nhu cầu khác của các doanh nghiệp trong KCN. Nhu cầu sử dụng điện của KCN trung bình 3.412.368 KWh/tháng.

Bảng 6. Nhu cầu sử dụng điện thực tế của KCN Bình Long

TT	Thời gian	Nhu cầu (KWh/tháng)
1	1/2026	3.346.756
2	2/026	2.657.085
3	3/2026	3.516.648
4	4/2026	3.508.096
5	5/2026	3.672.967
6	6/2026	3.772.653
	Trung bình	**3.412.368**

Nguồn: Hóa đơn thực tế

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn nước cấp bao gồm:

+ Nước cấp thuỷ cục

+ Các doanh nghiệp tự khai thác nước mặt từ sông Hậu

- Nhu cầu sử dụng nước: Cung cấp nước phục vụ cho các hoạt động sản xuất trong KCN.

Bảng 7. Nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp trong KCN năm 2026

TT	Doanh nghiệp trong KCN Bình Long	T1	T2	T3	T4	T5	Tổng (m^3)	TB tháng (m^3)	TB ngày (m^3)
I	**CÔNG TY SỬ DỤNG NƯỚC CẤP THỦY CỤC**								
1.	Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long AN Giang	2867	2715	2780	3180	3079	14621	2924,2	112
2.	Công ty TNHH Kovie Vina	6927	4844	6523	8095	7539	33928	6785,6	260
II	**CÔNG TY SỬ DỤNG NGUỒN NƯỚC MẶT**								
3.	Công ty CP CB&XNK thủy sản Hòa Phát	15.313	18.431	13.160	12.832	15.047	74.783	14.956,6	575
4.	Công ty TNHH MTV XNK thủy sản Đông Á	14.629	8.199	12.428	11.889	12.871	60.016	12.003,2	461
5.	Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang	25.600	22.710	40.490	22.450	20.910	132.160	26.432	1.016
6.	Công ty CP Cảng An Giang	2789	1204	2886	2496	2683	12058	2412	81
	TỔNG								**2.505**

Nguồn: Trung tâm phát triển hạ tầng Khu kinh tế

Theo thống kê thực tế hoạt động của KCN:

- Tổng lượng nước tiêu thụ trung bình hiện tại của các doanh nghiệp trong KCN khoảng 2.505 m^3/ngày.

- Nước cấp cho nhà điều hành: 5 m^3/tháng

- Nước cấp cho khu hạ tầng kỹ thuật (khu xử lý nước thải): 12 m^3/tháng.

Bảng 8. Nhu cầu sử dụng nước của các doanh nghiệp trong KCN

STT	Tên cơ sở	Vị trí	Loại hình sản xuất	Nhu cầu sử dụng nước hiện nay (m^3/ngày.đêm)	Nhu cầu sử dụng nước dự kiến trong thời gian tới (m^3/ngày.đêm)	Lượng nước thải phát sinh hiện nay (m^3/ngày.đêm)	Lượng nước thải phát sinh dự kiến trong thời gian tới (m^3/ngày.đêm)
1	Công ty CP CB&XNK thủy sản Hòa Phát	Lô A	Chế biến thủy sản	575	1125	399	900
2	Công ty TNHH MTV XNK thủy sản Đông Á	Lô B	Chế biến thủy sản	461	812	320	650
3	Công ty CP XNK thủy sản Cửu Long AG	Lô C	Chế biến thức ăn thủy sản	112	120	81	96
4	Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang	Lô D	Chế biến rau quả	1.016	1750	705	1400
5	Công ty TNHH Kovie Vina	Lô D	Chế biến bột cá, mỡ cá	260	337	181	270
6	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	Lô A	Dịch vụ bốc xếp, xuất nhập hàng hóa bằng phương tiện vận tài đường thủy và kho bán thành phẩm thủy sản (đóng gói, mạ băng, bảo quản lạnh)	81	81	65	65
7	Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy[2]	Lô E	Chế biến Thủy sản	-	400	-	320
	Tổng			**2.505**	**4.625**	**1.751**	**3.701**

[2] Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Quang Huy đang làm thủ tục đầu tư

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các văn bản pháp lý của KCN

Quyết định số 1222/QĐ.CT.UB tỉnh An Giang ngày 17/5/2002 về việc thu hồi và giao đất cho Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh AN Giang

Quyết định số 2391/QĐ.CT.UB tỉnh An Giang ngày 08/8/2002 về việc thu hồi và giao đất cho Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh AN Giang

Quyết định 1763/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 03/9/2008 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Quyết định số 1460/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 28/8/2012 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 mở rộng KCN Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Quyết định số 1821/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 07/9/2015 về việc điều chỉnh diện tích thu hồi và giao đất cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Quyết định số 1103/QĐ.CT.UB tỉnh An Giang ngày 25/6/2023 về việc thu hồi và giao đất bổ sung cho Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh An Giang

Quyết định số 498/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 22/02/2026 về việc thu hồi và giao đất cho Ban quản lý dự án Khu công nghiệp tỉnh An Giang

Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 09/7/2025 về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

Quyết định số 1607/QĐ-UBND tỉnh An Giang ngày 21/10/2025 về việc Thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Quyết định số 142/QĐ-BQLKKT ngày 18/11/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 KCN Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5.2. Quy mô, khối lượng, kết cấu xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật của cơ sở

- Nhà điều hành khu công nghiệp Bình Long

Quy mô: nhà làm việc (01 trệt + 01 lầu), diện tích xây dựng 138,78 m^2; cổng – hàng rào – nhà bảo vệ diện tích 94 m^2; diện tích sân nền 882 m^2; hệ thống cấp nước: ống PVC D42 dài 41m, ống PVC D34 dài 65 m; hệ thống thoát nước: mương nổi B800 dài 94 m; nhà xe diện tích 64,48 m^2.

- Hệ thống giao thông

+ Phần đường: Đường số 1 dài 333 m, bề rộng mặt đường 7,0 m, bề rộng lề 1,5 m – 2 m, bề rộng vỉa hè 4 m + 4 m; đường số 2 dài 335 m, bề rộng mặt đường 12,0 m, bề rộng lề 2 m, bề rộng vỉa hè 5 m + 5 m; đường số 3 dài 383 m, bề rộng mặt đường 9,00 m – 12,45 m, bề rộng lề 1,5 – 2m, bề rộng vỉa hè 5 m + 5 m; đường số 4 dài 766 m, bề rộng mặt đường 10,0 m, bề rộng lề 2m, bề rộng vỉa hè 5 m + 5 m; đường số 5 dài 846 m, bề rộng mặt đường 10,5 m, bề rộng lề 2 m, bề rộng vỉa hè 5 m + 5 m.

+ Kết cấu mặt đường: nền cát lu lèn chặt K > = 0,95; trải vải địa kỹ thuật không dệt có các chỉ tiêu kỹ thuật tương đương loại Mirafi 1100N; lớp móng cấp phối đá 0x4 dày 30 cm, Eyc >= 917 daN/cm^2; mặt đường đá dăm láng nhựa dày 18 cm, Eyc >= 1.270 daN/cm^2, tiêu chuẩn nhựa 5 kg/m^2.

Lề đường gia cố cấp phối 2x3, dày 10 cm. Gờ bó vỉa: kết cấu bê tông xi măng đá 1x2, M200.



Hình 4. Đường nội bộ KCN

- Cổng hàng rào

Hàng rào tường và song sắt dài 1.163,4 m, móng đơn BTCT trên nền gia cố cọc 120 x 120, kết cấu BTCT, tường xây gạch ống, song sắt thép hộp.

- Hệ thống thoát nước mưa

+ Tất cả các tuyến cống thu gom nước mưa được xây dựng hoàn thiện phục vụ cho các Doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN để đảm bảo tiến độ hoạt động của các doanh nghiệp theo yêu cầu.

+ Hiện trạng KCN đã xây dựng hoàn chỉnh các cống thu gom nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN. Nước mưa được thu gom dọc theo các tuyến cống có đường kính Ø400, Ø600, Ø800, Ø1.000. Đường thoát nước mặt chính bằng cống BTCT, mương hở Ø400: Ø800.... Bố trí dọc theo đường số 4,

khu nhà máy, dọc theo bờ sông đưa ra cửa thoát B800.



Hình 5. Cống thoát nước mưa trong KCN

- Hệ thống thu gom nước thải

+ Xây dựng hạ tầng thu gom nước thải tách riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

+ Tất cả các tuyến cống thu gom nước thải được xây dựng hoàn thiện phục vụ cho các doanh nghiệp khi đầu tư vào KCN để đảm bảo tiến độ hoạt động của các doanh nghiệp theo yêu cầu.

+ Hiện trạng KCN đã xây dựng hoàn chỉnh các cống thu gom nước thải dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN. Nước thải được thu gom dọc theo các tuyến cống nhánh có đường kính Ø600, Ø800 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- **Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

Hiện tại, KCN đã xây dựng hoàn thiện Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000 m^3/ngày.đêm. Công nghệ áp dụng: A-O (2 bậc) kết hợp xử lý hóa lý. Theo thực tế hoạt động của KCN, lưu lượng nước thải hiện nay phát sinh khoảng 1.751 m^3/ngày.đêm. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất theo Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5/12/2022 là 2.800 m^3/ngày.đêm.

Do nhu cầu mở rộng, nâng công suất của các doanh nghiệp trong KCN hiện hữu và các doanh nghiệp mới có nhu cầu đầu tư vào khu công nghiệp, trong thời

gian tới, lưu lượng nước xả thải sẽ tăng, dự kiến hơn 3.000 m^3/ngày.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn

Trong KCN không bố trí bãi tập kết rác thải cũng như xử lý rác thải cho các doanh nghiệp trong KCN. Chất thải rắn thông thường (bao gồm chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường) trong các doanh nghiệp sẽ được thu gom tập kết trong nội bộ doanh nghiệp và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Chất thải nguy hại sẽ được các doanh nghiệp trong KCN ký hợp đồng với đơn vị có giấy phép xử lý CTNH phù hợp đến vận chuyển, xử lý, tiêu hủy theo quy định về quản lý CTNH.

Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại (40m^2)

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom các loại chất thải.

- Công trình phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: Hồ sự cố.

Hồ có diện tích 4.012,82m^2, sâu 2,5m. Thành hồ được đổ BTCT B20 (M250), bên dưới lớp bê tông lót B7,5 (M100). Cốt thép sử dụng CB240-T và CB300-V. Hệ dầm đáy kè thích thước 250x500mm, được đổ BTCT B20 (M250), bên dưới lớp bê tông lót B7,5 (M100).



Hình 6. Hồ sự cố

5.3. Tiến độ hoàn thành và đưa vào hoạt động của cơ sở

KCN Bình Long được thành lập tại Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 và đi vào hoạt động từ năm 2009.

Bảng 9. Tình hình triển khai xây dựng và hoàn thành các hạng mục chính của cơ sở

STT	Hạng mục chính của cơ sở	Tình trạng
1	Hệ thống thu gom và thoát thoát nước mưa	Đã hoàn thành
2	Hệ thống thu gom nước thải	Đã hoàn thành
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đã hoàn thành
4	Hồ sự cố	Đã hoàn thành
5	Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, lưu giữ chất thải rắn (của hệ thống XLNTTT KCN)	Đã hoàn thành
6	Hệ thống giao thông	Đã hoàn thành
7	Nhà điều hành KCN	Đã hoàn thành
8	Cổng hàng rào	Đã hoàn thành

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 548/GP-STNMT ngày 2 tháng 4 năm 2019, Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022, do vậy dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long đã được kiểm tra, thẩm định và hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường.

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Khu công nghiệp (KCN) Bình Long nằm tại xã Châu Phú, tỉnh An Giang, có quy mô giai đoạn 1 khoảng 30,57 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 61,47%. Khu công nghiệp Bình Long hiện nay đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh *(như mặt bằng, hệ thống giao thông đi lại, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp nước, hệ thống cống thoát nước mưa và thoát nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung,...).* KCN đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022.

Khu công nghiệp Bình Long được đầu tư xây dựng hoàn toàn phù hợp với Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: *"Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó các cấp chính quyền địa phương, doanh nghiệp, cộng đồng và người dân có vai trò quan trọng; bảo vệ môi trường phải dựa trên sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất giữa các cấp, các ngành, tận dụng cơ hội của quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế"; "Bảo vệ môi trường phải lấy bảo vệ sức khỏe của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu. Ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu"; "Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; tăng cường huy động nguồn lực trong xã hội kết hợp với tăng chi ngân sách; áp dụng hiệu quả nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí xử lý và bồi thường thiệt hại, người hưởng lợi từ các giá trị môi trường phải trả tiền; tiếp tục đẩy mạnh sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng và người dân trong bảo vệ môi*

trường" ....

Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó về chỉ tiêu môi trường: "*Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường phấn đấu đạt 100%*; *Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%"*.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long được đầu tư xây dựng với công suất 4.000 m^3/ngày đêm. Công suất được cấp phép trong Giấy phép môi trường là 2.800 m^3/ngày đêm, công suất thực tế hiện nay trung bình khoảng 1.751m^3/ngày đêm. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (K_q = 1,2; K_f = 1) theo Giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp. Theo đó, lưu lượng bình quân của sông Hậu nơi tiếp nhận nước thải là 5.020 m^3/s thì lưu lượng nước thải của KCN Bình Long chảy ra sông Hậu nhỏ hơn rất nhiều so với lưu lượng dòng chảy của sông Hậu. Như vậy, lưu lượng và chất lượng nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường.

Cơ sở Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động tọa lạc tại Ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang thuộc phân vùng bảo vệ nghiêm ngặt theo điểm b, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP *(Nguồn tiếp nhận nước thải là sông Hậu là nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước)*. Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường được quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước được đánh giá theo hướng dẫn của Thông tư 95/2025/TT-BTNMT ngày 31/12/2025 – Hướng dẫn đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ.

2.1. Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt

Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$\mathbf{L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4.}$$

Trong đó:

- **C_{qc}:** Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l;

- **Q_s**(m^3/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông (kênh) cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, (m^3/s).

- **L_{td}** (kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét;

- **86,4** là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

2.2. Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$$

Trong đó:

- **L_{nn}**(kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận;

- **Q_s**(m^3/s) là lưu lượng dòng chảy của đoạn sông (kênh) cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, (m^3/s).

- **C_{nn}**(mg/l): Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt;

- **86,4** là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

2.3. Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

Tải lượng ô nhiễm của một chất ô nhiễm cụ thể từ nguồn thải điểm:

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4.$$

Trong đó:

- **L_t**(kg/ngày) là tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải;

- **Q_t:** Là lưu lượng thải lớn nhất.

- **C_t**(mg/l) là kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông.

- **86,4** là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

2.4. Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

- L_{tn}(kg/ngày) là khả năng tiếp nhận tải lượng chất ô nhiễm của nguồn nước;

- $F_s$là hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,3 đến 0,7.

- NP_{td} là tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn (>) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng (≤) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Vị trí xả thải tại sông Hậu với lưu lượng bình quân là 5.020 m^3/s.

(Nguồn: TS. Lê Anh Tuấn, Đại học Cần Thơ)

Vậy, Q_s(m^3/s) là lưu lượng dòng chảy ở đoạn sông cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, (m^3/s): 5.020m^3/s.

Lưu lượng nước xả thải lớn nhất Q_t (m^3/s): 4.000 m^3/ngày đêm = 0,046 m^3/s.

Dựa vào kết quả quan trắc định kỳ của cơ sở các đợt 1,2,3,4 năm 2025, kết quả đo đạc, quan trắc nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn nước thải của cơ sở và nguồn tiếp nhận như sau:

Bảng 10. Kết quả phân tích chất lượng nước thải (C_t)

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả nguồn thải 2025				
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Giá trị trung bình
1	TSS	mg/L	55	35	<9,5	KPH	24,87
2	BOD_5	mg/L	35	20	12,6	4,5	18,02
3	COD	mg/L	54	31	38,4	14,4	34,45
4	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	10	0,294	4,66	0,36	3,83
5	Coliform	MPN/100mL	3.300	33	KPH	KPH	833

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường năm 2025 của Khu công nghiệp Bình Long)

Bảng 11. Kết quả phân tích chất lượng nguồn tiếp nhận

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả nguồn tiếp nhận 2024				
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	Giá trị trung bình
1	TSS	mg/L	66	65	68	58	64,25
2	BOD_5	mg/L	8	10	13	9	10
3	COD	mg/L	13	15	20	14	15,5
4	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	mg/L	1,04	0,815	0,633	0,829	0,83
5	Coliform	MPN/100mL	7.000	28.000	24.000	17.000	19000

(Nguồn: Báo cáo kết quả môi trường tỉnh An Giang năm 2024)

Do nguồn nước đang đánh giá được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT (cột A), cụ thể:

Bảng 12. Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm

Thông số	TSS	$BOD_5(20^0C)$	COD	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	Coliform
Giá trị giới hạn = $\mathbf{C_{tc}}$(mg/L)	≤25	≤4	≤10	≤0,1	<1.000

- Áp dụng công thức tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa: $L_{tđ} = C_{tc} * Q_s * 86,4$. Ta có: Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng 13. Giá trị Ltđ của các thông số ô nhiễm

Thông số	TSS	BOD_5 (20^0C)	COD	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	Coliform
Q_s (m^3/s)	5020	5020	5020	5020	5020
C_{tc} (mg/l)	25	4	10	0,1	1.000
$L_{tđ}$ (kg/ngày)	10.843.200	1.734.912	4.337.280	43.373	433.728.000

- Áp dụng các công thức tính toán tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận: $L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4$. Ta có: Tải lượng ô nhiễm của các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng 14. Giá trị Lnn của các thông số ô nhiễm

Thông số	TSS	BOD_5 (20^0C)	COD	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	Coliform
Q_s (m^3/s)	5020	5020	5020	5020	5020
C_{nn} (mg/L)	64,25	10	15,5	0,83	19.000
L_{nn}(kg/ngày)	27.867.024	4.337.280	6.722.784	359.994	8.240.832.000

- Áp dụng các công thức tính toán tải lượng ô nhiễm từ nguồn xả đưa vào nguồn nước: $L_t = Q_t * C_t * 86,4$. Ta có: Tải lượng các chất ô nhiễm trên từ hệ thống XLNTTT KCN đưa vào nguồn nước lần lượt như sau:

Bảng 15. Giá trị Lt của các thông số ô nhiễm

Thông số	TSS	BOD_5 (20^0C)	COD	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	Coliform
Q_t m^3/s	0,046	0,046	0,046	0,046	0,046
C_t mg/l	24,78	18,02	34,45	3,83	833
L_t(kg/ngày)	98,485632	71,618688	136,91808	15,221952	3310,6752

- Áp dụng các công thức tính toán khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) * Fs + NP_{td}$, (trong trường hợp này hệ số Fs được lấy là 0,4). Ta có: Khả năng tiếp nhận của nguồn nước sau khi tiếp nhận nước thải từ hệ thống XLNTTT KCN đối với các chất ô nhiễm trên lần lượt như sau:

Bảng 16. Giá trị Ltn của các thông số ô nhiễm

Thông số	TSS	BOD_5 (20^0C)	COD	Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P)	Coliform
L_{tn} (kg/ngày)	-6.809.569	-1.040.976	-954.256	-126.655	-3.122.842.924

Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với các thông số: TSS, BOD_5, COD, Phosphat (PO_4^{3-} tính theo P) và Coliform.

Để đảm bảo sức chịu tải của nguồn tiếp nhận thông qua kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận của sông Hậu, Chủ cơ sở cam kết xả nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT.

Chương III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hiện trạng KCN Bình Long đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và thoát nước mưa dọc theo các tuyến đường giao thông và cửa xả dẫn vào kênh Phù Dật và cửa xả tại sông Hậu.

Hệ thống thoát nước mưa của KCN được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa dựa trên cao độ hiện trạng và cao độ hệ thống giao thông, thoát nước mưa của khu vực xung quanh. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo chảy tự nhiên theo độ dốc địa hình.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

TT	Thông số	L cống (m)	Số lượng hố ga
1	Cống Ø400	100	5
2	Cống Ø600	502	17
3	Cống Ø800	540,4	19
4	Cống Ø1000	328	15
5	Cống Ø1200	368	13
6	Cống Ø1500	242,5	9
7	Cống Ø600 qua đường	40	0
8	Cống PVC Ø114	14	2
9	Cống PVC Ø200	352	0
	Tổng	**2.486,9**	**80**

+ Vị trí cửa xả nước mưa: 01 cửa xả tại kênh Phù Dật, 01 cửa xả tại sông Hậu.

+ Quy trình thoát nước mưa: Nước mưa trên mái nhà và trên đường giao thông nội bộ được thu gom vào hố ga dẫn vào cống thu gom nước mưa, thoát ra hệ thống cống thu nước mưa chung của hạ tầng khu công nghiệp, nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Hậu (kênh Phù Dật thông ra sông Hậu).

+ Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa: Đính kèm Phụ lục.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Các tuyến cống nhánh thu gom nước thải bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải:

TT	Thông số	Khối lượng cống (m)	Số lượng hố ga (cái)	Loại hố ga
1	Cống Ø400 qua đường	24	4	1,4x2,8 và 1,4x2,6 1,4x2.0 và 1,4x2,4
2	Cống Ø600 qua đường	12	2	1,6x2,4 và 1,6x2,6
3	Cống Ø800 qua đường	18	2	1,6x1,7
4	Cống PVC Ø630	462	13	1,4 x 1,7
5	Cống PVC Ø400	9	0	
6	Cống vỉa hè Ø800	274	6	1,6 x 1,7
7	Cống vỉa hè Ø1.000	18	2	1,8 x 1,8
8	Cống hộp B=1M	7	1	1,6 x 2,6
	Tổng	**827**	**30**	

+ Bố trí đường cống thoát nước: Đường cống thoát nước thải thoát nước cho toàn khu vực sử dụng cống BTCT đúc sẵn có đường kính Ø400, Ø600 bố trí dọc theo các đường ra cống Ø800 rồi sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

+ Hình thức đấu nối của các doanh nghiệp trong KCN vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom và tiền xử lý bằng bể tự hoại.
- Đối với nước thải sản xuất: Sẽ được thu gom chung với nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và được xử lý cục bộ để đảm bảo chất lượng nước thải có các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép (*Quy định tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước với Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế*) trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Long tiếp tục xử lý.

Bảng 17. Giới hạn giá trị cho phép các thông số trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^oC	45
2	Màu	Pt-Co	200
3	pH	-	5 - 9
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	150
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
11	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
12	Clo dư	mg/l	2

Nguồn: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế

Bảng 18. Vị trí dấu nối nước thải của các doanh nghiệp trong KCN vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Long

STT	Nguồn phát sinh nước thải tại các doanh nghiệp trong KCN	X	Y
1	Công ty CP CB&XNK thủy sản Hòa Phát	1168910	554151
2	Công ty TNHH MTV XNK thủy sản Đông Á	1168405	554698
3	Công ty CP XNK thủy sản Cửu Long AG	1168771	554290
4	Công ty CP rau quả thực phẩm An Giang	1168481	554600
5	Công ty TNHH Kovie Vina	1168473	554606
6	Công ty Cổ phần Cảng An Giang	1168663	554412

Các vị trí đấu nối theo hệ tọa độ *VN 2000, kinh độ 104^{o}75', múi chiếu 3^o,*

tỉnh An Giang.

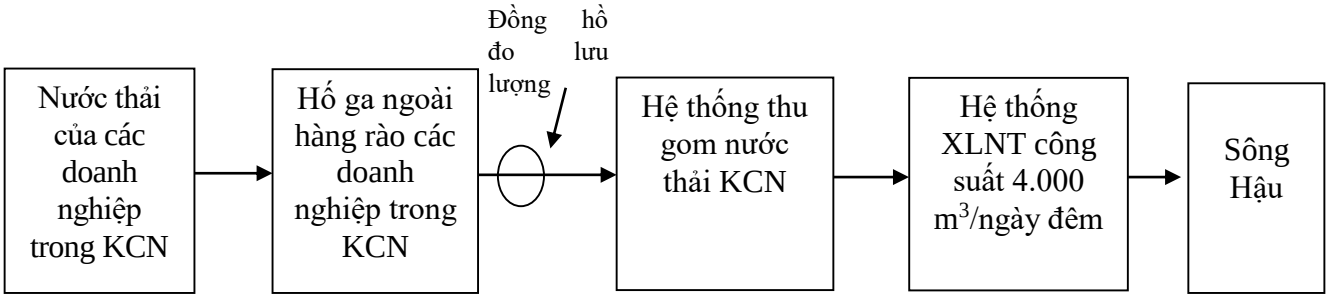
1.2.2. Công trình thoát nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Hậu.

Nước thải sau khi được xử lý bằng công đoạn cuối cùng là bể khử trùng sẽ đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT, sau đó nước thải sẽ theo ống HDPE D400, chiều dài 95m để xả ra tại cửa xả nước thải trên sông Hậu.

- Hình thức cửa xả: Nền BTCT (sau xử lý nền móng), tường mái đá xây, trước lúc xả ra môi trường. Kích thước: 2m x 2,762m.

1.2.3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên



Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của KCN Bình Long

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) sau khi xử lý sơ bộ bằng hệ thống xử lý nước thải cục bộ của các doanh nghiệp trong KCN sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (XLNTTT KCN). Nước thải sau khi xử lý đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT, sau đó nước thải sẽ thoát ra bằng ống HDPE D400, chiều dài 95m để xả ra tại cửa xả nước thải trên sông Hậu.

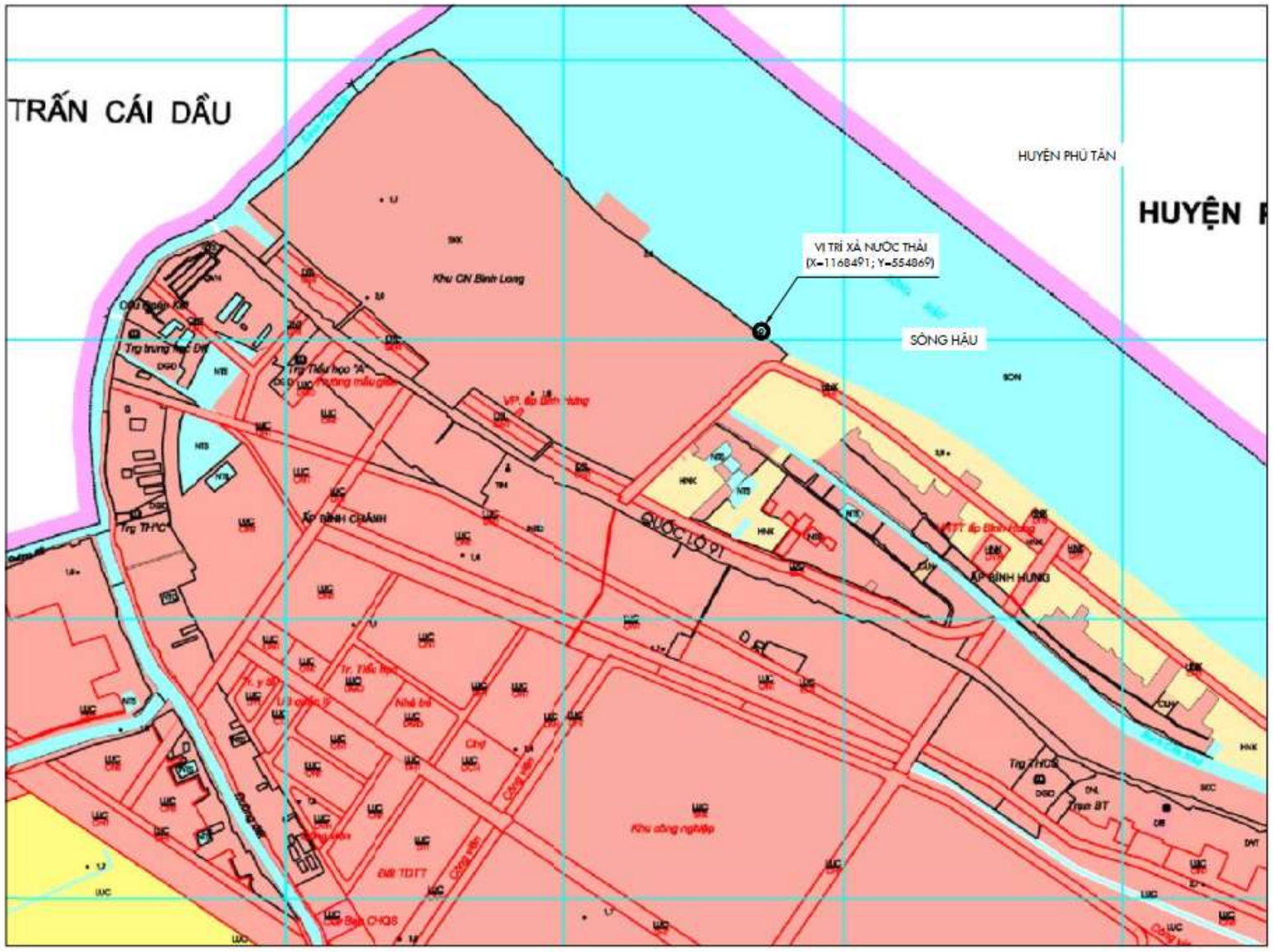
1.2.4. Điểm xả nước thải sau xử lý

Vị trí điểm xả thải nước thải tọa lạc tại ấp Ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Nước thải sau xử lý sẽ thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu bằng ống HDPE D400, có tọa độ vị trí xả thải (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 104°75', múi chiếu 3°*) như sau: X=1168488; Y=554872.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ĐỊA ĐIỂM: ẤP BÌNH CHÁNH, XÃ BÌNH LONG, HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG



- CÁC THÔNG SỐ CỦA CÔNG TRÌNH XẢ NƯỚC THẢI:

TT	VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI	Tọa độ điểm lấy nước (VN2000 múi 3 độ)	
		X	Y
1	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG	1168491	554869

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Hậu.
- Vị trí xả nước thải: Ấp Bình Chánh, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Công suất xả nước thải: 2.800 m³/ngày.đêm.
- Chu kỳ xả nước thải: hàng ngày.
- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.

Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 độ, múi chiếu 3 độ

TỶ LỆ 1:25.000

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THỰC HIỆN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀ SEN AN GIANG

TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

NGƯỜI THỰC HIỆN	BẢN VẼ SỐ	NGÀY HOÀN THÀNH
PHẠM TRUNG HIỀN	02	10 - 12 - 2018

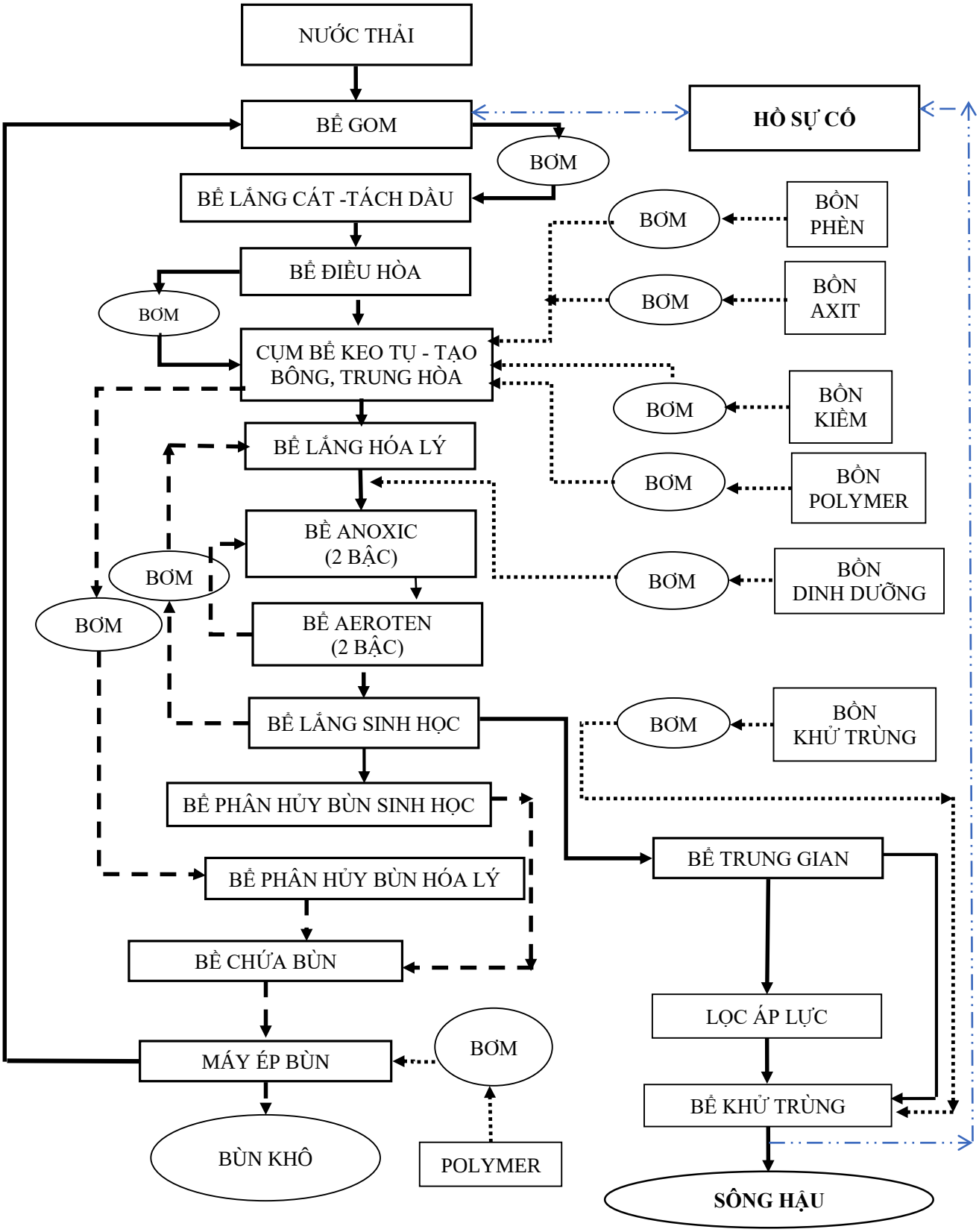
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải

Hiện nay, lưu lượng xả thải tối đa của hệ thống XLNTTT KCN là 2.800 m³/ngày.đêm. Dự kiến khi tăng lưu lượng xả thải lên 4.000 m³/ngày.đêm sẽ không làm thay đổi hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, do công suất thiết kế ban đầu của hệ thống XLNTTT KCN đã đạt 4.000 m³/ngày đêm. Số lượng công nhân vận hành hệ thống vẫn giữ nguyên (5 người).

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 4.000 m^3/ngày đêm như sau:

Theo sơ đồ như sau:



Hình 8. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải KCN

Ghi chú: ——— : Nước thải

– – – – – : Bơm bùn

····· : Bơm hóa chất

— · · — · : Đường nước thải về hồ sự cố

❖ **Thuyết minh dây chuyền công nghệ:**

Nước thải từ các doanh nghiệp trong KCN theo đường ống thu gom nước thải chung được dẫn về Bể gom nước thải của hệ thống XLNTTT KCN. Trước khi vào bể, rác thải có lẫn trong nguồn nước dẫn về được tách riêng nhờ song chắn rác thô đặt ở đầu vào của bể gom. Song chắn có tác dụng tách các loại rác như: Giẻ, mẫu gỗ, lá cây,… có kích thước > 10 mm ra khỏi dòng thải trước khi vào hệ thống XLNTT KCN.

Công nghệ xử lý bao gồm các bước chính sau:

Bước 1: Xử lý sơ bộ

Với các công trình đơn vị như sau:

- Bể thu gom;

- Bể lắng cát - tách dầu;

- Bể điều hòa nước thải.

Mục đích: Tách loại và thu gom cát, rác thải...có kích thước lớn, đồng thời tách loại dầu mỡ cũng như ổn định lưu lượng và trung hòa nồng độ của nước thải.

Bước 2: Xử lý hóa lý

Với các công trình đơn vị như sau:

- Cụm bể phản ứng gồm: keo tụ - tạo bông, trung hòa.

- Bể lắng hóa lý.

Mục đích: Cho các chất keo tụ và trợ keo tụ vào trộn lẫn với nước thải để tạo thành các bông keo tụ và kéo theo các chất ô nhiễm có trong nước thải xuống đáy bể và được tách ra ở dạng bùn hoá lý. Những chất có thể được loại bỏ ra khỏi nước thải trong quá trình xử lý hoá lý là: COD, TSS, các hợp chất kim loại nặng và các chất keo lơ lửng trong nước thải. Do COD, độ màu và hàm lượng các chất lơ lửng giảm, kéo theo nồng độ BOD_5 cũng giảm theo ở bước xử lý này. Đồng thời điều chỉnh pH của nước thải đảm bảo quá trình keo tụ đạt được hiệu suất cao nhất.

Bước 3: Xử lý sinh học

Với các công trình đơn vị như sau:

- Bể sinh học thiếu khí – Anoxic 1, 2.

- Bể sinh học hiếu khí – Aeroten 1, 2.

- Bể lắng sinh học, dạng hình tròn.

Mục đích: Sử dụng quá trình sinh học thiếu khí - Anoxic để xử lý nước thải nồng độ cao, đặc biệt là nước thải có chứa hàm lượng Nitơ, Photpho hữu cơ cao, giảm được điện năng dùng cho quá trình thổi khí, tránh hiện tượng sốc tải khi đưa vào quá trình xử lý hiếu khí.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện thiếu khí do một quần thể vi sinh vật hoạt động không cần có sự có mặt của Oxi không khí, sản phẩm cuối cùng là một hỗn hợp khí có CH_4, CO_2, N_2, H_2…

Quá trình hiếu khí - Aeroten ở đây sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng hiếu khí có chứa nhiều chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy, oxy hóa cao các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Không khí từ bên ngoài được cung cấp vào bể Aeroten thông qua máy thổi khí để duy trì nồng độ oxy hòa tan trong bể đảm bảo cho quá trình sống của vi sinh vật (>= 2mg/l). Sau bể sinh học hiếu khí, nước thải được lắng để loại bỏ hoàn toàn bùn hoạt tính lơ lửng trước khi ra bên ngoài.

Đặc trưng trong Khu công nghiệp có nhiều doanh nghiệp chế biến thủy sản, với đặc thù nước thải loại này, hàm lượng Phospho và Nito hữu cơ thường cao nên công nghệ sinh học được áp dụng gồm 2 quá trình nối tiếp: Anoxic 1 → Aeroten 1 → Anoxic 2 → Aeroten 2 nhằm xử lý một cách triệt để hàm lượng Nitơ khó phân hủy khỏi nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Sau khi qua các bể xử lý sinh học, nước thải chuyển sang bể lắng sinh học (2 bể) có cấu tạo dạng trụ tròn để tách hết bùn hoạt tính lơ lửng, bùn này được tuần hoàn quay trở lại cụm bể sinh học (Bể anoxic) để tiếp tục quá trình xử lý hoặc có thể được xả bớt một phần bùn dư.

Bước 4: Lọc áp lực

Công trình đơn vị: 03 bồn lọc áp lực.

Mục đích: Tách loại các chất dạng lơ lửng trong nước thải trước khi xả ra môi trường, ngoài ra, bùn hoạt tính cũng ở dạng lơ lửng nên quá trình này làm giảm COD, TSS trong nước thải đầu ra.

Với quá trình điều khiển thông minh, nếu nồng độ TSS đầu ra đã đạt quy chuẩn không cần qua lọc, nước thải tự động được xả tới bể khử trùng.

Bước 5: Khử trùng và thải ra nguồn tiếp nhận.

Công trình đơn vị: Bể khử trùng

Mục đích: Nước thải đầu ra của bể khử trùng đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu.

<u>Mô tả chi tiết các công đoạn xử lý</u>

- Công đoạn xử lý sơ bộ (tiền xử lý): Do đặc tính nước của các ngành sản xuất trong KCN Bình Long nên công đoạn tiền xử lý gồm các bước sau:

+ Song chắn rác để tách rác cặn: Vật liệu làm song chắn rác bằng thép không gỉ đảm bảo bền trong môi trường nước thải. Quá trình tiền xử lý diễn ra tại đầu bể gom - song chắn rác.

+ Tách cát bằng phương pháp lắng: Với đặc thù khối lượng riêng lớn, cát và các tạp chất nặng sẽ lắng đọng xuống đáy bể, với cấu tạo đáy nghiêng, cát sẽ được dồn về 1 phía tại hố thu cát.

+ Tách dầu mỡ bằng thiết bị gạt dầu mỡ: Mỡ nổi ở phía trên được cần gạt gạt vào bộ phận thu dầu mỡ nổi, nước được thu sang bể kế tiếp ở phía dưới.

+ Bể điều hoà nước thải: có tác dụng điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ chất ô nhiễm trong dòng thải trước khi vào quá trình xử lý. Bể điều hoà có lắp hệ thống phân phối khí thô dưới đáy bể có tác dụng xáo trộn hoàn toàn nước thải và cung cấp một lượng khí thích hợp để đảm bảo không phát sinh mùi khó chịu do phân huỷ yếm khí. Hệ thống phân phối khí dạng ống lắp cố định dưới đáy bể khí được cấp từ máy thổi khí. Bể điều hòa có thời gian lưu nước 4-6 giờ.

- Công đoạn xử lý hoá lý

Diễn ra tại cụm bể phản ứng và bể lắng hoá lý. Cụm bể phản ứng chia làm ba ngăn, mỗi ngăn có thiết bị khuấy trộn để trộn đều nước thải với hoá chất. Ngăn thứ nhất nước thải được bổ sung hóa chất là axit và kiềm để điều chỉnh pH = 6,5 – 8,5. Ngăn thứ 2 nước thải được bổ sung phèn tạo phản ứng đông keo tụ. Ngăn thứ 3 nước thải được bổ sung chất trợ bông keo tụ là polymer tạo các bông cặn lớn dễ lắng. Sau bể phản ứng nước thải tiếp tục được dẫn vào bể lắng hoá lý (Bể lắng hoá lý có tác dụng tách các chất rắn lơ lửng đã được kết thành bông keo trong dòng thải). Dưới tác dụng của lực trọng trường chất rắn lơ lửng tách ra khỏi dòng thải đi xuống phía đáy, nước trong đi lên và tràn qua vách tràn của bể lắng hoá lý. Bùn lắng được thu dưới đáy bằng hệ thống cào bùn và dùng bơm nước thải đặt nổi để bơm bùn về bể chứa bùn hóa lý. Bơm bùn dạng đặt nổi giúp dễ dàng sửa chữa cũng như tránh được các sự cố đường ống, dễ dàng bảo trì và lắp đặt.

- Công đoạn xử lý sinh học

+ Nước thải sau khi xử lý hóa lý được đưa qua 2 bể thiếu khí Anoxic để xử lý Nitơ có trong nước thải sau đó đưa qua 2 bể Aeroten, có tác dụng xử lý các hợp chất ô nhiễm hữu cơ ở dạng hòa tan có trong nước thải nhờ các chủng vi sinh vật hoạt động trong nước: COD, BOD_5, Nitơ, Photpho dạng hữu cơ, độ màu. Vi sinh tồn tại ở dạng bùn hoạt tính lơ lửng trong nước thải, trong điều kiện oxi hòa tan >=2mg/l, sẽ oxi hóa hết các hợp chất hữu cơ thành các dạng đơn giản gồm N_2, H_2,

CO_2, NH_4và được tách ra khỏi nguồn nước.

+ Bể Anoxic ngoài tác dụng khử Nitơ có trong nước thải còn là bể đệm quá trình sinh học hiếu khí, bùn hoạt tính và dinh dưỡng sẽ được đưa trộn đều làm tăng hoạt tính của bùn tăng hiệu quả cho quá trình xử lý sinh học. Tại bể hiếu khí Aeroten có lắp hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn ở đáy bể nhằm cung cấp đủ Oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật và trộn đều nước thải với bùn hoạt tính. Trong bể này các phản ứng sinh hoá: Vi sinh vật hiếu khí sử dụng Oxy để oxy hoá các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Hệ thống được sử dụng 2 cấp bể Anoxic và 2 cấp bể Aeroten nhằm xử lý một cách triệt để hoàn toàn các chất ô nhiễm, đặc biệt là Nitơ là một thành phần khó phân hủy, đồng thời giúp tăng tải lượng ô nhiễm có thể tiếp nhận.

+ Sau khi ra khỏi bể Aeroten, nước thải và bùn lơ lửng được dẫn sang bể lắng sinh học (2 bể), bể lắng sinh học có cấu tạo dạng trụ tròn nhằm giảm diện tích xây dựng, đồng thời tăng hiệu suất xử lý, có tác dụng lắng đọng bùn lơ lửng trong nước thải, phần nước trong ở phía trên được tràn qua máng thu nước trong và đi đến bể trung gian, bùn lắng đọng phía dưới đáy bể được tập trung hết về hố thu nhờ hệ thống cánh gạt bùn đặt sát đáy bể, phần bùn này được hồi lưu phần lớn về bể Anoxic để tiếp tục quá trình xử lý, một phần nhỏ được xả định kỳ về bể chứa bùn sinh học nhờ bơm bùn đặt phía ngoài bể.

- Lọc áp lực

+ Tác dụng của bồn lọc áp lực nhằm tách loại các cặn lơ lửng dạng mịn khỏi dòng thải, quá trình này cũng giúp khử màu và giảm COD do các chất lơ lửng đều ở dạng hữu cơ.

+ Hệ thống cụm bồn lọc áp lực gồm 03 bồn (02 bồn làm việc liên tục, 01 bồn dự phòng trong trường hợp sự cố hoặc thay thế vật liệu lọc). Vật liệu lọc trong bồn gồm đá và cát thạch anh giúp giữ lại những chất lơ lửng khỏi nguồn nước, dễ vận hành và hoạt động hiệu quả, không cần điều chỉnh nhiều. Đặc biệt với chức năng tiên tiến tự rửa lọc đã được nghiên cứu và chứng minh tính hiệu quả, quá trình vận hành tiết kiệm được nhân lực vận hành và giảm chi phí đến mức tối thiểu.

+ Cơ chế thông minh với tính năng tự động hóa: lắp đặt thiết bị đo tự động thông số TSS ở bể trung gian. Trường hợp nước thải tới bể trung gian còn nhiều chất rắn lơ lửng (TSS), vượt so với quy chuẩn cho phép thì nước thải tự động được bơm qua lọc áp lực, trong trường hợp nước thải có TSS đã đạt quy chuẩn thì không cần qua lọc mà được tự chảy sang bể khử trùng.

- Công đoạn khử trùng

+ Từ bể trung gian (hoặc sau khi qua lọc áp lực), nước thải tới bể khử trùng

nước thải, hóa chất khử trùng được bổ sung vào ngay tại đầu bể khử trùng, trộn lẫn với nước thải để tiêu diệt hết toàn bộ các vi sinh vật gây hại còn lẫn trong nước thải.

+ Sau khi qua bể khử trùng, nước thải đã đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và chảy qua hệ thống quan trắc nước thải tự động để quan trắc các thông số ô nhiễm đầu ra trước khi xả ra môi trường tiếp nhận là sông Hậu.

- Công đoạn xử lý bùn:

Bùn trong quá trình xử lý phát sinh từ các công đoạn sau:

+ Bùn phát sinh từ bể lắng hóa lý được bơm bùn đưa về bể phân hủy bùn hóa lý, nước trong dư sẽ được theo đường thu nước quay trở lại bể gom để tiếp tục được xử lý, bùn còn lại được làm đặc tại bể phân hủy bùn hóa lý.

+ Bùn vi sinh thải bỏ từ bể lắng sinh học được bơm bùn định kỳ bơm về bể phân hủy bùn sinh học, do bản chất là bùn hữu cơ nên tại bể này các chất hữu cơ sẽ được tiếp tục xử lý trong quá trình lưu bùn, chỉ còn lại các hợp chất không xử lý được được làm đặc.

+ Bùn hóa lý và bùn sinh học được bơm hút bơm về bể chứa bùn, làm đặc và được bơm sang máy ép bùn để thực hiện quá trình tách nước. Bùn sau khi ép sẽ được quản lý theo đúng quy định. Nước từ máy ép bùn đưa trở lại bể gom để xử lý.

- Hồ sự cố:

Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A, nước thải sẽ được thu gom và dẫn về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời, không xả thải ra nguồn tiếp nhận. Sau khi khắc phục nguyên nhân sự cố và hệ thống xử lý nước thải được kiểm tra, xác nhận hoạt động ổn định, nước thải lưu chứa tại hồ sự cố sẽ được bơm tuần hoàn về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Quá trình bơm chuyển được thực hiện có kiểm soát, phù hợp với công suất tiếp nhận và khả năng xử lý của hệ thống, nhằm bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải.

Trong điều kiện vận hành bình thường, khi hồ sự cố không sử dụng để lưu chứa nước thải phát sinh từ sự cố, đơn vị vận hành có trách nhiệm kiểm tra định kỳ tình trạng hồ, mực nước và lượng nước mưa tích tụ (nếu có) nhằm duy trì dung tích dự phòng phục vụ ứng phó sự cố. Trường hợp phát sinh nước mưa trong hồ, đơn vị vận hành kiểm tra, đánh giá chất lượng nước trước khi quyết định phương án thu gom, xử lý hoặc thoát nước phù hợp, bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; không tự ý xả bỏ khi chưa xác định được tính chất và mức độ an toàn của nước. Việc duy trì dung tích dự phòng của hồ sự cố được thực hiện thường xuyên, bảo đảm khả năng tiếp nhận nước thải trong trường hợp hệ thống

xử lý gặp sự cố.

*** Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải**

Bể gom nước thải

Nước thải từ các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp theo hệ thống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải qua song tách rác thô rồi đi vào Bể gom nước thải.

Thông số	Giá trị	Đơn vị
Kích thước bể		
Lưu lượng trung bình ngày	4.000	m^3/ngày
Tương đương	166,67	m^3/h
Thời gian lưu nước	1	Giờ
Thể tích chứa nước thiết kế	125	m^3
Thể tích xây dựng	184,8	m^3
Chiều dài bể	8	m
Chiều rộng bể	4,2	m
Chiều cao của bể	5,5	m
Chiều sâu chứa nước	3,0	m
Số lượng	01	Bể
Vật liệu: Bê tông cốt thép.		
Bể xây dựng dạng chìm xuống mặt đất để thu được nước tự chảy từ mạng lưới thoát nước của khu công nghiệp về hệ thống xử lý.		
Thiết bị		
- Song chắn rác thô		
Số lượng	01	bộ
Kích thước khe hở song chắn	20	mm
Loại song chắn	Chế tạo bằng INOX SUS304	
- Bơm nước thải bể gom, loại nhúng chìm (cung cấp bao gồm cả bộ nối tự động)		
Lưu lượng	72	m^3/h
Cột cáp	12,9	mH_2O
Tổng số lượng	04	Cái

Thông số	Giá trị	Đơn vị
Công suất bơm	5,5	kW/3pha/50Hz
Số bơm hoạt động	02	Cái
Số bơm dự phòng	02	Cái
Đo mức theo phương pháp siêu âm.		
- *Máy khuấy trộn chìm:*		
Số lượng	01	cái
Tốc độ vòng quay	1000	Vòng/phút
Công suất động cơ	1,5	kW/3pha/50Hz
Thân và cách được chế tạo bằng vật liệu Inox không gỉ, chịu được đặc tính khắc nghiệt của nước thải.		



Hình 9. Bể gom nước thải

Bể lắng cát, tách dầu mỡ

Lắng cát nhằm giảm thiểu vật chất gây mài mòn cánh quạt của bơm, giảm TSS và có nhiệm vụ tách dầu không tan bằng hệ thống gạt và thu dầu.

Thông số	**Giá trị**	**Đơn vị**
Kích thước bể		
Số lượng bể	01	Bể
Chiều dài bể	12,6	m
Chiều rộng bể	1,5	m
Chiều sâu công tác	1,0	m
Thể tích xây dựng của bể	18,9	m^3
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Bể được thiết kế nửa chìm để thuận lợi trong vận hành và tạo cảnh quan.		
Thiết bị lắp đặt trong bể		
Thiết bị tách dầu mỡ		
Vật liệu: Inox SUS304 chế tạo theo thiết kế.		
Số lượng	01	cái
Công suất motor	1,5	kW/3pha/50Hz
Thiết bị tách rác tinh		
Từ Bể Gom nước thải được bơm qua hệ thống thiết bị tách rác tinh tự động trước khi đi vào bể tách dầu		
Máy tách rác có kích thước nhỏ, kết cấu chính làm bằng inox 304		
Số lượng	01	Cái
Lưu lượng (max)	467	m3/h
Kích thước khe hở	2	mm
Động cơ cào rác	0,75	kW/ 3pha/ 380V/ 50Hz
Bơm cát đặt chìm		
Cát lắng đọng tại hố thu cát được bơm cát vận chuyển tới bể chứa.		
Số lượng	02	cái
Lưu lượng (max)	24	m^3/h
Cột áp	10,6	mH_2O
Công suất động cơ	1,5	kW/ 3pha/ 380V/ 50Hz



Hình 10. Bể lắng cát, tách dầu mỡ

Bể điều hòa

Trong bể lắp đặt hệ thống sục khí khuấy trộn ngăn ngừa hiện tượng lắng đọng các chất rắn lơ lửng và phân hủy các chất hữu cơ gây mùi.

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Kích thước bể		
Số lượng bể	01	Bể
Thời gian lưu theo thiết kế	7,2	giờ
Thể tích chứa nước xây dựng	1020,6	m^3
Thể tích xây dựng	1134	m^3
Chiều dài bể - L	18	m
Chiều rộng bể - B	12,6	m
Chiều cao mực nước – Hn	4,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	5	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Thiết bị lắp đặt trong bể		
Máy thổi khí		
Lưu lượng khí	13,3	m^3/phút
Cột áp	5,5	mH2O
Số lượng hoạt động	02	Cái (01 chờ)
Công suất	18,5	kw/3pha/50Hz
Tổng số máy	03	Cái
Bơm nước thải bể điều hòa, loại nhúng chìm (cung cấp bao gồm cả bộ nối tự động)		
Lưu lượng bơm	72	m^3/h
Cột áp	12,9	mH_2O
Số lượng hoạt động	02	Cái (02 chờ)
Công suất	5,5	kw/3pha/50Hz
Tổng số bơm	04	Cái
Hệ thống phân phối khí khuấy trộn bể điều hòa		
Số lượng	01	Hệ thống
Đầu phân phối khí dạng ống, loại bọt khí thô loại MaxAir. Lắp đặt dưới đáy bể.		
Đo mức		
Số lượng	01	Cái
Loại đo bằng phương pháp siêu âm		
Thiết bị đo lưu lượng		
Số lượng	01	Cái
Vị trí lắp đặt	Lắp đặt trên đường ống nối từ bơm bể điều hòa tới cụm bể phản ứng.	
Phương pháp, kiểu đo	Đo liên tục theo phương pháp siêu âm. Thông số đo được sử dụng để kiểm soát lưu lượng nước thải xử lý và điều chỉnh hóa chất.	



Hình 11. Bể điều hòa

Cụm bể xử lý hóa lý (keo tụ - tạo bông)

Cụm bể xử lý hóa lý được thiết kế bao gồm các ngăn khuấy trộn: Trung hòa pH, phản ứng đông keo tụ và bông tụ.

Cụm Bể phản ứng

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Số lượng	03	ngăn
Ngăn trung hoà		
Thời gian lưu	10	phút
Thể tích tính toán	28	m^3
Thể tích chứa nước thực tế	30,6	m^3
V xây dựng ngăn trung hòa	37	m^3
Chiều dài bể - L	3,5	m
Chiều rộng bể - B	3,5	m
Chiều cao mực nước – Hn	2,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	3,0	m
Ngăn keo tụ		

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Thời gian lưu	10	phút
Thể tích tính toán	28	m^3
Thể tích thực tế	30,6	m^3
V xây dựng ngăn keo tụ	37	m^3
Chiều dài bể - L	3,5	m
Chiều rộng bể - B	3,5	m
Chiều cao mực nước – Hn	2,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	3,0	m
Ngăn tạo bông		
Thời gian lưu	16	phút
Thể tích tính toán	44	m^3
Thể tích thực tế	43,75	m^3
V xây dựng ngăn tạo bông	52,5	m^3
Chiều dài bể - L	5,0	m
Chiều rộng bể - B	3,5	m
Chiều cao mực nước – Hn	2,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	3,0	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị đi kèm		
Khuấy phản ứng		
Số lượng	03	Bộ
Công suất động cơ giảm tốc	1,5	kW/3 pha/380V/50Hz
Trục cánh khuấy		Inox SUS304
Thiết bị đo pH		
Số lượng	01	TB
Bao gồm sensor và transmittor đo pH trong ngăn phản ứng.		

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Hệ thống pha chế hóa chất		
Bồn pha chế và chứa hóa chất		
Bồn pha chế và chứa hóa chất		
Số lượng	7	Cái
Vật liệu bồn chứa		Composite
Thể tích	1	m^3
Động cơ khuấy giảm tốc (bao gồm hệ thống giá đỡ, cánh khuấy)		
Số lượng	6	Bộ
Tốc độ đầu ra	~ 100	Vòng/phút
Cánh khuấy và trục khuấy	Vật liệu Inox	
Công suất	0.75	kW/ 3pha/ 380V/ 50Hz
Bơm định lượng		
Tổng số lượng	13	Cái
Công suất	0,2 - 0,3	kW/ 3pha/ 380V/ 50Hz
Bơm vận chuyển hóa chất		
Số lượng	01	Cái
Công suất	1-5	m^3/h
Máy nén khí cho bơm vận chuyển		
Số lượng	01	Cái
Công suất	635	lít/phút



Hình 12. Cụm Bể phản ứng

Bể lắng hóa lý

Bể lắng dạng trụ vuông, đáy tròn

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Kích thước bể		
Lưu lượng xử lý	4.000	m^3/ ngày đêm
Số lượng bể lắng	01	Bể
Tải trọng bề mặt lý thuyết	33-48	m^3/m^2/ngày
Tải trọng bề mặt lựa chọn thiết kế	34	m^3/m^2/ngày
Tiết diện lắng thiết kế - S	125,44	m^2
Kích thước bể	11,2x11,2	m
Độ sâu chứa nước hiệu dụng - Hn	4,4	m
Chiều cao bảo vệ	0,6	m
Chiều cao bể xây dựng - H	5,0	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị trong bể		
Thiết bị gạt bùn bể lắng hóa lý:		
Số lượng	01	Bộ
Tốc độ Động cơ giảm tốc	2 - 4	vòng/giờ
Công suất động cơ	0,4	kW/3pha/380V/50Hz
Thiết bị cào bùn theo thiết kế dạng cần gạt theo đường kính của bể.		
Bơm bùn bể lắng hóa lý:		
Chủng loại	Dạng bơm đặt khô, ngoài trời.	
Số lượng	02	Cái
Lưu lượng	66,6	m^3/h
Cột áp	11,4	m
Công suất	3,7	kW/3pha/380V/50Hz
Loại bơm đặt khô, để ngoài trời, làm mát bằng không khí.		



Hình 13. Bể lắng hóa lý

Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 1

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Kích thước bể:		
Lưu lượng xử lý	4.000	m^3/ngày đêm
Hệ số vượt tải	10	%
Nồng độ bùn hoạt tính	3000	mg/l
Tỷ lệ khử Nitơ trong vùng Anoxic	0,065	$kgNO_3^-$/kgMLSS/ngày
Nồng độ bùn tuần hoàn	600	mg/l
Thể vùng Anoxic tính toán	307	m^3
Thời gian phản ứng	3,69	giờ
Số lượng bể	02	Bể
Chiều dài bể - L	11,3	m
Chiều rộng bể - B	6,4	m

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Chiều cao mực nước – Hn	4,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	5	m
Thể tích xây dựng của 1 bể	361,6	m^3
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị phụ trợ:		
Máy khuấy trộn chìm		
Số lượng	04	Cái
Tốc độ	1000	vòng/phút
Công suất	1,5	kW/380V/50Hz
Vật liệu chế tạo	Thép không gỉ SUS316L	



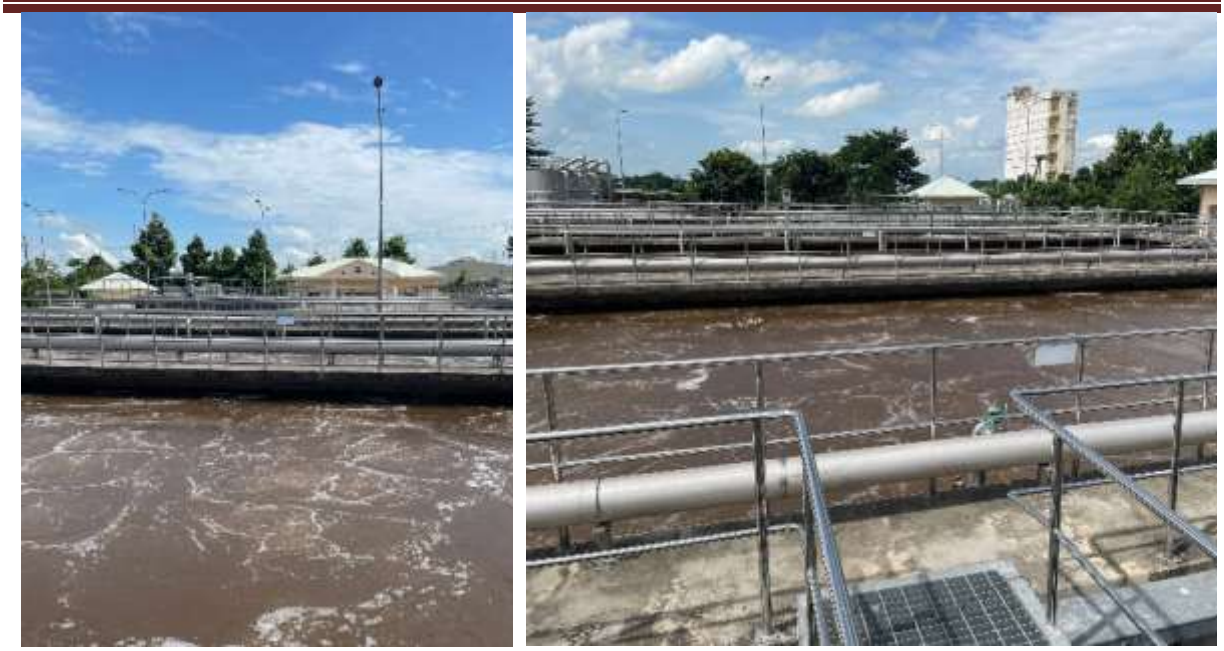


Hình 14. Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 1

Hệ thống xử lý sinh học hiếu khí Aeroten 1

Hệ thống thiết bị xử lý sinh học hiếu khí được chia làm 2 bể đáp ứng được yêu cầu thiết kế 4.000m^3/ngày đêm

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Kích thước bể:		
Lưu lượng xử lý	4.000	m^3/ngày.đêm
Số lượng bể	02	Bể
Tải trọng BOD theo tính toán	2000	kgBOD/ngày
Tỷ số F/M thiết kế	0,25	
Giá trị MLSS trung bình	3.000	mg/l
Thể tích chứa nước thiết kế/bể	400	m^3 x 02 bể
Tổng thể tích các bể	1266,5 x 2	m^3
Thời gian lưu thủy lực	15,2	giờ
Chiều dài bể - L	24,6	m
Chiều rộng bể - B	11,3	m
Chiều cao mực nước – Hn	4,5	m
Chiều cao bảo vệ	0,5	m
Chiều cao bể - H	5,0	m
Thể tích xây dựng 1 bể	1389,9 x 2	m^3
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị phụ trợ		
Bơm tuần hoàn từ bể Aeroten về Anoxic (bơm chìm)		
Lưu lượng	148,8	m^3/h
Cột áp	12	mH_2O
Công suất động cơ	7,5	kW/380V/50Hz
Máy thổi khí cho bể Aeroten		
Lưu lượng khí	14,3	m^3/phút
Cột áp	5,5	mH_2O
Số lượng hoạt động	4	cái
Công suất	18,5	kW/ 380V/ 3 pha/ 50Hz



Hình 15. Hệ thống xử lý sinh học hiếu khí Aeroten 1

Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 2

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Kích thước bể:		
Số lượng bể	01	bể
Nồng độ bùn hoạt tính	3000	mg/l
Thời gian phản ứng	2,98	giờ
Nồng độ bùn tuần hoàn	600	mg/l
Tốc độ xử lý NO_3^-	307	m^3
Thể tích yêu cầu	500	m^3
Chiều dài bể - L	16	m
Chiều rộng bể - B	8,0	m
Chiều cao mực nước – Hn	4,35	m
Chiều cao bảo vệ	0,65	m
Chiều cao bể - H	5	m
Thể tích làm việc	550	m^3
Thể tích xây dựng	640	m^3
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị phụ trợ:		

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Máy khuấy trộn chìm		
Số lượng	04	Cái
Tốc độ	1000	vòng/phút
Công suất	1,5	kW/380V/50Hz
Vật liệu: Thép không gỉ		



Hình 16. Bể xử lý sinh học thiếu khí Anoxic 2

Bể sinh học hiếu khí Aeroten 2

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Kích thước bể:		
Số lượng bể	01	Bể
Thời gian lưu nước	0,5-1,5	giờ
Thể tích tính toán	0,25	
Chiều dài bể - L	15	m
Chiều rộng bể - B	8	m
Chiều cao mực nước – Hn	4,35	m
Chiều cao bảo vệ - H	0,65	m
Chiều cao xây dựng	5	giờ

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Thể tích xây dựng	600	m^3
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Hệ thống phân phối khí bể Aeroten		
Đầu phân phối khí: Kiểu FlexAir		
Dạng đầu phân phối: Đầu phân phối khí dạng ống, loại bọt khí mịn		



Hình 17. Bể sinh học hiếu khí Aeroten 2

Bể lắng sinh học (dạng bể tròn)

Thông số thiết kế	Giá trị	Đơn vị
Số lượng bể	02	Bể
Tải trọng bề mặt	16,4	m^3/m^2/ngày
Diện tích bề mặt lắng	243,9	m^2

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Đường kính bể lắng	12	m
Chiều cao công tác	3,0	m
Chiều cao mực nước trong bể	3,85	m
Chiều cao bảo vệ	0,65	m
Chiều cao xây dựng	4,5	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị trong bể		
Cánh gạt bùn		
Số lượng	01	Bộ
Tốc độ Động cơ giảm tốc	2 - 4	vòng/giờ
Công suất động cơ	0,4	kW/3pha/380V/50Hz
Cần gạt bùn dạng đường kính, kích thước chế tạo tùy theo kích thước của bể.		
Bơm bùn bể lắng sinh học		
Chủng loại	Bơm để ngoài trời, loại để khô.	
Số lượng	02	Cái
Lưu lượng	66,6	m^3/h
Cột áp	11,4	m
Công suất	3,7	kW/3pha/380V/50Hz
Loại bơm đặt khô, để ngoài trời, loại đặt khô.		



Hình 18. Bể lắng sinh học (dạng bể tròn)

Bể trung gian

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Số lượng	01	cái
Chiều dài bể	7,0	m
Chiều rộng bể	7,0	m
Chiều sâu công tác	3,45	m
Chiều cao xây dựng	4,0	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		
Thiết bị trong bể		
Bơm bể trung gian (lên bồn lọc)		
Chủng loại	Loại bơm đặt chìm	
Số lượng	03	cái
Lưu lượng	84	m^3/h
Cột áp	15,2	mH_2O
Công suất	7,5	kW/3pha/380V/50Hz

Bể khử trùng

Thông số thiết kế	**Giá trị**	**Đơn vị**
Thời gian lưu nước	15	phút
Thể tích bể cần thiết	65	m^3
Chiều cao chứa nước	2	m
Chiều cao xây dựng	2,5	m
Chiều dài	12	m
Chiều rộng	2,8	m
Vật liệu: Bê tông cốt thép		




Hình 19. Bể khử trùng

Nước thải sau sử lý (đạt quy chuẩn theo quy định) tràn xuống sông Hậu bằng đường ống HDPE đường kính 400mm. Tọa độ vị trí xả thải X=0554864; Y=1168490 *(theo hệ VN2000 kinh tuyến trục 104°75, múi chiếu 3°), tỉnh An Giang.*





Hình 20. Vị trí xả thải của KCN

❖ Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long

Bảng 19. Thống kê các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN

TT	Hóa chất xử lý nước thải	Đơn vị	Khối lượng (kg/ngày) Hiện hữu	Khối lượng dự kiến khi nâng công xuất xả thải lên 4.000 m^3/ngày (kg/ngày)	Công đoạn sử dụng
1	Polymer Anion (A)	kg	0,354	0,807	Cụm bể phản ứng
2	Phèn (PAC)	kg	3,750	8,550	Cụm bể phản ứng
3	Javel (Clo)	kg	0,500	1,140	Bể khử trùng
4	Vi sinh xử lý BOD, COD, TSS (IMWT)	kg	0,011	0,025	Bể sinh học hiếu khí
5	Vi sinh xử lý Amonia, Nitơ	kg	0,011	0,025	Vi sinh xử lý Amonia, Nitơ
6	Mật rỉ đường	kg	1,778	4,053	Bể anoxic

Nguồn: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế

❖ ***Điện năng:*** Từ ngày 1/1/2026 đến ngày 31/5/2026 tổng điện năng tiêu thụ trong quá trình vận hành là 144.756 kWh, trung bình khoảng 298.951Wh/tháng. *(Nguồn: Hóa đơn, 2026).*

Quy chuẩn: Nước sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, với hệ số $K_f = 1$ và $K_q = 1,2$.

Sau tăng lưu lượng xả nước thải từ 2.800 m^3/ngày.đêm lên 4.000 m^3/ngày.đêm, nước sau xử lý sẽ đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT.

Khi tăng lưu lượng xả nước thải từ 2.800 m^3/ngày.đêm lên 4.000 m^3/ngày.đêm sẽ có một số thay đổi trong quá trình vận hành hệ thống XLNTTT KCN Bình Long, cụ thể như sau:

Tiêu chí so sánh	Lưu lượng 2.800 m^3/ngày.đêm (70% công suất thiết kế)	Lưu lượng 4.000 m^3/ngày.đêm (100% công suất thiết kế)
Trạng thái hệ thống & Thủy lực	- Chịu tải thấp hơn thiết kế, mang lại sự an toàn về dung tích. - Thời gian lưu nước (HRT) trong các bể dài hơn thiết kế ban đầu.	- Toàn bộ các công trình đơn nguyên hoạt động hết công suất thiết kế - Hệ thống vận hành ở mức lưu lượng thiết kế, yêu cầu các công trình xử lý đáp ứng được lưu lượng và tải lượng ô nhiễm đầu vào theo thiết kế - Thời gian lưu nước đạt chính xác theo thông số thiết kế ban đầu.
Bể điều hòa & Kiểm soát tải trọng sốc	- Theo dõi biến động lưu lượng, pH, COD và các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào để điều chỉnh chế độ vận hành. - Kiểm soát mực nước, thời gian lưu và hiệu quả khuấy trộn, tránh lắng cặn hoặc phát sinh mùi do lưu giữ kéo dài. - Chủ động phát hiện và kiểm soát các dòng thải bất thường trước khi đưa vào công đoạn xử lý tiếp theo.	- Kiểm soát hiệu quả điều hòa lưu lượng và nồng độ ô nhiễm, nhất là trong các thời điểm phát sinh tải trọng cao. - Theo dõi mực nước, lưu lượng bơm chuyển và khả năng tiếp nhận của công đoạn phía sau. - Có biện pháp kiểm soát riêng đối với dòng thải có pH bất thường hoặc chứa chất ức chế, chất độc hại.
Công nghệ sinh học & Xử lý vi sinh	- Tỷ lệ thực phẩm trên vi sinh vật (F/M) có xu hướng thấp; vi sinh dễ bị đói, tự phân hủy, gây già bùn. - Cần điều chỉnh lượng bùn hồi lưu giữ nồng độ MLSS phù hợp và xả bớt bùn dư định kỳ.	- Kiểm soát nghiêm ngặt tải trọng sinh học. - Theo dõi sát chỉ số thể tích bùn (SVI), hàm lượng bùn (MLSS), duy trì DO từ 2 - 4 mg/L và bổ sung dinh dưỡng (N, P) khi thiếu hụt.
Hệ thống sục khí	- Điều chỉnh lưu lượng khí theo nhu cầu oxy thực tế, tránh sục khí	- Điều chỉnh công suất máy thổi khí đáp ứng nhu cầu oxy tại tải

	quá mức gây lãng phí điện năng, duy trì DO ổn định 2 - 4 mg/L.	trọng vận hành thực tế; không mặc định phải chạy tối đa liên tục. - Theo dõi DO, tình trạng phân phối khí và khả năng đáp ứng của thiết bị khi tải lượng ô nhiễm tăng. - Bảo đảm đủ oxy cho các quá trình sinh học, đặc biệt khi có yêu cầu nitrat hóa hoặc loại bỏ chất ô nhiễm cần oxy.
Thiết bị cơ điện & Bơm	- Điều chỉnh thời gian bơm, lưu lượng bơm theo nhu cầu thực tế 2.800 m^3/ngày, tránh chạy ngắt quãng (on/off) gây mòn thiết bị. - Có thể vận hành linh hoạt theo dạng module (chạy 1 module lớn kết hợp một phần module thứ 2 hoặc chạy luân phiên để bảo dưỡng).	- Kiểm tra khả năng đáp ứng của máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy và các thiết bị liên quan ở lưu lượng thiết kế. - Bố trí chế độ vận hành luân phiên, bảo trì định kỳ và thiết bị dự phòng theo thiết kế. - Theo dõi dòng điện, áp lực, lưu lượng và tình trạng thiết bị để phát hiện sớm nguy cơ quá tải hoặc suy giảm hiệu suất.
Xử lý hóa lý & Bùn thải	- Điều chỉnh liều lượng hóa chất theo lưu lượng và đặc tính nước thải đầu vào, tránh định lượng cố định không phù hợp với tải trọng thực tế - Điều chỉnh liều lượng hóa chất theo lưu lượng và đặc tính nước thải đầu vào, tránh định lượng cố định không phù hợp với tải trọng thực tế - Theo dõi lượng bùn phát sinh, nồng độ bùn và khả năng lưu chứa để xây dựng lịch xả bùn, ép bùn phù hợp. - Điều chỉnh tần suất ép bùn theo lượng bùn thực tế, tránh vận hành thiết bị khi chưa cần thiết.	- Bảo đảm hệ thống định lượng hóa chất đáp ứng nhu cầu xử lý tại tải trọng thiết kế. - Kiểm soát liều lượng hóa chất theo kết quả kiểm tra nước thải, tránh thiếu hoặc dư hóa chất làm giảm hiệu quả xử lý và tăng lượng bùn phát sinh. - Đánh giá khả năng tiếp nhận, lưu chứa và xử lý bùn khi lượng bùn phát sinh tăng theo tải lượng ô nhiễm. - Bố trí thời gian vận hành máy ép bùn phù hợp với lượng bùn thực tế và công suất thiết bị. - Chủ động kế hoạch thu gom, chuyển giao bùn, bảo đảm không gây tồn đọng hoặc ảnh hưởng đến vận hành hệ thống.
Giám sát chất lượng đầu ra	- Theo dõi các chỉ số đầu vào để kiểm soát hệ thống sinh học và tránh lãng phí năng lượng. - Đánh giá xu hướng biến động chất lượng đầu ra để điều chỉnh	-Tăng cường theo dõi các thông số vận hành và chất lượng nước đầu ra, đặc biệt trong các giai đoạn tải trọng cao hoặc biến động đột ngột. - Theo dõi dữ liệu liên tục từ trạm

	chế độ vận hành, đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu khi có dấu hiệu bất thường.	quan trắc tự động đầu ra (pH, COD, TSS, Flow...) để đảm bảo đạt chuẩn QCVN.

*** Quy trình vận hành chung:**

Các bước chuẩn bị trước khi vận hành hệ thống

- Kiểm tra các thiết bị đang sửa chữa đã hoàn thành chưa. Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố nếu có.
- Kiểm tra mực hóa chất trong bồn hóa chất, pha thêm hóa chất nếu hết.
- Kiểm tra giá trị cài đặt trên các bơm định lượng. Chỉ điều chỉnh lưu lượng (nếu cần) khi bơm đang hoạt động.
- Kiểm tra dòng, cách điện máy thổi khí, máy bơm.
- Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm, máy thổi khí, bồn hóa chất… Vệ sinh song chắn rác, vệ sinh và kiểm tra hoạt động của phao báo mức nước. Kiểm tra điện, nước cấp cho hệ thống.
- Kiểm tra áp suất của thiết bị lọc đa tầng

Vận hành hệ thống

- Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo những bước sau:
- Khởi động hệ thống bao gồm các bước sau:
- Bước 1: Kiểm tra đèn báo 3 pha trên tủ, cả 3 đèn (đỏ, vàng, xanh) đều phải sáng mới được chuyển sang các bước tiếp theo
- Bước 2: Kiểm tra nút dừng khẩn cấp và đảm bảo nút này phải được mở Bước 3: Đóng Atomat tổng cho tủ điện
- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo 2 chế độ: chế độ tự động hoàn toàn và chế độ vận hành bằng tay

Chế độ vận hành bằng tay

- Chức năng vận hành bằng tay dùng trong quá trình vận hành tự động gặp sự cố và để kiểm tra từng máy móc thiết bị trong hệ thống.
- Vận hành bằng tay gồm các bước sau đây:
- Bước 1: Chuyển nút chuyển chức năng về vị trí MAN
- Bước 2: Lúc này ta muốn vận hành bất kỳ thiết bị máy móc trên hệ thống đều được.

Chế độ vận hành tự động

- Hệ thống tủ điện điều khiển đã được lập trình điều khiển, vì vậy toàn bộ thiết bị công nghệ đều được vận hành tự động, thông tin hệ thống được hiển thị trên màn hình SCADA.

- Hệ thống được vận hành theo mức nước trong các bể chức năng và theo thời gian.
- Khi vận hành chế độ tự động người vận hành không phải điều khiển bất kỳ một thiết bị nào trong hệ thống.
- Để vận hành chế độ tự động ta chỉ cần chuyển nút chức năng về vị trí AUTO. Thực hiện điều khiển theo dõi hệ thông trên màn hình SCADA.

1.3.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hiện tại Chủ cơ sở đã hoàn thiện lắp đặt thiết bị trạm quan trắc tự động với các chỉ tiêu quan trắc tự động bao gồm: lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni.

Kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát: Đã thực hiện kết nối dữ liệu về vào ngày 26/12/2021. (Sở Tài nguyên và Môi theo Công văn số 4026/STNMT-MT ngày 10/12/2021). (Đính kèm phụ lục).

Bảng 20. Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục

STT	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị	Số lương
1	Thiết bị đo lưu lượng	10L3F	Endress Hauser	EU	Bộ	1
2	Bộ hiển thị, điều khiển và truyền tín hiệu	CM444	Endress Hauser	Đức	Bộ	1
3	Đầu đo nhanh COD	CAS51D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1
4	Đầu đo nhanh TSS	CUS51D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1
5	Đầu đo pH	CPF81D	Endress Hauser	Mỹ	Bộ	1
6	Đầu đo DO	COS61D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1
7	Bộ nén khí làm sạch đầu đo	VA-65	Fusheng	Việt Nam	Bộ	1
8	Tủ điện, bồn chứa nước trạm quan trắc		SEEN	Việt Nam	Bộ	1
9	Bộ lưu điện UPS			Trung Quốc	Bộ	1
10	Bơm trích mẫu	JES-MS	EBARA	ITALIA	Bộ	2

STT	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	Đơn vị	Số lương
11	Điều hòa nhiệt độ		SHARP	Việt Nam	Bộ	1
12	Hệ thống chiếu sáng, tiếp địa, chống sét nhà trạm			Việt Nam	Bộ	1
13	Hệ thống moderm ADSL, GPRS kết nối mạng intrenet			Việt Nam	Bộ	1
14	Máy tính và phần mềm giám sát		Dell	Malaysia	Bộ	1
15	Thiết bị lấy mẫu tự động	Bộ hiển thị Bassic model:CM442-AAM2AIF210A	Endress Hauser	Đức	Bộ	1
16	Hệ thống Camera theo dõi				Bộ	1
17	Bộ Datalogger thu thập và truyền tín hiệu lên Sở Tài nguyên				Bộ	1
18	Thiết bị đo Amoni đồng bộ với thiết bị đo nhiệt độ				Bộ	1
19	Hệ thống phòng cháy chữa cháy				Bộ	1

Nguồn: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Các nguồn phát sinh khí thải tại cơ sở:

- Khí thải từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong KCN

- Khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Mùi hôi từ hệ thống XLNTTT

* Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Đối với Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế:

+ Trồng cây xanh cách ly nhằm hạn chế các tác động đến các khu dân cư và khu đô thị xung quanh.

+ Cung cấp các quy chuẩn môi trường áp dụng cho các doanh nghiệp trong KCN.

- Đối với các doanh nghiệp trong KCN:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải như trong báo cáo ĐTM được phê duyệt bởi cơ quan chức năng về môi trường.

+ Tuân thủ tỉ lệ diện tích cây xanh trong từng doanh nghiệp trong KCN theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Đối với khí thải từ máy phát điện dự phòng, công suất 400 kVA

+ Không sử dụng thường xuyên

+ Định kỳ tiến hành bảo dưỡng.

+ Khi có sự cố, dừng hoạt động, kiểm tra hệ thống máy phát điện.

- Đối với mùi hôi tại hệ thống XLNTTT

Mùi hôi từ nước thải sinh ra là do quá trình phân hủy các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng trong điều kiện thiếu khí. Thông thường, khi nước thải vừa phát sinh sẽ không có mùi, nhưng khi lưu chứa trong thời gian đủ dài sẽ gây mùi hôi thối. Chủ cơ sở thường xuyên quan tâm đến công tác vận hành và quản lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, giảm thiểu thấp nhất khả năng phát sinh mùi, cụ thể như sau:

+ Vị trí hệ thống XLNTTT KCN đã được thiết kế bố trí cuối hướng gió, phía Tây giáp với Công ty TNHH MTV XNK thủy sản Đông Á, phía Nam giáp đường số 5, phía Đông giáp đường số 3, phía Bắc giáp với sông Hậu. Các doanh nghiệp xung quanh đều được cách ly bằng cây xanh và đường nội bộ nên hạn chế được ảnh hưởng. Xung quanh hệ thống XLNTTT có trồng dải cây xanh cách ly nhằm giảm thiểu tiếng ồn và mùi hôi đến môi trường không khí cũng như các đối tượng xung quanh. Đảm bảo diện tích đất được trồng cây xanh tối thiểu đạt 10% tổng diện tích đất Khu công nghiệp; đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với hệ thống XLNTTT KCN theo đúng quy định.

+ Thường xuyên kiểm tra bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể,

giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi H_2S, NH_3...do phân hủy kỵ khí sinh ra.

+ Thường xuyên vệ sinh song chắn rác tại bể tiếp nhận, thu gom rác thải phát sinh mỗi ngày. Sử dụng máy ép bùn để ép bùn thải thành bùn khô, hạn chế phát sinh mùi hôi.

+ Thiết lập chế độ bơm nước thải tại các bể chứa, bể tiếp nhận, để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, nước thải thu gom về được bơm đi xử lý ngay, tránh tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể do lưu nước thải lâu ngày.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

❖ **Đối với chất thải rắn sinh hoạt**

- Các doanh nghiệp trong KCN:

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa quy định để tránh sự phân hủy của các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

+ Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt do các doanh nghiệp trong KCN tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong doanh nghiệp để xe rác của đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom và xử lý.

- Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hệ thống XLNTTT KCN: Bố trí 01 thùng nhựa 30L để chứa rác sinh hoạt. Thùng rác được bố trí ở vị trí gần cổng nhà máy để thuận tiện cho việc bỏ rác. Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày tương đương 912,5 kg/năm.

+ Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế hợp đồng với Chi nhánh Công ty cổ phần môi trường đô thị An Giang - Xí nghiệp Môi trường đô thị Châu Phú để thu gom, vận chuyển rác thải từ hệ thống XLNTTT KCN và các khu vực công cộng trong KCN (có bố trí thùng rác loại 120L). Tần suất thu gom 1 lần/ngày *(Đính kèm hợp đồng)*.

+ Khi hệ thống XLNTTT KCN Bình Long tăng lưu lượng xả thải từ 2.800 m^3/ngày.đêm lên 4.000 m^3/ngày.đêm thì lượng rác thải sinh hoạt vẫn không thay đổi vì số lượng cán bộ công nhân viên vẫn như cũ, không tăng thêm.

❖ **Đối với chất thải rắn sản xuất**

- Các doanh nghiệp trong KCN:

+ Tiến hành phân loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại để thu gom các loại chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng bán cho các cơ sở thu mua.

+ Thu gom vào các thùng chứa theo quy định.

+ Các thùng chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại do các doanh nghiệp tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong doanh nghiệp để xe chở rác của đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế:

+ Đối với chất thải rắn phát sinh từ song chắn rác của hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN thành phần rác chủ yếu là lá cây, cỏ,.... Lượng rác thải này được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

+ Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN: Bùn phát sinh từ bể lắng hóa lý được bơm đưa về bể phân hủy bùn hóa lý và bùn vi sinh được bơm về bể phân hủy bùn sinh học. Sau đó, bùn được định kỳ bơm về bể chứa bùn thể tích 565 m^3. Do nước thải của các doanh nghiệp trong KCN đã được xử lý sơ bộ nên bùn phát sinh không nhiều, khi bùn phát sinh nhiều sẽ được bơm lên máy ép bùn để ép thành bùn khô khoảng 28,5 kg/ngày, khoảng 200kg/tuần tương đương 9.600 kg/năm, nước phát sinh từ máy ép bùn được dẫn về hố gom để bơm lên xử lý. Bùn thải đã được phân định không phải là chất thải nguy hại nên được đem trồng cây trong khuôn viên nhà máy. Diện tích khu vực lưu chứa bùn thải sau khi ép (bùn khô): khoảng 104m^2 (14,85m x 7m), nằm trong khu dãy nhà chức năng.

Dự kiến lượng bùn thải phát sinh khi lưu lượng nước thải của hệ thống XLNTTT KCN tăng lên 4.000 m^3/ngày thì khối lượng ước tính là 41 kg/ngày, ước tính là 285kg/tuần tương đương 13.680 kg/năm. Với lượng bùn này thì khu vực lưu chứa bùn thải vẫn đáp ứng được việc lưu chứa tạm thời.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

KCN không có điểm tập kết, lưu giữ chất thải nguy hại. Hệ thống XLNTTT KCN Bình Long có kho lưu giữ CTNH 40m^2.

❖ Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của hệ thống XLNTTT hàng năm khá ít, chỉ có 55 kg vào năm 2024, riêng năm 2025 chất thải phát sinh cao khoảng 590 kg/năm là do lượng hóa chất tồn kho cần xử lý. Thành phần chủ yếu gồm một số loại như sau:

Bảng 21. Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg) 2024	Khối lượng (kg) 2025	Khối lượng xin cấp phép (kg)	Trạng thái tồn tại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	-	-	1	Rắn
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	4	33	33	Lỏng
3	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	17 05 01	-	-	3	Rắn
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	50	35	50	Rắn
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	-	54	54	Rắn
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	1	2	2	Rắn
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	-	-	5	Lỏng
8	Pin thải và ắc quy thải	16 01 12	-	-	1	Rắn
9	Axit thải	07 01 01	-	140[3]	-	Lỏng
10	Bazo thải	07 01 03	-	450[4]	-	Rắn
	Tổng		**55**	**590**	**149**	

(Nguồn: Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế)

❖ Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý:

- Các doanh nghiệp trong KCN:

+ Kê khai chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật.

+ Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn. Các thùng chứa chất thải nguy hại do các doanh nghiệp tự trang bị và đặt tại kho lưu trữ chất thải nguy hại.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý

[3] Hóa chất hết hạn sử dụng còn nguyên trong bao bì
[4] Hóa chất hết hạn sử dụng còn nguyên trong bao bì

theo các quy định hiện hành của pháp luật.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung và nhà điều hành khu công nghiệp:

Hệ thống XLNT KCN Bình Long đã xây dựng kho chứa CTNH. Kết cấu: Bê tông cốt thép, nền chống thấm (nền bê tông), diện tích 40 m^2, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Đồng thời trang bị vật liệu hấp thụ, 02 bình PCCC loại 4kg để kịp thời ứng phó sự cố.

Trang bị 06 thùng loại 120 lít, có nắp đậy, có dãn nhãn chất thải nguy hại bố trí trong kho chứa CTNH.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế đã ký kết Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường xanh VN thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (hợp đồng số VP486/25/HĐXLAG_KKT ngày 2/12/2025) *(Đính kèm Hợp đồng)*.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng, cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

* Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với máy phát điện dự phòng:

Khu công nghiệp được đảm bảo cung cấp điện ổn định để đảm bảo hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp, ngắt điện khi thực hiện bảo dưỡng định kỳ, thời gian không lâu (thông thường không quá 12 giờ), do đó việc sử dụng máy phát điện là rất ít. Tuy nhiên, để đảm bảo không gây tiếng ồn quá lớn khi vận hành máy phát điện, đơn vị vận hành sẽ thực hiện các biện pháp sau: Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; Xây dựng tường bao quanh để cách âm.

- Nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ máy thổi khí được đặt ở nhà chức năng: Xây dựng tường cách âm tường, trần cho phòng chứa máy thổi khí:

+ Diện tích tường cách âm: 98,64m^2

+ Diện tích trần cách âm: 51,68m^2

+ Diện tích cửa cách âm: 4,8m^2

+ Kết cấu cho tường, trần: Bằng hệ khung thép, vật liệu cách âm bông thủy tinh dày 50mm ở giữa (cho tường) và ngoài cùng là tấm thạch cao tiêu âm Gyptone.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành

a) Sự cố hệ thống xử lý nước thải

** Phương án phòng ngừa:*

Để ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động do các sự cố dẫn đến hiệu quả xử lý không đạt. Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tiến hành các biện pháp sau:

- Bố trí cán bộ có chuyên môn vận hành hệ thống XLNTTT KCN. Hệ thống được vận hành theo đúng quy định vận hành đã được hướng dẫn của đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải. Đồng thời các thiết bị trong hệ thống xử lý đều có phương án dự phòng khi hoạt động.

- Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân tại hệ thống XLNTTT KCN kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Lập nhật ký vận hành hệ thống XLNTTT KCN với nội dung đầy đủ theo quy định;

- Giám sát hàng ngày với các thông số đầu ra của nước thải sau xử lý nhằm có biện pháp ứng phó kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống xử lý nước thải thông qua sổ nhật ký vận hành, đồng hồ đo lưu lượng, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

** Ứng phó sự cố:*

- Sự cố sẽ được phát hiện thông qua quan trắc tự động, phân tích tại phòng thí nghiệm chất lượng nước thải, kiểm tra vận hành hàng ngày của hệ thống XLNTTT KCN và các bộ phận liên quan khác.

- Ngay khi phát hiện sự cố, nhân viên sẽ thông báo đến bộ phận quản lý trực tiếp và ban lãnh đạo một cách nhanh nhất để đảm bảo sự cố không gây tác hại nghiêm trọng.

- Khi nhận được thông báo về sự cố đối với hệ thống XLNTTT KCN, bộ phận quản lý phải xem xét, đánh giá mức độ nghiêm trọng của sự cố và triển khai các biện pháp ứng phó. Tùy vào trường hợp cụ thể, nếu sự cố ngoài khả năng ứng phó của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thì phải báo cáo cho lãnh đạo Ban quản lý Khu kinh tế để được hỗ trợ nguồn lực ứng phó sự cố. Ngoài ra, nếu sự cố nằm ngoài tầm kiểm soát của Ban quản lý thì phải thông báo đến cơ quan quản lý (Sở Nông nghiệp và Môi trường) để cùng phối hợp xử lý.

- Không để nước thải chưa đạt quy chuẩn xả ra môi trường, nước thải sẽ được đưa về hồ sự cố lưu giữ tạm thời trong thời gian khắc phục sự cố.

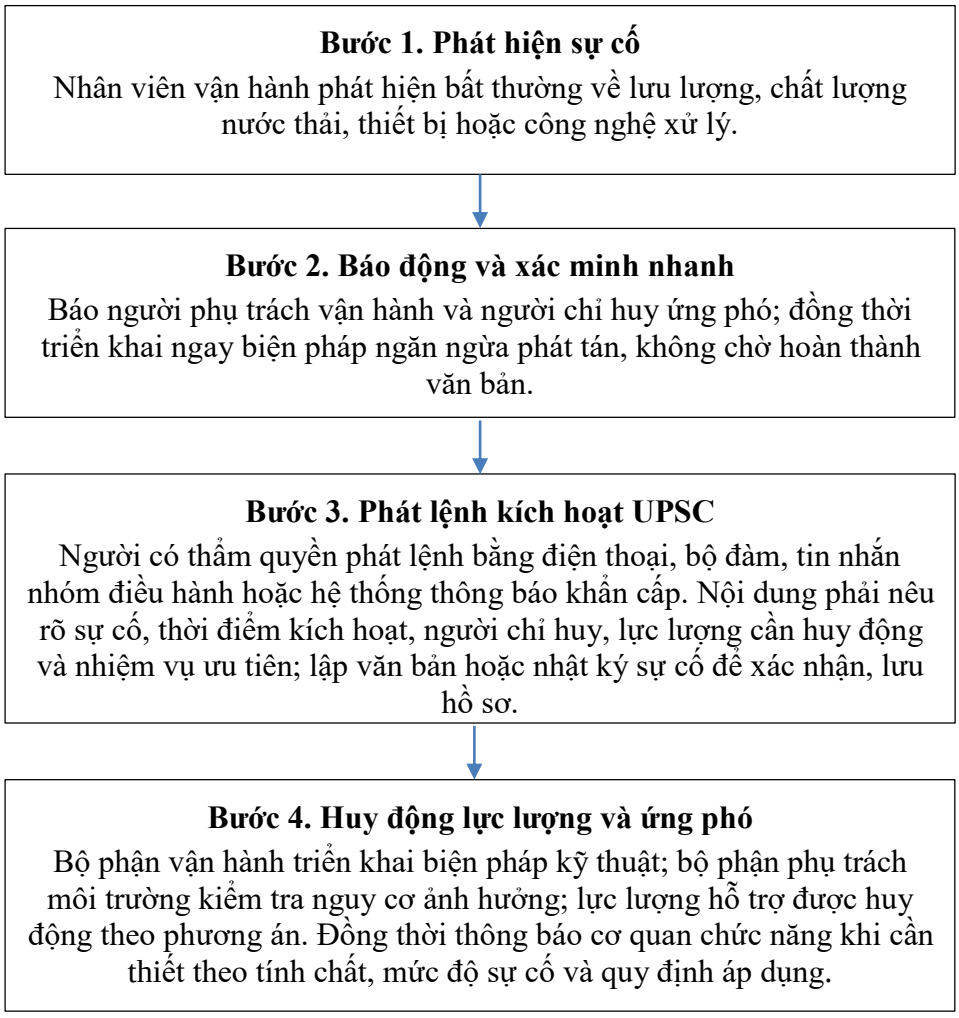
- Ngoài ra, thông báo đến các doanh nghiệp trong KCN nhờ hỗ trợ với các biện pháp như hạn chế sử dụng nước, hạn chế xả thải, tạm thời lưu trữ nước thải tại hệ thống xử lý cục bộ nếu được, nhằm giảm thiểu lượng nước thải tập trung về

hệ thống XLNTTT KCN;

- Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống XLNTTT KCN hoạt động trở lại, tránh trường hợp công trình dự phòng bị quá tải;

- Sau khi sự cố được khắc phục, bơm nước thải từ hồ sự cố quay lại hệ thống XLNTTT KCN để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Xác định nguyên nhân gây ra sự cố để có phương án sửa chữa máy móc hay điều chỉnh thông số vận hành xử lý cho phù hợp, hạn chế việc tái diễn sự cố tương tự trong tương lai.



Hình 21. Sơ đồ kích hoạt UPSC

Bảng 22. Một số trường hợp hư hỏng thiết bị thường gặp và biện pháp khắc phục

TT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không	Không có nguồn điện cung	Kiểm tra nguồn điện, cấp

	làm việc	cấp điện	điện
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ - Bị chèn các vật là có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm - Kiểm tra và bổ sung them hoặc thay nhớt mới - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước	- Ngược chiều quay - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng - Đường ống bị tắc nghẽn - Chưa mở van - Rách màng bơm	- Đảo lại chiều quay - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại - Mở van - Thay màng bơm khác
4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống - Mực nước bị cạn - Nguồn điện cung cấp không đúng - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra, khắc phục lại - Tắt bơm ngay - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt
5	Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	- Điện áp thấp dưới quy định - Độ cách điện của bơm giảm quá quy định - Bị sự cố về cơ khí: bánh rang, vòng bi…	- Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp - Sấy nâng cao độ cách điện - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục

Bảng 23. Các sự cố thường gặp ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của hệ thống XLNTTT KCN

Stt	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
01	**Bể thu gom**		

	Trong bể có nhiều rác	Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô	Vệ sinh song và lưới tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không
02	**Bể điều hòa**		
	Nước thải có nhiều cặn	Quá trình sản xuất tạo ra nhiều cặn bã mà bể thu gom không giải quyết hết được	Thu rác bể thu gom triệt để Hiệu chỉnh quá trình sản xuất
	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày	Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa	Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể
	Bể trung hòa – keo tụ, tạo bông	Xem pH có được điều chỉnh về giá trị vận hành Hiệu quả xử lý đến đâu	Kiểm tra lượng hóa chất có đầy đủ hay không Lưu lượng có vượt qua thiết kế hay không Máy đo pH có bị hư hỏng gì không nếu có phải sửa chữa ngay
02	**Bể lắng 1**		
	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	Bể lắng hoạt động không hiệu quả Bùn nổi trên bề mặt bể	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào Kiêm tra hiệu quả xử lý hóa lý trước đó - Hút bùn trong bể
03	**Bể xử lý sinh học**		

	Bùn bị đen và phát sinh mùi	- Bùn bị phân hủy yếm khí - Vi sinh bị chết	Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể
	Xuất hiện nhiều bọt trắng	- Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ)	Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không (3.000 ÷ 5.000 mg/l)
04	**Bể lắng 2**		
	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn	Bể lắng hoạt động không hiệu quả Bùn nổi nhiều trên mặt bể	Kiểm tra chế độ phân phối nước vào Kiểm tra hiệu quả xử lý hóa lý trước đó Hút bùn trong bể
05	**Bể khử trùng**		
	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý	Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại liều lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào

** Hồ sự cố*

- Quy trình vận hành, phương án thu gom nước thải và tái tuần hoàn xử lý lại nước thải sau khi có hồ sự cố:

Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, val sau bể khử trùng sẽ được khóa và mở val trên đường ống dẫn (ống HDPE D400) để nước thải được bơm về hồ sự cố. Nước thải được lưu chứa tại hồ sự cố để sửa chữa hệ thống. Đồng thời, nước thải đầu vào cũng được bơm từ bể gom về hồ sự cố để tránh bể gom quá tải do hệ thống tạm ngưng để sửa chữa. Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố sẽ hoàn lưu nước thải về bể gom để theo quy trình xử lý lại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thiết bị cho hồ sự cố: 04 bộ bơm nước thải chìm P01, P02, HG1, HG2 - cho hố ga cuối tuyến: CS =10HP, Q =120 m^3/h, H =12m, U = 400 ± 20V - 50Hz.

Xuất xứ Tsumuri Nhật.

- Quy mô, giải pháp kỹ thuật, kết cấu công trình hồ sự cố:

✓ Quy mô:

- Hồ có diện tích 4.012,82m^2, sâu 2,5m. Thể tích hồ khoảng V= 10.000m^3, đủ lưu nước thải 48h nếu xảy ra sự cố. Có bậc thang xuống hồ rộng 2m.

- Thành hồ được đổ BTCT B20 (M250), bên dưới lớp bê tông lót B7,5 (M100).

- Cốt thép sử dụng CB240-T và CB300-V.

- Chiều dày lớp bê tông bảo vệ cốt thép đối với thành 50mm.

- Tại vị trí mạch ngừng thi công sử dụng tấm HDPE dày 0,5mm.

- Hệ dầm đáy kè thích thước 250x500mm, được đổ BTCT B20 (M250), bên dưới lớp bê tông lót B7,5 (M100).

- Thành hồ có trụ lan can bằng thép, khoảng cách 5m, được liên kết với nhau bằng móc xích để đảm bảo an toàn. Thang xuống hồ được xây gạch không nung, lát gạch 300x300mm.

- Bản sàn thao tác: diện tích 3.5m x 8.5m, bằng BTCT đá 10x20 M200 dày 120; Móng KT: 1m x 1m BTCT đá 10x20 M200 đặt trên nền gia cố cọc đá TD: 0.1m x 0.1m dài 1.0m, mật độ gia cố 9 xây/m^2; cột, dầm BTCT đá 10x20 M200, diện tích 29,75m^2.

- Hố thu nước kích thước 5,0m x 3,5m x 0,2m BTCT đá 10x20 M200: Diện tích 17.5m^2.

- Lắp đặt cáp điện: Cáp điện CU/XLPE/PV 4x6 mm2 khoảng 840m dẫn nguồn điện cho máy bơm chìm.

✓ *Giải pháp kỹ thuật và kết cấu công trình*

- Nền hồ: Cấu tạo từ trên xuống

+ Nền bê tông cốt thép B20 (M250) dày 100.

+ Bê tông lót B7,5 (M100) dày 100.

+ Lớp vãi địa kỹ thuật TS50

+ Đất đầm chặt K=0,95 dày 300mm.

+ Đất san nền hiện trạng lu tăng cường K90.

- Thành hồ: Cấu tạo từ trên xuống

+ Thành bê tông cốt thép B20 (M250) dày 100.

+ Bê tông lót B7,5 (M100) dày 100.

+ Lớp vãi địa kỹ thuật TS50

+ Đất đầm chặt K=0,95 dày 300mm.

+ Đất san nền hiện trạng lu tăng cường K90

- Đáy hồ:

Cấu tạo từ trên xuống

+ Đất đầm chặt K90 dày 300mm.

+ Tấm HDPE dày 0,5mm.

+ Đất đầm chặt K=0,95 dày 1000mm.

- Bậc cấp xuống hồ:

Cấu tạo từ trên xuống

+ Bậc cấp lát gạch 300x300mm.

+ Xây gạch không nung M75.

+ Bê tông cốt thép B20 (M250) dày 100.

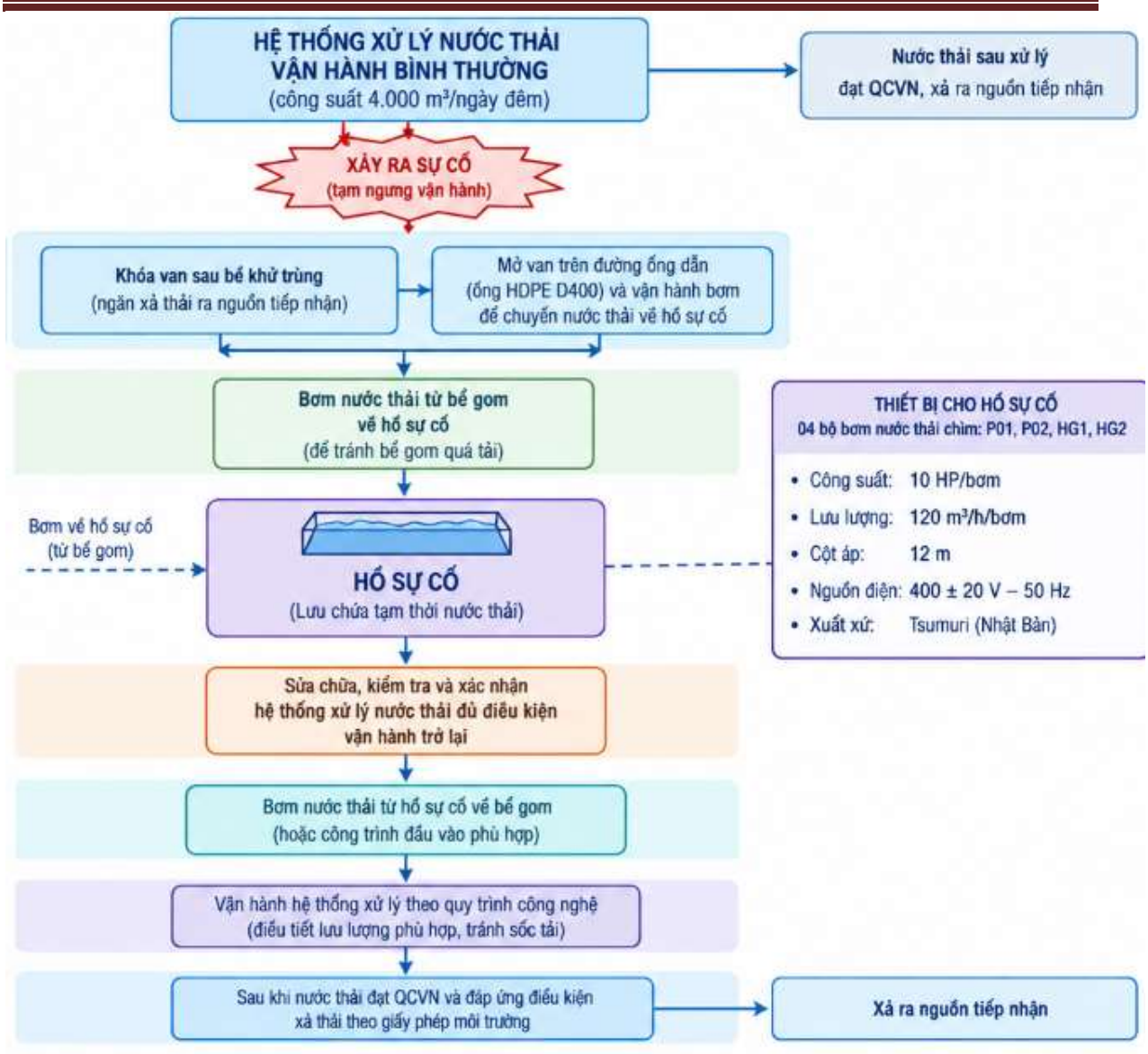
+ Bê tông lót B7,5 (M100) dày 100.

+ Lớp vãi địa kỹ thuật TS50.

+ Đất đầm chặt K=0,95 dày 300mm.

+ Đất san nền hiện trạng lu tăng cường K90.

- Cửa xả: Cửa xả đổ bê tông B20 (M250) đá 1x2. Có đường ống thoát nước HDPE DN400, cửa inox 304 (trọn bộ).



Hình 22. Sơ đồ quy trình vận hành hồ sự cố

Lưu ý: Trong điều kiện vận hành bình thường, khi hồ sự cố không được sử dụng để lưu chứa nước thải phát sinh từ sự cố, đơn vị vận hành có trách nhiệm kiểm tra định kỳ tình trạng hồ, mực nước và lượng nước mưa tích tụ (nếu có) nhằm duy trì dung tích dự phòng phục vụ ứng phó sự cố. Trường hợp phát sinh nước mưa trong hồ, đơn vị vận hành kiểm tra, đánh giá chất lượng nước trước khi quyết định phương án thu gom, xử lý hoặc thoát nước phù hợp, bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; không tự ý xả bỏ khi chưa xác định được tính chất và mức độ an toàn của nước. Việc duy trì dung tích dự phòng của hồ sự cố được thực hiện thường xuyên, bảo đảm khả năng tiếp nhận nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố.

b) Sự cố hệ thống giám sát nước thải tự động, liên tục

Trạm quan trắc tự động là hệ thống giám sát chất lượng môi trường liên tục. Khi xảy ra sự cố, cần nhanh chóng xác định nguyên nhân và khắc phục để đảm

bảo dữ liệu quan trắc chính xác và liên tục.

Bảng 24. Những sự cố thường gặp tại trạm quan trắc tự động

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Không có dữ liệu quan trắc gửi về trung tâm	- Mất điện, hỏng nguồn cấp. - Lỗi kết nối mạng. - Phần mềm bị lỗi hoặc bị treo	- Kiểm tra nguồn điện và khởi động lại hệ thống. - Kiểm tra đường truyền internet, thử thay đổi modem hoặc reset router. - Khởi động lại máy tính điều khiển hoặc phần mềm
2	Dữ liệu quan trắc sai hoặc không chính xác	- Cảm biến bị bẩn, hỏng hoặc không được hiệu chuẩn. - Lỗi phần mềm tính toán	- Làm sạch và kiểm tra cảm biến. - Kiểm tra và hiệu chuẩn lại thiết bị đo. - Nếu lỗi do phần mềm, thử cập nhật hoặc cài đặt lại
3	Màn hình điều khiển không hiển thị hoặc bị lỗi	- Mất nguồn hoặc lỗi màn hình. - Lỗi hệ điều hành hoặc phần mềm	- Kiểm tra nguồn cấp màn hình.- Khởi động lại hệ thống. - Nếu màn hình hỏng, cần thay thế hoặc kiểm tra cáp kết nối.
4	Hệ thống gửi cảnh báo giả hoặc không cảnh báo khi có sự cố thực tế	- Cảm biến quá nhạy hoặc bị lệch giá trị đo. - Lỗi phần mềm báo động	- Hiệu chuẩn lại cảm biến. - Kiểm tra lại ngưỡng cảnh báo trong phần mềm. - Nếu vẫn lỗi, cần kiểm tra bộ điều khiển trung tâm.

c) Sự cố hóa chất

** Phương án phòng ngừa:*

- Bố trí các loại hóa chất có khu vực lưu trữ riêng, đảm bảo khô thoáng, thông gió tốt, tránh ánh nắng trực tiếp và nguồn nhiệt.

- Nắm rõ các mối nguy, bảng thông tin MSDS và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động theo tiêu chuẩn khi tiếp xúc với hóa chất.

- Hóa chất lưu trữ phải có nhãn mác rõ ràng, đầy đủ các thông tin: tên hoá chất, nồng độ, ngày nhập. Các hóa chất độc hại phải có nhãn hiệu đặc biệt và đánh dấu nguy hiểm.

- Dụng cụ đựng hóa chất, các thiết bị làm việc phải bố trí gọn gàng, ngăn nắp, theo thứ tự, lấy chỗ nào để chỗ đó. Nơi làm việc luôn giữ sạch sẽ, khô ráo, nền nhà không được có nước hoặc dầu, khi vương vãi phải lập tức lau chùi cho thật sạch và khô ráo.

- Trước khi vận chuyển phải quan sát đường đi, không được để có vật gì làm cản trở lối đi vận chuyển hóa chất.

- Bình chứa hóa chất nặng phải có dụng cụ để khiêng hoặc dùng xe, không được mang vác.

- Khi rửa các dụng cụ đựng chất độc hại phải đổ đầy nước hai đến ba lần để cho hơi còn lại trong dụng cụ thoát ra ngoài. Khi đổ đầy nước phải quay mặt đi chỗ khác để tránh hít phải hơi độc.

- Nghiêm cấm hút thuốc hay sử dụng các nguồn nhiệt gây cháy tại nơi làm việc có chất dễ cháy.

- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang các dụng an toàn cá nhân cũng như khẩu trang, kính, găng tay,…

- Các dụng cụ sơ cấp cứu luôn được đặt tại các vị trí tiếp xúc với hóa chất cao

** Ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất:*

- Người phát hiện sự cố lập tức báo động cho người có trách nhiệm và công nhân làm việc xung quanh khu vực xảy ra sự cố.

- Những người có trách nghiệm sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động (khẩu trang bằng than hoạt tính, kính bảo vệ mắt, quần áo bảo hộ…) và tiến hành các thao tác cần thiết để ngăn không cho hóa chất phát tán ra môi trường xung quanh.

- Khoanh vùng khu vực xảy ra tràn đổ, cách ly khu vực sự cố; thông báo cho mọi người biết về nơi xảy ra tràn đổ; xử lý theo MSDS cho từng loại hóa chất.

- Sơ tán những người không liên quan ra khỏi khu vực xảy ra sự cố. Trong trường hợp có người bị nạn thì tiến hành sơ cứu nạn nhân, đưa đến bệnh viện gần nhất.

- Vệ sinh và hoàn nguyên hiện trạng, phân tích nguyên nhân và hành động khắc phục. Lập báo cáo sự cố.

c) Đối với sự cố cháy nổ

** Phương án phòng ngừa*

Để phòng cháy và chữa cháy, chủ đầu tư chủ động xây dựng phương án, thành lập đội PCCC, luyện tập thường xuyên đề phòng sự cố tại KCN.

- Bố trí hợp lý lực lượng PCCC. Huấn luyện đội ngũ công nhân PCCC, tập huấn kiến thức PCCC định kỳ.

- Trang bị đầy đủ và đúng tiêu chuẩn các thiết bị, phương tiện chữa cháy tại các khu chức năng, định kỳ kiểm tra khả năng hoạt động của các thiết bị PCCC đảm bảo vận hành hiệu quả. Bố trí sẵn sàng hệ thống PCCC và nguồn nước chữa cháy.

- Đối với các doanh nghiệp trong KCN: Thiết kế chương trình phòng chống cháy nổ cho phù hợp đặc thù sản xuất công nghiệp của mình. Đối với các cơ sở có dùng khí hóa lỏng (LNG, LPG) sẽ tuân thủ các qui định về khoảng cách và các biện pháp an toàn khi có sự cố cháy nổ. Các doanh nghiệp sẽ tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành về PCCC, cam kết tuân thủ Luật Phòng cháy và chữa cháy.

** Ứng phó sự cố đối với nhà điều hành, hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN:*

Bước 1: Báo động toàn bộ nhà điều hành, hệ thống xử lý nước thải tập trung, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại chỗ theo các hướng thoát hiểm.

Bước 2: Cúp cầu dao điện nơi xảy ra cháy.

Bước 3: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của nhà điều hành và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại nhà điều hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

Bước 4: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

+ Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của KCN Bình Long và huy động nhân lực ứng phó của nội bộ (bảo vệ KCN, nhân viên…).
+ Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114.
+ Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.
+ Gọi cấp cứu theo số 115 nếu có tai nạn xảy ra.
+ Gọi điện thoại báo cho các doanh nghiệp lân cận nếu đánh giá tình hình đám cháy có thể lây lan, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp khác.

Bước 5: Khắc phục các hậu quả của sự cố gây ra, bồi thường các thiệt hại về

môi trường (nếu có)

7. Công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải bằng việc quy hoạch và trồng cây xanh

- Giữa các khu với nhau được cách ly bằng hệ thống cây xanh;

- Cây xanh cách ly và cây xanh đường nội bộ tạo nên hệ thống cây xanh liên hoàn, đảm bảo thông thoáng, sạch đẹp;

- Giảm thiểu mùi phát sinh tại khu xử lý nước thải và khoảng cách ly an toàn về môi trường của hệ thống XLNTTT KCN.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN được xây dựng tại lô đất Hạ tầng đấu nối kỹ thuật theo đúng quy hoạch, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo đúng quy định và các công trình công cộng. Trong quy trình xử lý, hệ thống có sử dụng máy bơm chìm, máy ép bùn và một số biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống XLNTTT. Nước thải của KCN sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực hệ thống XLNTTT nhằm hạn chế phát tán mùi hôi và khí thải.

- Phần bùn thải sau khi xử lý sẽ được Chủ cơ sở xử lý theo quy định.

- Các biện pháp duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom thoát nước mưa

Định kỳ 6 -12 tháng, chủ đầu tư tiến hành nạo vét hệ thống mương thu gom nước mưa, nạo vét các hố ga để đảm bảo hiệu quả thu gom và tiêu thoát nước. Công tác duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom thoát nước thường được diễn ra trước và sau mùa mưa bão nhằm tránh nguy cơ các các sự cố ngập úng.

- Trung tâm đầu tư - phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế đã thực hiện Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong KCN Bình Long số 557/KH-TTHT ngày 28/12/2022.

8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Nội dung thay đổi so với nội dung quy định tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

Bảng 25. Nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Stt	Nội dung	Nội dung đã được cấp trong ĐTM	Nội dung đã được cấp phép môi trường	Nội dung thay đổi xin được cấp phép	Lý do thay đổi
1	Lưu lượng của hệ thống XLNTTT KCN Bình Long	Công suất hệ thống XLNTTT KCN Bình Long: 4.000 m^3/ngày.đêm tương đương 166,7 m^3/giờ	Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.800 m^3/ngày.đêm tương đương 116,67 m^3/giờ	Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 4.000 m^3/ngày.đêm tương đương 166,7 m^3/giờ	Các doanh nghiệp trong KCN nâng công suất và các doanh nghiệp mới vào đầu tư
2	Quy chuẩn nước thải đầu ra của hệ thống XLNTTT KCN Bình Long	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q=1,2; K_f=1	QCVN 40:2025/BTNMT, cột A,	Theo quy định mới
3	Tọa độ	Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104º45, múi chiếu 3º (tỉnh Kiên Giang)	Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104º45, múi chiếu 3º (tỉnh Kiên Giang)	Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104º75, múi chiếu 3º (tỉnh An Giang)	Sáp nhập tỉnh
4	Thông số nước thải đầu vào của hệ thống XLNT KCN Bình Long	-	Nhiệt độ, Màu, pH, Chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5 (20ºC), Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P),	Nhiệt độ, Màu, pH, Chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5 (20ºC), Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính	Các doanh nghiệp trong KCN chủ yếu hoạt động sản xuất trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, thủy

			Amoni (tính theo N), Coliform, Tổng dầu mỡ động thực vật, Hg,Pb, As, Cd, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Niken, Sắt, Tổng Cyanua, Tổng Phenol, Sunfua, Florua, Clorua, Tổng PCB	theo P), Clo dư, Amoni (tính theo N), Coliform, Tổng dầu mỡ động thực vật.	sản, vì vậy tính chất nước thải thay đổi nên yêu cầu tiếp nhận của KCN cũng thay đổi.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các doanh nghiệp trong KCN được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải từ Nhà điều hành KCN và Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả thải lớn nhất 4.000 m^3/ngày.đêm, tương đương 166,7 m^3/giờ. Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.

1.3. Dòng nước thải:

Số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột A được xả ra môi trường tiếp nhận.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2025/BTNMT, cột A), cụ thể như sau:

Bảng 26. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính đề nghị cấp phép

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^oC	**≤ 40**
2	pH	-	**6-9**
3	Chất rắn lơ lửng	mg/L	**≤ 30**
4	BOD_5	mg/L	**≤ 30**
5	COD	mg/L	**≤ 60**
6	Tổng nitơ	mg/L	**≤ 20**
7	Tổng phốt pho(tính theo P)	mg/L	**≤ 4,0**
8	Clo dư	mg/L	**≤ 1**
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	**≤ 1**
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	**≤ 5**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
11	Coliform	MPN/100mL	**≤ 3.000**

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả thải: xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: X=1168488; Y= 554872; (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 104^{o}75, múi chiếu 3^o*).

- Phương thức xả nước thải:

+ Tự chảy liên tục sau xử lý

+ Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (đạt quy chuẩn theo quy định) sẽ thoát ra sông Hậu bằng ống HPDE D400, chiều dài 95m tại 01 cửa xả nước thải.

+ Hình thức xả: xả mặt, xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải:

+ Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày

+ Thời gian xả nước thải: 24/24 giờ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hậu tại ấp Bình Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, rung

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 02: Cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ X=1168410; Y=554709 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^{0}75, múi chiếu 3^0)*, tỉnh An Giang.

- Nguồn số 02: Tọa độ nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ X= 1168466; Y= 554802 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^{0}75, múi chiếu 3^0*, tỉnh An Giang.

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và

các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1 Tiếng ồn

STT	Ngày 6 giờ đến trước 18 giờ (dBA)	Tối 18 giờ đến trước 22 giờ (dBA)	Đêm 22 giờ đến trước 6 giờ (dBA)	Khu vực bị ảnh hưởng
1	70	65	60	Khu vực E

3.3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng và độ rung cho phép, dB		Khu vực bị ảnh hưởng
1	Ngày (6 giờ- trước 22 giờ)	Đêm (22 giờ- trước 6 giờ)	Khu vực D
	75	70	

Chương V
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thực hiện quan trắc môi trường định kỳ cho KCN Bình Long theo giấy phép môi trường số 1285/GP-STNMT ngày 5 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cho dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long – Giai đoạn hoạt động. Trung tâm thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải định kỳ 3 tháng/lần.

Hàng năm, Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường 1 năm 1 lần gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

❖ Quan trắc định kỳ:

Bảng tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024, 2025, 2026.

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: Quý I/2024: ngày 25/3/2024
+ Đợt 2: Quý II/2024: ngày 19/6/2024
+ Đợt 3: Quý III/2024: ngày 19/9/2024
+ Đợt 4: Quý IV/2024: ngày 3/12/2024

+ Đợt 1: Quý I/2025: ngày 26/3/2025
+ Đợt 2: Quý II/2025: ngày 9/6/2025
+ Đợt 3: Quý III/2025: ngày 29/9/2025
+ Đợt 4: Quý IV/2025: ngày 6/12/2025
+ Đợt 1: Quý I/2026: ngày 28/3/2026
+ Đợt 2: Quý II/2026: ngày 30/6/2026
+ Đợt 3: Quý III/2026: ngày 28/9/2026

- Đơn vị phân tích:

- Trung tâm quan trắc và kỹ thuật tài nguyên môi trường. Vimcerts 041
- Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ môi trường. Vimcerts 180, 194.

Bảng 27. Kết quả phân tích mẫu nước thải tại cửa xả nước thải trên sông Hậu năm 2024, 2025, 2026

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Kết quả 2024				Kết quả 2025				Kết quả 2026			QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, Kq = 1,2; K_f = 1
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Quý I	Quý II	Quý III	
1	Nhiệt độ	^oC	29,6	30,6	28,2	28,6	30,5	29,5	31,2	28,2	31,1	31,4	29,3	**40**
2	pH	-	7,1	7,1	7,19	7,2	7,2	7,12	7,52	8,21	8,02	7,26	7,42	**6-9**
3	Chất rắn lơ lửng	mg/L	28	20	22	18	55	35	<9,5	KPH	23,5	22,0	19,5	**60**
4	BOD_5	mg/L	19	20	20	19	35	20	12,6	4,5	8,5	10,3	9,10	**36**
5	COD	mg/L	30	32	30	29	54	31	38,4	14,4	12,5	15,3	13,3	**90**
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,81	1,99	0,540	0,254	**10**	0,294	4,66	0,36	1,89	0,092	4,13	**4,8**
7	Tổng N	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	14,7	KPH	<6	<6	13,5	KPH	22,6	**24**
8	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	0,054	0,068	KPH	KPH	<0,03	0,05	KPH	KPH	KPH	**1,2**
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	**6**
10	Amoni (tính theo N)	mg/L	KPH	0,44	0,070	0,125	0,159	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	**6**
11	Coliform	MPN/ 100mL	KPH	KPH	KPH	KPH	**$3,3 \times 10^3$**	33	KPH	KPH	$5,4x10^2$	$1,7x10^1$	$2,8x10^3$	**3.000**

(Nguồn: Báo cáo kết quả quan trắc và bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Bình Long, 2025 và kết quả quan trắc 2026)

Ghi chú:

- Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; (Nguồn tiếp nhận nguồn thải là sông Hậu Kq = 1,2).

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải; K_f = 1. (Tổng lượng nước thải của các doanh nghiệp trong KCN 500< F ≤ 5.000).

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích chất lượng nước thải tại cửa xả nước thải trên sông Hậu vào 4 đợt quan trắc năm 2024, 2025 và quý đầu năm 2026 cho thấy:

- ***Năm 2024***: Qua kết quả quan trắc môi trường nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Bình Long của 04 đợt trong năm 2024 (ở bảng 26) cho thấy, tất các thông số như: Nhiệt độ, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho (tính theo P), Clo dư, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N) và Coliform đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, K_q =1,2, K_f =1)- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp. Qua đó, cho thấy hệ thống xứ lý nước thải tập trung của khu công nghiệp đang hoạt động tốt. Vì vậy, Ban quản lý khu công nghiệp cần tiếp tục duy trì biện pháp xử lý nước thải nhằm đảm bảo các thông số ô nhiễm trong nước thải được xử lý nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, K_q =1,2, K_f =1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (sông Hậu).

- ***Năm 2025:*** Qua 4 đợt quan trắc cho thấy chất lượng nước thải có biến động qua mỗi đợt quan trắc. Vào đợt 1 có 2/11 thông số (tổng Photpho, coliform) vượt quy chuẩn. Trong đó, Tổng Photopho vượt 2, 08 lần cà Coliform vượt 1,1 lần. Do đó, vào tháng 4/2025, Trung tâm đã tiến hành quan trắc lại 2 chỉ tiêu tổng Photpho, Coliform và đạt yêu cầu, kết quả: tổng Phôtpho là 1,86 mg/L và Coliform là KPH. Các giá trị đợt 2,3,4 đều đạt tiêu chuẩn.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế sẽ thường xuyên theo dõi hoạt động, công tác vận hành của hệ thống xử lý nước thải, đặc biệt là kiểm tra vi sinh trong cụm xử lý sinh hoạt và kiểm tra đường ống nhằm đảm bảo hệ thống hoạt

động hiệu quả, ổn định và nước thải đầu ra đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- ***Năm 2026:*** Qua kết quả quan trắc vào quý I, quý II, quý III cho thấy tất cả các thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn so sánh. Qua đó, cho thấy hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN hoạt động tốt, đảm bảo nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, K_q =1,2, K_f =1)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

❖ **Quan trắc tự động:**

- Thời gian hoàn thành và kết nối: Đơn vị đã hoàn thành việc lắp đặt Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và chính thức kết nối truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường từ tháng 12 năm 2021.
- Thông số quan trắc: Trạm thực hiện giám sát liên tục các thông số theo quy định, bao gồm: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), Nhiệt độ, pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Amoni (NH_4^+) và Oxy hòa tan (DO).
- Quá trình vận hành:
  - Từ khi đưa vào vận hành (tháng 12/2021) đến nay, Trạm quan trắc tự động duy trì hoạt động ổn định, dữ liệu truyền về Cơ quan quản lý liên tục và không ngắt quãng.
  - Trong giai đoạn từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2026, Trạm xảy ra sự cố lỗi thiết bị kỹ thuật dẫn đến việc gián đoạn lưu trữ và truyền dữ liệu.
- Biện pháp xử lý và khắc phục sự cố:
  - Ngay khi phát sinh sự cố, Đơn vị đã phối hợp cùng Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị liên quan xử lý theo đúng quy trình. Cụ thể: Tiếp nhận văn bản số 163/CCBVMT-KSON ngày 02/03/2026 của Chi cục Bảo vệ Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế đã có Công văn phản hồi số 477/BQLKKT-QLMT ngày 11/03/2026; Trung tâm Phát triển hạ tầng đã ban hành Thông báo số 227/TB-TTPTHTKKT ngày 10/06/2026 về kế hoạch bảo trì, sửa chữa thiết bị trạm quan trắc tại hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.
  - Trong thời gian dừng trạm để bảo trì, khắc phục lỗi thiết bị, Đơn vị đã chủ động phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Khoa học Công nghệ tiến hành lấy mẫu và phân tích nước thải hàng ngày nhằm đảm bảo công tác giám sát chất lượng môi trường được liên tục.
- Nhận xét, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải:
  - Kết quả quan trắc nước thải định kỳ và dữ liệu quan trắc tự động, liên tục qua các năm cho thấy lưu lượng nước thải phát sinh và xả thải của Dự án luôn duy trì ở mức ổn định.

- Chất lượng nước thải sau xử lý qua hệ thống luôn đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, K_q =1,2; K_f =1).

Thời gian gần đây, đầu dò COD của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long phát sinh sự cố kỹ thuật. Tình trạng này được xác định vào ngày 22/9/2026, sau khi Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo đánh giá và kiểm soát chất lượng (gọi tắt là Báo cáo RA) đối với trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục do Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng khoa học công nghệ thực hiện. Ngay sau khi phát hiện sự cố, Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế đã chủ động triển khai các biện pháp khắc phục, trong đó tiến hành lấy mẫu nước thải để phân tích đối chứng kể từ ngày 24/9/2026, đồng thời thuê đơn vị có chuyên môn kiểm tra, sửa chữa đầu dò COD nhằm sớm khôi phục hoạt động ổn định của hệ thống quan trắc tự động, liên tục, bảo đảm việc theo dõi và giám sát chất lượng nước thải sau xử lý được thực hiện theo quy định.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế cũng đã gửi công văn số 319/TB-TTPTHTKKT ngày 24/9/2026 đến Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Bảo vệ Môi trường để thông báo về việc thực hiện lấy mẫu, quan trắc nước thải và bảo trì, sửa chữa phương tiện đo COD của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

Bảng 28. Kết quả phân tích chỉ tiêu COD đối chứng

Thời gian	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A, Kq = 1,2; K_f = 1
24/9/2026	COD	mg/L	22,9	90
25/9/2026	COD	mg/L	22,4	90
26/9/2026	COD	mg/L	26,3	90
27/9/2026	COD	mg/L	17,3	90
28/9/2026	COD	mg/L	17,6	90
29/9/2026	COD	mg/L	66,7	90
01/10/2029	COD	mg/L	17,6	90
02/10/2026	COD	mg/L	22,2	90
03/10/2026	COD	mg/L	12,5	90
04/10/2026	COD	mg/L	15,3	90
05/10/2026	COD	mg/L	14,5	90
07/10/2026	COD	mg/L	18	90

Nguồn: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ

Trong đó:

+ Vị trí lấy mẫu: Tại đầu ra của hệ thống XLNTTT KCN Bình Long

+ Tọa độ: X= 1168486; Y = 554865.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế cũng đã gửi công văn số 347/TB-TTPTHTKKT ngày 19/10/2026 đến Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chi cục Bảo vệ Môi trường để thông báo về việc tháo thiết bị của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long để thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa.

3. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong 2 năm vừa qua, cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

Năm 2025, Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các khu công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh An Gang theo Thông báo số 764/TB-KV IX ngày 30/12/2024 của Kiểm toán nhà nước khu vực IX. Trong đó, kết quả phỏng vấn người dân khu vực xung quanh KCN cho thấy vẫn còn một số ý kiến phản ánh về hiện tượng mùi tại các khu vực lân cận, trong phạm vi khoảng 50–300 m. Theo ghi nhận, hiện tượng mùi có thể phát sinh cục bộ từ một số hoạt động sản xuất, chế biến của doanh nghiệp trong KCN. Các đơn vị liên quan đã thực hiện các biện pháp khắc phục, kiểm soát và giảm thiểu mùi. Tuy nhiên, do đặc thù của một số loại hình sản xuất, trong quá trình hoạt động vẫn có khả năng phát sinh mùi ở mức độ nhất định, đặc biệt tại một số thời điểm và điều kiện thời tiết bất lợi.

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

Chủ đầu tư sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải để giám sát nước thải với vị trí, chỉ tiêu, tần suất, số lượng mẫu và quy chuẩn so sánh theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

❖ Công trình xử lý nước thải

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: thời gian vận hành thử nghiệm đối với dự án do chủ đầu tư quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng, chủ đầu tư lựa chọn thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng, cụ thể như sau:

Bảng 29. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Stt	Công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được sau khi khi kết thúc vận hành thử nghiệm
1	Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp	- Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 6 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. - Thời gian bắt đầu: ngay sau khi Giấy phép môi trường có hiệu lực - Thời gian kết thúc: Dự kiến 6 tháng.	Dự kiến trong thời gian vận hành thử nghiệm công suất hoạt động của hệ thống XLNT KCN Bình Long đạt trên 50% công suất thiết kế.

❖ *Công trình xử lý khí thải:* Không có

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ quy định về quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ Môi trường, cơ sở đề xuất kế hoạch quan trắc chất thải và đánh giá hiệu quả của công trình xử lý chất thải như sau:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp công suất 4.000 m^3/ngày.đêm

- Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải đầu ra: tại bể bơm về trạm quan trắc tự động của hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.

Bảng 30. Kế hoạch lấy mẫu của cơ sở

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Số lượng mẫu	Loại mẫu
I	**Giai đoạn vận hành ổn định**				
1	Nước thải đầu vào: Tại bể gom của hệ thống XLNTTT	Lưu lượng thải, pH, Chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5 (20^oC), Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clo dư, Amoni (tính theo N), Coliform	Lấy mẫu đơn 01 lần/ ngày Thời gian dự kiến lấy mẫu: tháng 12/2026	01	Mẫu đơn
2	Nước thải đầu ra: tại bể bơm về trạm quan trắc tự động		Lấy mẫu đơn với tần suất 01 lần/ ngày, trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: tháng 12/2026	03	Mẫu đơn

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.
  - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ khoa học công nghệ
  - Địa chỉ: Khu phố Hội Gia, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
  - Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, mã số Vimcerts 180, 194.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của phát luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

*** Quan trắc nước thải**

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại cửa xả nước thải trên sông Hậu

- Tần suất quan trắc: 01 lần/03 tháng.

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, Chất rắn lơ lửng, BOD_5 (20°C), COD, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clo dư, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Đã kết nối dữ liệu quan trắc tự động, liên tục (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát từ ngày 26/12/2021.

- Thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng (đầu vào sau bể điều hòa và đầu ra tại hố ga sau bể khử trùng), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni, DO.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A).

- Kiểm định, hiệu chuẩn[5] đối với thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Thiết bị phải được kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhưng phải bảo đảm tối thiểu 01 tháng/lần bởi đơn vị vận hành hệ thống; phải thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn lại thiết bị đo khi giá trị đo được trên thiết bị đo so với giá trị nồng độ của dung dịch chuẩn có sai lệch ≥ 10%.

- Hoạt động bảo dưỡng đối với thiết bị quan trắc tự động, liên tục: 2 năm/lần.

- Thực hiện kiểm soát chất lượng của hệ thống trước khi đưa vào vận hành

[5] Theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021

chính thức và định kỳ 01 lần/năm bởi một đơn vị độc lập có năng lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm là 10.000.000 đồng. Kinh phí này có thể thay đổi theo đơn giá của đơn vị lấy và phân tích mẫu.

Chương VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang cam kết:

- Cam kết các thông tin, số liệu nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái, Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan và giấy phép môi trường được cấp;

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;

- Rà soát, ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường;

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường;

- Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, tiếng ồn, độ rung, quản lý các loại chất thải theo đúng quy định hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện:

+ Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

+ Thường xuyên giám sát chặt chẽ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đúng quy trình, đúng công suất nhằm đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm đạt quy chuẩn cho phép. Đảm bảo công tác bảo dưỡng định kỳ cho hệ thống xử lý;

+ Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải

tự động, liên tục được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, bùn thải và chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

+ Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động đạt QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ Nghiêm túc thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường;

+ Cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và quan trắc tự động theo Giấy phép môi trường được cấp và quy định pháp luật hiện hành.

+ Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện của cơ sở.

+ Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

+ Chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý Khu kinh tế hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động của cơ sở.

+ Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điểm a Khoản 19 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT, kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 20/01 của năm tiếp theo.

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy chuẩn hiện hành. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết về đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC

UBND TỈNH AN GIANG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /GUQ-BQLKKT

An Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Đại diện Chủ đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho Dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động"

Ban Quản lý Khu kinh tế là Chủ đầu tư dự án **"Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động"**. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế là người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý Khu kinh tế.

Nay, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế ủy quyền cho Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế đại diện Chủ đầu tư thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho Dự án, cụ thể như sau:

1. Người ủy quyền

- Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, kiêm Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Nơi làm việc: Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người được ủy quyền

- Ông Phan Thanh Sơn.

- Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế.

- Nơi làm việc: Trụ sở Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế.

3. Nội dung được ủy quyền

Người được ủy quyền được đại diện Chủ đầu tư thực hiện các công việc trong phạm vi thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho dự án **"Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động"**, gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp đến thủ tục cấp Giấy phép môi trường trong phạm vi nội dung được ủy quyền; trường hợp ký, phát hành văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền thì sử dụng con dấu của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế đảm bảo phù hợp thep quy định về quản lý, sử dụng con dấu và quy định có liên quan;

- Chuẩn bị, cung cấp hồ sơ, báo cáo, tài liệu và giải trình các nội dung liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

- Thực hiện các công việc cần thiết khác có liên quan trực tiếp đến thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho Dự án trong phạm vi được ủy quyền.

Người được ủy quyền **không được ủy quyền lại cho người khác** và không được thực hiện các công việc vượt quá phạm vi, nội dung được ủy quyền.

4. Thời gian ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hoàn thành thủ tục cấp Giấy phép môi trường đối với dự án **"Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động"**, trừ trường hợp Giấy ủy quyền này được thay thế, sửa đổi hoặc chấm dứt trước thời hạn theo quy định pháp luật

Người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung, phạm vi và thời gian được ủy quyền; kịp thời báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế về quá trình thực hiện và những vấn đề phát sinh vượt quá phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền này được lập để làm cơ sở để Người được ủy quyền đại diện Chủ đầu tư thực hiện các nội dung liên quan đến thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho Dự án./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, TTPTHTKKT.

NGƯỜI ỦY QUYỀN
TRƯỞNG BAN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Nguyễn Thanh Phong

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1501/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu kinh tế (bao gồm khu kinh tế cửa khẩu, trừ khu kinh tế đặc khu Phú Quốc), khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong các khu kinh tế (bao gồm khu kinh tế cửa khẩu, trừ khu kinh tế đặc khu Phú Quốc), khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu hình Quốc huy; kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch và nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý

1. Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trưởng ban Ban Quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang và Quyết định số 1327/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:1607/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 21 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy Ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 26/TTr-BQLKKT ngày 12 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang.

1. Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chính thức hoạt động kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Kinh phí hoạt động của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thực hiện theo cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động và mức độ tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế có nhiệm vụ

1. Hướng dẫn Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện các nhiệm vụ, công việc trước đây của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang (trước hợp nhất).

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế; xây dựng phương án tự chủ tài chính; xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính thực hiện thủ tục quyết toán kinh phí, điều chuyển kinh phí và các nội dung khác có liên quan theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang, trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phát triển hạ tầng KKT;
- Lưu: VT, TH[mtnhan].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Hồ Văn Mừng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1812 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 32/TTr-BQLKKT ngày 28 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí

1. Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

2. Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Chức năng

1. Cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầu tư và các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư trong nước (DDI) và ngoài nước (FDI) trong khu công nghiệp, khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu *(viết tắt là khu kinh tế)*.

2. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện một số dự án đầu tư (hoặc cung ứng dịch vụ) có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước khi được Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế giao.

3. Quản lý, phát triển, khai thác và cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu kinh tế.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Lập kế hoạch thực hiện chuẩn bị đầu tư các dự án, phát triển và khai thác kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong khu kinh tế báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Lập kế hoạch và chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng được đầu tư từ ngân sách Nhà nước;

c) Phối hợp với các đơn vị công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, xây dựng và đề xuất những biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tổ chức lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong khu kinh tế;

d) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan bảo đảm hoạt động trong khu kinh tế phù hợp quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển khu kinh tế đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định có liên quan;

đ) Tiếp nhận, quản lý và triển khai nguồn vốn xây dựng cơ bản từ ngân sách tỉnh, nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, huy động các nguồn vốn ứng trước của nhà đầu tư, vốn vay và các nguồn vốn khác theo quy định (bồi thường giải phóng mặt bằng, tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, thực hiện quản lý đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng và đầu tư xây dựng cảng, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng…), khai thác hạ tầng khu kinh tế;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Quản lý, khai thác hạ tầng

a) Tiếp nhận, khai thác và quản lý môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an ninh trật tự, công tác phòng chống cháy nổ tại khu kinh tế;

b) Phối hợp thực hiện công tác xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư hạ tầng, dự án đầu tư thứ cấp trong và ngoài nước vào khu kinh tế;

c) Xây dựng phương án giá sử dụng dịch vụ cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải,… trong khu kinh tế được giao quản lý;

d) Ký hợp đồng và thu tiền cho thuê sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung, dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải và các khoản thu từ cung cấp dịch vụ khác được cân đối sử dụng cho hoạt động của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và nộp ngân sách theo quy định;

đ) Tổ chức triển khai xây dựng, duy tu, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các công trình xây dựng và tái kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tổ chức thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu kinh tế đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước được giao cho Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế quản lý, đảm bảo phù hợp các quy định.

3. Tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn, hỗ trợ đầu tư

a) Giới thiệu môi trường đầu tư, các vấn đề liên quan môi trường đầu tư: Cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, các chủ trương chính sách về đầu tư,…;

b) Cung cấp các dịch vụ tư vấn: Lập dự án đầu tư, khảo sát địa điểm, thiết kế xây dựng, lập hồ sơ môi trường, tư vấn xây dựng, thiết kế trồng và chăm sóc cây xanh, … trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý, các quy định của pháp luật về thuế, xuất nhập khẩu, thương mại… trong quá trình hoạt động.

4. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Lãnh đạo Ban Quản lý Khu kinh tế giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp;

2. Phòng Hạ tầng kỹ thuật;

3. Phòng Môi trường.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế, các phòng chuyên môn thuộc Trung tâm, có người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và các viên chức, người lao động (nếu có) theo quy định.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- TT Phát triển hạ tầng Khu kinh tế;
- Lưu: VT, TH[mtnhan].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Hồ Văn Mừng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /2017/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2017*

BỘI NHỤ KINH TẾ TỈNH AN GIANG
ĐẾN Số:
Ngày: 16/8/2017
Chuyển:
Lưu:

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1026/TTr-STC ngày 14 tháng 7 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến việc thu tiền cho thuê hạ tầng kỹ thuật tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giá cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật

1. Giá cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật là 4.200 đồng/m^2/năm *(bốn ngàn hai trăm đồng chẵn)* đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Từ năm 2018, căn cứ vào điều kiện thực tế, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đề xuất điều chỉnh giá cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật tăng dần 20%/năm cho đến khi đạt đúng mức thu 6.500 đồng/m^2/năm *(sáu ngàn năm trăm đồng chẵn).*

Điều 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu cho thuê sử dụng hạ tầng kỹ thuật

1. Đơn vị thu: Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính).

2. Quản lý, sử dụng nguồn thu: giao Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang quản lý, sử dụng tiền cho thuê sử dụng hạ tầng để thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, duy trì điều kiện phục vụ hoặc tái tạo các công trình hạ tầng tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm, căn cứ vào số tiền thu được, Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang lập kế hoạch sử dụng kinh phí cho việc duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công tác vận hành trong các khu công nghiệp phù hợp với nội dung công việc; trình Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh xem xét, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang

thực hiện việc thu, quản lý, sử dụng nguồn thu cho thuê sử dụng hạ tầng đảm bảo hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế tỉnh An Giang có trách nhiệm hướng dẫn cho Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang trong việc sử dụng chứng từ thu; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh hướng dẫn Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang thực hiện việc quản lý, sử dụng số tiền thu được theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- Trung tâm Đầu tư - PTHT và HTDN Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- Đài PTTH & Báo An Giang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP; các phòng, ban & trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 84 /QĐ-UBND	*Long Xuyên, ngày 16 tháng 01 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Khu công nghiệp Bình Long tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Công văn số 1881/TTg-CN ngày 16/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về dự án Khu công nghiệp Bình Long, tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Khu công nghiệp Bình Long tỉnh An Giang, với quy mô 28,56 ha nằm trên địa bàn ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điều 2. Khu công nghiệp Bình Long được tổ chức và hoạt động theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lâm Minh Chiến

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, công nghiệp, KH&ĐT, Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh; các Sở: Nội vụ, Tài chính, KH&ĐT, Công nghiệp; UBND huyện Châu Phú; BQL KCN tỉnh;
- Lưu VT.20

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1763/QĐ-UBND	*Long Xuyên, ngày 03 tháng 9 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH AN GIANG
Số: 840
Ngày: 24/9/08
Chuyển:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại tờ trình số:11/TTr-SXD ngày 25 /01/2008 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang do Xí nghiệp quy hoạch và phát triển Kiến trúc NAGECCO - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng tổng hợp lập tháng 12/2007, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, giới hạn khu vực quy hoạch: Vị trí giới hạn khu quy hoạch có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp khu dự án tái định cư, rạch Phù Dật.
- Phía Nam giáp đất ruộng hiện hữu.
- Phía Đông giáp sông Hậu.
- Phía Tây giáp quốc lộ 91.

2. Tính chất:

- Là KCN tập trung nằm trong hệ thống các khu, cụm CN-TTCN của tỉnh.
- Là khu công nghiệp tập trung đa ngành nghề, với nhiều loại hình sản xuất công nghiệp và nhiều loại quy mô xí nghiệp khác nhau, chủ yếu là công nghiệp sạch, không ô nhiễm, có công nghệ tiên tiến, ít gây ô nhiễm môi trường.

3. Qui mô:

- Đất đai: diện tích quy hoạch 30,57 ha.

4. Bố trí các phân khu chức năng:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất XD nhà máy xí nghiệp CN		17,20	60,2
	- Nhóm ngành chế biến lương thực	A	*4,45*	*15,58*
	- Nhóm ngành chế biến nông, thuỷ sản	B	*3,56*	*12,46*
	- Nhóm ngành chế biến có nguồn nguyên liệu nông, thuỷ sản, thức ăn, dầu cám...	C	*3,80*	*13,31*
	- Nhóm ngành may mặc, da giày	D	*4,49*	*15,72*
	- Nhóm ngành cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp	E	*0,90*	*3,15*
2	Đất XD khu TT điều hành và DVCC	QL, DV	0,52	1,80
3	Đất khu kỹ thuật		0,83	2,90
	- Trạm cấp nước	NC	0,23	
	- Trạm xử lý nước thải	XL	*0,6*	
4	Đất cây xanh		5,46	19,10
5	Đất giao thông		4,55	15,90
	Đất toàn khu công nghiệp		**28,56**	**100%**
6	Cảng	CA	2,01	
	Đất khu công nghiệp + cảng		**30,57**	

5.1. Đất xây dựng các nhà máy xí nghiệp: Diện tích 17,2 ha chiếm tỷ lệ 60,2% tổng diện tích. Các lô đất khu công nghiệp chia làm các nhóm ngành sản xuất.

- Nhóm ngành chế biến lương thực, chế biến thủy hải sản, nông sản (ký hiệu A và B): Diện tích 8,01ha.

+ Khu A: diện tích *4,45* ha, chiếm tỷ lệ 15,58 %

+ Khu B: diện tích 3,56ha, chiếm tỷ lệ 12,46 %

- Nhóm ngành chế biến có nguồn nguyên liệu từ nông thủy sản (ký hiệu C): Nhà này chế biến thực ăn chăn nuôi, dầu cám,...Diện tích 3,80ha chiếm tỷ lệ 13,31%

- Nhóm ngành may mặc, da giày (ký hiệu D): Diện tích *4,49*ha chiếm tỷ lệ 7,33% tổng diện tích.

- Nhóm ngành cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp (ký hiệu E): Diện tích *0,90*ha chiếm tỷ lệ 3,15% tổng diện tích.

5.2. Đất xây dựng khu trung tâm điều hành, quản lý và dịch vụ (ký hiệu QL, DV*):* Diện tích 0,52 ha chiếm tỷ lệ 1,80% tổng diện tích, chia làm 2 khu.

+ Khu điều hành quản lý: diện tích 0,28 ha bố trí tại góc đường số 2 và số 4 lối vào chính khu công nghiệp. Trong khu này dự kiến xây dựng nhà văn phòng quản lý điều hành, nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm, văn phòng giao dịch thương mại, trạm xe cứu hoả, bãi đỗ xe và các dịch vụ công cộng phụ trợ khác. Mật độ xây dựng 60%, tầng cao trung bình 1,5 tầng.

- Đường nội bộ số 1 - MC 4-4: lộ giới 19m (5-9-5)
- Đường nội bộ số 3 - MC 5-5: lộ giới 15m (4-7-4)

7.3. Cấp điện:

Điện được cấp điện từ nguồn điện quốc gia qua tuyến trung thế kép 22KV lấy từ trạm Cái Dầu 110/22KV-25MVA (cách khu công nghiệp 1,5km).

Hệ thống chiếu sáng thiết kế theo TCXD VN- 259-2001, tiêu chuẩn chiếu sáng đường phố, quảng trường.

7.4. Cấp nước:

- Nguồn nước được cung cấp từ nhà máy nước thị trấn Cái Dầu và trạm cấp nước Cây Dương cách thị trấn Cái Dầu khoảng 1km với công suất 2.000m^3/ngày. Dự trù sẽ xây dựng nhà máy cấp nước riêng cho KCN công suất Q=1.800m^3/ngày
- Nước cấp cho KCN được dẫn bằng ống nhựa Ø200-150-100 cung cấp nước cho các nhà máy trong KCN. Vì KCN có quy mô nhỏ, không bố trí đài nước chỉ dùng bơm tăng áp đặt tại trạm cấp nước.
- Bố trí trụ chữa cháy tại các ngã ba, ngã tư đường giao thông và dọc tuyến ống, khoảng cách giữa 2 họng cứu hoả từ 100m - 150m, đảm bảo việc cấp nước liên tục.

7.5. Thoát nước:

- Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng ống bêtông cốt thép có đường kính D= 300 đến D = 600 đặt dọc theo các tuyến đường giao thông trong KCN. Nước mưa được thu gom từ bề mặt vào các hố ga đặt trên vĩa hè cách khoảng 40m đến 60m đưa vào hệ thống thoát nước của KCN rồi xả vào sông Hậu.
- Mạng lưới ống thoát nước bẩn trong KCN sử dụng ống bêtông cốt thép đúc sẵn có đường kính D = 300 đến D = 600 chôn dưới vĩa hè dọc theo các tuyến đường giao thông trong KCN, nước bẩn được thu gom từ các nhà máy công nghiệp, khu kỹ thuật, khu điều hành quản lý và khu dịch vụ công cộng sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ các nhà máy, khu kỹ thuật, khu điều hành quản lý và khu dịch vụ công cộng phải được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn giá trị giới hạn cột C của TCVN 5945-2005 mới được phép thoát vào hệ thống thoát nước bẩn. Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải của KCN phải đạt giá trị giới hạn cột A của TCVN 5945-2005 và TCVN 7222-2002 mới được phép xả vào sông Hậu.

7.6. Thông tin liên lạc:

Thông tin liên lạc gồm 2 tổng đài đặt tại khu trung tâm điều hành và dịch vụ công cộng, hệ thống ống chờ được luồn cáp thông tin đặt theo vĩa hè các trục đường, tổng số máy dự kiến cho KCN là 187máy các tuyến cống, bể và cáp đồng đi ngầm đến chân các công trình.

7.7. Vệ sinh môi trường xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn được thu gom và chứa trong các thùng có nắp đậy. Từng nhà máy xí nghiệp công nghiệp sẽ ký hợp đồng với Công ty môi trường của địa

+ Khu trung tâm dịch vụ: diện tích 0,24ha bố trí ngoài KCN gắn với trục đường chính số 2 và quốc lộ 91. Nơi đây bố trí các loại hình dịch vụ cho công nhân vào giữa ca: nghỉ ngơi, ăn uống,...

5.3. Đất cây xanh: Diện tích 5,46ha chiếm tỷ lệ 19,10% tổng diện tích, bao gồm:

+ Đất cây xanh tập trung: Gồm 2 công viên diện tích (0,17ha + 0,37ha) bố trí trên trục đường giao thông chính gần khu cảng đảm bảo cảnh quan và môi trường cho khu công nghiệp.

+ Cây xanh cách ly: Bề dày cách ly từ 20m đến 50m bố trí ven sông Hậu và rạch Phù Dật là cây xanh cách ly giữa các nhà máy với các khu đất bên ngoài khu công nghiệp, tạo không gian bảo vệ bờ kè sông cho khu công nghiệp.

5.4. Đất xây dựng khu kỹ thuật hạ tầng (ký hiệu NC, XL): Diện tích 0,83 ha chiếm tỷ lệ 2,90 % tổng diện tích, bao gồm.

+ Trạm cấp nước: diện tích 0,23 ha bố trí tại đầu nguồn nước .

+ Trạm xử lý nước thải: diện tích 0,6 ha bố trí cuối nguồn nước. Mật độ xây dựng 40%, gắn với trục giao thông đối ngoại của KCN.

5.5. Đất xây dựng bến cảng (ký hiệu CA): Diện tích 2,01 ha, bố trí giữa KCN gắn với trục giao chính và tiếp giáp với sông Hậu, tận dụng khả năng thông thuỷ sông Hậu trong vận chuyển hàng hoá và nguyên liệu.

6. Định hướng kiến trúc và cảnh quan:

- Lối vào chính KCN là trục cảnh quan chính với chiều rộng đường 27m bố trí các công trình hành chính, dịch vụ cùng với giải phân cách công viên cây xanh,... tạo cảnh quan cho KCN.

- Cảnh quan được tạo dựng bởi nhiều dãy cây xanh dọc trên tuyến đường chính, mặt tiền đường quốc lộ 91, mặt tiền sông Hậu và các trục giao thông nội bộ.

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. San nền:

- San nền đảm bảo khả năng không ngập lụt, đảm bảo thoát nước mặt của KCN về hướng sông Hậu. Hướng thoát nước từ trong các nền khu đất đưa về rãnh thu nước và hệ thống thoát nước đặt dọc theo mạng lưới đường giao thông.

- San lấp nền đạt cao trình thoát nước, cao độ trung bình +4m (so với cao độ Quốc Gia).

7.2. Giao thông:

- Hệ thống giao thông trong KCN được quy hoạch hợp lý phục vụ cho các phương tiện giao thông đi lại thuận tiện đến từng lô đất.

- Đường trục chính số 2 - MC 1-1: lộ giới 27m (6 - 15 - 6)

- Đường trục chính số 2 - MC 1'-1': lộ giới 22m (3,5-15-3,5)

- Đường chính số 5 - MC 2-2: lộ giới 22,5m (6-10,5-6)

- Đường nội bộ số 4 - MC 3-3: lộ giới 20m (5-10-5)

phương, để vận chuyển chất thải rắn; đưa về xử lý tập trung tại nhà máy xử lý đặt ngoài khu công nghiệp cách khoảng 500m..

Điều 2.

Ban hành kèm theo quyết định này là bản Điều lệ quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điều 3.

Giao cho Ban quản lý khu công nghiệp An Giang:

1. Tổ chức công bố đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết để thực hiện.

2. Chỉ đạo việc thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, phối hợp chặt chẽ với các ban ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 4.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài Nguyên Môi Trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Vương Bình Thạnh

Nơi nhận :
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: XD, TNMT, KHĐT;
- UBND huyện Châu Phú;
- BQL Khu công nghiệp An giang;
- CVP và P: XDCB, KT;
- Lưu.

ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG HUYỆN CHÂU PHÚ - TỈNH AN GIANG.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1763 ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Chủ tịch UBND Tỉnh An Giang)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Bình Long - huyện Châu Phú - tỉnh An Giang; quy định việc sử dụng đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm cảnh quan kiến trúc và bảo vệ môi trường trong xây dựng và khai thác sử dụng các công trình trong ranh giới lập quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định số .....ngày.....tháng.....năm 2005 của Chủ tịch UBND Tỉnh An Giang.

2. Căn cứ vào hồ sơ quy hoạch chi tiết Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp - huyện Châu Phú - tỉnh An Giang được duyệt và các quy định tại bản điều lệ này, các cơ quan quản lý quy hoạch và xây dựng có liên quan theo quyền hạn, trách nhiệm được giao giới thiệu địa điểm, cấp chứng chỉ quy hoạch, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc – quy hoạch cho các công trình xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 2. Ranh giới khu đất thiết kế

Phạm vi khu vực thiết kế quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp sông Hậu;

- Phía Tây giáp QL. 91 đi thị xã Châu Đốc về phía Bắc, và đi TP. Long Xuyên về phía Nam;

- Phía Bắc giáp khu dự án tái định cư rạch Phù Dật;

- Phía Nam giáp với đất ruộng hiện hữu;

Diện tích khoảng 30,57 ha được phân thành các khu chức năng với cơ cấu sử dụng đất như sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

STT	Tên loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất XD nhà máy xí nghiệp CN		17,20	60,2
	- Nhóm ngành chế biến lương thực	A	*4,45*	*15,58*
	- Nhóm ngành chế biến nông, thuỷ sản	B	*3,56*	*12,46*

	- Nhóm ngành chế biến có nguồn nguyên liệu nông, thuỷ sản, thức ăn, dầu cám..	C	*3,80*	*13,31*
	- Nhóm ngành may mặc, da giày	D	*4,49*	*15,72*
	- Nhóm ngành cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp	E	*0,90*	*3,15*
2	Đất XD khu TT điều hành và DVCC	QL, DV	0,52	1,80
3	Đất khu kỹ thuật		0,83	2,90
	- Trạm cấp nước	NC	0,23	
	- Trạm xử lý nước thải	XL	*0,6*	
4	Đất cây xanh		5,46	19,10
5	Đất giao thông		4,55	15,90
	Đất toàn khu công nghiệp		**28,56**	**100%**
6	Cảng	CA	2,01	
	Đất khu công nghiệp + cảng		**30,57**	

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3.

Diện tích, tính chất xây dựng, mật độ xây dựng và tầng cao trung bình của các lô đất được quy định như sau:

Ký hiệu ô	Tính chất	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao trung bình
1. Đất Nhà Máy – Xí Nghiệp		17,2		
1.1 Khu A	Xay xát, chế biến thuỷ hải sản, nông sản	4,45	40 - 50	1
1.2 Khu B	Sản xuất, kinh doanh VLXD	3,56	40 - 50	1
1.3 Khu C	Chế biến nông, thuỷ, hải sản.	3,80	40 - 50	1
1.4 Khu D	Công nghiệp da, may mặc.	4,49	40 - 50	1
1.5 Khu E	Cơ khí sửa chữa, CK vật tư NN.	0,90	40 - 50	1
2. Cảng	Cảng	**2,01**		.
3. Khu Nhà Điều Hành, Khu Dịch Vụ	Điều Hành	**0,52**	**40 - 50**	**1,5**
4. Đất Đầu Mối Kỹ Thuật		**0,83**		
4.1 Trạm Cấp Nước	Cấp nước	0,23	20 - 30	1
4.2 Trạm Xử Lý Nước Thải	Nhà máy xử lý nước thải và thu gom rác	0,6	20 - 30	1
5. Đất Cây Xanh		**5,46**		**1**

Điều 4. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

Nền công trình xây dựng có cao độ khống chế > 4m (lấy theo hệ cao độ quốc gia)

Các khu vực xây dựng công trình phải xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa theo thiết kế. Nước mưa được thu vào các hố ga, và cống bố trí dọc 1 hoặc 2 bên vỉa hè đường.

Điều 5. Lộ giới, chỉ giới xây dựng, góc vát lại các ngã đường

7.2. Giao thông:

- Hệ thống giao thông trong KCN được quy hoạch hợp lý phục vụ cho các phương tiện giao thông đi lại thuận tiện đến từng lô đất.
- Đường trục chính số 2 - MC 1-1: lộ giới 27m (6-15-6)
- Đường trục chính số 2 - MC 1'-1': lộ giới 22m (3,5-15-3,5)
- Đường chính số 5 - MC 2-2: lộ giới 22,5m (6-10,5-6)
- Đường nội bộ số 4 - MC 3-3: lộ giới 20m (5-10-5)
- Đường nội bộ số 1 - MC 4-4: lộ giới 19m (5-9-5)
- Đường nội bộ số 3 - MC 5-5: lộ giới 15m (4-7-4)

Lộ giới các tuyến đường được quy định trong bản vẽ quy hoạch giao thông. Lộ giới bao gồm phần lòng đường và vỉa hè. Việc xây dựng các tuyến đường tuân thủ lộ giới quy định theo bảng sau:

STT	Tên đường	Mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)			
				Mặt đường	Vỉa hè	Đường đi bộ	Lộ giới
A	**ĐƯỜNG CHÍNH KHU CN**		**1.054,63**				
1	ĐƯỜNG SỐ 2	1 - 1	211,59	15	6x2	3x2	27
	ĐƯỜNG SỐ 2	1' - 1'		15	3,5x2		22
2	ĐƯỜNG SỐ 5	2 - 2	843,04	10,5	6x2	3x2	22,5
B	**ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CN**		**1.340,79**				
1	ĐƯỜNG SỐ 3	5 - 5	268,63	7	4x2	1,5x2	15
2	ĐƯỜNG SỐ 4	3 - 3	306,01	10	5x2	1,5x2	20
3	ĐƯỜNG SỐ 1	4 - 4	766,15	9	5x2	1,5x2	19
	Phần đường giao nhau						
	CỘNG		**2.395,42**				

- Trên các đường có giải cây xanh dọc đường, tường rào nhà máy được xây dựng sát mép trong giải cây xanh.
- Tường công trình được xây dựng cách tường rào nhà máy một khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy là 5m.
- Trong phạm vi tam giác nhìn cần chấp hành các điều sau:

* Không được xây dựng hoặc đặt bất cứ vật gì làm cản trở cản trở tầm nhìn.

* Không được trồng cây bụi cao hơn 1m.
* Không được đậu xe ô tô.

Điều 6. Xây dựng hệ thống cấp điện

- Tuyến trung thế dùng cấp điện áp 22 KV đi nổi.
- Chiếu sáng đường trong khu công nghiệp dùng giải pháp đi ngầm để bảo đảm mỹ quan và an toàn trong khu công nghiệp.

Điều 7. Cấp nước

- Hệ thống đường ống cấp nước đã được quy hoạch chi tiết đảm bảo cung cấp nước khu công nghiệp.
- Trong hệ thống cấp nước, các họng nước cứu hỏa cần được xây dựng với khoảng cách tối đa giữa các họng là 120m – 150m. Các yêu cầu khác đối với việc bố trí họng cứu hỏa tuân thủ điểm 5.16.3 điều 5.16 chương 5 trong "Quy chuẩn xây dựng".

Điều 8. Vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước bẩn được xử lý cục bộ tại mỗi nhà máy theo tiêu chuẩn của ban quản lý các khu công nghiệp. Sau đó nước thải của Khu công nghiệp được thu gom về trạm xử lý chung của khu theo TCVN 6984 – 2001 trước khi đổ ra sông Hậu.

Điều 9. Các quy định về xây dựng công trình

Các quy định về xây dựng công trình cần tuân thủ : "Quy chuẩn xây dựng", cụ thể như sau:

- Tầng cao công trình tuân thủ điều 7.7 . của "Quy chuẩn xây dựng"
- Quan hệ với công trình bên cạnh tuân thủ điều 7.12. của "Quy chuẩn xây dựng".
- Cổng ra vào, sân, chỗ đỗ xe, tiện nghi vệ sinh của các công trình công cộng cần tuân thủ điều 7.1 của "Quy chuẩn xây dựng".
- Chỗ đỗ ô tô trong công trình cần tuân thủ điểm 7.13.2, điều 7.13, chương 7 trong "Quy chuẩn xây dựng".

CHƯƠNG III
CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG

Điều 10. Xét duyệt và cấp phép xây dựng các dự án riêng biệt

- UBND Tỉnh An Giang xét duyệt và cấp phép xây dựng các loại công trình trong khu công nghiệp;
- Các sở ban ngành của Tỉnh kiểm tra và hướng dẫn chủ các dự án xây dựng theo quy hoạch.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Quy định này được áp dụng tại Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với bản điều lệ này đều bị bãi bỏ.

Điều 12. Mọi vi phạm các khoản của Điều lệ này tuỳ mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 13. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ảnh về Sở Xây dựng hoặc UBND huyện Châu Phú để giải quyết, Đồ án quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bình Long - huyện Châu Phú và bản quy định này được ấn hành và lưu giữ tại:

- UBND Tỉnh An Giang
- Sở Xây dựng Tỉnh An Giang
- Hội đồng nhân dân và UBND huyện Châu phú, tỉnh An Giang.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Vương Bình Thạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 217 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long (Giai đoạn 1) huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật xây dựng được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/06/2009 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Căn cứ Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về phân cấp quyết định đầu tư và quy định về đấu thầu các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số: 79/TTr-KHĐT ngày 03/02/2012 của Sở Kế hoạch & Đầu tư An Giang về việc trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long (Giai đoạn 1), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long (Giai đoạn 1), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, với các nội dung sau:

1. Qui mô bổ sung:

1.1. Xây lắp:

- Hàng rào xây tường : 392 md
- Hàng rào xây tường song sắt : 765 md
- Cổng chính : .14 m
- Cổng phụ : 7m
- Bảng hiệu : 4m
- Cổng khu nhà máy chế biến thủy sản Hòa Phát
  - + Cổng chính : 3m
  - + Cổng phụ : 1,5m
- Nhà bảo vệ : 10,24m^2

1.2. Giải pháp:

- Móng, cột, đà BTCT
- Hàng rào xây tường: tường xây gạch, tường sơn nước.
- Hàng rào xây tường song sắt: tường xây gạch, tường sơn nước, song sắt thép hộp, sơn chống sét + sơn hoàn thiện.
- Cổng chính: Cửa sắt xếp có mô tơ kéo.
- Cổng phụ: Cửa sắt trượt, song sắt thép hộp, sơn chống sét + sơn hoàn thiện, bánh xe thép.
- Bảng hiệu: Chữ inox trắng, tường xây gạch, ốp đá granite, chân tường ốp đá chẻ, tường sơn nước.
- Cổng chính, cổng phụ khu Delta: cửa sắt, bọc tole.
- Nhà bảo vệ: móng, cột, đà BTCT; nền lát gạch ceramic; tường xây gạch; cửa đi, cửa sổ kính khung nhôm; trần thạch cao khung nhôm nổi; mái, xà gồ, rui, mè thép hộp; mái lợp ngói.

2. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung: 84.828 triệu đồng.

ĐVT:Triệu đồng

Nội dung	Theo Quyết định số 190/QĐ-UBND	Điều chỉnh	Chênh lệch
Chi phí xây dựng	41.336	44.338	+3.002
Chi phí thiết bị	2.705	2.705	-
Chi phí bồi hoàn	30.303	30.303	-
Chi phí QLDA	599	599	-
Chi phí TVĐTXD	1.758	1.932	+174
Chi phí khác	*415*	*434*	*+19*
Chi phí dự phòng	7.712	4.517	-3.195
Tổng cộng	84.828	84.828	-

3. Thời gian thực hiện: Đến hết Quí I năm 2012.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung dự án đầu tư theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 04/01/2007 và Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 27/01/2010của UBND tỉnh An Giang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Sở XD;
- Sở TC;
- Sở TNMT;
- Cty Điện nước AG;
- Kho bạc NN tỉnh AG;
- Lưu: VT.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1460/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

BQL KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG
ĐẾN Số: 365
Ngày: 05.9.2012
Quyển:
Lưu:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Ban Quản lý khu kinh tế tại tờ trình số 465/TTr-BQLKKT ngày 28 tháng 6 năm 2012 và của sở Xây dựng tại tờ trình số 29/TTr-SXD ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc thẩm định hồ sơ hoàn thành đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang do Công ty TNHH tư vấn Kiến trúc Xây dựng AB&C lập tháng 6/2012, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực quy hoạch thuộc xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất dân cư cặp Quốc lộ 91.
- Phía Tây Bắc giáp đất dân cư cặp Rạch Phù Dật.
- Phía Tây Nam giáp một phần đất ruộng và Rạch Phù Dật.
- Phía Đông Nam giáp đất ruộng và dân cư cặp Kênh Cây Dương.

2. Tính chất:

- Là khu công nghiệp chính của chuỗi đô thị Bình Long – Cái Dầu – Vịnh Tre.

- Là khu công nghiệp đa ngành; khai thác vùng nguyên liệu chế biến nông, thủy sản; hàng tiêu dùng, hàng may mặc, sản phẩm phục vụ nông nghiệp, phân bón, thức ăn gia súc..., và các loại hình công nghiệp ít gây ô nhiễm (từ cấp IV trở xuống).

3. Qui mô: đất đai 120 ha.

4. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực quy hoạch được phân thành các khu chức năng như sau:

- Bố trí các xí nghiệp 2 bên đường trục chính từ QL.91 vào khu công nghiệp và đường trục kết nối khu công nghiệp với khu tái định cư và nhà ở công nhân với 5 lô A, B, C, D, E. Tổng diện tích là 83 ha.

- Khu nhà điều hành (Cc): quy mô 2,3 ha, bố trí trung tâm điều hành và nhà trưng bày sản phẩm tại góc đường số 01 và đường số 04.

- Khu xử lý nước thải – Khu tạm chứa rác thải (Tr): quy mô 2,3 ha được bố trí ở phía Đông Nam của khu quy hoạch gần kênh Cây Dương.

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	Đất bố trí công nghiệp: *- Lô A* *- Lô B* *- Lô C* *- Lô D* *- Lô E*	83,00 *16,30* *16,30* *22,00* *16,20* *12,30*	69,17
2	Đất Khu Điều hành	2,30	1,92
3	Đất Khu xử lý rác - nước thải	2,30	1,92
4	Đất giao thông	12,80	10,67
5	Đất cây xanh – Cây xanh cách ly	19,60	16,32
	TỔNG CỘNG	**120**	**100**

5. Cơ cấu bố trí các loại hình công nghiệp trong khu quy hoạch:

5.1. Công trình công nghiệp A, B, C, D, E:

- Lô A (diện tích 16,3ha): bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy phân vi sinh; Nhà máy thức ăn gia súc; …

- Lô B (diện tích 16,3ha): bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy thức ăn thủy sản; Nhà máy tấm tường vật liệu nhẹ (Rơm + Kaolin + Hóa chất); Nhà máy chế tạo cơ khí (Chế tạo máy nông nghiệp); Nhà máy sản xuất cơ khí (khung thép xây dựng, cơ khí cầu đường, cán Tole, mạ kẽm, ...)

- Lô C (diện tích 22ha): bố trí công trình mức độc hại cấp V gồm: May mặc; Da giày; Sản phẩm từ da thuộc nhân tạo; Dược phẩm, thuốc thú y; …

- Lô D (diện tích 16,2ha): bố trí công trình mức độc hại cấp V gồm: Nhà máy chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng; Chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ thủy sản; Bột dinh

dưỡng, phở, mì, bún ăn liền; Rau, đậu đông lạnh; Chế biến nấm, hàng nông sản đóng hộp; Sản xuất gia vị, nước chấm; Hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu; ...

- *Lô E (diện tích 12,2ha):* bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy Ceramic cao cấp; Sứ vệ sinh; Gạch không nung; ...

5.2. Khu trung tâm điều hành (Cc): bố trí các công trình.

- Nhà quản lý, điều hành trung tâm của khu công nghiệp.
- Nhà trưng bày sản phẩm của các xí nghiệp.
- Cửa hàng giải khát; cửa hàng tiêu dùng cho công nhân.
- Tổ y tế của khu công nghiệp.

5.3. Khu chứa rác – Xử lý nước thải (Tr):

- Rác công nghiệp đặc biệt chứa tạm trước khi đưa về khu xử lý tập trung. Rác thông thường được trữ trong nội vi bản thân nhà máy và vận chuyển đến bãi rác chung.
- Nước thải toàn khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường trước khi thải ra kênh xáng Cây Dương.

6. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. San nền:

- Chống lũ triệt để với cao trình san lấp +4.4m so với hệ cao độ quốc gia.
- Giải pháp: khai thác tại đầu vàm kênh Cây Dương, cách khu công nghiệp 0,6km - 1km.
- Hướng thoát nước từ trong nền đất được đưa về phía rãnh thu nước và hệ thống thoát nước đặt dọc theo mạng lưới đường giao thông thoát ra kênh cây Dương.

6.2. Giao thông:

a. Giao thông bộ:

* Đường khu vực:

- Đường số 01:
  + Đoạn 1: MC 1-1, lộ giới 22m (3,5 - 15 - 3,5)
  + Đoạn 2: MC 2-2, lộ giới 27m (5 - 7,5 - 2 - 7,5 - 5)

* Đường phân khu vực:

- Đường số 02: MC 4-4, lộ giới 20,5m (5 - 10,5 - 5)
- Đường số 03: MC 3-3, lộ giới 19m (5 - 9 - 5)
- Đường số 04: MC 3-3, lộ giới 19m (5 - 9 - 5)
- Đường số 05: MC 3-3, lộ giới 19m (5 - 9 - 5)
- Đường số 06: MC 5-5, lộ giới 16m (4 - 8 - 4)
- Tổng chiều dài đường giao thông: 5.843,5 m

b. Giao thông thủy: Rạch Phù Dật và kênh xáng Cây Dương.

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG TRONG KHU QUY HOẠCH

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng quy hoạch (m)			Chiều dài (m)
			Vỉa hè	Lòng đường	Vỉa hè	
1	Đường số 1					1.065
	MC 1 - 1	22	3,5	15	3,5	
	MC 2 - 2	27	5	7,5 – 2 – 7,5	5	
2	Đường số 2 - MC 4 - 4	20,5	5	10,5	5	1.075
3	Đường số 3 - MC 3 - 3	19	5	9	5	1.080
4	Đường số 4 - MC 3 - 3	19	5	9	5	1.085
5	Đường số 5 - MC 3 - 3	19	5	9	5	709
6	Đường số 6 - MC 3 - 3	19	5	9	5	829,5

6.3. Cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước cấp nước của khu công nghiệp Bình Long hiện hữu (GĐ1) nằm cạnh bờ sông Hậu. Hệ thống cấp nước đảm bảo các tiêu chuẩn cấp nước cho khu công nghiệp, nước sinh hoạt, nước tưới cây, nước chữa cháy,...

- Chỉ tiêu cấp nước sản xuất: tối thiểu 20m^3/ha/ng.đêm.

- Mạng lưới cấp nước bố trí theo mạng vòng với 02 tuyến cấp chính từ QL.91 và từ khu công nghiệp Bình Long hiện hữu cặp theo đường số 02 dẫn vào khu quy. Thiết kế đường ống tiết diện Ø100 ÷ Ø150 dọc theo các trục đường chính phân phối đến các nhà máy.

- Bố trí trụ chữa cháy tại các ngã ba, ngã tư đường giao thông và dọc tuyến ống, khoảng cách giữa 2 họng cứu hoả từ 100m - 150m, đảm bảo việc cấp nước liên tục.

6.4. Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch lấy từ trạm 110/35/22KV Bình Long kế khu công nghiệp hiện hữu – lưới trung thế dẫn đến tận từng nhà máy trên các trụ điện. Các nhà máy, xí nghiệp có trạm hạ thế theo công suất yêu cầu sử dụng.

- Chỉ tiêu cấp điện sản xuất công nghiệp: 120 – 250 KW/ha.

6.5. Thoát nước:

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa và nước bẩn riêng.

- Giai đoạn I: Đào hệ thống kênh dọc tuyến cách ly của đường điện và cặp khu cây xanh cách ly với dân cư bờ Tây kênh Cây Dương để thu nước mưa cho dân cư xung quanh. Giai đoạn II tiếp theo xây dựng tuyến cống thu nước cặp QL.91 và rạch Phù Dật thu nước cho khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hầm tự hoại trước khi hòa vào cống chung.

- Nước thải sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý ngay tại nơi sản xuất (đạt loại C - TCVN 5945-2005) trước khi tập trung về trạm xử lý nước thải;

- Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý của cụm công nghiệp phải đạt giới hạn (cột A – TCVN 5945-2005) mới được phép xả ra kênh Cây Dương.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 1.800 m^3/ngày đêm

6.6. Thông tin liên lạc:

- Nâng cấp bưu điện Châu Phú đáp ứng nhu cầu cho khu công nghiệp.
- Tổng nhu cầu thông tin liên lạc KCN: 1.200 máy.

6.7. Vệ sinh môi trường:

- Rác thải thông thường và rác thải tại các khu công cộng bố trí các thùng chứa rác được thu gom xử hàng ngày về nơi xử lý.
- Chất thải rắn được phải được thu gom, phân loại mỗi ngày chứa trong các thùng có nắp và tập trung về khu tạm chứa để vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn để xử lý theo quy định.

6.8. Cây xanh:

- Cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu dân cư được trồng thành dãy rộng > 30m, chọn cây lá có bảng ít rụng, có sức đề kháng cao với khói bụi, chất độc.
- Cây xanh trong bản thân các nhà máy phải được trồng theo tỷ lệ tối thiểu bắt buộc theo quy định quản lý.

7. **Thiết kế đô thị:** các khu chức năng được quản lý như sau:

7.1. Khu điều hành:

- Diện tích : 2,3 ha.
- Tầng cao tối đa : 4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa : 50 %.
- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%.
- Chỉ giới xây dựng: cách chỉ giới đường đỏ ít nhất là 8m.
- Kiến trúc: Công trình khu điều hành thiết kế làm điểm nhấn cho khu vực quy hoạch, hiện đại, phù hợp với điều kiện khu vực và chức năng sử dụng.

7.2. Khu bố trí nhà máy, xí nghiệp:

- Diện tích: 83ha.
- Mật độ và tầng cao xây dựng : theo bảng 2.4 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%
- Chỉ giới xây dựng: cách chỉ giới đường đỏ ít nhất là 8m.

7.3. Khu xử lý rác, nước thải:

- Diện tích : 2,3ha.
- Tầng cao tối đa : 3 tầng
- Mật độ xây dựng tối đa : 50%
- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ đối với các công trình chính: 8m

7.4. Cây xanh cách ly:

- Diện tích: 19,6ha
- Cây xanh cách ly dọc theo hàng rào khu công nghiệp.
- Cây xanh đường phố phải bố tri hợp lý có tác dụng phân cách, chống bụi, chống ồn, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu và vệ sinh môi trường; cây xanh phải chọn lọc không gây độc hại, an toàn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng

đô thị. Cây xanh đường phố phải trồng đồng bộ khi thi công hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

8. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và kiểm soát môi trường:

Khu vực quy hoạch phải đối mặt với một số vấn đề môi trường như: ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước và suy thoái tài nguyên nước mặt, ô nhiễm do chất thải, nước thải sinh hoạt, ngập úng vào mùa mưa....Thực hiện quy hoạch phải tuân thủ quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường như:

- Thực hiện công tác kiểm soát, kiểm tra, kiểm kê và quan trắc môi trường không khí.
- Bảo vệ môi trường nước Rạch Phù Dật và kênh xáng Cây Dương.
- Nước bẩn sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước bẩn chung.
- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trên lưu vực Rạch Phù Dật và kênh xáng Cây Dương, tại khu vực xử lý nước thải, ...giám sát tình hình ô nhiễm môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Đối với rác thải sinh hoạt được thu gom về khu xử lý.
- Đối với chất thải xây dựng: Các chủ công trình phải đăng ký vận chuyển với công ty môi trường đô thị, không đổ ra các khu vực xung quanh.
- Đối với chất thải công nghiệp: Chất thải độc hại phải được thu gom để xử lý riêng.
- Nước thải sinh hoạt được thu gom và phân loại theo khả năng phân hủy, có biện pháp xử lý riêng cho từng loại. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước bẩn và sử dụng công nghệ hiện đại để giảm mức độ ảnh hưởng ô nhiễm đất do nước bẩn bị ô nhiễm đổ ra môi trường đất.

9. Các công trình ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đào hệ thống kênh dọc tuyến cách ly của đường điện và cặp khu cây xanh cách ly để thu nước mưa cho dân cư xung quanh khu vực quy hoạch.
- Xây dựng trục giao thông kết nối giữa Quốc lộ 91 vào khu công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đầu mối hạ tầng cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải theo quy mô đợt đầu.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này là bản Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điều 3. Giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang phối hợp UBND huyện Châu Phú:

1. Tổ chức công bố đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.

2. Phối hợp với UBND huyện Châu Phú chỉ đạo việc thực hiện đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành theo đúng quy hoạch và pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc sở Xây dựng, Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc sở Công Thương, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, Th

trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: XD, TNMT, KHĐT, CT;
- BQL Khu kinh tế tỉnh AG;
- UBND huyện Châu Phú;
- CVP và P: XDCB, KT;
- Lưu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU TỶ LỆ 1/2000 MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG, HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo quyết định số: 1460/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện:

- Các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong nước và ngoài nước có liên quan tham gia đầu tư xây dựng phát triển đô thị trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang phải thực hiện theo quy định này.

- Căn cứ vào đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang được duyệt. Các cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai có liên quan theo quyền hạn, trách nhiệm được giao giới thiệu địa điểm, công khai và cung cấp thông tin quy hoạch, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình cải tạo và xây dựng theo đúng quy hoạch và pháp luật.

2. Ranh giới, tính chất, quy mô, khu vực lập quy hoạch:

2.1. Ranh giới:

Khu vực quy hoạch thuộc xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có tứ cận như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đất dân cư cặp Quốc lộ 91.
- Phía Tây Bắc giáp đất dân cư cặp Rạch Phù Dật.
- Phía Tây Nam giáp một phần đất ruộng và Rạch Phù Dật.
- Phía Đông Nam giáp đất ruộng và dân cư cặp Kênh Cây Dương.

2.2. Tính chất:

- Là khu công nghiệp chính của chuỗi đô thị Bình Long – Cái Dầu – Vịnh Tre.
- Là khu công nghiệp đa ngành; khai thác vùng nguyên liệu chế biến nông, thủy sản; hàng tiêu dùng, hàng may mặc, sản phẩm phục vụ nông nghiệp, phân bón, thức ăn gia súc,...và các loại hình công nghiệp ít gây ô nhiễm (từ cấp IV trở xuống).

2.3. Qui mô: đất đai 120 ha

2.4. Quy hoạch sử dụng đất: tổng diện tích trong khu quy hoạch là 120 ha được phân thành các khu như sau:

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
1	Đất bố trí công nghiệp: *- Lô A* *- Lô B* *- Lô C* *- Lô D* *- Lô E*	83,00 *16,30* *16,30* *22,00* *16,20* *12,30*	69,17
2	Đất Khu Điều hành	2,30	1,92
3	Đất Khu xử lý rác - nước thải	2,30	1,92
4	Đất giao thông	12,80	10,67
5	Đất cây xanh – Cây xanh cách ly	19,60	16,32
	TỔNG CỘNG	**120,00**	**100,00**

2.5. Cơ cấu bố trí các loại hình công nghiệp trong khu quy hoạch:

- Lô A (diện tích 16,3ha): bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy phân vi sinh; Nhà máy thức ăn gia súc; …

- Lô B (diện tích 16,3ha): bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy thức ăn thủy sản; Nhà máy tấm tường vật liệu nhẹ (Rơm + Kaolin + Hóa chất); Nhà máy chế tạo cơ khí (Chế tạo máy nông nghiệp); Nhà máy sản xuất cơ khí (khung thép xây dựng, cơ khí cầu đường, cán Tole, mạ kẽm,.)

- Lô C (diện tích 22ha): bố trí công trình mức độc hại cấp V gồm: May mặc; Da giày; Sản phẩm từ da thuộc nhân tạo; Dược phẩm, thuốc thú y; …

- Lô D (diện tích 16,2ha): bố trí công trình mức độc hại cấp V gồm: Nhà máy chế biến thực phẩm, hàng tiêu dùng; Chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ thủy sản; Bột dinh dưỡng, phở, mì, bún ăn liền; Rau, đậu đông lạnh; Chế biến nấm, hàng nông sản đóng hộp; Sản xuất gia vị, nước chấm; Hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ xuất khẩu; …

- Lô E (diện tích 12,2ha): bố trí công trình mức độ độc hại cấp IV gồm: Nhà máy Ceramic cao cấp; Sứ vệ sinh; Gạch không nung; …

3. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

3.1. San nền:

- Quản lý chặt chẽ cao độ xây dựng của từng dự án, công trình; tuân thủ cao độ khống chế xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Thiết kế mạng lưới thoát nước phải đảm bảo thoát nhanh, không gây ngập úng.

3.2. Giao thông:

- Quy định xây dựng mạng lưới giao thông phù hợp với bản đồ quy hoạch giao thông đô thị được phê duyệt.

- Hành lang bảo vệ tuyến và các công trình giao thông đường bộ phải tuân thủ theo quy định của Luật Đường bộ số 26/2001/QH10 và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3.3. Cấp nước:

- Nguồn cấp nước lấy từ hệ thống cấp nước hiện hữu của Khu công nghiệp Bình Long (GĐ1) nằm cạnh bờ sông Hậu.

- Hệ thống cấp nước phải đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt, nước tưới cây, nước chữa cháy ...

3.4. Cấp điện:

- Điện lưới được cung cấp từ trạm 110/35/22KV Bình Long nằm kế cận khu công nghiệp – Lưới trung thế dẫn đến từng nhà máy treo trên các trụ điện.

- Theo công suất yêu cầu mà có trạm hạ thế cho mỗi nhà máy, xí nghiệp đặt trong đất khuôn viên.

3.5. Thoát nước:

Xây dựng hệ thống thoát nước phải đảm bảo thu gom hết các loại nước thải công nghiệp và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

3.6. Thông tin liên lạc:

Sử dụng tổng đài huyện Châu Phú đấu nối vào khu vực quy hoạch theo tuyến đường số 01 đảm bảo phục vụ cho khu quy hoạch. Tuyến cáp quang đi âm trong ống chuyên dùng PVC Ø168.

3.7. Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Rác thải:

+ Rác thải trong từng xí nghiệp được thu gom tạm từ trong bản thân nhà máy và được đưa về khu xử lý theo chu kỳ.

+ Rác thải tại các khu công cộng được phân loại chưa trong thùng chưa rác riêng được thu gom theo giờ trong ngày.

+ Rác công nghiệp đặc biệt (có chứa chất độc hại, rác có yêu cầu xử lý riêng, ...) được đưa về khu chứa rác tạm của khu công nghiệp và được đưa đi xử lý theo chu kỳ riêng của loại rác thải độc hại.

3.8. Cây xanh đô thị:

- Công viên cây xanh bố trí thành dải dọc theo các trục đường, và trong từng khu dịch vụ điều hành, từng nhà máy xí nghiệp.

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

4. Quy định đối với công trình xây dựng:

4.1. Khu điều hành: Ký hiệu: (1)

Gồm các công trình: Nhà quản lý, điều hành trung tâm của khu công nghiệp; Cửa hàng trưng bày sản phẩm mẫu của các xí nghiệp; Cửa hàng giải khát cho công nhân nghỉ giữa ca; Cửa hàng tiêu dùng tạm cho công nhân có yêu cầu trong ngày làm việc; Tổ y tế của khu công nghiệp (sơ cứu khẩn cấp và dịch vụ y tế thông thường khác). Được quản lý như sau:

- Diện tích : 2,3 ha.
- Tầng cao tối đa : 4 tầng.
- Mật độ xây dựng tối đa : 50 %.
- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%.

- Chỉ giới xây dựng: cách chỉ giới đường đỏ ít nhất là 8m.

- Kiến trúc: Công trình khu điều hành thiết kế làm điểm nhấn cho khu vực qu hoạch, hiện đại, phù hợp với điều kiện khu vực và chức năng sử dụng.

4.2. Khu bố trí nhà máy, xí nghiệp: gồm 5 cụm ký hiệu A, B, C, D, E.

- Diện tích: 83 ha.

- Mật độ và tầng cao xây dựng: Theo bảng 2.4 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gi về Quy hoạch xây dựng.

- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%

- Chỉ giới xây dựng: cách chỉ giới đường đỏ ít nhất là 8m.

4.3. Khu xử lý rác, nước thải: Ký hiệu: (2)

- Diện tích : 2,3ha
- Tầng cao tối đa : 3 tầng
- Mật độ xây dựng tối đa : 50%
- Mật độ cây xanh tối thiểu : 20%
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ đối với các công trình chính: 8m

4.4. Cây xanh cách ly:

- Diện tích: 19,6ha.

- Cây xanh cách ly dọc theo hàng rào khu công nghiệp.

- Cây xanh đường phố phải bố tri hợp lý có tác dụng phân cách, chống bụi, chốn ồn, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu và vệ sinh môi trường; cây xanh phải chọ lọc không gây độc hại, an toàn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đ thị. Cây xanh đường phố phải trồng đồng bộ khi thi công hệ thống kỹ thuật hạ tầng.

- Cây xanh trồng trên vỉa hè phải chọn:

+ Cây có thân thẳng, gỗ dai đề phòng bị giòn gảy bất thường, tán lá gọn, thâ cây không có gai.

+ Lá cây có bản rộng để tăng cường quá trình quang hợp, tăng hiệu quả làn sạch môi trường.

5. Quy định đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. San nền:

- Chống lũ triệt để với cao trình san lấp +4.4m so với hệ cao độ quốc gia.
- Cao độ xây dựng nền nhà xưởng : > +4,8m.
- Độ dốc nền thiết kế : > 0.2‰.
- Độ dốc ngang của đường : i = 2%.
- Độ dốc dọc đường : i = 0,5%
- Tổng diện tích san lấp : 105,1 ha.
- Tổng khối lượng san lấp : 2.987.800 m^3.

- Hướng thoát nước từ trong nền đất được đưa về phía rãnh thu nước và hệ thống thoát nước đặt dọc theo mạng lưới đường giao thông thoát ra kênh cây Dương.

5.2. Giao thông:

5.2.1. Giao thông bộ:

BẢNG THỐNG KÊ ĐƯỜNG TRONG KHU QUY HOẠCH

Stt	Tên đường	Lộ giới (m)	Chiều rộng quy hoạch (m)			Chiều dài (m)
			Vỉa hè	Lòng đường	Vỉa hè	
1	Đường số 1					1.065
	MC 1 - 1	22	3,5	15	3,5	
	MC 2 - 2	27	5	7,5 – 2 – 7,5	5	
2	Đường số 2 - MC 4 - 4	20,5	5	10,5	5	1.075
3	Đường số 3 - MC 3 - 3	19	5	9	5	1.080
4	Đường số 4 - MC 3 - 3	19	5	9	5	1.085
5	Đường số 5 - MC 3 - 3	19	5	9	5	709
6	Đường số 6 - MC 3 - 3	19	5	9	5	829,5

- Tổng chiều dài đường giao thông : 5.843,5 m
- Tổng diện tích đất giao thông : 12,8 ha = 128.000 m²
- Bố trí mạng đường theo nguyên tắc giảm thiểu các ngã tư tại các trục đường chính. Tất cả các tuyến đường đều đảm bảo xe cứu hỏa, cứu thương có thể đến tận hàng rào khi có sự cố xảy ra.
- Tại các giao lộ, bán kính gờ bó vỉa được thiết kế đúng với qui chuẩn xây dựng tạo điều kiện an toàn cho phương tiện giao thông.
- Kết cấu đường:

+ Mặt đường: Bê tông nhựa nóng.

+ Vỉa hè: Trồng cây, thảm cỏ kết hợp với lối đi bộ.

5.2.2. Giao thông thủy: Rạch Phù Dật, kênh xáng Cây Dương và sông Hậu.

5.3. Cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước cấp nước của khu công nghiệp Bình Long hiện hữu (GĐ1) nằm cạnh bờ sông Hậu. Hệ thống cấp nước đảm bảo các tiêu chuẩn cấp nước cho khu công nghiệp, nước sinh hoạt, nước tưới cây, nước chữa cháy,...
- Mạng lưới cấp nước bố trí theo mạng vòng với 02 tuyến cấp chính từ QL.91 và từ khu công nghiệp Bình Long hiện hữu cặp theo đường số 02 dẫn vào khu quy. Thiết kế đường ống tiết diện Ø100 ÷ Ø150 dọc theo các trục đường chính phân phối đến các nhà máy.
- Bố trí trụ chữa cháy tại các ngã ba, ngã tư đường giao thông và dọc tuyến ống, khoảng cách giữa 2 họng cứu hoả từ 100m - 150m, đảm bảo việc cấp nước liên tục.
- Chỉ tiêu cấp nước sản xuất: tối thiểu 20m^3/ha/ng.đêm.
- Tổng công suất tiêu thụ: 2.260 m^3/ngày

5.4. Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch lấy từ trạm 110/35/22KV Bình Long kế khu công nghiệp hiện hữu – lưới trung thế dẫn đến tận từng nhà máy trên các trụ điện. Các nhà máy, xí nghiệp có trạm hạ thế theo công suất yêu cầu sử dụng.
- Chỉ tiêu cấp điện sản xuất công nghiệp: 120 – 250 KW/ha.
- Dung lượng biến áp: 24.194KVA
- Hệ thống chiếu sáng:

+ Nguồn cấp điện: Hệ thống lưới điện hạ thế phân phối điện đến các tải chiếu sáng cho đường nội bộ khu vực.

+ Sử dụng loại đèn cao áp Sodium gắn trên trụ thép tráng kẽm cao 12m, bóng 250W-230V, 150W-230V và trụ đèn trang trí cao 17m gắn 8 x 400W (chỉ tại vòng xoay chính).

+ Tủ điều khiển chiếu sáng phân phối điện cho hệ thống chiếu sáng đường trong các giai đoạn. Tủ điều khiển này được cấp nguồn từ trạm biến áp của hệ thống chiếu sáng đường. Hệ thống chiếu sáng sẽ được điều khiển bởi bộ đếm thời gian và bộ tiết kiệm năng lượng nhằm đảm bảo độ sáng.

+ Tuyến dây chiếu sáng dùng cáp CVV 4x16mm² cách điện XLPE-0,4KV luồn trong ống PVC chôn ngầm.

5.5. Thoát nước:

- Xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa và nước bẩn riêng.
- Giai đoạn I: Đào hệ thống kênh dọc tuyến cách ly của đường điện và cặp khu cây xanh cách ly với dân cư bờ Tây kênh Cây Dương để thu nước mưa cho dân cư xung quanh. Giai đoạn II tiếp theo xây dựng tuyến cống thu nước cặp QL.91 và rạch Phù Dật thu nước cho khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng hầm tự hoại trước khi hòa vào cống chung.
- Nước thải sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp phải được xử lý ngay tại nơi sản xuất (đạt loại C TCVN 5945-2005) trước khi tập trung về trạm xử lý nước thải;
- Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý của cụm công nghiệp phải đạt giới hạn (cột A – TCVN 5945-2005) mới được phép xả ra kênh Cây Dương.
- Tổng lượng nước thải sinh hoạt: 1.800 m3/ngày đêm

5.6. Rác thải:

- Rác thải thông thường và rác thải tại các khu công cộng bố trí các thùng chứa rác được thu gom xử hàng ngày về nơi xử lý.
- Chất thải rắn được phải được thu gom, phân loại mỗi ngày chứa trong các thùng có nắp và tập trung về khu tạm chứa để vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn để xử lý theo quy định.

5.7. Cây xanh:

- Cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu dân cư được trồng thành dãy rộng > 30m, chọn cây lá có bảng ít rụng, có sức đề kháng cao với khói bụi, chất độc.
- Cây xanh trong bản thân các nhà máy phải được trồng theo tỷ lệ tối thiểu bắt buộc theo quy định quản lý.

- Cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu dân cư được trồng dày đặc thành dãy rộng ≥ 30m, chọn cây lá có bảng ít rụng, có sức đề kháng cao với khói bụi, chất độc.

- Cây xanh trong bản thân nhà máy phải được trồng theo tỷ lệ tối thiểu bắt buộc theo quy định quản lý theo đồ án.

5.8. Thông tin liên lạc:

- Nâng cấp bưu điện Châu Phú đáp ứng nhu cầu cho khu công nghiệp.
- Hệ thống thông tin liên lạc trong khu công nghiệp bao gồm tổng đài, dây

phân phối và hộp đấu nối vào mạng cho từng xí nghiệp.

- Tổng nhu cầu cho đường dây điện thoại trong khu công nghiệp khoảng 1200 lines. Nhằm phân phối các lines điện thoại như trên, sử dụng cáp quang trong ống PVC dọc theo các con đường chính và 2 ống PVC theo các con đường nhỏ. Hạ tầng viễn thông đủ cung cấp mạng, điện thoại, Tivi. Các tủ đấu nối cách nhau từ 50m – 80m.

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6. Quy định về tính pháp lý:

- Quy định Quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký.

- Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý, phát triển đô thị, đầu tư xây dựng trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã được phê duyệt;

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ảnh về Sở Xây dựng để nghiên cứu trình UBND tỉnh quyết định. Khi chưa có ý kiến của UBND tỉnh thì không được thay đổi.

- Ngoài những qui định cụ thể nêu trên, các qui định khác chưa qui định trong bản Quy định này thì tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01: 2008/BXD ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng và Tiêu chuẩn ngành có liên quan.

7. Kế hoạch tổ chức thực hiện:

- Sở Xây dựng có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn đô thị và các khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan trong phạm vi đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu Công nghiệp Bình Long đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế quản lý đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng, cấp chứng chỉ quy hoạch cho các dự án đầu tư vào đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu Công nghiệp Bình Long theo thẩm quyền được phân cấp.

8. Phân công trách nhiệm:

- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh căn cứ vào đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu Công nghiệp Bình Long đã được phê duyệt, tổ chức hoặc giao chủ đầu tư lập các dự án được giao thuộc đồ án quy hoạch này trên nguyên tắc không làm thay đổi các nội dung cơ bản của đồ án quy hoạch.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế có trách nhiệm tổ chức triển khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu Công nghiệp Bình Long theo đúng quy hoạch được duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở, ngành có liên quan.

- Việc điều chỉnh cục bộ một số nội dung trong đồ án quy hoạch được duyệt

(không thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu Kinh tế) thì phải được sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

9. Quy định công bố thông tin:

- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú tổ chức công bố đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu Công nghiệp Bình Long để các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan biết thực hiện.
- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh làm cơ sở đầu mối kết hợp với Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, sở Xây dựng, sở Tài nguyên & Môi trường định kỳ hàng năm cập nhật tình hình các dự án triển khai vào nội dung của đồ án quy hoạch.

Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Mở rộng Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và bản Quy định này được ấn hành và lưu giữ tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Xây dựng tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú;
- Ban Quan lý Khu kinh tế Tỉnh An Giang./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt

UBND TỈNH AN GIANG **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 142 /QĐ-BQLKKT	*An Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long; xã Châu Phú, tỉnh An Giang

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh một phần đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú;

Căn cứ Thông báo số 761/TB-KV IX ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX về kết quả kiểm toán tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Công văn số 143/VPUBND-KTN ngày 12 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Báo cáo kiểm toán hoạt động quản lý môi trường tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023 tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng tại Báo cáo số 147/QLQHXD ngày 14 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh bổ sung loại hình, ngành nghề đối với các Lô đất xây dựng nhà máy (Lô A, B, C, D, E) của Khu công nghiệp Bình Long, cụ thể như sau:

Lô đất	Loại hình, ngành nghề theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03/9/2008	Loại hình ngành nghề điều chỉnh
A	Chế biến lương thực.	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.
B	Chế biến nông, thuỷ sản.	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.
C	Chế biến có nguồn nguyên liệu nông, thuỷ sản, thức ăn, dầu cám	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.
D	May mặc, da giày.	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.
E	Cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp.	Sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, nông, thuỷ sản, sản phẩm có nguồn gốc từ nông, thuỷ sản; may mặc, da giày; cơ khí.

2. Điều chỉnh mật độ xây dựng các khu đất nhà máy, xí nghiệp (Lô A, B, C, D, E) trong khu công nghiệp Bình Long từ 40 – 50% thành 50 – 60%.

Điều 2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2008, Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng các phòng: Quản lý Quy hoạch và Xây dựng, Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp, Quản lý Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Châu Phú;
- TB và các PTB;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QLQHXD, nbtung.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Phạm Công Giát

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3102 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 2937/SXD-QLXD ngày 31/10/2016 của Sở Xây dựng An Giang về việc thẩm định Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1) với các nội dung sau:

1. Tên Dự án: Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1)

2. Địa điểm xây dựng: Huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang.

4. Quản lý dự án: Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang.

5. Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:

Hiện nay Khu công nghiệp Bình Long chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung; do đó; để giảm thiểu lượng nước thải của các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp thải ra môi trường tự nhiên làm ảnh hưởng môi trường xung quanh nên việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trong Khu công nghiệp Bình Long là cần thiết. Nhằm xử lý nước thải cho khu công

nghiệp để giảm thiểu ô nhiễm và các tác động của khu công nghiệp đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng cấp II.

7. Quy mô đầu tư và giải pháp xây dựng:

7.1. Giải pháp Kiến trúc – kết cấu:

a. Bể gom:

- Bể có kích thước AxBxH= 11.2x5,6x5.5m; chiều dày thành bể 0,30m; chiều dày đáy bể 0,40m; Dung tích V=344,96 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 40cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 30cm. Đỉnh bể là hệ thống Dầm bo, sàn bể Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 15cm.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90. Gia cường sức chịu tải bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m, mác M300, đá 1x2.

b. Cụm bể xử lý CB01.

- Cụm bể số 01 bao gồm: Bể lắng cát, tách dầu; Bể điều hòa; Bể trung gòa; Bể keo tụ; bể tạo bông; bể lắng hóa lý; Bể nén bùn hóa lý; Bể nén bùn sinh học; Bể chứa bùn.

- Cụm bể có kích thước AxBxH= 31.9x24,7x5.0m; bao gồm các bể : Bể lắng cát tách dầu , Bể điều hòa, Cụm bể phản ứng, Bể lắng hóa lý , Bể nén bùn hóa lý, Bể nén bùn sinh học, Bể chứa bùn; chiều dày thành bể 0,30m; chiều dày đáy bể 0,40m; Dung tích V=3939.65 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 40cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 30cm. Đỉnh bể là hệ thống Dầm bo, sàn bể Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 15cm (đối với bể nén bùn hóa lý, bể nén bùn sinh học, bể chứ bùn), phần còn lại của cụm bể không có nắp.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90. Gia cường sức chịu tải bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m, mác M300, đá 1x2.

c. Cụm bể xử lý CB02.

- Cụm bể 02 gồm: Bể Aerotank; Bể Anxonic; Bể trung gian.

- Cụm bể có kích thước AxBxH= 31.8x31.9.6x5.0 m; bao gồm các bể : 02 Bể Anoxic 1, 02 Bể Aeroten 1, Bể Anoxic 2, Bể Aeroten 2, Bể trung gian; chiều dày thành bể 0,30m; chiều dày đáy bể 0,40m; Dung tích V=5072.1 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 40cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 30cm. Đỉnh của cụm bể không có nắp.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90. Gia cường sức chịu tải bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m, mác M300, đá 1x2.

d. Bể lắng sinh học (02 Bể).

- Bể tròn có kích thước R= 6m; chiều dày thành bể 0,30m; chiều dày đáy bể 0,40m; Dung tích V=508.7 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 40cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 30cm. Đỉnh bể không có nắp.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90. Gia cường sức chịu tải bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m.

g. Bể khử trùng.

- Bể có kích thước AxBxH= 12.5x3,2x2,5m; chiều dày thành bể 0,30m; chiều dày đáy bể 0,40m; vách ngăn xây gạch 110mm;Dung tích V=100 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 40cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 30cm. Vách ngăn xây gạch dày 110mm, trát VXM M75, riêng ngăn cuối lát gạch men trắng để thuận lợi cho việc quan trắc nước đầu ra.

- Phụ gia cho bê tông: Phụ gia chống thấm và phụ gia hóa dẻo.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90, gia cường sức chịu tải bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m.

h. Hố ga đặt thiết bị đo lưu lượng.

- Bể có kích thước AxBxH= 5.4x2,4x2,5m; chiều dày thành bể 0,20m; chiều dày đáy bể 0,30m; vách ngăn dày 0,20m, cao 2,5m; Dung tích V=32.4 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M300, đá 1x2, dầy 30cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Thành bể là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 15cm. Vách ngăn là Bê tông M300, đá 1x2, dầy 15cm, cao 1,5m.

- Kết cấu bể BTCT trên đất nền đầm chặt K=0,90, gia cường bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m.

i. Nhà điều hành.

Công trình cấp III; Tổng diện tích sàn xây dựng 139,36m^2; công trình cao 01 tầng; Chiều cao công trình tính từ cốt ±0.000 (tương đương cốt +4.200 (CĐQG)) đến đỉnh mái là 6,05m; Móng đơn BTCT M250. Nền gia cố cọc BTCT 300x300 dài L =36m. Nền nhà (khu văn phòng) lát gạch granit nhân tạo 400x400. Nền khu WC chung lát gạch ceramic chống trơn 400x400. Mái lợp tôn; Trần BTCT mác M200, đá 1x2. Tường xây gạch BLOCK bê tông, vữa XM M75. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ, vách kính dùng cửa nhựa lõi thép, kính an toàn. Tường trong WC ốp gạch men 200x500 trắng, cao 2m có viền trang trí. Sơn 2 nước sơn màu xanh nhạt, kẻ Joint màu trắng.

k. Nhà bảo vệ.

Công trình cấp IV; tổng diện tích sàn xây dựng 16m^2; công trình cao 01 tầng; Chiều cao công trình tính từ cốt ±0.000 (tương đương cốt +4.200 (CĐQG)) đến đỉnh mái là 4,67m. Khung kết cấu bê tông cốt thép, tường bao xây gạch. Móng đơn BTCT. Nền nhà lát gạch CERAMIC 500x500mm, ốp chân tường lên cao 200mm, gạch ốp chân tường 200x500mm. Mái lợp tôn sóng vuông dày 0,45mm. Xà gồ thép hộp. Bê tông cốt thép M200 dày 100mm. Tường xây gạch không nung dày 220mm. Cửa đi, cửa sổ được thiết kế là cửa nhựa lõi thép.

l. Nhà để xe.

Công trình cấp IV; Tổng diện tích sàn xây dựng 40m^2; công trình cao 01 tầng; Chiều cao công trình tính từ cốt ±0.000 (tương đương cốt +4.200 (CĐQG)) đến đỉnh mái là 2,57m (không kể vì kèo). Móng đơn BTCT. Nền BTCT M200, láng mặt bằng vữa M100, cán phẳng, đánh mầu. Mái tôn sóng vuông liên tục màu xanh dương dày 0,4mm. Xà gồ sắt 30x60x1,2 KC 800.

m. Cụm nhà chức năng.

Công trình cấp III; Tổng diện tích sàn xây dựng 317,80m^2; công trình cao 01 tầng; Chiều cao công trình tính từ cốt ±0.000 (tương đương cốt +4.200 (CĐQG)) đến đỉnh mái là 6,53m. Kết cấu nhà kiên cố BTCT nằm trên hệ móng cột, gia cường sức chịu tải hoặc BTCT 300x300 dài L =12m. Nền BTCT mác M200, đá 1x2, dầy 20 cm, láng mặt bằng vữa M100, cán phẳng, đánh mầu. Mái lợp tôn màu xanh dày 0,4mm. Xà gồ thép hộp 80x40x1.8mm. Tường thu hồi kết hợp vì kèo. Dầm bo đỡ vì kèo, tường thu hồi. Tường xây gạch ốp 4 lỗ, vữa XM M75. Sơn 2 nước sơn màu. Trát tường vữa XM M75 dày 15mm. Trát tường vữa XM M75 dày 15mm. Sơn 2 nước sơn màu.

n. Xây mới bể chứa nước sạch.

- Bể có kích thước AxBxH= 2.94x2.14x1,8m; chiều dày thành bể 0,22m; chiều dày đáy bể 0,20m;Dung tích V=11,32 (m^3).

- Bể có cấu tạo: Đáy Bê tông mác M200, đá 1x2, dầy 20cm. Dưới là lớp bê tông lót mác M100, đá 2x4, dầy 10cm. Tường xây gạch đặc M75, trát vữa xi măng mác M75, mặt trong đánh mầu. Đỉnh bể là hệ thống Dầm bo, tấm đan. Giải pháp nền móng: đầm chặt đất nền K90, gia cường bằng cọc BTCT 300x300 dài L =36m.

o. Sân đường nội trạm.

- Đường bê tông nội trạm:

+ Kết cấu từ trên xuống dưới: Mặt đường bê tông đá 1x2 mác M250, cấp phối đá dăm loại 1 (dày 15cm), cấp phối đá dăm loại 2 (dày 20cm), lớp đất nền đầm chặt K=0,95 (dày 30cm).

+ Kích thước: Đường rộng 5m rộng 5m. Các khoảnh đổ bố trí theo chiều dài tuyến đảm bảo diện tích mỗi khoanh đổ không quá 25m^2.

+ Bó vỉa: Bố trí lại các biên đường, kết cấu BT mác M200, đá 1x2, kích thước viên loại 1 (0,3x0,2x0,3m) cho đoạn cong, kích thước viên loại 2 (1x0,2x0,3) cho đoạn thẳng.

+ Khe co giãn: Khe co giãn bố trí theo khoảnh đổ bê tông; khe co giãn bố trí cách nhau 25m theo chiều dài đường.

+ Độ dốc: Theo chiều dọc, độ dốc 0,2%; theo chiều ngang, độ dốc 1% về rãnh thoát nước mặt.

- Đường đi lát gạch block: Cấu tạo các lớp điển hình từ trên xuống dưới như sau

+ Gạch block tự chèn.

+ Cát vàng đầm chặt K=0,90, dày 10cm.

+ Đất nền đầm chặt K = 0,90, dày 15cm.

- Sân bê tông: Bố trí xung quanh nhà điều hành. Cấu tạo các lớp điển hình từ trên xuống dưới như sau:

+ BTXM đá 1x2, mác M200, dày 15cm

+ Lót bạt dứa

+ Đệm cát dày 5cm, đầm chặt

+ Đất san nền đầm chặt K=0.95, dày 30cm

p. Thoát nước mặt nội trạm.

Bố trí dọc theo đường bê tông nội trạm.

- Rãnh thoát nước B300:

+ Rãnh thoát nước B300 được bố trí nằm dưới lòng đường cạnh bó vỉa hè, độ dốc từ 2% đến 4%

+ Hố ga được bố trí dọc theo tuyến rãnh, tại đầu, cuối tuyến và các nút giao.

- Ống HDPE: Ống HDPE thoát nước từ hố ga A1 ra hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp, độ dôc 0,4%.

q. Cổng, biển hiệu công trình, tường rào.

- Cổng:

+ Kiểu: đẩy trượt trên ray dẫn hướng. Kết cấu thép hộp , mặt trước bịt tôn

+ Ray dẫn hướng: Thép V63x63 đặt trên bệ BTCT mác M200, đá 1x2. Kích thước bệ đỡ (10x0,9x0,2m)

+ Kích thước cổng: Cao 2,0m, rộng 5,0m.

+ Sơn: toàn bộ cổng sơn một lớp sơn chống gỉ và 2 lớp sơn màu

- Biển hiệu công trình:

+ Kích thước: cao 2,2m; rộng 2,5m; Bản đáy dầy 0,22m.

+ Kết cấu: Xây gạch chỉ VXM M75, mặt ngoài ốp gạch Granite, mặt trong trát phẳng.

+ Chữ: Chữ inox màu trắng nhô khỏi mặt đá granite 3cm.

- Tường rào:

+ Hàng rào hoa sắt bố trí tại mặt tiền của nhà máy, các cạnh còn lại là hàng rào xây gạch VXM M75, trát hai mặt.

+ Móng hàng rào: móng băng, mặt trên rộng 30cm, kết cấu BTCT đá 1x2 mác M200, bê tông lót đá 2x4 mác M100 dày 10cm.

+ Trụ hàng rào: Trụ vuông, xây gạch đặc mác M75, trát vữa VXM M75dầy 2cm, chiều cao 2,2m (tính từ cos 0.00).

+ Khoảng cách trụ: Tại vị trí mặt tiền, các trụ các nhau 4m. Các vị trí khác trụ cách nhau 3,5m.

+ Khe lún: Khe lún được bố trí dọc theo chiều dài hàng rào, khoảng cách bố trí các khe lún là từ 30 đến 40m.

r. Cây xanh, thảm cỏ.

- Trồng cỏ lá gừng.

- Trồng cây bóng mát xuất xứ địa phương, giá thành hợp lý.

s. Hồ điều hòa.

- Bố trí hồ điều hòa nước thải sau xử lý diện tích mặt hồ 40x25m=1000m2, sâu 2m. Hành lang bờ hồ: Xây đá hộc VXM M75, cao 0,5m, rộng 0,5m bao quanh hồ. Kết cấu kè hồ điều hòa: BTCT mác 200, dày 15cm, đá 1x2. Lót nylon. Đắp đất dính đầm chặt K=0,90. Xây đá hộc VXM M75, rộng 1m, cao 1m bao quanh ổn định kè hồ. Kết cấu đáy hồ điều hòa: BT mác 200, dày 15cm, đá 1x2. Lót nylon. Đắt đất dính đầm chặt K=0,90. Đất tự nhiên.

t. Hệ thống thoát nước sau xử lý.

- Bố trí tuyến ống HDPE từ hố ga đo lưu lượng ra hồ điều hòa

- Bố trí tuyến ống HDPE thoát nước sau xử lý từ hồ điều hòa ra hệ thống thoát nước của KCN.

- Hố ga BTCT đá 1x2, M200.

- Đậy nắp hố ga bằng tấm đan BTCT đá 1x2, M200

- Đắp đất hoàn trả xung quanh hố ga, đầm chặt K=0,90

u. Bãi nhập nguyên liệu và Bến thủy khu công nghiệp

- Kích thước: mãi nhập liệu (100x20)m; Đường dẫn (20x8)m; Đường dẫn cầu cảng (30x8)m; Bến cảng neo đậu tầu thuyền (30x10)m. .

- Bãi nhập liệu và đường chuyển tiếp giữa bãi nhập liệu và bến thủy:

+ BTCT đá 1x2, mác M300, dày 20cm (thép D10, a150 bố trí 2 lớp).

+ Rải bạt dứa chống thấm

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 20cm, loại 2 dày 30cm, đầm chặt K=0,98

+ Đất nền đầm chặt K=0,98, dày 30cm

- Cấu tạo đường dẫn cầu cảng và phạm vi neo đậu bến tàu:

+ Thảm bê tông nhựa hạt trung dày 5cm

+ Tưới lớp nhựa bám dính mặt cầu, 1kg/m2

+ Lớp phòng nước mặt cầu

+ Bê tông sàn, dầm, mác M300, đá 1x2

+ Cọc BTCT 300x300 dài L =36m. Chiều dài đủ chịu lực và xuyên sâu vào lớp đất tốt lòng sông.

- Phần hoàn thiện mặt cầu và bến neo đậu:

+ Biển báo hiệu

+ Hệ thống chống và đập

+ Hệ thống chiếu sáng: Đèn cao áp, cột thép mạ kẽm liền cần, công suất bóng 250W

+ Hệ thống neo tàu.

7.2. Thiết bị: (phụ lục kèm theo)

8. Tổng mức đầu tư: 102.486 triệu đồng. Trong đó:

Tên chi phí	**Giá trị dự toán** (triệu đồng)
Chi phí xây dựng	44.890
Chi phí thiết bị	35.392
Chi phí quản lý dự án	1.397
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.689
Chi phí khác *- Phí thẩm định dự án ĐTXD*	2.884 *12,75*
Chi phí dự phòng	14.234
Tổng cộng	**102.486**

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 90.000 triệu đồng (Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm

công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015).

- Ngân sách tỉnh: 12.486 triệu đồng (Phần còn lại của dự án).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2016-2020.

11. Tiến độ và phân kỳ đầu tư:

Năm thực hiện	**Ngân sách Trung ương hỗ trợ** (triệu đồng)	**Ngân sách tỉnh** (triệu đồng)	**Ghi chú**
Tổng cộng	**90.000**	**12.486**	
Năm 2016-2017	15.000	2.400	Năm 2016 Chuẩn bị đầu tư
2018	15.000	2.400	
2019	15.000	2.400	
2020	30.766	5.286	
Chi phí dự phòng	14.234		

12. Hình thức đầu tư: Xây mới.

13. Hiệu quả đầu tư:

+ Đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của các nhà máy trong Khu công nghiệp;

+ Ngăn ngừa tình trạng xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra ngoài môi trường, gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sản xuất của người dân quanh KCN;

+ Thu hút càng nhiều đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia vào xây dựng các nhà máy và sản xuất tại đây;

+ Cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường cho hoạt động sản xuất trong KCN cũng như môi trường chung của khu vực;

+ Làm cơ sở cho việc thúc đẩy kinh tế phát triển thông qua việc thu hút đầu tư;

+ Tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp cũng như các tệ nạn xã hội;

+ Góp phần xây dựng tỉnh An Giang ngày càng văn minh, hiện đại, đời sống người dân ngày càng được nâng cao.

14. Phương thức tổ chức thực hiện: Theo Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

15. Tổ chức tư vấn lập Dự án: Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh.

16. Chủ nhiệm lập Dự án: KS. Phạm Văn Thuần.

17. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn lập Dự án: Phù hợp theo quy định.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật theo đúng Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý đầu tư và xây dựng; đồng thời thực hiện theo các nội dung kiến nghị tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2937/SXD-QLXD ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng

UBND TỈNH AN GIANG
BQL KHU KINH TẾ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2918/BB-NTHT

An Giang, ngày 16 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Dự án: **Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Bình Long (gđ 1)**
Gói thầu số 12: **hệ thống xử lý nước thải (bao gồm thiết bị).**
Địa điểm: **KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.**

1. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh An Giang.

Ông: **Phạm Công Giát** Chức vụ: Phó Trưởng Ban.

Ông: Trần Chí Hoàng Chức vụ: Chuyên viên.

Đại diện nhà thầu thi công: Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN.

Ông: **Lê Đức Bảo** Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Ông: Nguyễn Thanh Hường Chức vụ: Chỉ huy Trưởng công trình.

Đại diện tư vấn giám sát: Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông KTC

Ông: **Trịnh Gia Khải** Chức vụ: Giám đốc.

Ông: Trần Văn Tống Chức vụ: cán bộ giám sát.

Đại diện tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần công nghệ Biển Xanh

Ông: **Nguyễn Đình Sơn** Chức vụ: Giám đốc.

Bà : Bùi Thị Hiền Chức vụ: Chủ nhiệm thiết kế.

2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:
Bắt đầu: 08 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2021.
Kết thúc: 10 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2021.

Tại công trình: Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Bình Long (gđ 1). KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

Căn cứ Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-SXD ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-SXD ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: hồ sự cố, hạng mục phát sinh và lắp đặt hệ thống PCCC thuộc dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-SXD ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Sở Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán chi phí thiết bị công trình hồ sự cố, hạng mục phát sinh và lắp đặt hệ thống PCCC thuộc dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-BQLKKT ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình phát sinh khối lượng nhà cách âm của nhà đặt máy thổi khí (dãy nhà chức năng) và sàn thao tác (hồ sự cố) của gói thầu số 12: hệ thống xử lý nước thải (bao gồm thiết bị) thuộc dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long (giai đoạn 1), xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Thông báo chấp thuận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành số: 2171/SXD-GĐXD ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Báo cáo thông tin hạng mục công trình số 1094/BQLKKT-QLĐT ngày 14/6/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Hợp đồng số: 836/2018/HĐ-BQLKKT ngày 28/06/2018;

Phụ lục hợp đồng số 1238/2019/PLHĐ-XD ngày 04/10/2019;

Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 1603/2020/PLHĐĐC-XD ngày 22/09/2020;

Phụ lục hợp đồng số 1971/2020/PLHĐ-XD ngày 06/11/2020;

Phụ lục hợp đồng số 2343/2020/PLHĐ-XD ngày 30/12/2020;

Phụ lục hợp đồng số 535A/2021/PLHĐ-XD ngày 30/03/2021;

Phụ lục hợp đồng số 769A/2021/PLHĐ-XD ngày 07/05/2021;

Phụ lục hợp đồng số 1536A/2021/PLHĐ-XD ngày 30/07/2021;

Phụ lục hợp đồng số 1621A/2021/PLHĐ-XD ngày 09/08/2021;

Phụ lục hợp đồng số 1623A/2021/PLHĐ-XD ngày 09/08/2021.

b. Tiêu chuẩn quy phạm xây dựng được áp dụng: Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

c. Căn cứ phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu xây dựng:

Nhật ký thi công và nhật ký giám sát xây dựng công trình.

Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng.

Biên bản xử lý kỹ thuật, phát sinh.

Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.

Hồ sơ KCS, các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu cho công trình.

Hồ sơ hoàn công công trình do Công ty Cổ phần kỹ thuật SEEN được cán bộ giám sát và đại diện các bên ký xác nhận.

Biên bản kiểm tra công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng.

Những điều kiện chuẩn bị để đưa hạng mục công trình vào sử dụng.

4. Về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành:

Kiểm tra khối lượng công trình tại hiện trường đối với khối lượng theo hồ sơ thiết kế được duyệt: đúng theo hồ sơ thiết kế được duyệt và các xử lý kỹ thuật được duyệt.

Kiểm tra các số liệu thí nghiệm, đo đạc, quan trắc, các kết quả thử nghiệm, đo lường, kết quả kiểm định chất lượng công trình đối chiếu với số liệu theo hồ sơ thiết kế được duyệt: đạt theo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt.

Kiểm tra chất lượng công trình tại hiện trường đối chiếu với yêu cầu của thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật : đạt theo yêu cầu hồ sơ thiết kế được duyệt.

5. Về tiến độ xây dựng hạng mục, công trình:

Tiến độ thực hiện theo hợp đồng:

- Ngày khởi công : 04/07/2018.

- Ngày hoàn thành: 31/12/2021.

Tiến độ thực hiện theo thực tế:

+ Ngày khởi công : 04/07/2018.

+ Ngày hoàn thành: 16/12/2021.

Kết luận: Hội đồng thống nhất nghiệm thu gói thầu số 12: hệ thống xử lý nước thải (bao gồm thiết bị) thuộc dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long (giai đoạn 1) đưa công trình vào sử dụng.

Các yêu cầu khác (nếu có): đề nghị đơn vị thi công Công ty Cổ phần kỹ thuật SEEN thực hiện việc bảo hành, sữa chữa các hạng mục công trình (nếu có hư hỏng) đúng theo hợp đồng được ký kết và theo qui định hiện hành.

Biên bản có đọc lại các bên cùng nghe và thống nhất ký tên./.

ĐD. ĐƠN VỊ THI CÔNG **CÔNG TY CỔ PHẦNKỸ THUẬT SEEN** **TỔNG GIÁM ĐỐC**	**ĐD. CHỦ ĐẦU TƯ** **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ AN GIANG** **PHÓ TRƯỞNG BAN**
Lê Đức Bảo	**Phạm Công Giát**
ĐD. ĐƠN VỊ GIÁM SÁT **CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC** **GIÁM ĐỐC**	**ĐD. ĐƠN VỊ THIẾT KẾ** **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH** **GIÁM ĐỐC**
Trịnh Gia Khải	**Nguyễn Đình Sơn**

UBND TỈNH AN GIANG
BQL KHU KINH TẾ
Số: ...../SY - BQL
SAO Y BẢN CHÍNH
An Giang, Ngày 24 tháng 12 năm 2021
TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG

Hồ Hải Dang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2187/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 14 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư dự án Hồ sự cố và thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Hòa (giai đoạn 1)
Địa điểm: xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 1446/TTr-BQLKKT ngày 31 tháng 08 năm 2020 và kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 609/BC-SKHĐT ngày 11/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hồ sự cố và thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Hòa (giai đoạn 1) do Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý dự án:

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo điều kiện hoạt động phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Bình Hòa khi hệ thống bị sự cố, không hoạt động được và lưu trữ nước thải của doanh nghiệp tại hồ sự cố và lắp đặt thiết bị theo dõi số liệu quan trắc tự động, góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bình Hòa.

2. Quy mô đầu tư:

Tổng diện tích đất đầu tư khoảng 3.300 m^2, bao gồm các hạng mục:

- Hồ sự cố, hệ thống thoát nước.

- Hạng mục: Hàng rào.

- Hạng mục: Thiết bị.

- Các công trình phụ trợ khác như: hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thu gom, thoát nước, thông tin liên lạc, hệ thống mạng internet ...

3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

4. Tổng mức đầu tư dự án: **3.377,88 triệu đồng.** Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 2.484,37 triệu đồng.
- Chi phí thiết bị : 224,66 triệu đồng.
- Chi phí quản lý dự án : 74,85 triệu đồng.
- Chi phí tư vấn xây dựng : 251,22 triệu đồng.
- Chi phí khác : 34,40 triệu đồng.
- Chi phí dự phòng : 307,38 triệu đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Phân kỳ đầu tư:

Năm đầu tư	**Nguồn vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý**
2021	1.224
2022	2.153
Tổng cộng	**3.377**

6. Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

7. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án: Năm 2021-2022.

8. Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

Dự án sau khi hoàn thành góp phần thực hiện đúng các quy định, tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải môi trường, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp hoạt động hiệu quả cao, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và sản xuất của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Bình Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý Khu kinh tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành hồ sơ dự án Hồ sự cố và thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Hòa (giai đoạn 1) trình cấp thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh: CT và PCT Lê Văn Nưng;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, XD, TN&MT;
- Kho bạc Nhà nước An Giang;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- UBND huyện Châu Thành;
- VPUBND tỉnh: LĐVP và các phòng KTN, KTTH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh
Email: ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 15-09-2020 16:53:32 +07:00

Lê Văn Nưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1821 /QĐ-UBND	*An Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh diện tích thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 309/TTr-STNMT ngày 25 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang tại Điều 1 Quyết định số 1222/QĐ.CT.UB ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh từ **204.930 m^2** thành **203.664,4 m^2**.

Thu hồi **1.670,2 m^2** đất do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang sử dụng tại Quyết định số 2394/QĐ.CT.UB ngày 08 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú để sử dụng vào mục đích giao thông (lối đi chung cho các hộ dân trong khu vực).

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích đo địa chính tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin tài nguyên môi trường lập ngày 21 tháng 8 năm 2015 kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 1222/QĐ.CT.UB ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, người có đất bị thu hồi và người được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Nưng

Nơi nhận:
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Châu Phú;
- BQL Khu Kinh tế tỉnh;
- Lưu: HCTC, KT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 1222 /QĐ.CT.UB	Long Xuyên, ngày 17 tháng 5 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG
V/v thu hồi và giao đất cho
Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21/6/1994 ;
- Căn cứ Luật Đất đai được Quốc Hội thông qua ngày 14/7/1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 29/6/2001 ;
- Căn cứ Quyết định số 2360/QĐ.CT.UB ngày 02/11/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Bình Long huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và Tờ trình số 181/TT.KHĐT ngày 10/4/2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và được UBND tỉnh phê duyệt chấp thuận ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính tại Tờ trình 108/TT.ĐC ngày 16/5/2002,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thu hồi diện tích 204.930m^2 đất do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang quản lý sử dụng và giao cho Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang để thực hiện dự án đầu tư xây dựng sơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Vị trí khu đất thuộc các thửa số 245 đến 248; tờ bản đồ Địa chính số 04 xã Bình Long, huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang (bản đồ giao đất, thuê đất tỷ lệ 1/1000 số 500802009/GĐ-TĐ kèm theo).

Điều 2: Sau khi có quyết định thu hồi và giao đất :

1/. UBND huyện Châu Phú có trách nhiệm :

- Cùng Sở Địa chính chỉ đạo xác định mốc giới khu đất tại hiện trường và lập hồ sơ địa chính theo sự phân cấp và thẩm quyền quản lý .
- Chỉ đạo lập phương án đền bù và tổ chức thực hiện đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt .

2/. Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang có trách nhiệm :

- Tham gia lập phương án đền bù, chi trả tiền đền bù kịp thời theo phương án được duyệt.

- Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại điều 79 Luật Đất đai ban hành ngày 24/7/1993 .

- Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất cho phép thì đất đã giao sử dụng sẽ bị thu hồi.

3/. Các đối tượng đang sử dụng đất trong phạm vi ranh giới đất bị thu hồi phải chấp hành di dời và giao đất cho Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang đúng kế hoạch giải phóng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3: - Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Địa chính, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, Chủ tịch UBND xã Bình Long, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Trưởng Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang và các đối tượng bị thu hồi đất chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- *Như điều 3.*
- *Lưu VT.*

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Kim Ngọc

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 2394/QĐ.CT.UB	*Long Xuyên*, ngày 8 tháng 10 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG
V/v thu hồi và giao đất
cho Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21/6/1994;
- Căn cứ Luật đất đai được Quốc Hội thông qua ngày 14/7/1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29/6/2001;
- Căn cứ Quyết định số 2360/QĐ-CT-UB ngày 02/11/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Bình Long huyện châu Phú, tỉnh An Giang và Tờ trình số 181/TT.KHĐT ngày 10/4/2002 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và được UBND tỉnh phê duyệt chấp thuận;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính tại Tờ Trình số 158 /TT.ĐC ngày 02/10/2002 ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều1: Nay thu hồi 169.182m² đất do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang quản lý sử dụng và giao cho Ban quản lý khu Công nghiệp tỉnh An Giang để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Công nghiệp Bình Long đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Vị trí khu đất thuộc thửa số 02 (diện tích 143.439,4m²), tờ bản đồ số 04 xã Bình Long và thửa số 19 (diện tích 25.743,5m²), tờ bản đồ số 45 thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (bản đồ trích đo địa chính khu đất số 500802017, 500802018/TĐ-GĐ-TĐ kèm theo).

Điều2: Sau khi có Quyết định thu hồi, giao đất:

1/ UBND huyện Châu Phú có trách nhiệm:

- Cùng Sở Địa chính chỉ đạo xác định mốc giới khu đất tại hiện trường và lập hồ sơ địa chính theo sự phân cấp và thẩm quyền quản lý.
- Chỉ đạo lập phương án đền bù và tổ chức thực hiện đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2/ Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang có trách nhiệm :

- Tham gia lập phương án đền bù, chi trả tiền đền bù kịp thời theo phương án được duyệt.

- Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai ban hành ngày 24/7/1993.

- Sau 12 tháng kể từ ngày được giao đất nhưng không sử dụng mà chưa có ý kiến quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì bị thu hồi.

3/ Các đối tượng đang sử dụng đất trong phạm vi ranh giới đất bị thu hồi phải chấp hành di dời và giao đất cho Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang đúng kế hoạch giải phóng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3: - Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Địa chính, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, Chủ tịch UBND xã Bình Long, thị trấn Cái Dầu, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Các đối tượng bị thu hồi đất và Trưởng Ban quản lý Khu Công nghiệp tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 3.
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG
PHÓ CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 1163 /QĐ.CT.UB	*Long Xuyên*, ngày 25 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG

V/v thu hồi và giao đất bổ sung cho
Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP T.AN GIANG
ĐẾN Số: 270
Ngày: 30/6/03
Chuyển:

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi) ngày 21/6/1994;
- Căn cứ Luật đất đai được Quốc Hội thông qua ngày 14/7/1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 02/12/1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 29/6/2001;
- Căn cứ công văn số 35/CV-KCN ngày 16/5/2003 của Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh An Giang về việc xin giao đất bổ sung;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tại Tờ Trình số 26 /TT.TN&MT ngày 24 / 6 /2003,

QUYẾT ĐỊNH

Điều1: Nay thu hồi 1.517,9m^2 đất do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang quản lý sử dụng và giao bổ sung cho Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh An Giang để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long đã được phê duyệt.

Vị trí khu đất thuộc thửa số 134, tờ bản đồ số 45 thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/500 số 500803011/TĐ-GĐ-TĐ (TC) kèm theo).

Điều2: Sau khi được quyết định thu hồi, giao đất:

1/ UBND huyện Châu Phú có trách nhiệm:

- Cùng Sở Tài nguyên & Môi trường chỉ đạo xác định mốc giới khu đất tại hiện trường và lập hồ sơ địa chính theo sự phân cấp và thẩm quyền quản lý.
- Chỉ đạo lập phương án đền bù và tổ chức thực hiện đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng đất, kiến trúc xây dựng và bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.

2/ Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh An Giang có trách nhiệm :

- Tham gia lập phương án đền bù, chi trả tiền đền bù kịp thời theo phương án được duyệt.
- Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai.
- Đất không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liền mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất cho phép thì đất đã giao sử dụng sẽ bị thu hồi.

3/ Các đối tượng đang sử dụng đất trong phạm vi ranh giới đất bị thu hồi phải chấp hành di dời và giao đất cho Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh An Giang đúng kế hoạch giải phóng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3: - Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, Chủ tịch UBND thị trấn Cái Dầu, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Các đối tượng bị thu hồi đất và Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh An Giang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như điều 3.
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Kim Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 498 /QĐ-UBND	*Long Xuyên, ngày 22 tháng 02 năm 2006*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi và giao đất cho Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Điều 30, Điều 31 và Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 36/ TTr-STNMT ngày 15 tháng 02 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thu hồi **549.5** m^2 đất tại thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang quản lý sử dụng. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản đồ thu hồi đất do Văn phòng Đăng ký đất & Thông tin tài nguyên môi trường lập ngày 11/02/2006 kèm theo.

Giao cho Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp tỉnh An Giang diện tích **549.5**m^2 đất nói trên để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng khu tái định cư thuộc Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (giai đoạn 2).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Châu Phú và Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp tỉnh An Giang có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp tỉnh An Giang có trách nhiệm lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng trình UBND tỉnh phê duyệt đồng thời có thông báo cho người có đất bị thu hồi biết về lý do thu hồi, thời gian và kế hoạch di chuyển, phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. UBND huyện Châu Phú có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; phối hợp với Ban Quản lý dự án Khu Công nghiệp tỉnh An Giang thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt và chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ về quyền sử dụng đất qui định tại khoản 1, 2, 5 và Điều 50 Luật Đất đai đã cấp cho người có đất bị thu hồi.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú phối hợp Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Dầu xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa;

- Văn phòng đăng ký đất và Thông tin tài nguyên môi trường trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính; trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị nhận quản lý sử dụng. Thu phí và lệ phí theo qui định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Châu Phú, người có đất bị thu hồi, thủ trưởng các sở ngành có liên quan và người được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở TN&MT;
- BQL DA Khu CN;
- UBND huyện CP;
- Lưu: KT, VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Kim Yên

UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4285/GP-STNMT	*An Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 1926/BQLKKT-QLTNMT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long – Giai đoạn hoạt động;

Theo đề nghị của Trưởng Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đã kiểm tra ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại Khu công nghiệp Bình Long;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại số 02, đường số 20, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.3. Quyết định thành lập Khu công nghiệp Bình Long: 94/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

1.4. Mã số thuế: 1600686865.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, các ngành nghề được phép thu hút đầu tư bao gồm: Chế biến lương thực; chế biến nông, thủy sản; chế biến có nguồn nguyên liệu nông, thủy sản, thức ăn, dầu cám,...; may mặc, da giày; cơ khí sửa chữa, cơ khí vật tư nông nghiệp; cảng *(theo Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 03 tháng 09 năm 2008 của UBND tỉnh An Giang)*.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án là 30,57 ha, tại Ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, với tứ cận tiếp giáp dự án như sau:

+ Phía Bắc: Tiếp giáp khu dự án tái định cư, rạch Phù Dật.

+ Phía Nam: Tiếp giáp khu dân cư.

+ Phía Đông: Tiếp giáp sông Hậu.

+ Phía Tây: Tiếp giáp Quốc lộ 91.

- Quy mô, công suất của dự án *(phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)*: Tổng diện tích của cơ sở là 30,57 ha; đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư là 84.828.000.000 đồng *(theo Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của UBND tỉnh An Giang)*, thuộc dự án nhóm A theo quy định của Luật đầu tư công.

- Tổng diện tích dự án 30,57 ha, đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bình Long.

- Tổng mức đầu tư: 84.828.000.000 đồng (Tám mươi bốn tỉ tám trăm hai mươi tám triệu đồng) thuộc dự án nhóm A theo phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án được cấp Giấy phép

môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện Châu Phú, UBND xã Bình Long) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (từ ngày.05 tháng.12 năm 2022 đến ngày.04 tháng.12 năm 2029).

Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 548/GP-STNMT ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- UBND huyện Châu Phú;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT; Chi cục QLĐĐ;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm CNTTTNMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Long;
- Lưu: VT,pvphu.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Việt Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4285/GP-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ Văn phòng điều hành khu công nghiệp và Văn phòng điều hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A được xả ra Sông Hậu.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hậu tại Ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại ống xả nước thải ra Sông Hậu tại Ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1168488; Y=554872 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh độ 104°45', múi chiếu 3°).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.800 m^3/ngày.đêm, tương đương 116,67 m^3/giờ (tương ứng với chế độ xả nước thải 24 giờ/ngày đêm).

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Tự chảy liên tục sau xử lý

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (đạt quy chuẩn theo quy định) thoát ra Sông Hậu bằng ống HPDE D400, chiều dài 95m tại 01 cửa xả nước thải.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với hệ số K_q= 1,2; K_f= 1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	^oC	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH		6-9		Đã lắp đặt
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	60		Đã lắp đặt
4	BOD_5	mg/l	36		-
5	COD	mg/l	90		Đã lắp đặt
6	Tổng nitơ	mg/l	24		-
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,8		-
8	Clo dư	mg/l	1,2		-
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6		-
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		Đã lắp đặt
11	Coliform	MPN/100 ml	3.000		-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh (nguồn số 01 và nguồn số 02) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp có tổng công suất thiết kế 4.000 m^3/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể lắng cát – tách dầu → Bể điều hòa → Cụm bể keo tụ - tạo bông, trung hòa → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Lọc áp lực → Bể khử trùng → sông Hậu.

- Công suất thiết kế: 4.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Phèn PAC, Polymer, Javen NaOCl, Chất dinh dưỡng (N-P-K), Axit H_2SO_4, Kiềm NaOH, sử dụng để vận hành hệ thống xử lý nước thải (hoặc các hóa chất khác tương đương, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại trạm quan trắc, phía sau công đoạn xử lý cuối cùng là bể khử trùng (trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu).

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất việc kết nối, truyền dữ liệu theo Công văn số 4026/STNMT-MT ngày 10 tháng 12 năm 2021).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố *(nước thải)*:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng hồ sự cố có diện tích 4.012,82 m^2, sâu 2,5 m để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và các yêu cầu vận hành.

- Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện tốt việc quan trắc hệ thống xử lý nước thải như: Thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho trạm xử lý nước thải tập trung; Thực hiện tốt chương trình quan trắc; Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình ứng phó sự cố: Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, val sau bể khử trùng sẽ được khóa và mở val dẫn nước qua ống inox D400 về hồ sự cố có diện tích 4.012,82 m^2, sâu 2,5m (lót đáy bằng tấm HDPE dày 0,5mm). Nước thải được lưu chứa tại hồ sự cố để sửa chữa hệ thống. Đồng thời, nước thải đầu vào cũng được bơm từ bể gom về hồ sự cố để tránh bể gom quá tải do hệ thống tạm ngưng để sửa chữa. Sau khi hoàn thành khắc phục sự cố sẽ hoàn lưu nước thải về bể gom để theo quy trình xử lý lại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp (theo đề xuất của chủ dự án):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^{o}C	45
2	Màu	Pt-Co	200
3	pH	-	5 - 9
4	BOD_5 ($20^{o}C$)	mg/l	150
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
11	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
12	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,01
13	Chì (Pb)	mg/l	1
14	Asen (As)	mg/l	0,5
15	Cadimi (cd)	mg/l	0,5
16	Crom (VI)	mg/l	0,5
17	Crom (III)	mg/l	2
18	Đồng (Cu)	mg/l	5
19	Kẽm (Zn)	mg/l	5
20	Niken	mg/l	2
21	Mangan	mg/l	5
22	Sắt	mg/l	10
23	Tổng Cyanua	mg/l	0,2
24	Tổng Phenol	mg/l	1
25	Sunfua	mg/l	1
26	Florua	mg/l	15
27	Clorua	mg/l	1.000
28	Tổng PCB	mg/l	0,05

(Tùy theo loại hình kinh doanh, dịch vụ, sản xuất trong khu công nghiệp cũng như thành phần, tính chất nước thải của từng dự án sẽ thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho phù hợp).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không phải vận hành thử nghiệm do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.4. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn và thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục và báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú, Ủy ban nhân dân xã Bình Long./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1289/GP-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng, công suất 400 kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Ống khói thải từ máy phát điện dự phòng được thải ra ngoài môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Địa chỉ: ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 1168410; Y = 554709 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 45$, múi chiếu 3^0)*. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.654 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải xả ra môi trường qua ống khói thải, xả liên tục 24/24 giờ khi máy phát điện hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	CO	mg/Nm^3	1.000		
3	NOx (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		
4	SO_2	mg/Nm^3	500		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua 01 ống khói thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Quy trình công nghệ: Khí thải máy phát điện → Ống khói thải.

- Nhiên liệu sử dụng: Dầu DO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động, kiểm tra hệ thống máy phát điện.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Phải có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1284/GP-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 02: Cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X=1168410; Y= 554709 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 45$, múi chiếu 3^0).*

- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X= 1168466; Y= 554802 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 45$, múi chiếu 3^0).*

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung *(QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT)*, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	*Từ 6 giờ-21 giờ*	*Từ 21 giờ-6 giờ*	-	*Khu vực thông thường*
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị;

Xây dựng tường bao quanh để cách âm cho phòng chứa máy thổi khí, máy phát điện dự phòng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn./.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4284/GP-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	3
3	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	17 05 01	3
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	100
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	2
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	5
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	5
8	Pin thải và ắc quy thải	16 01 12	1
	Tổng số lượng		**120**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Văn phòng nhà điều hành khu công nghiệp và Nhà máy xử lý nước thải tập trung khoảng 15 kg/ngày.

- Bùn thải (bùn khô) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp khoảng 200 kg/tuần (07 ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trong kho chất thải nguy hại bố trí 01 thùng loại 60 lít và 06 thùng loại 120 lít, mỗi thùng chứa đều ghi nhãn, ghi mã số từng loại chất thải nguy hại phát sinh.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho chứa CTNH, nằm trong khu dãy nhà chức năng.

- Kết cấu: Bê tông cốt thép, nền chống thấm (nền bê tông), mái lợp tole, diện tích 40 m^2, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải:

+ Tóm tắt quy trình quản lý bùn: bùn thải (Bể phân hủy bùn hóa lý, sinh học) → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Bùn khô.

+ Khu vực lưu chứa: Được thu gom vào bể chứa bùn thể tích 565 m^3, khi bùn phát sinh nhiều sẽ được bơm lên máy ép bùn để ép thành bùn khô. Bùn khô sau khi ép được chứa trong nhà kho với diện tích khoảng 104 m^2 (kích thước kho 14,85m x 7m).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung: bố trí 01 thùng rác loại 120L.

- Đối với các tuyến đường nội bộ: bố trí 10 thùng rác loại 120L.

- Nhà điều hành KCN Bình Long: bố trí 01 thùng rác loại 120L.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn sinh hoạt.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12xx/GP-STNMT ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Chủ dự án đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 67/QĐ-STNMT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

6. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

7. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Bình Long - Giai đoạn hoạt động (đính kèm theo) và các quy định về bảo vệ môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 67 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Xuyên, ngày 09 tháng 4 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long Giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

BQL KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG
ĐẾN Số: 310
Ngày: 12-4-11
Chuyển:
Lưu:

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 10/02/2009 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long Giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào ngày 29/12/2010 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long Giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang làm chủ dự án đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Công văn số 70/BQL-TNMT ngày 14/02/2011 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang về việc chỉnh sửa các nội dung theo kết luận của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long Giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang (sau đây gọi là Chủ dự án). Với Quy mô tổng diện tích khu công nghiệp là 28,56ha.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Trong giai đoạn xây dựng công trình xử lý nước thải Chủ dự án phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trên công trường xây dựng theo Quy chế bảo vệ môi trường Ngành xây dựng và các biện pháp sau:

- Lắp hàng rào cách ly khu vực thi công và che chắn các khu vực đặt các máy móc phát sinh tiếng ồn, bụi, khu vực tập kết nguyên, nhiên liệu phục vụ công trình đảm bảo khoảng cách ly theo đúng quy định và phải che chắn trong suốt quá trình thi công xây dựng đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và hoạt động sản xuất của các nhà máy, cư dân xung quanh khu vực.

- Thu gom và xử lý rác thải xây dựng, rác thải sinh hoạt và các chất thải khác đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và cảnh quan khu vực. Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá xây dựng công trình phải được thu gom và quản lý theo đúng quy định về quản lý, xử lý chất thải nguy hại; các loại chất thải không thể tự xử lý được phải hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng, lắp đặt nhà vệ sinh có hầm tự hoại tạm thời phục vụ cho công nhân trong quá trình xây dựng công trình.

- Thiết kế hệ thống thoát nước, xử lý nước thải tạm thời để xử lý sơ bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động xây dựng công trình trước khi thải ra nguồn tiếp nhận đảm bảo không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của các hộ dân khu vực dự án.

- Lập kế hoạch thi công và điều tiết lưu lượng phương tiện vận chuyển tập kết nguyên vật liệu xây dựng hợp lý, không gây xáo trộn và ảnh hưởng đến giao thông khu vực. Đối với phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu khi tham gia giao thông phải được vệ sinh sạch sẽ, không làm rơi vãi bùn đất, cát, vật liệu xây dựng khác làm ảnh hưởng đến giao thông khu vực.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường, sự cố sạt lỡ, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

2. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động Chủ dự án phải thực hiện:

- Đến ngày 31/12/2012 phải xây dựng hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 4.000 m^3/ngày đêm. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà máy thành viên trong khu công nghiệp sau khi đã được xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành hệ thống xử lý nước thải để xử lý nước thải trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 6.000 m^3/ngày đêm giai đoạn tiếp theo cho nhu cầu phát triển của khu công nghiệp đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp và lập hồ sơ xin phép xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý công tác bảo vệ môi trường của các nhà máy thành viên trong khu công nghiệp; quản lý và hướng dẫn các nhà máy thành viên hoạt động trong khu công nghiệp biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh phải được thu gom xử lý theo đúng quy định; hướng dẫn các nhà máy thành viên đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Xây dựng kế hoạch vận hành; kế hoạch quản lý, kiểm soát môi trường hằng năm, định kỳ cập nhật và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

- Thành lập bộ phận chuyên trách để vận hành và thực hiện quản lý, kiểm soát môi trường cho dự án.

- Xây dựng kế hoạch phân bổ vốn, đảm bảo đủ vốn đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường của dự án.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng chống sự cố môi trường, sự cố sạt lở, sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo đúng quy định.

4. Thực hiện giám sát môi trường theo đúng nội dung chương trình giám sát đã trình bày trong nội dung báo cáo và theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường, đối với giám sát chất thải tần suất 3 tháng/lần, đối với giám sát môi trường xung quanh tần suất 6 tháng/lần các chỉ tiêu so sánh theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, theo dõi.

5. Khi triển khai thực hiện dự án nếu có gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường thì phải có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Ban QL Khu Kinh tế An Giang;
- Phòng TNMT Châu Phú;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Cao Văn Be

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 931 /QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2018

BQL KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG
ĐẾN Số:
Ngày: 23/8/2018
Chuyển:
Lưu:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Công văn số 950/BQLKKT-TT ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp Bình Long;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy trình xử lý nước thải trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (Chủ dự án) được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 và Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường *(Nội dung điều chỉnh thể hiện chi tiết trong phụ lục đính kèm)*.

Điều 2. Các nội dung còn lại Chủ dự án phải tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ theo yêu cầu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đi kèm với Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016, không còn hiệu lực kể từ khi Quyết định này có hiệu lực.

Chánh Văn phòng Sở, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú, Chủ dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- BQLKKT;
- BGĐ Sở;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Phòng TN&MT huyện Châu Phú;
- UBND xã Bình Long;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

PHỤ LỤC

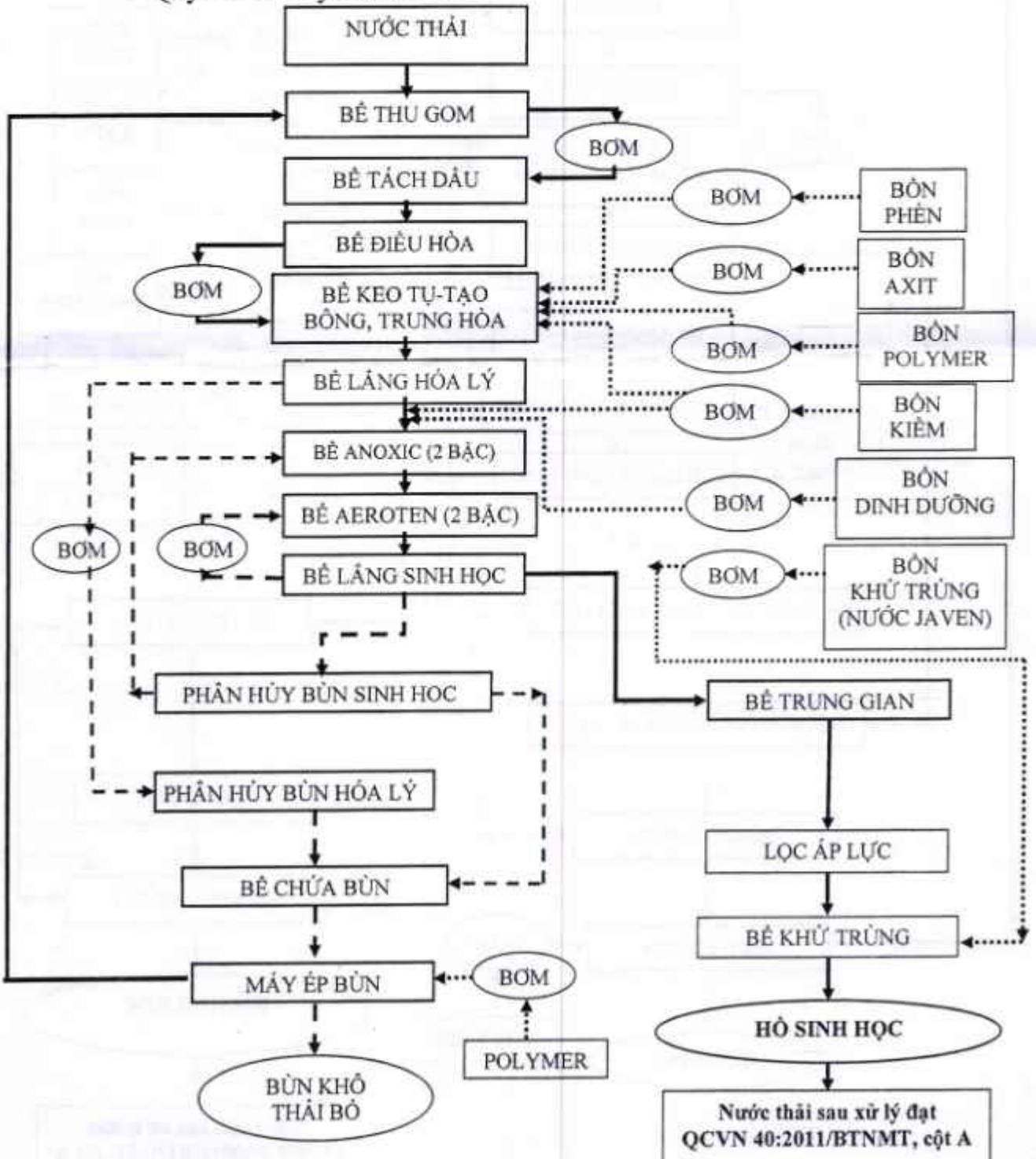
(Kèm theo Quyết định số 931/QĐ-STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Quy trình xử lý nước thải trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, điều chỉnh tại Quyết định số 727/QĐ-STNMT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Công suất giai đoạn 1: 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra: Đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quy trình xử lý nước thải:

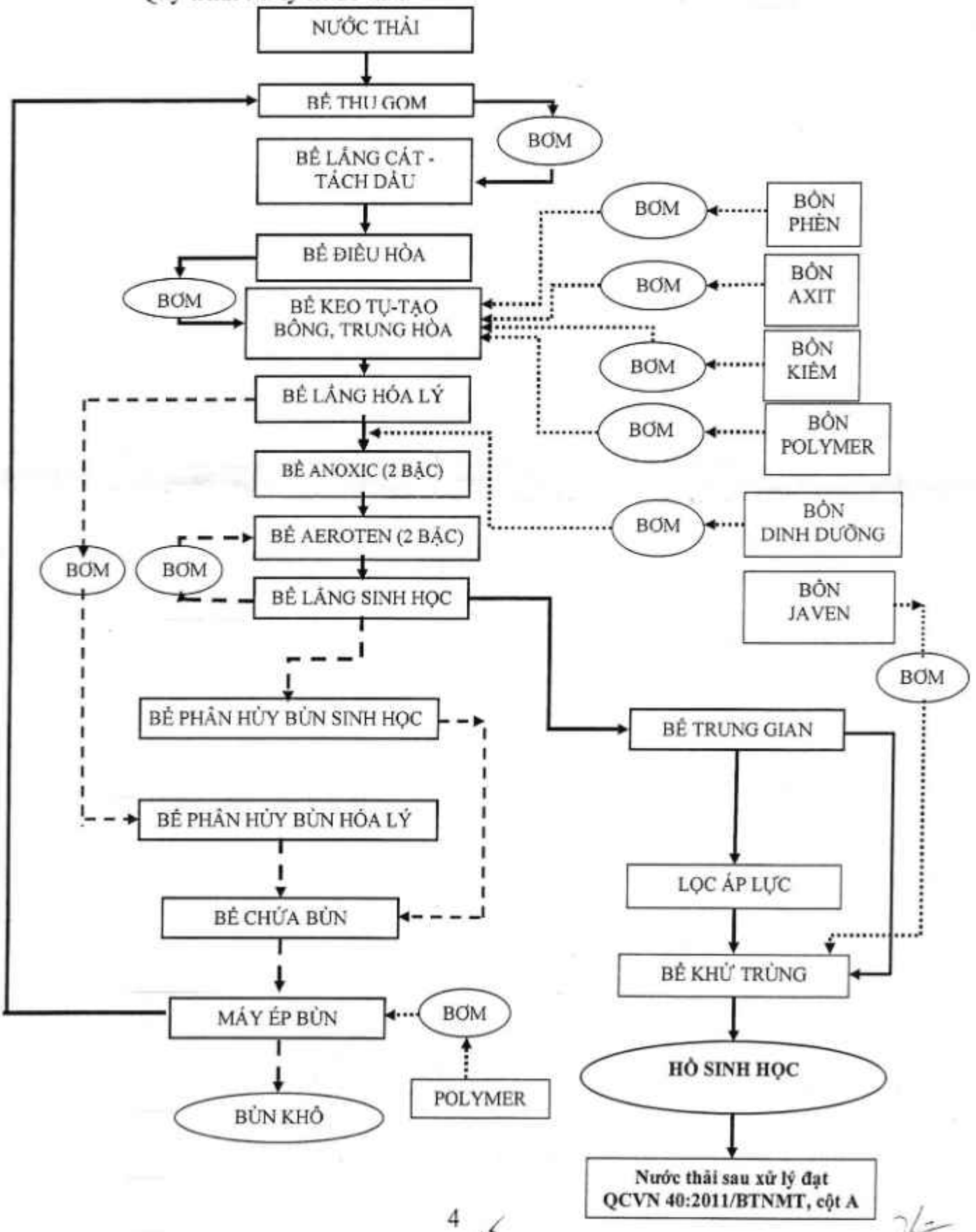


2. Quy trình xử lý nước thải được điều chỉnh như sau:

- Công suất giai đoạn 1: 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra: Đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quy trình xử lý nước thải:



*** Thuyết minh sơ đồ quy trình công nghệ:**

Nước thải từ các nhà máy trong Khu công nghiệp theo đường ống thu gom nước thải chung được dẫn về Bể gom nước thải của trạm xử lý. Trước khi vào bể, rác thải có lẫn trong nguồn nước dẫn về được tách riêng nhờ song chắn rác thô đặt ở đầu vào của bể gom.. Song chắn có tác dụng tách các loại rác như: giẻ, mẫu gỗ, lá cây,...có kích thước > 10 mm ra khỏi dòng thải trước khi vào Nhà máy xử lý.

a) Công nghệ xử lý bao gồm các bước chính sau

Bước 1: Xử lý sơ bộ

Với các công trình đơn vị như sau:

- Bể thu gom;
- Bể lắng cát - tách dầu;
- Bể điều hòa nước thải.

Mục đích: tách loại và thu gom cát, rác thải...có kích thước lớn, đồng thời tách loại dầu mỡ cũng như ổn định lưu lượng và trung hòa nồng độ của nước thải.

Bước 2: Xử lý hóa lý

Với các công trình đơn vị như sau:

- Cụm bể phản ứng gồm: keo tụ - tạo bông, trung hòa.
- Bể lắng hóa lý.

Mục đích: Cho các chất keo tụ và trợ keo tụ vào trộn lẫn với nước thải để tạo thành các bông keo tụ và kéo theo các chất ô nhiễm có trong nước thải xuống đáy bể và được tách ra ở dạng bùn hoá lý. Những chất có thể được loại bỏ ra khỏi nước thải trong quá trình xử lý hoá lý là: Xử lý COD, TSS, Các hợp chất kim loại nặng và các chất keo lơ lửng trong nước thải. Do COD, độ màu và hàm lượng các chất lơ lửng giảm, kéo theo nồng độ BOD_5 cũng giảm theo ở bước xử lý này. Đồng thời điều chỉnh pH của nước thải đảm bảo quá trình keo tụ đạt được hiệu suất cao nhất.

Bước 3: Xử lý sinh học

Với các công trình đơn vị như sau:

- Bể sinh học thiếu khí – Anoxic 1, 2.
- Bể sinh học hiếu khí – Aeroten 1, 2.
- Bể lắng sinh học, dạng hình tròn.

Mục đích: Sử dụng quá trình sinh học thiếu khí - Anoxic để xử lý nước thải nồng độ cao, đặc biệt là nước thải có chứa hàm lượng Nitơ, Photpho hữu cơ cao, giảm được điện năng dùng cho quá trình thổi khí, tránh hiện tượng sốc tải khi đưa vào quá trình xử lý hiếu khí.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện thiếu khí do một quần

thể vi sinh vật hoạt động không cần có sự có mặt của Oxi không khí, sản phẩm cuối cùng là một hỗn hợp khí có CH_4, CO_2, N_2, H_2...

Quá trình hiếu khí - Aeroten ở đây sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng hiếu khí có chứa nhiều chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy, oxy hóa cao các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Không khí từ bên ngoài được cung cấp vào bể Aeroten thông qua máy thổi khí để duy trì nồng độ oxy hòa tan trong bể đảm bảo cho quá trình sống của vi sinh vật (>= 2mg/l). Sau bể sinh học hiếu khí, nước thải được lắng để loại bỏ hoàn toàn bùn hoạt tính lơ lửng trước khi ra bên ngoài.

Đặc trưng trong Khu công nghiệp có nhiều các nhà máy chế biến thủy sản, với đặc thù nước thải loại này, hàm lượng Phospho và Nito hữu cơ thường cao nên công nghệ sinh học được áp dụng gồm 2 quá trình nối tiếp: Anoxic 1 → Aeroten 1 → Anoxic 2 → Aeroten 2 nhằm xử lý một cách triệt để hàm lượng Nito khó phân hủy khỏi nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường.

Sau khi qua các bể xử lý sinh học, nước thải chuyển sang bể lắng sinh học có cấu tạo dạng trụ tròn để tách hết bùn hoạt tính lơ lửng, bùn này được tuần hoàn quay trở lại cụm bể sinh học (Bể anoxic) để tiếp tục quá trình xử lý hoặc có thể được xả bớt một phần bùn dư.

Bước 4: Lọc áp lực

Công trình đơn vị: 03 bồn lọc áp lực.

Mục đích: Tách loại các chất dạng lơ lửng trong nước thải trước khi xả ra môi trường, ngoài ra, bùn hoạt tính cũng ở dạng lơ lửng nên quá trình này làm giảm COD, TSS trong nước thải đầu ra.

Với quá trình điều khiển thông minh, nếu nồng độ TSS đầu ra đã đạt quy chuẩn không cần qua lọc, nước thải tự động được xả tới bể khử trùng.

Bước 5: Khử trùng và thải ra nguồn tiếp nhận.

Công trình đơn vị: Bể khử trùng và Hồ sinh học

Mục đích: Nước thải đầu ra của bể khử trùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A rồi chảy qua Hồ sinh học và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Hậu.

b) Mô tả chi tiết các công đoạn xử lý

- *Công đoạn xử lý sơ bộ (tiền xử lý):* Do đặc tính nước của các ngành sản xuất trong KCN Bình Long nên công đoạn tiền xử lý gồm các bước sau:

+ Song chắn rác để tách rác cặn: Vật liệu làm song chắn rác bằng thép không gỉ đảm bảo bền trong môi trường nước thải. Quá trình tiền xử lý diễn ra tại đầu bể gom - song chắn rác.

+ Tách cát bằng phương pháp lắng: Với đặc thù khối lượng riêng lớn, cát và các tạp chất nặng sẽ lắng đọng xuống đáy bể, với cấu tạo đáy nghiêng, cát sẽ được dồn về 1 phía tại hố thu cát.

+ Tách dầu mỡ bằng thiết bị gạt dầu mỡ: Mỡ nổi ở phía trên được cần gạt gạt vào bộ phận thu dầu mỡ nổi, nước được thu sang bể kế tiếp ở phía dưới.

+ Bể điều hoà nước thải: có tác dụng điều hòa lưu lượng cũng như nồng độ chất ô nhiễm trong dòng thải trước khi vào quá trình xử lý. Bể điều hoà có lắp hệ thống phân phối khí thô dưới đáy bể có tác dụng xáo trộn hoàn toàn nước thải và cung cấp một lượng khí thích hợp để đảm bảo không phát sinh mùi khó chịu do phân huỷ yếm khí. Hệ thống phân phối khí dạng ống lắp cố định dưới đáy bể khí được cấp từ máy thổi khí. Bể điều hòa có thời gian lưu nước 4-6 giờ.

- Công đoạn xử lý hoá lý:

Diễn ra tại cụm bể phản ứng và bể lắng hoá lý. Cụm bể phản ứng chia làm ba ngăn, mỗi ngăn có thiết bị khuấy trộn để trộn đều nước thải với hoá chất. Ngăn thứ nhất nước thải được bổ sung hóa chất là axit và kiềm để điều chỉnh pH = 6,5 – 8,5. Ngăn thứ 2 nước thải được bổ sung phèn tạo phản ứng đông keo tụ. Ngăn thứ 3 nước thải được bổ sung chất trợ bông keo tụ là polymer tạo các bông cặn lớn dễ lắng. Sau bể phản ứng nước thải tiếp tục được dẫn vào bể lắng hoá lý (Bể lắng hoá lý có tác dụng tách các chất rắn lơ lửng đã được kết thành bông keo trong dòng thải). Dưới tác dụng của lực trọng trường chất rắn lơ lửng tách ra khỏi dòng thải đi xuống phía đáy, nước trong đi lên và tràn qua vách tràn của bể lắng hoá lý. Bùn lắng được thu dưới đáy bằng hệ thống cào bùn và dùng bơm nước thải đặt nổi để bơm bùn về bể chứa bùn hóa lý. Bơm bùn dạng đặt nổi giúp dễ dàng sửa chữa cũng như tránh được các sự cố đường ống, dễ dàng bảo trì và lắp đặt.

- Công đoạn xử lý sinh học

+ Nước thải sau khi xử lý hóa lý được đưa qua 2 bể thiếu khí Anoxic để xử lý Nitơ có trong nước thải sau đó đưa qua 2 bể Aeroten, có tác dụng xử lý các hợp chất ô nhiễm hữu cơ ở dạng hòa tan có trong nước thải nhờ các chủng vi sinh vật hoạt động trong nước: COD, BOD_5, Nitơ, Photpho dạng hữu cơ, độ màu. Vi sinh tồn tại ở dạng bùn hoạt tính lơ lửng trong nước thải, trong điều kiện oxi hòa tan >=2mg/l, sẽ oxi hóa hết các hợp chất hữu cơ thành các dạng đơn giản gồm N_2, H_2, CO_2, NH_4 và được tách ra khỏi nguồn nước.

+ Bể Anoxic ngoài tác dụng khử Nitơ có trong nước thải còn là bể đệm quá trình sinh học hiếu khí, bùn hoạt tính và dinh dưỡng sẽ được đưa trộn đều làm tăng hoạt tính của bùn tạo tăng hiệu quả cho quá trình xử lý sinh học. Tại bể hiếu khí Aeroten có lắp hệ thống phân phối khí dạng bọt mịn ở đáy bể nhằm cung cấp đủ Oxy cho quá trình phát triển của vi sinh vật và trộn đều nước thải với bùn hoạt tính. Trong bể này các phản ứng sinh hoá: Vi sinh vật hiếu khí sử dụng Oxy để oxy hoá các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Hệ thống được sử dụng 2 cấp bể Anoxic và 2 cấp bể Aeroten nhằm xử lý một cách triệt để hoàn toàn các chất ô nhiễm, đặc biệt là Nito là một thành phần khó phân hủy, đồng thời giúp tăng tải lượng ô nhiễm có thể tiếp nhận.

+ Sau khi ra khỏi bể Aeroten, nước thải và bùn lơ lửng được dẫn sang bể lắng sinh học, bể lắng sinh học có cấu tạo dạng trụ tròn nhằm giảm diện tích xây dựng, đồng thời tăng hiệu suất xử lý, có tác dụng lắng đọng bùn lơ lửng trong nước thải, phần nước trong ở phía trên được tràn qua máng thu nước trong và đi đến bể trung gian, bùn lắng đọng phía dưới đáy bể được tập trung hết về hố thu nhờ hệ thống cánh gạt bùn đặt sát đáy bể, phần bùn này được hồi lưu phần lớn

về bể Anoxic để tiếp tục quá trình xử lý, một phần nhỏ được xả định kỳ về bể chứa bùn sinh học nhờ bơm bùn đặt phía ngoài bể.

- Lọc áp lực

+ Tác dụng của bồn lọc áp lực nhằm tách loại các cặn lơ lửng dạng mịn khỏi dòng thải, quá trình này cũng giúp khử màu và giảm COD do các chất lơ lửng đều ở dạng hữu cơ.

+ Hệ thống cụm bồn lọc áp lực gồm 03 bồn (02 bồn làm việc liên tục, 01 bồn dự phòng trong trường hợp sự cố hoặc thay thế vật liệu lọc). Vật liệu lọc trong bồn gồm đá và cát thạch anh giúp giữ lại những chất lơ lửng khỏi nguồn nước, dễ vận hành và hoạt động hiệu quả, không cần điều chỉnh nhiều. Đặc biệt với chức năng tiên tiến tự rửa lọc đã được nghiên cứu và chứng minh tính hiệu quả, quá trình vận hành tiết kiệm được nhân lực vận hành và giảm chi phí đến mức tối thiểu.

+ Cơ chế thông minh với tính năng tự động hóa: lắp đặt thiết bị đo tự động thông số TSS ở bể trung gian. Trường hợp nước thải tới bể trung gian còn nhiều chất rắn lơ lửng (TSS), vượt so với quy chuẩn cho phép thì nước thải tự động được bơm qua lọc áp lực, trong trường hợp nước thải có TSS đã đạt quy chuẩn thì không cần qua lọc mà được tự chảy sang bể khử trùng.

- Công đoạn khử trùng

+ Từ bể trung gian (hoặc sau khi qua lọc áp lực), nước thải tới bể khử trùng nước thải, hóa chất khử trùng được bổ sung vào ngay tại đầu bể khử trùng, trộn lẫn với nước thải để tiêu diệt hết toàn bộ các vi sinh vật gây hại còn lẫn trong nước thải.

+ Nước sau xử lý đạt cột A, QCVN40: 2011/BTNMT.

+ Sau khi qua bể khử trùng, nước thải cuối cùng được dẫn qua hệ thống quan trắc nước thải tự động để kiểm soát các thông số ô nhiễm đầu ra trước khi xả vào hồ sinh thái và được dẫn ra ngoài môi trường tiếp nhận là sông Hậu.

- Công đoạn xử lý bùn:

Bùn trong quá trình xử lý phát sinh từ các công đoạn sau:

+ Bùn phát sinh từ bể lắng hóa lý được bơm bùn đưa về bể phân hủy bùn hóa lý, nước trong dư sẽ được theo đường thu nước quay trở lại bể gom để tiếp tục được xử lý, bùn còn lại được làm đặc tại bể phân hủy bùn hóa lý.

+ Bùn vi sinh thải bỏ từ bể lắng sinh học được bơm bùn định kỳ bơm về bể phân hủy bùn sinh học, do bản chất là bùn hữu cơ nên tại bể này các chất hữu cơ sẽ được tiếp tục xử lý trong quá trình lưu bùn, chỉ còn lại các hợp chất không xử lý được được làm đặc.

+ Bùn hóa lý và bùn sinh học được bơm hút bơm về bể chứa bùn, làm đặc và được bơm sang máy ép bùn để thực hiện quá trình tách nước, sau ép sản phẩm thu được ở dạng bùn rắn, độ ẩm khoảng 80% được lưu giữ tại sân phơi bùn để giảm độ ẩm. Nước từ máy ép bùn đưa trở lại bể gom để xử lý.

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 727/QĐ-STNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 30 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính Phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;

Xét Công văn số 1187/BQLKKT-QHKHĐT ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc giải trình thay đổi phương án thiết kế và quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh quy trình xử lý nước thải trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang của Ban Quản lý Khu kinh tế được phê duyệt theo Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường như phụ lục đính kèm.

Điều 2. Chủ dự án phải lập báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, xác nhận. Các nội dung còn lại Chủ dự án phải tiếp tục thực hiện đúng và đầy đủ theo yêu cầu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Bình Long giai đoạn hoạt động, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và có giá trị đi kèm với Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

Nơi nhận:
- Chủ Dự án;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ban Giám đốc;
- Phòng TN&MT Châu Phú;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Phòng TNN&BĐKH;
- Lưu: VT.

Phụ lục

NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI BÁO ĐTM ĐƯỢC DUYỆT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 727/QĐ-STNMT
Ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Hệ thống xử lý nước thải trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-STNMT ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường:

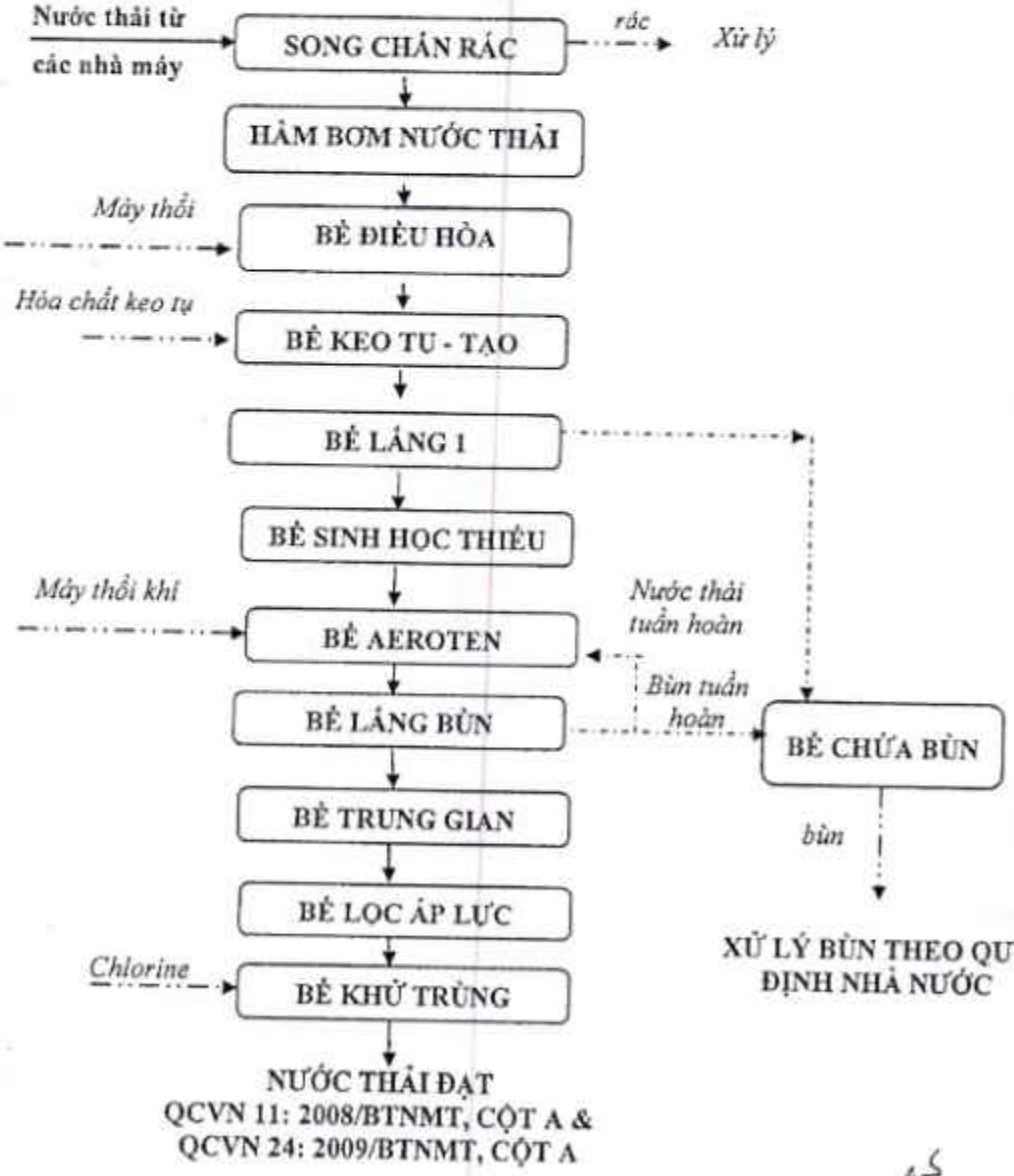
- Công suất giai đoạn 1: 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra:

+ Cột A, QCVN 11:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản.

+ Cột A, QCVN 24:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quy trình công nghệ:

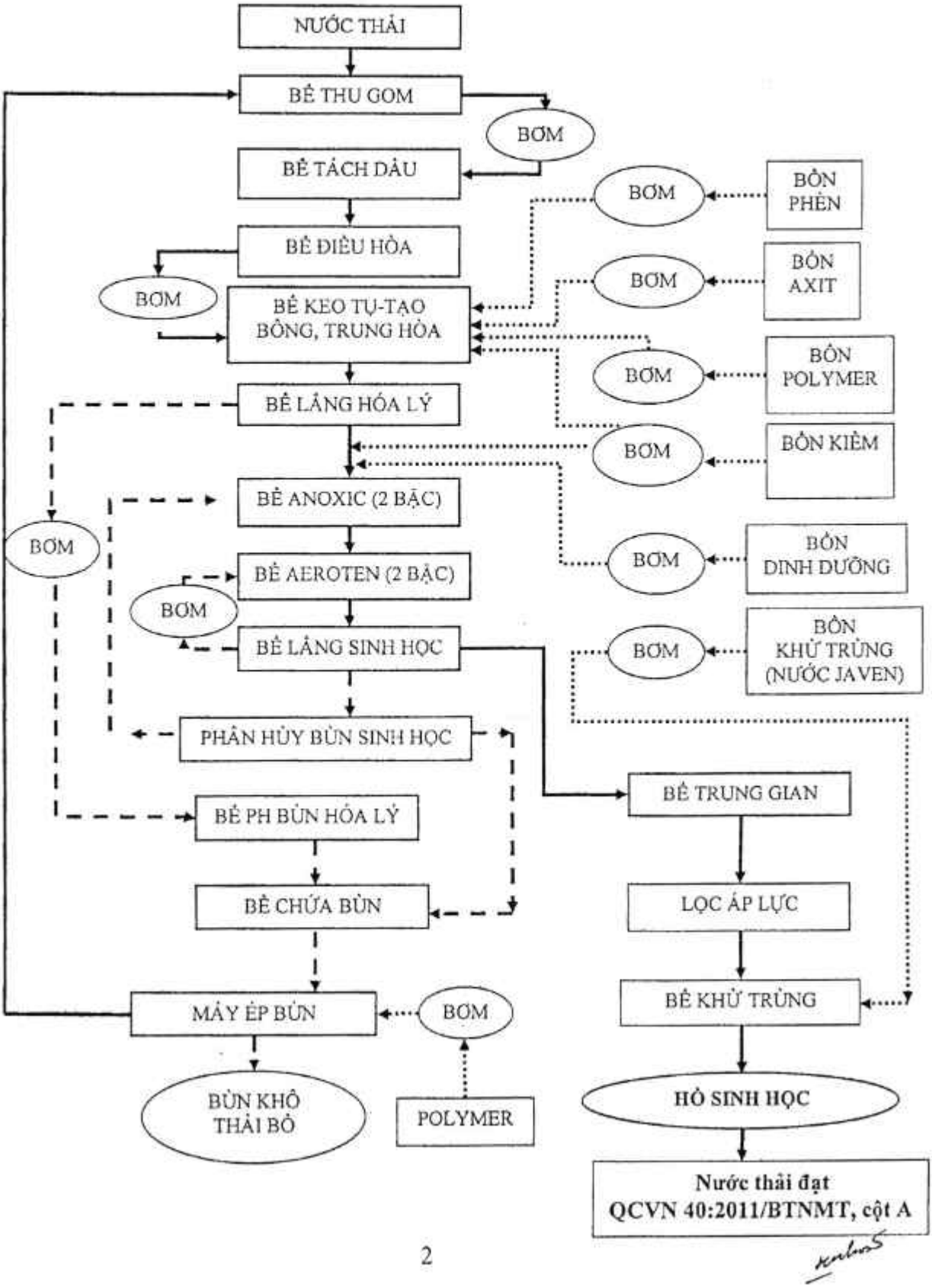


2. Hệ thống xử lý nước thải được điều chỉnh như sau:

- Công suất giai đoạn 1: 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra: Đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quy trình công nghệ:



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN
Đường số 8- KCN Trảng Bàng–An Tịnh –
Tỉnh Tây Ninh – Việt Nam

Số: VP486/25/HĐXLAG_KKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;*
- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006 và các văn bản pháp luật liên quan;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2022;*
- *Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, và có hiệu lực kể từ ngày 10/01/2022;*
- *Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;*
- *Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;*
- *Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.*

Tại địa điểm: VPĐD Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số điện thoại: 02763 898322 Fax: 02763 898 321

Mã số thuế: 3900357907

Số tài khoản: 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Đại diện: Ông **Lê Thiện Phương** Chức vụ: **Giám Đốc Kinh doanh**

BÊN B: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

Địa chỉ: Số 315, đường Nguyễn Thị Định, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số điện thoại: (0296) 2246 789

Tài khoản: 3714.0.1100526.00000 – Kho bạc Nhà nước khu vực XX – Phòng Kế toán Nhà nước

Mã số thuế: 1702339589

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1100526

Đại diện: Ông **Diệp Thanh Vinh** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-TTPTHTKKT ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế)

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B với chủng loại và đơn giá theo danh mục sau:

❖ **Danh mục chất thải và đơn giá:**

Stt	Tên chất thải và mô tả	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	**16 01 06**	**Kg**	**10.000**
2	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	**16 01 08**	**Kg**	**4.000**

3	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu nước	Rắn	**17 05 01**	**Kg**	**4.700**
4	Bao bì mềm thải	Rắn	**18 01 01**	**Kg**	**4.500**
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	**18 01 03**	**Kg**	**4.200**
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	**18 02 01**	**Kg**	**4.500**
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	**19 05 02**	**Kg**	**4.000**
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác	Rắn	**12 06 05**	**Kg**	**5.300**
9	Axit thải	Lỏng	**07 01 01**	**Kg**	**13.500**
10	Bazo thải	Rắn	**07 01 03**	**kg**	**13.500**

- Khối lượng chất thải nguy hại thu gom tối thiểu: **7.000Kg/Chuyến**.

- Chi phí vận chuyển: **4.000.000 Vnđ/chuyến**.

- Đơn giá xử lý chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành.

Điều 2. Phương thức và địa chỉ giao nhận.

- Sau khi giao nhận hai Bên phải đối chiếu số lượng chất thải xử lý và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường do Bên A cung cấp.

- Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B khi Bên B có yêu cầu. Bên B báo trước cho Bên A 04 (bốn) ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A thu xếp.

- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại **Điều 1.**

- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ:

- ✓ **Địa điểm số 1: Nhà máy xử lí nước thải tập trung KCN Bình Hoà, xã Bình Hoà, Tỉnh An Giang, Việt Nam.**
- ✓ **Địa điểm số 2: Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.**

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán.

- Giá trị thanh toán sẽ căn cứ vào phiếu cân trọng lượng hàng hóa, biên bản giao nhận thực tế giữa hai Bên và đơn giá quy định tại **Điều 01** của Hợp đồng.

- Bên B thanh toán 100% chi phí xử lý chất thải cho Bên A trong vòng 10 (Mười) ngày sau khi Bên A cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ và hoàn trả chứng từ CTNH cho Bên B.

- Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Agribank, chi nhánh Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN- 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên trong việc thực hiện hợp đồng.

Trách nhiệm của Bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH & rác công nghiệp ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên A chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn của Bên A để vận chuyển chất thải nguy hại theo quy định hiện hành của Nhà Nước Việt Nam.

- Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH và cung cấp lại đầy đủ chứng từ đã xử lý cho Bên B trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày Bên A nhận được chứng từ do Bên B cung cấp.

Trách nhiệm của Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho Bên B để công việc được hoàn thành nhanh chóng.

- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn của Bên A. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không phải của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Khi chuyển giao CTNH Bên B phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên B. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên A; Nếu chủ nguồn thải không kê khai chứng từ CTNH ngay thời điểm chuyển giao chất thải (trừ trường hợp bất khả kháng có thông báo gửi cho Bên A) thì trong vòng 06 tháng phải bổ sung chứng từ cho Bên A. Sau 06 tháng Bên A sẽ không nhận chứng từ CTNH vì quá hạn xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT & Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chứng từ đó sẽ bị hủy. Trong trường hợp này, Bên A sẽ căn cứ theo hợp đồng và biên bản giao nhận để xuất hóa đơn. Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ chi phí cho Bên A sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên A.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B chịu trách nhiệm về các thông tin trên hóa đơn sau khi đã xác nhận với Bên A. Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết. Nếu Bên B không thông báo thì Bên A sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Đơn giá xử lý chất thải trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu đơn giá xử lý chất thải trên thị trường có sự biến động thì hai bên sẽ thương lượng và ký phụ lục hợp đồng điều chỉnh giá để đảm bảo phù hợp với giá trên thị trường.

- Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B không giao chất thải cho Bên A thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B trước 15

ngày. Bên B vẫn phải thanh toán cho Bên A một khoản chi phí nhất định được gọi là chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải tương ứng với số tiền **5.000.000** VNĐ (Năm triệu đồng chẵn - chưa bao gồm thuế VAT).

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày từ **02/12/2025 đến 31/01/2026**.

- Hợp đồng này được lập thành 06 bản Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GIÁM ĐỐC KINH DOANH	**PHÓ GIÁM ĐỐC**
LÊ THIỆN PHƯƠNG	**DIỆP THANH VINH**

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 5255/2025/301/GPMT-BNNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN** Số Giấy phép môi trường: 301/GPMT-BNNMT

Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh ĐT:02763898322

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: /Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ** Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Số 315, đường Nguyễn Thị Định, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam. ĐT: (0296) 2246 789

Địa chỉ cơ sở: **Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam**

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06		PT- HR
2	Các loại dầu mỡ thải		x		16 01 08	33	TĐ
3	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu nước	x			17 05 01		TĐ
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	35	TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	54	SR
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	x			18 02 01	2	TĐ
7	Hóa chất và hỗ hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các TPNH		x		19 05 02		XLNT
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác		x		12 06 05		HR
9	Axit thải		x		07 01 01	140	XLNT
10	Bazo thải	x			07 01 03	450	XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: **(không)** Nước nhập khẩu: **(không)** Cửa khẩu nhập **(không)**
Số hiệu phương tiện: **(không)** Ngày xuất cảng: **(không)** Cửa khẩu xuất: **(không)**

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70G-007.61

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Duy Phương Ký: ..... Ngày: 06/12/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

An Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2025

(Chữ ký, đóng dấu)

Điệp Thanh Vinh

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 21 tháng 1 năm 2026

(Chữ ký, đóng dấu)

Lê Thị Năm

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
TÂY NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 5255/2025/301/GPMT-BNNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN** Số Giấy phép môi trường: 301/GPMT-BNNMT

Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Tỉnh Tây Ninh ĐT:02763898322

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: /Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ** Số Giấy phép môi trường /Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng: Số 315, đường Nguyễn Thị Định, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam. ĐT: (0296) 2246 789

Địa chỉ cơ sở: **Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang, Việt Nam**

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06		PT- HR
2	Các loại dầu mỡ thải		x		16 01 08	33	TĐ
3	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu nước	x			17 05 01		TĐ
4	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	35	TĐ
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	54	SR
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	x			18 02 01	2	TĐ
7	Hóa chất và hỗ hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các TPNH		x		19 05 02		XLNT
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác		x		12 06 05		HR
9	Axit thải		x		07 01 01	140	XLNT
10	Bazo thải	x			07 01 03	450	XLNT

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: **(không)** Nước nhập khẩu: **(không)** Cửa khẩu nhập **(không)**
Số hiệu phương tiện: **(không)** Ngày xuất cảng: **(không)** Cửa khẩu xuất: **(không)**

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 70G-007.61

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Lê Duy Phương Ký:..... Ngày: 06/12/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

An Giang, ngày 06 tháng 12 năm 2025

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

Diệp Thanh Vinh

(Ký, họ tên, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Tây Ninh, ngày 21 tháng 1 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Lê Thị Năm

(Ký, họ tên, đóng dấu)

@Liên số: 1□- 2□ - 3□- 4□

Ghi chú:.....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

...INH/THÀNH PHỐ
AN GIANG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1006 /2024/420-GPMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THIÊN THANH** Số Giấy phép Môi trường: 420/GPMT-BTNM
Địa chỉ văn phòng: Số 172, Đường số 8, KDC Nam Long, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM ĐT: 028 38 88 66 86
Địa chỉ cơ sở/đại lý: **NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VĨNH TÂN** ĐT: 028 38 88 66 86
Tổ 12, Ấp 4, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: .....Số Giấy phép Môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có)
Địa chỉ văn phòng: .....ĐT.....
Địa chỉ cơ sở/đại lý: .....ĐT.....

3. Chủ nguồn thải : **TRUNG TÂM ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG** – Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: Số 02 đường số 20, khóm Tây Khánh 1 - Phường Mỹ Hòa - Thành phố Long Xuyên - An Giang
Địa chỉ cơ sở: Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, Châu Phú, An Giang

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06		Hệ thống xử lý bóng đèn
02	Các loại dầu mỡ thải		x		16 01 08	4	TĐ-HR
03	Chất thải rắn từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu nước	x			17 05 01		TĐ-HR
04	Bao bì mềm thải	x			18 01 01	50	TĐ-HR
05	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03		Súc rửa/ TĐ-HR
06	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	x			18 02 01	1	TĐ-HR
07	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại		x		19 05 02		TĐ-HR
08	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khác			x	12 06 05		TĐ-HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) .....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập :.....
Số hiệu phương tiện: .....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và chủng loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển.....

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CS DV XL CTNH 1:.....Vũ Minh Toàn.....Ký:.....Ngày: 21/09/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CS DV XL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

An Giang, ngày 21 tháng 09 năm 2024

PHÓ GIÁM ĐỐC

Điệp Thanh Vinh

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ cơ sở DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 09 năm 2024

Giám Đốc

Nguyễn Hoàng Thái

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
XÍ NGHIỆP MTĐT CHÂU PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 112/HĐDV.2026

Châu Phú, ngày 30 tháng 06 năm 2026

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
Về việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trong KCN Bình Long

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 94/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khả năng cung cấp dịch vụ của Chi nhánh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang - Xí nghiệp Môi trường đô thị Châu Phú và nhu cầu của khách hàng.

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2026 tại Văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang - Xí nghiệp Môi trường đô thị Châu Phú. Chúng tôi gồm có:

1. BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG - XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CHÂU PHÚ

Người đại diện: **Ông Đỗ Văn Lạc** Chức vụ: **Giám đốc.**

Địa chỉ: Đường số 10, Khu đô thị Sao Mai, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (02963) 688 804

Tài khoản: 7020222837 tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch Châu Phú.

Mã số thuế: 1601604590-009

2. BÊN B: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

Người đại diện: **Ông Diệp Thanh Vinh** - Chức vụ: **Phó Giám đốc.**

(theo Giấy ủy quyền số 05/GUQ-TTPTHTKKT ngày 31/12/2025 của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế).

Địa chỉ: Số 315, đường Nguyễn Thị Định, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Điện thoại: (02962) 246 789

Mã số thuế: 1702339589

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1100526

Scanned with CamScanner

Tài khoản: 3714.0.1100526.00000 tại Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Kế toán Nhà nước

Sau khi trao đổi, bàn bạc hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với những điều khoản như sau:

Điều 1. Bên B đồng ý đặt hàng Bên A thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại các thùng chứa rác đặt trong Khu công nghiệp Bình Long.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

Bên A có trách nhiệm phân công lực lượng công nhân và xe chuyên dùng thu gom rác thải sinh hoạt tại các thùng chứa rác đặt trên các tuyến đường trong Khu công nghiệp Bình Long và vận chuyển đến bãi rác.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

Bên B có trách nhiệm cử người kiểm tra việc thu gom rác thải sinh hoạt trong thời gian thu gom rác và thanh toán cho Bên A.

Điều 4. Địa điểm, thời gian thu gom rác, mức giá và phương thức thanh toán

Địa điểm thu gom: Tại Khu công nghiệp Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời gian thu gom: Hàng ngày Bên A đến thu gom rác 01 lần.

Mức giá: 550.000 đồng/tháng x 06 tháng = 3.300.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị Hợp đồng: 3.300.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu, ba trăm nghìn đồng chẵn).

Số tiền thanh toán chia làm 06 đợt:

Trong đó:

- Đợt 1: Tháng 7 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đợt 2: Tháng 8 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đợt 3: Tháng 9 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đợt 4: Tháng 10 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đợt 5: Tháng 11 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đợt 6: Tháng 12 với số tiền 550.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Thời gian và Phương thức phát hành hoá đơn và thanh toán:

Scanned with CamScanner

- Phương thức thanh toán: Từng đợt thanh toán, Bên A xuất hóa đơn cho Bên B và nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản một lần từ Bên B đến tài khoản: 7020222837 tại Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch Châu Phú.

- Thời gian thanh toán: Từ ngày 15 đến 25 tây hàng tháng Bên A gửi hóa đơn giá trị gia tăng (bản thể hiện hóa đơn điện tử) đến địa chỉ email hoặc zalo của người phụ trách mà Bên B đã cung cấp.

Điều 5. Thời gian của Hợp đồng

Thời gian thực hiện: Kể từ ngày **01/07/2026** đến ngày **31/12/2026**.

Điều 6. Điều khoản chung

Trong quá trình hoạt động nếu có vấn đề thay đổi hai bên sẽ bàn bạc thống nhất lập phụ lục hợp đồng.

Khi một trong hai bên có thay đổi thông tin (tên đơn vị, địa chỉ, số tài khoản,...) phải thông báo cho bên còn lại biết trước từ 03 - 07 ngày. Trong trường hợp Bên A xuất hóa đơn trước thời gian Bên B gửi thông báo thay đổi thông tin thì mặc nhiên hóa đơn đó vẫn được chấp nhận và Bên B phải thanh toán tiền cho Bên A theo hóa đơn đã xuất.

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, nếu có phát sinh khó khăn trong quá trình thực hiện, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được sẽ chuyển vụ việc ra tòa án kinh tế giải quyết. Sau khi hai bên đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thì hợp đồng được xem như đã thanh lý.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, Bên A giữ 03 (ba) bản và Bên B giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG -XÍ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CHÂU PHÚ
Diệp Thanh Vinh	Đỗ Văn Lạc

Scanned with CamScanner

Số: 00546/KQPT/2026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 7980326/CS2

- Tên mẫu: Nước thải
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng thí nghiệm đi lấy mẫu. Đựng trong chai kín, tình trạng mẫu bình thường.
  Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án đầu tư: Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bình Long-Giai đoạn hoạt động.
  Lượng mẫu: 1,5 lít
  Toạ độ mẫu X: 1168486; Y:554865
- Số biên bản lấy mẫu: 156/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 23/03/2026
- Ngày trả kết quả: 28/03/2026
- Thời gian thử nghiệm: 23/03/2026 đến ngày: 28/03/2026
- Khách hàng: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn ThịĐịnh - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: Xem trang sau.

- Thông tin về mẫu thửđược ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sựđồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 03 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Lê Văn Thoại

Số: 7980326/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả thử nghiệm	**Giới hạn** cột A QCVN 40:2011/BTNMT
1	pH$^{\delta}$	TCVN 6492 : 2011	-	8,02	6-9
2	Nhiệt độ**	Đo máy	°C	31,1	40
3	Nhu cầu oxi hoá học - COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/l	12,5	≤ 75
4	Nhu cầu oxi sinh hóa – BOD_5^{δ}	SMEWW5210B:2023	mg/l	8,5	≤ 30
5	Chất rắn lơ lửng – TSS$^{\delta}$	TCVN 6625 : 2000	mg/l	23,5	≤ 50
6	Amoni (NH_4^+)$^{\delta}$(t/t N)	TCVN 5988 : 1995	mg/l	KPH (LOD=0,3)	≤ 5
7	Tổng dầu mỡ khoáng$^{\delta}$	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,4)	≤5
8	Nitơ tổng$^{\delta}$	TCVN 6638 : 2000	mg/l	13,5	≤ 20
9	Photpho tổng$^{\delta}$	TCVN 6202 : 2008	mg/l	1,89	≤4
10	Clo dư**	TCVN 6625-3:2011	mg/l	KPH (LOD=0,3)	≤1
11	Coliform$^{\delta}$	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	5,4 x 10^2	≤ 3000

Kết luận: Các chỉ tiêu được thử nghiệm trên mẫu thử đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A

Ghi chú:

- LOD: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng; KPH: Không phát hiện; DTM:Phương pháp thử nội bộ.
- (δ): Chỉ tiêu được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận (VIMCERTS 194).
- (**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 04806/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 09560626/CS2

- Tên mẫu: Nước thải sau xử lý.
- Số lượng mẫu: 1,5 lít
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu. Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long - Giai đoạn hoạt động. X: 1168486 Y: 554865
- Số biên bản lấy mẫu: 553/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 23/06/2026
- Ngày trả kết quả: 30/06/2026
- Thời gian thử nghiệm: 23/06/2026 đến ngày: 30/06/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 06 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 09560626/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH$^{\delta}$	TCVN 6492 : 2011	-	7,62
2	Nhiệt độ**	SMEWW 2550B : 2023	^{o}C	31,4
3	Nhu cầu ôxy sinh hóa-BOD_5 $^{\delta}$	SMEWW 5210B:2023	mg/L	10,3
4	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	15,3
5	Chất rắn lơ lửng – TSS$^{\delta}$	TCVN 6625 : 2000	mg/L	22,0
6	Tổng dầu, mỡ khoáng $^{\delta}$	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (LOD=1,40)
7	Nitơ tổng$^{\delta}$	TCVN 6638 : 2000	mg/L	KPH (LOD=1)
8	Photpho tổng số (t/t P) $^{\delta}$	TCVN 6202 : 2008	mg/L	0,092
9	Clo dư**	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (LOD=0,3)
10	Amoni (t/t N) $^{\delta}$	TCVN 5988 : 1995	mg/L	KPH (LOD=0,3)
11	Coliform tổng số $^{\delta}$	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1,7 x 10^{1}

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng*
- *(*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017*
- *(δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts*
- *(γ): Chỉ tiêu được Bộ Y tế chỉ định (19/2023/BYT-KNTP).*
- *(a): Chỉ tiêu được Bộ Công thương chỉ định (013/2024/BCT-KNTP)*
- *(Δ): Chỉ tiêu được chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón.*
- *(**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện*

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 07852/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 04040926/CS2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 1,5 lít
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu. Cơ sở lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Bình Long. Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vị trí được lấy mẫu: Thu tại điểm xả thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Bình Long ra sông Hậu . X: 1168486 Y: 554865
- Số biên bản lấy mẫu: 941/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 11/09/2026
- Ngày trả kết quả: 28/09/2026
- Thời gian thử nghiệm: 11/09/2026 đến ngày: 28/09/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 09 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Lê Văn Thoại

Số: 04040926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH[δ]	TCVN 6492 : 2011	-	7,42
2	Nhiệt độ[δ]	SMEWW 2550B : 2023	^{o}C	29,3
3	Tổng chất rắn lơ lửng-TSS[δ]	TCVN 6625:2000	mg/L	19,5
4	Nhu cầu ôxy hóa học-COD[δ]	SMEWW 5220B:2023	mg/L	13,3
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa-BOD_5[δ]	SMEWW 5210B:2023	mg/L	9,10
6	Dầu mỡ khoáng[δ]	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (LOD=1,40)
7	Amoni (t/t N)[δ]	TCVN 5988 : 1995	mg/L	KPH (LOD=0,3)
8	Photpho tổng số (t/t P)[δ]	TCVN 6202 : 2008	mg/L	4,13
9	Nitơ tổng[δ]	TCVN 6638 : 2000	mg/L	22,6
10	Clo dư[δ]	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (LOD=0,3)
11	Coliform tổng số[δ]	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	$2,8 \times 10^3$

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts
- (**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources

VIMCERTS 041 VILAS 515

Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ANALYSIS REPORT

KQ:0425381/204N

- **Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**
- **Địa điểm thu mẫu: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG – GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG**
- **Địa chỉ:** Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Võ Thiện Tâm **- Ngày thu mẫu:** 26/03/2025
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại ống xả nước thải trên sông Hậu/ **NT-BL**
- **Loại mẫu/Tình trạng mẫu:** Nước thải/ Hơi đục, ít cặn.
- **Kết quả phân tích:** *(Trang 2/2)*

An Giang, ngày 03 tháng 04 năm 2025

Phòng Phân tích môi trường P.Trưởng phòng	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Huy	Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

KQ: 0425381/204N

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,20
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2023	30,5
3	(1)(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	55
4	(1)(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	54
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2023	35
6	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023	0,159
7	(1)(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	14,7
8	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	KPH (MDL=0,05 mg/L)
9	(1)(2)Tổng phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	10,0
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,0 mg/L)
11	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$3,3x10^3$

* *Ghi chú: + (1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; KPH: Không phát hiện;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả;
+ Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường.

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources

VIMCERTS 041 VILAS 515

Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ANALYSIS REPORT

KQ:0425476/271N

- Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

- Địa điểm thu mẫu: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG – GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

- Địa chỉ: Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

- Người thu mẫu: Nguyễn Võ Thiện Tâm **- Ngày thu mẫu:** 10/04/2025

- Số lượng mẫu: 01

- Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu: Tại cửa xả nước thải trên sông Hậu/ **NT-BL**

- Loại mẫu/Tình trạng mẫu: Nước thải/ Trong, ít cặn.

- Kết quả phân tích:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(1)(2)Tổng phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,86
2	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=02 MPN/100mL)

** Ghi chú: + (1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; KPH: Không phát hiện;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả;

An Giang, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Phòng Phân tích môi trường
P.Trưởng phòng

Nguyễn Tuấn Huy

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring
and techniques, Resources

VIMCERTS 041 VILAS 515

Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ANALYSIS REPORT

KQ:0625747/396N

- Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

- Địa điểm thu mẫu: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG – GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

- Địa chỉ: Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

- Người thu mẫu: Võ Tấn Thành **- Ngày thu mẫu:** 09/06/2025

- Số lượng mẫu: 01

- Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu: Tại cửa xả nước thải trên sông Hậu/ **NT-BL**

- Loại mẫu/Tình trạng mẫu: Nước thải/ Trong, ít cặn.

- Kết quả phân tích: ***(Trang 2/2)***

An Giang, ngày 18 tháng 06 năm 2025

Phòng Phân tích môi trường P.Trưởng phòng	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Huy	Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

KQ: 0625747/396N

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,12
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2023	29,5
3	(1)(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	35
4	(1)(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	31
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2023	20
6	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023	KPH (MDL=0,03 mg/L)
7	(1)(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3,0 mg/L)
8	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	KPH (MDL=0,05 mg/L)
9	(1)(2)Tổng phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,294
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,0 mg/L)
11	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	33

** Ghi chú: + (1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; KPH: Không phát hiện;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả;
+ Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 08017/2025/PKQ (25.7142)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: **TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG** - DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG - GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG - Xã Châu Phú, Tỉnh An Giang

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/** *Sampling locations*
25.7142.NT.03	Tại cửa xả nước thải trên Sông Hậu

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) */Sample date (Sample receipt)*: 29/09/2025

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 13/10/2025

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số/** *Parameters*	**Đơn vị/** *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm/** *Testing methods*	**Kết quả/** *Testing result*
				25.7142.NT.03
1	pH[(a)]	-	TCVN 6492:2011	7,52
2	Nhiệt độ[(a)]	°C	SMEWW 2550B:2023	31,2
3	Clo dư[(a)]	mg/L	HDCV/ĐN-H08	<0,03
4	Chất rắn lơ lửng[(a)]	mg/L	TCVN 6625:2000	<9,5
5	COD[(a)]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	38,4
6	BOD_5[(a)]	mg/L	TCVN 6001-1:2021	12,6
7	Amoni (tính theo N)[(a)]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2023	KPH (MDL=1)
8	Tổng Nitơ[(a)]	mg/L	TCVN 6638:2000	<6
9	Tổng Phospho (tính theo P)[(a)]	mg/L	TCVN 6202:2008	4,66
10	Tổng dầu mỡ khoáng[(a)]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)
11	Coliform[(a)]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Chú thích/ *Remarks:*
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800274-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Mã số/ Ref. No: 10678/2025/PKQ (25.9433)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Client's Name*: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**

2. Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location*: TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ - DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG - GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG - Xã Châu Phú, Tỉnh An Giang

3. Loại mẫu/ *Type of sample*: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ *Sample information*:

Mã số mẫu/ *Sample code*	**Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)**/ *Sampling locations*	**Tọa độ**/ *Coordinate*
25.9433.NT.03	Tại cửa xả nước thải trên Sông Hậu	X=1168491, Y=0554867

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /*Sample date (Sample receipt)*: 06/12/2025

6. Ngày trả kết quả/ *Returning results date*: 18/12/2025

7. Bảng kết quả/ *Results table*

STT/ *No.*	**Thông số**/ *Parameters*	**Đơn vị**/ *Unit*	**Phương pháp thử nghiệm**/ *Testing methods*	**Kết quả**/ *Testing result*
				25.9433.NT.03
1	pH[a]	-	TCVN 6492:2011	8,21
2	Nhiệt độ[a]	°C	SMEWW 2550B:2023	28,2
3	Clo dư[a]	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,05
4	Chất rắn lơ lửng[a]	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=3)
5	COD[a]	mg/L	SMEWW 5220C:2023	14,4
6	BOD_5[a]	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,5
7	Amoni (tính theo N)[a]	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&C:2023	KPH (MDL=1)
8	Tổng Nitơ[a]	mg/L	TCVN 6638:2000	<6
9	Tổng Phốt pho (tính theo P)[a]	mg/L	TCVN 6202:2008	0,36
10	Tổng dầu mỡ khoáng[a]	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)
11	Coliform[a]	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC
Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn

VIMCERTS 292

Chú thích/ *Remarks*:
1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment*
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC
Director

M.S.D.N: 0316800274-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ THỦY

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
Department of natural resources, environment, An Giang
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources
VIMCERTS 041

Địa chỉ: Số 822, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
ANALYSIS REPORT

KQ:0324204/169N

- **Đơn vị yêu cầu: BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**
- **Địa điểm thu mẫu: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG**
- **Địa chỉ:** Xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam - **Ngày thu mẫu:** 25/03/2024
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại ống xả nước thải ra sông Hậu/ **NT-BL**
- **Loại mẫu/Tình trạng mẫu:** Nước thải/ Trong, có cặn.
- **Kết quả phân tích:**

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,10
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2017	29,6
3	(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2017	28
4	(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	30
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2017	19
6	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1,0 mg/L)
7	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500Cl.B:2017	KPH (MDL=0,22 mg/L)
8	(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=2,8 mg/L)
9	(2)Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2017	0,810
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,10 mg/L)
11	(2)Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	KPH (MDL=3 MPN/100mL)

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
+ (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041; KPH: Không phát hiện;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả; Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường.

An Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Phòng Phân tích môi trường
P.Trưởng phòng

Nguyễn Tuấn Huy

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT
B14.PAC.TT.PTMT.00

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
Department of natural resources, environment, An Giang
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 822, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ANALYSIS REPORT

KQ:0624427/358N

- **Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DN KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**
- **Địa điểm thu mẫu: DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG – GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG**
- **Địa chỉ:** KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Võ Thiện Tâm - **Ngày thu mẫu:** 19/06/2024
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại ống xả nước thải ra sông Hậu tại ấp Bình Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, An Giang/ **NT-KCNBL**
- **Loại mẫu/Tình trạng mẫu:** Nước thải/ Trong, có ít cặn.
- **Kết quả phân tích:** *(Trang 2/2)*

Phòng Phân tích môi trường
P.Trưởng phòng

Nguyễn Tuấn Huy

An Giang, ngày 28 tháng 06 năm 2024
GIÁM ĐỐC

Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

KQ: 0624427/358N

Trang 2/2

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,10
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2023	30,6
3	(1)(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	20
4	(1)(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	32
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2023	20
6	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	KPH (MDL=0,05 mg/L)
7	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023	0,044
8	(1)(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3,0 mg/L)
9	(1)(2)Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	1,99
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,0 mg/L)
11	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=02 MPN/100mL)

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng;*
+(1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả; KPH: Không phát hiện;
+ Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
Department of natural resources, environment, An Giang
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
ANALYSIS REPORT

KQ:0924698/538N

- **Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DN KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**
- **Địa điểm thu mẫu: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG**
- **Địa chỉ:** KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam - **Ngày thu mẫu:** 19/09/2024
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại ống xả nước thải ra sông Hậu/ **NT-BL**
- **Loại mẫu/Tình trạng mẫu:** Nước thải/ Trong, có cặn.
- **Kết quả phân tích:** *(Trang 2/2)*

An Giang, ngày 27 tháng 09 năm 2024

Phòng Phân tích môi trường	**GIÁM ĐỐC**
P.Trưởng phòng	
Nguyễn Tuấn Huy	**Trần Hưng Thịnh**

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT
BM-06-TT-PTMT-09

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

KQ: 0924698/538N

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,19
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2023	28,2
3	(1)(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	22
4	(1)(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	30
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2023	20
6	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023	0,070
7	(1)(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3,0 mg/L)
8	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,054
9	(1)(2)Tổng phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,540
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,0 mg/L)
11	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=02 MPN/100mL)

** Ghi chú: + Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; Tên mẫu/Kí hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng*

+(1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;

+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả; KPH: Không phát hiện;

+ Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG AN GIANG
Department of natural resources, environment, An Giang
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Center for Environmental Monitoring and techniques, Resources
VIMCERTS 041 VILAS 515
Địa chỉ: Số 83, Trần Quang Diệu, Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963.955.009 - 02963.955.002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

ANALYSIS REPORT

KQ:12241089/855N

- **Đơn vị yêu cầu: TRUNG TÂM ĐẦU TƯ – PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ DN KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG**
- **Địa điểm thu mẫu: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG**
- **Địa chỉ:** KCN Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang
- **Người thu mẫu:** Nguyễn Khoa Nam **- Ngày thu mẫu:** 03/12/2024
- **Số lượng mẫu:** 01
- **Vị trí thu mẫu/Kí hiệu mẫu:** Tại ống xả nước thải ra sông Hậu/ **NT-BL**
- **Loại mẫu/Tình trạng mẫu:** Nước thải/ Trong, ít cặn.
- **Kết quả phân tích:** *(Trang 2/2)*

An Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Phòng Phân tích môi trường P.Trưởng phòng	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Tuấn Huy	Trần Hưng Thịnh

Không được sao chép một phần kết quả phân tích dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc và kỹ thuật TN-MT
BM-06-TT-PTMT-09

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

KQ: 12241089/855N

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	(2)pH	-	TCVN 6492:2011	7,20
2	(2)Nhiệt độ	^{0}C	SMEWW 2550B:2023	28,6
3	(1)(2)Chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18
4	(1)(2)COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	29
5	(2)BOD_5	mg/L	SMEWW 5210B:2023	19
6	(2)Amoni (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023	0,125
7	(1)(2)Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (MDL=3,0 mg/L)
8	(2)Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,068
9	(1)(2)Tổng phốtpho (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,254
10	(2)Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1,0 mg/L)
11	(1)(2)Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=02 MPN/100mL)

* *Ghi chú: + (1): Chỉ tiêu được công nhận theo VILAS 515; (2): Chỉ tiêu được chứng nhận theo VIMCERTS 041;*
+ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử; KPH: Không phát hiện;
+ Thời gian lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả;
+ Nhiệt độ, pH: Chỉ tiêu đo hiện trường.

NHẬT KÝ VẬN HÀNH THEO NGÀY

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG

CÔNG SUẤT: 4.000 M^3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang

Quyển số: 01/2026

Thời gian: Quý I năm 2026 (Tháng 01, 02, 03/2026)

Tháng 01 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/01	- Chỉ số ĐH 2257230 - Lưu lượng: 2417	- Chỉ số ĐH 2119346 - Lưu lượng: 1405	751	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:...0,5..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
02/01	- Chỉ số ĐH 2257993 - Lưu lượng: 763	- Chỉ số ĐH 2120031 - Lưu lượng: 685	665	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:...0,5..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:...5..... kg			V. Thắng
03/01	- Chỉ số ĐH 2259502 - Lưu lượng: 1509	- Chỉ số ĐH 2121499 - Lưu lượng: 1468	664	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:...0,4..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:...5..... kg			
04/01	- Chỉ số ĐH 2260708 - Lưu lượng: 1206	- Chỉ số ĐH 2122760 - Lưu lượng: 1261	565	- Phèn (PAC):...1,2..... kg - Polyme Anion:...0,5..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			Sang
05/01	- Chỉ số ĐH 2261966 - Lưu lượng: 1858	- Chỉ số ĐH 2123849 - Lưu lượng: 1689	765	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:...5..... kg			V. Thắng
06/01	- Chỉ số ĐH 2263744 - Lưu lượng: 1771	- Chỉ số ĐH 2125578 - Lưu lượng: 1729	757	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:...0,8..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			Linh
07/01	- Chỉ số ĐH 2265579 - Lưu lượng: 1835	- Chỉ số ĐH 2127435 - Lưu lượng: 1857	764	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:...0,3..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			

Tháng 01 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
08/01	- Chỉ số ĐH 1267629 - Lưu lượng: 2050	- Chỉ số ĐH 2129422 - Lưu lượng: 1187	870	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Việt
09/01	- Chỉ số ĐH 2269363 - Lưu lượng: 1734	- Chỉ số ĐH 2131260 - Lưu lượng: 1838	773	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Thắng
10/01	- Chỉ số ĐH 2270979 - Lưu lượng: 1616	- Chỉ số ĐH 2132912 - Lưu lượng: 1652	776	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Linh
11/01	- Chỉ số ĐH 2272500 - Lưu lượng: 1521	- Chỉ số ĐH 2134425 - Lưu lượng: 1513	774	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Anh
12/01	- Chỉ số ĐH 2273797 - Lưu lượng: 1297	- Chỉ số ĐH 2135686 - Lưu lượng: 1261	674	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			T. Sang
13/01	- Chỉ số ĐH 2275207 - Lưu lượng: 1410	- Chỉ số ĐH 2137134 - Lưu lượng: 1248	777	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			V. Thắng
14/01	- Chỉ số ĐH 2276907 - Lưu lượng: 1700	- Chỉ số ĐH 2138799 - Lưu lượng: 1665	771	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion:.....kg - Javen: 15 kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh

Tháng 01 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/01	- Chỉ số ĐH 2278851 - Lưu lượng: 1924	- Chỉ số ĐH 2140962 - Lưu lượng: 2163	765	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			AH cAh
16/01	- Chỉ số ĐH 2280573 - Lưu lượng: 1542	- Chỉ số ĐH 2142531 - Lưu lượng: 1569	670	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			T.Sang
17/01	- Chỉ số ĐH 2281082 - Lưu lượng: 709	- Chỉ số ĐH 2143190 - Lưu lượng: 659	665	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 3 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			Thắng
18/01	- Chỉ số ĐH 2282766 - Lưu lượng: 1684	- Chỉ số ĐH 2144552 - Lưu lượng: 1362	669	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Linh
19/01	- Chỉ số ĐH 2284004 - Lưu lượng: 1238	- Chỉ số ĐH 2145840 - Lưu lượng: 1286	765	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			AH cAh.
20/01	- Chỉ số ĐH 2285821 - Lưu lượng: 1817	- Chỉ số ĐH 2147593 - Lưu lượng: 1753	767	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 10 kg		Sóm dd DPAC 1 bao lỏi thêm, thêm.	T.Sang
21/01	- Chỉ số ĐH 2287797 - Lưu lượng: 1976	- Chỉ số ĐH 2149460 - Lưu lượng: 1867	972	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			V.Thắng

Tháng 01 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
22/01	- Chỉ số ĐH 2289885 - Lưu lượng: 2088	- Chỉ số ĐH 2151690 - Lưu lượng: 2230	823	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
23/01	- Chỉ số ĐH 2291260 - Lưu lượng: 1575	- Chỉ số ĐH 2153218 - Lưu lượng: 1518	977	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 10 kg			
24/01	- Chỉ số ĐH 2293399 - Lưu lượng: 1939	- Chỉ số ĐH 2155122 - Lưu lượng: 1904	865	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 10 kg			T. Sang
25/01	- Chỉ số ĐH 2294569 - Lưu lượng: 1170	- Chỉ số ĐH 2156275 - Lưu lượng: 1153	873	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			V Thắng
26/01	- Chỉ số ĐH 2296106 - Lưu lượng: 1537	- Chỉ số ĐH 2157762 - Lưu lượng: 1487	869	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			Linh
27/01	- Chỉ số ĐH 2297731 - Lưu lượng: 1625	- Chỉ số ĐH 2159346 - Lưu lượng: 1582	968	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
28/01	- Chỉ số ĐH 2299557 - Lưu lượng: 1826	- Chỉ số ĐH 2161085 - Lưu lượng: 1741	871	- Phèn (PAC): 15 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng: 15 kg			T. Sang

Tháng 01 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
29/01	- Chỉ số ĐH 2301382 - Lưu lượng: 1825	- Chỉ số ĐH 2167868 - Lưu lượng: 1783	882	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 9,7 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thang
30/01	- Chỉ số ĐH 2303089 - Lưu lượng: 1707	- Chỉ số ĐH 2164537 - Lưu lượng: 1669	866	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 6,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh
31/01	- Chỉ số ĐH 2304967 - Lưu lượng: 1878	- Chỉ số ĐH 2166385 - Lưu lượng: 1848	964	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 6,6 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg		bổ sung vi sinh +6 gói Inert +6 gói Quick start	Q.Anh
TỔNG CỘNG		TC: 4844 TB ngày đêm: 1563	2617	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			

Ghi chú: .....

.....

.....

.....

.....

Tháng 02 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/02	- Chỉ số ĐH 2305884 - Lưu lượng: 917	- Chỉ số ĐH 2167297 - Lưu lượng: 912	867	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 10 kg		Bổ sung vi sinh: +02 gói IMWT +02 gói Quick start	T. Sang
02/02	- Chỉ số ĐH 2307036 - Lưu lượng: 1152	- Chỉ số ĐH 2168390 - Lưu lượng: 1093	972	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			ĐAL
03/02	- Chỉ số ĐH 2307995 - Lưu lượng: 959	- Chỉ số ĐH 2169277 - Lưu lượng: 887	774	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Linh
04/02	- Chỉ số ĐH 2309721 - Lưu lượng: 1726	- Chỉ số ĐH 2170866 - Lưu lượng: 1589	964	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			VTHiếu
05/02	- Chỉ số ĐH 2311574 - Lưu lượng: 1853	- Chỉ số ĐH 2172862 - Lưu lượng: 1996	961	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			T. Sang
06/02	- Chỉ số ĐH 2313087 - Lưu lượng: 1513	- Chỉ số ĐH 2174234 - Lưu lượng: 1372	869	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 10 kg			ĐAnh
07/02	- Chỉ số ĐH 2314459 - Lưu lượng: 1372	- Chỉ số ĐH 2175632 - Lưu lượng: 1398	968	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh

Tháng 02 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
08/02	- Chỉ số ĐH 2315677 - Lưu lượng: 1218	- Chỉ số ĐH 2176721 - Lưu lượng: 1089	864	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
09/02	- Chỉ số ĐH 2317267 - Lưu lượng: 1590	- Chỉ số ĐH 2178257 - Lưu lượng: 1536	965	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
10/02	- Chỉ số ĐH 2318842 - Lưu lượng: 1575	- Chỉ số ĐH 2179865 - Lưu lượng: 1608	863	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
11/02	- Chỉ số ĐH 2320313 - Lưu lượng: 1471	- Chỉ số ĐH 2181780 - Lưu lượng: 1415	1052	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
12/02	- Chỉ số ĐH 2321585 - Lưu lượng: 1212	- Chỉ số ĐH 2182446 - Lưu lượng: 1166	757	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
13/02	- Chỉ số ĐH 2322682 - Lưu lượng: 1157	- Chỉ số ĐH 2183486 - Lưu lượng: 1040	860	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
14/02	- Chỉ số ĐH 2323567 - Lưu lượng: 885	- Chỉ số ĐH 2184376 - Lưu lượng: 890	858	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			

Tháng 02 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
22/02	- Chỉ số ĐH 2325937 - Lưu lượng: 860	- Chỉ số ĐH 2186205 - Lưu lượng: 566	851	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			
23/02	- Chỉ số ĐH 2327650 - Lưu lượng: 1713	- Chỉ số ĐH 2188093 - Lưu lượng: 1888	948	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			T. Sang Thắng
24/02	- Chỉ số ĐH 2329381 - Lưu lượng: 1731	- Chỉ số ĐH 2189767 - Lưu lượng: 1674	956	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh
25/02	- Chỉ số ĐH 2330591 - Lưu lượng: 1210	- Chỉ số ĐH 2191005 - Lưu lượng: 1236	852	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Anh
26/02	- Chỉ số ĐH 2332252 - Lưu lượng: 1661	- Chỉ số ĐH 2192571 - Lưu lượng: 1568	955	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			T.Sang
27/02	- Chỉ số ĐH 2334017 - Lưu lượng: 1795	- Chỉ số ĐH 2194132 - Lưu lượng: 1561	964	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thắng
28/02	- Chỉ số ĐH 2335388 - Lưu lượng: 1311	- Chỉ số ĐH 2195682 - Lưu lượng: 1250	868	- Phèn (PAC): 15 kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh

Tháng 02 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/02	- Chỉ số ĐH 232HHH9 - Lưu lượng: 882	- Chỉ số ĐH 2185211 - Lưu lượng: 935	861	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg			Linh
16/02	- Chỉ số ĐH 232 4573 - Lưu lượng: 124	- Chỉ số ĐH 2185295 - Lưu lượng: 84	763	- Phèn (PAC): 15 kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			QAnh + Thắng
17/02	- Chỉ số ĐH 2324724 - Lưu lượng: 151	- Chỉ số ĐH 2185405 - Lưu lượng: 110	756	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			T. Sang
18/02	- Chỉ số ĐH 2324828 - Lưu lượng: 104	- Chỉ số ĐH 2185490 - Lưu lượng: 85	760	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: 15 kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thắng + QAnh
19/02	- Chỉ số ĐH 232 4926 - Lưu lượng: 98	- Chỉ số ĐH 2185554 - Lưu lượng: 64	756	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			QAnh + Nam
20/02	- Chỉ số ĐH 2324948 - Lưu lượng: 22	- Chỉ số ĐH 2185554 - Lưu lượng: 0	760	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Nam + Sang
21/02	- Chỉ số ĐH 232 5077 - Lưu lượng: 129	- Chỉ số ĐH 2185639 - Lưu lượng: 85	771	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			QAnh

Tháng 3 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/3	- Chỉ số ĐH 2360347 - Lưu lượng: 1504	- Chỉ số ĐH 2220044 - Lưu lượng: 1448	949	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			T. Sang
16/3	- Chỉ số ĐH 2364461 - Lưu lượng: 1114	- Chỉ số ĐH 2221078 - Lưu lượng: 1034	854	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Thi
17/3	- Chỉ số ĐH 2365454 - Lưu lượng: 1993	- Chỉ số ĐH 2223026 - Lưu lượng: 1948	1050	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Nam
18/3	- Chỉ số ĐH 2365279 - Lưu lượng: 1825	- Chỉ số ĐH 2224787 - Lưu lượng: 1761	947	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Linh
19/3	- Chỉ số ĐH 2367241 - Lưu lượng: 1962	- Chỉ số ĐH 2226725 - Lưu lượng: 1938	1051	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			T.Sang
20/3	- Chỉ số ĐH 2369006 - Lưu lượng: 1765	- Chỉ số ĐH 2228176 - Lưu lượng: 1751	948	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thi
21/3	- Chỉ số ĐH 2371288 - Lưu lượng: 2282	- Chỉ số ĐH 2230676 - Lưu lượng: 2200	950	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			T.Sang

Tháng 3 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
08/3	- Chỉ số ĐH 2347330 - Lưu lượng: 2170	- Chỉ số ĐH 2207238 - Lưu lượng: 2163	966	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
09/3	- Chỉ số ĐH 2349219 - Lưu lượng: 1689	- Chỉ số ĐH 2209025 - Lưu lượng: 1857	948	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
10/3	- Chỉ số ĐH 2351023 - Lưu lượng: 1804	- Chỉ số ĐH 2210860 - Lưu lượng: 1765	1018	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
11/3	- Chỉ số ĐH 2352990 - Lưu lượng: 1967	- Chỉ số ĐH 2212792 - Lưu lượng: 1932	966	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
12/3	- Chỉ số ĐH 2355168 - Lưu lượng: 2178	- Chỉ số ĐH 2214947 - Lưu lượng: 2155	962	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 1 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
13/3	- Chỉ số ĐH 2356931 - Lưu lượng: 1663	- Chỉ số ĐH 2216615 - Lưu lượng: 1668	961	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg		2gối IMMT 2gối Quickstart	
14/3	- Chỉ số ĐH 2358843 - Lưu lượng: 2012	- Chỉ số ĐH 2218596 - Lưu lượng: 1981	1036	- Phèn (PAC): ? kg - Polyme Anion: 0,7 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			

Tháng 3 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/3	- Chỉ số ĐH 2336451 - Lưu lượng: 1063	- Chỉ số ĐH 2196678 - Lưu lượng: 996	850	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Nam
02/3	- Chỉ số ĐH 2337518 - Lưu lượng: 1067	- Chỉ số ĐH 2197712 - Lưu lượng: 1034	951	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			T. Sang
03/3	- Chỉ số ĐH 2338531 - Lưu lượng: 1013	- Chỉ số ĐH 2198653 - Lưu lượng: 1011	848	- Phèn (PAC): 17 kg - Polyme Anion:.....kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thắng
04/3	- Chỉ số ĐH 2339952 - Lưu lượng: 1501	- Chỉ số ĐH 2199939 - Lưu lượng: 1286	945	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Anh
05/3	- Chỉ số ĐH 2341544 - Lưu lượng: 1597	- Chỉ số ĐH 2201467 - Lưu lượng: 1578	948	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,7 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Nam
06/3	- Chỉ số ĐH 2342304 - Lưu lượng: 1776	- Chỉ số ĐH 2203173 - Lưu lượng: 1806	953	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh
07/3	- Chỉ số ĐH 2345160 - Lưu lượng: 1856	- Chỉ số ĐH 2205023 - Lưu lượng: 1802	964	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,2 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			V. Thắng

Tháng 3 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
29/3	- Chỉ số ĐH 238426.9 - Lưu lượng: 1133	- Chỉ số ĐH 2245374 - Lưu lượng: 1151	845	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
30/3	- Chỉ số ĐH 238.5392 - Lưu lượng: 1123	- Chỉ số ĐH 2244415 - Lưu lượng: 1091	939	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Thảo
31/3	- Chỉ số ĐH 238.6594 - Lưu lượng: 1202	- Chỉ số ĐH 2245487 - Lưu lượng: 1072	838	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Nam
TỔNG CỘNG	TC: TB ngày.đêm:			- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			

Ghi chú: .....

NHẬT KÝ VẬN HÀNH THEO NGÀY

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG

CÔNG SUẤT: 4.000 M^3/NGÀY.ĐÊM

Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang

Quyển số: 02/2026

Thời gian: Quý II năm 2026 (Tháng 4, 5, 6/2026)

Tháng 3 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
22/3	- Chỉ số ĐH: 2373012 - Lưu lượng: 1724	- Chỉ số ĐH: 2232310 - Lưu lượng: 1634	650	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: kg - Javen: 15 kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Thắng
23/3	- Chỉ số ĐH: 2375951 - Lưu lượng: 939	- Chỉ số ĐH: 2233239 - Lưu lượng: 920	854	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Linh
24/3	- Chỉ số ĐH: 2375866 - Lưu lượng: 1915	- Chỉ số ĐH: 2235125 - Lưu lượng: 1886	853	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Sang Sara
25/3	- Chỉ số ĐH: 2377766 - Lưu lượng: 1900	- Chỉ số ĐH: 2236972 - Lưu lượng: 1847	948	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Thắng Hằng
26/3	- Chỉ số ĐH: 2379314 - Lưu lượng: 2148	- Chỉ số ĐH: 2239081 - Lưu lượng: 2109	952	- Phèn (PAC): 1,2 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Thắng Thang
27/3	- Chỉ số ĐH: 2381510 - Lưu lượng: 1596	- Chỉ số ĐH: 2240653 - Lưu lượng: 1572	943	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Linh
28/3	- Chỉ số ĐH: 2383136 - Lưu lượng: 1626	- Chỉ số ĐH: 2242173 - Lưu lượng: 1520	931	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Linh

Tháng 4 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/4	- Chỉ số ĐH 238 811 - Lưu lượng: 1517	- Chỉ số ĐH 246959 - Lưu lượng: 1472	933	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 6,8 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Anh Lực
02/4	- Chỉ số ĐH 239156 - Lưu lượng: 2045	- Chỉ số ĐH 248986 - Lưu lượng: 2027	955	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Quang Anh Sang
03/4	- Chỉ số ĐH 239.2161 - Lưu lượng: 2005	- Chỉ số ĐH 225.0980 - Lưu lượng: 1994	1035	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 1 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh H Anh Thắng
04/4	- Chỉ số ĐH 239.4030 - Lưu lượng: 1869	- Chỉ số ĐH 2252861 - Lưu lượng: 1881	939	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Nam
05/4	- Chỉ số ĐH 2301970 - Lưu lượng: 940	- Chỉ số ĐH 2253839 - Lưu lượng: 978	634	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 1,0 kg		Cấp điện (chạy máy phát điện 6K-2025)	Linh
06/4	- Chỉ số ĐH 239521 - Lưu lượng: 651	- Chỉ số ĐH 2254457 - Lưu lượng: 618	654	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: 5 kg - Dinh dưỡng: kg			Quang Anh T. Sang Anh
07/4	- Chỉ số ĐH 239.6751 - Lưu lượng: 1130	- Chỉ số ĐH 2255400 - Lưu lượng: 943	843	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Anh Thắng

Tháng 4 năm 2026

Tháng 4 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
08/4	- Chỉ số ĐH 2398505 - Lưu lượng: 1554	- Chỉ số ĐH 2256872 - Lưu lượng: 1472	937	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
09/4	- Chỉ số ĐH 2399969 - Lưu lượng: 1664	- Chỉ số ĐH 2258523 - Lưu lượng: 1651	947	- Phèn (PAC): 1,2 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
10/4	- Chỉ số ĐH 2401376 - Lưu lượng: 1407	- Chỉ số ĐH 2259839 - Lưu lượng: 1316	948	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
11/4	- Chỉ số ĐH 2403349 - Lưu lượng: 1968	- Chỉ số ĐH 2261736 - Lưu lượng: 1897	946	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
12/4	- Chỉ số ĐH 2404332 - Lưu lượng: 989	- Chỉ số ĐH 2262662 - Lưu lượng: 926	833	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
13/4	- Chỉ số ĐH 2405578 - Lưu lượng: 1245	- Chỉ số ĐH 2263780 - Lưu lượng: 1118	922	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
14/4	- Chỉ số ĐH 2406692 - Lưu lượng: 1114	- Chỉ số ĐH 2264785 - Lưu lượng: 1003	854	- Phèn (PAC): 1,3 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			

Tháng 4 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/4	- Chỉ số ĐH 2408265 - Lưu lượng: 1573	- Chỉ số ĐH 2266287 - Lưu lượng: 1504	843	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: 15 kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			OAh T Sang
16/4	- Chỉ số ĐH 2409261 - Lưu lượng: 996	- Chỉ số ĐH 2267206 - Lưu lượng: 919	938	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			OAh Linh
17/4	- Chỉ số ĐH 2410268 - Lưu lượng: 1067	- Chỉ số ĐH 2268122 - Lưu lượng: 916	836	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg	Mật thấp từ 10^h - 15^h		OAh Thắng
18/4	- Chỉ số ĐH 2412006 - Lưu lượng: 1738	- Chỉ số ĐH 2269762 - Lưu lượng: 1640	930	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Nam
19/4	- Chỉ số ĐH 2413884 - Lưu lượng: 1878	- Chỉ số ĐH 2271585 - Lưu lượng: 1823	955	- Phèn (PAC): 15 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			T. Sang
20/4	- Chỉ số ĐH 2415401 - Lưu lượng: 1517	- Chỉ số ĐH 2273032 - Lưu lượng: 1447	842	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			OAh Nam
21/4	- Chỉ số ĐH 2417127 - Lưu lượng: 1726	- Chỉ số ĐH 2274705 - Lưu lượng: 1673	943	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			OAh Thắng

Tháng 4 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
22/4	- Chỉ số ĐH 241 8772 - Lưu lượng: 1652	- Chỉ số ĐH 2276313 - Lưu lượng: 1608	942	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
23/4	- Chỉ số ĐH 2420407 - Lưu lượng: 1628	- Chỉ số ĐH 2277973 - Lưu lượng: 1660	936	- Phèn (PAC): 1,2 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
24/4	- Chỉ số ĐH 242 2253 - Lưu lượng: 1846	- Chỉ số ĐH 227 9715 - Lưu lượng: 1742	954	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
25/4	- Chỉ số ĐH 242 3931 - Lưu lượng: 1678	- Chỉ số ĐH 228 1336 - Lưu lượng: 1621	946	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
26/4	- Chỉ số ĐH 2425211 - Lưu lượng: 1283	- Chỉ số ĐH 2281CHH - Lưu lượng: 1308	862	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
27/4	- Chỉ số ĐH 2425775 - Lưu lượng: 561	- Chỉ số ĐH 2283126 - Lưu lượng: 1182	855	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			
28/4	- Chỉ số ĐH 242 6587 - Lưu lượng: 612	- Chỉ số ĐH 2283611 - Lưu lượng: 1485	847	- Phèn (PAC):..... kg - Polyme Anion:..... kg - Javen:..... kg - NaOH:..... kg - H_2SO_4:..... kg - Dinh dưỡng:..... kg			

Tháng 4 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
29/4	- Chỉ số ĐH 242.787.5 - Lưu lượng: 14.88	- Chỉ số ĐH 2285001 - Lưu lượng: 13.90	944	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
30/4	- Chỉ số ĐH 242.899.0 - Lưu lượng: 11.15	- Chỉ số ĐH 2286114 - Lưu lượng: 11.43	856	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
TỔNG CỘNG		TC: 24.057 TB ngày đêm: 13.55	26.583	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			

Ghi chú:.....

Tháng 5 năm 2026

Tháng 5 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/5	- Chỉ số ĐH 2429143 - Lưu lượng: 153	- Chỉ số ĐH 2286283 - Lưu lượng: 139	769	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: ... kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg		BA	
02/5	- Chỉ số ĐH 2429304 - Lưu lượng: 161	- Chỉ số ĐH 2286316 - Lưu lượng: 33	766	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: 5 kg		BT	
03/5	- Chỉ số ĐH 2430118 - Lưu lượng: 814	- Chỉ số ĐH 2286971 - Lưu lượng: 655	752	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg		MT	
04/5	- Chỉ số ĐH 2431480 - Lưu lượng: 1362	- Chỉ số ĐH 2288317 - Lưu lượng: 1346	971	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg			
05/5	- Chỉ số ĐH 2433095 - Lưu lượng: 1615	- Chỉ số ĐH 2289823 - Lưu lượng: 1506	877	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg			
06/5	- Chỉ số ĐH 2435911 - Lưu lượng: 1816	- Chỉ số ĐH 2291616 - Lưu lượng: 1875	983	- Phèn (PAC): ... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg			
07/5	- Chỉ số ĐH 2437408 - Lưu lượng: 1498	- Chỉ số ĐH 2293221 - Lưu lượng: 1605	973	- Phèn (PAC): 1,5 kg - Polyme Anion: 1 kg - Javen: ... kg - NaOH: ... kg - H_2SO_4: ... kg - Dinh dưỡng: ... kg			

Tháng 5 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi họ tên)
08/5	- Chỉ số ĐH: 2637990 - Lưu lượng: 1582	- Chỉ số ĐH: 2294741 - Lưu lượng: 1520	878	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Anh Anh Nam
09/5	- Chỉ số ĐH: 2639125 - Lưu lượng: 1735	- Chỉ số ĐH: 2296464 - Lưu lượng: 1779	983	- Phèn (PAC): 8 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Linh
10/5	- Chỉ số ĐH: 2641364 - Lưu lượng: 1639	- Chỉ số ĐH: 2298078 - Lưu lượng: 1614	868	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Sang
11/5	- Chỉ số ĐH: 2642715 - Lưu lượng: 1351	- Chỉ số ĐH: 2299473 - Lưu lượng: 1395	981	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg		Bón vi sinh kiểm tra, kiểm tra trạm cơm	Anh Thắng
12/5	- Chỉ số ĐH: 2644235 - Lưu lượng: 1520	- Chỉ số ĐH: 2300998 - Lưu lượng: 1525	875	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg		- Kiểm tra, hướng trạm cơm - Lấy mẫu nước	Sang Anh T. Sang
13/5	- Chỉ số ĐH: 2645921 - Lưu lượng: 1686	- Chỉ số ĐH: 2302641 - Lưu lượng: 1643	978	- Phèn (PAC):.....kg - Polyme Anion: 0,8 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Anh CAN
14/5	- Chỉ số ĐH: 2647825 - Lưu lượng: 1904	- Chỉ số ĐH: 2304605 - Lưu lượng: 1964	973	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen:.....kg - NaOH:.....kg - H_2SO_4:.....kg - Dinh dưỡng:.....kg			Anh Anh Linh

Tháng 5 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/5	- Chỉ số ĐH 2449483 - Lưu lượng: 1658	- Chỉ số ĐH 2306270 - Lưu lượng: 1665	973	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			QAnh Thắng
16/5	- Chỉ số ĐH 2450971 - Lưu lượng: 1488	- Chỉ số ĐH 2307718 - Lưu lượng: 1448	873	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 5 kg			Ogang
17/5	- Chỉ số ĐH 2452384 - Lưu lượng: 1113	- Chỉ số ĐH 2309179 - Lưu lượng: 1461	977	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: 15 kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Nam
18/5	- Chỉ số ĐH 2453998 - Lưu lượng: 1614	- Chỉ số ĐH 2310803 - Lưu lượng: 1624	876	- Phèn (PAC): 1,3 kg - Polyme Anion: 0,1 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			QAnh Linh
19/5	- Chỉ số ĐH 2455521 - Lưu lượng: 1523	- Chỉ số ĐH 2312278 - Lưu lượng: 1473	980	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			QAnh Thắng
20/5	- Chỉ số ĐH 2457262 - Lưu lượng: 1741	- Chỉ số ĐH 2314004 - Lưu lượng: 1726	877	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			QAnh Nam
21/5	- Chỉ số ĐH 2459387 - Lưu lượng: 2125	- Chỉ số ĐH 2316399 - Lưu lượng: 2395	1079	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Ogang T.Sang QAnh

Tháng 5 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi họ tên)
22/5	- Chỉ số ĐH: 2461108 - Lưu lượng: 1721	- Chỉ số ĐH: 2318059 - Lưu lượng: 1660	878	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
23/5	- Chỉ số ĐH: 2462770 - Lưu lượng: 1662	- Chỉ số ĐH: 2319647 - Lưu lượng: 1588	977	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 10 kg			
24/5	- Chỉ số ĐH: 2464291 - Lưu lượng: 1521	- Chỉ số ĐH: 2521105 - Lưu lượng: 1456	875	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
25/5	- Chỉ số ĐH: 2465472 - Lưu lượng: 1181	- Chỉ số ĐH: 2322180 - Lưu lượng: 1077	875	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: 5 kg			
26/5	- Chỉ số ĐH: 2466738 - Lưu lượng: 1266	- Chỉ số ĐH: 2323439 - Lưu lượng: 1259	860	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
27/5	- Chỉ số ĐH: 2468365 - Lưu lượng: 1627	- Chỉ số ĐH: 2324930 - Lưu lượng: 1491	947	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,7 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
28/5	- Chỉ số ĐH: 2470267 - Lưu lượng: 1902	- Chỉ số ĐH: 2326825 - Lưu lượng: 1895	949	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			

Tháng 5 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
29/5	- Chỉ số ĐH 2471241 - Lưu lượng: 1674	- Chỉ số ĐH 2328429 - Lưu lượng: 1604	963	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
30/5	- Chỉ số ĐH 2473607 - Lưu lượng: 1666	- Chỉ số ĐH 2330072 - Lưu lượng: 1643	874	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
31/5	- Chỉ số ĐH 2474907 - Lưu lượng: 1300	- Chỉ số ĐH 2331252 - Lưu lượng: 1180	971	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			
TỔNG CỘNG	TC: TB ngày.đêm:			- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			

Ghi chú:

Tháng 6 năm 2026

Tháng 6 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
01/6	- Chỉ số ĐH: 2476009 - Lưu lượng: 1102	- Chỉ số ĐH: 2352307 - Lưu lượng: 1055	870	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Anh Nam
02/6	- Chỉ số ĐH: 2477718 - Lưu lượng: 1308	- Chỉ số ĐH: 2333909 - Lưu lượng: 1602	970	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Ngọc Anh Tsang
03/6	- Chỉ số ĐH: 2479538 - Lưu lượng: 1821	- Chỉ số ĐH: 2335684 - Lưu lượng: 1775	969	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Hb Anh Thắng
04/6	- Chỉ số ĐH: 2481599 - Lưu lượng: 2061	- Chỉ số ĐH: 2337738 - Lưu lượng: 2054	1071	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Anh Linh
05/6	- Chỉ số ĐH: 2483236 - Lưu lượng: 1636	- Chỉ số ĐH: 2339374 - Lưu lượng: 1596	963	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,6 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Anh Anh
06/6	- Chỉ số ĐH: 2485379 - Lưu lượng: 2144	- Chỉ số ĐH: 2341438 - Lưu lượng: 2104	1063	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Ngọc T.Sang
07/6	- Chỉ số ĐH: 2487987 - Lưu lượng: 1608	- Chỉ số ĐH: 2343017 - Lưu lượng: 1579	955	- Phèn (PAC): kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: kg - NaOH: kg - H_2SO_4: kg - Dinh dưỡng: kg			Hb Thắng

Tháng 6 năm 2026

Tháng 6 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi họ tên)
08/6	- Chỉ số ĐH 248359 - Lưu lượng: 1372	- Chỉ số ĐH 2443349 - Lưu lượng: 1334	959	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
09/6	- Chỉ số ĐH 249.0513 - Lưu lượng: 1954	- Chỉ số ĐH 2346226 - Lưu lượng: 1877	1058	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
10/6	- Chỉ số ĐH 249.2192 - Lưu lượng: 1879	- Chỉ số ĐH 2348002 - Lưu lượng: 1776	954	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
11/6	- Chỉ số ĐH 2494009 - Lưu lượng: 1817	- Chỉ số ĐH 2349807 - Lưu lượng: 1805	950	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
12/6	- Chỉ số ĐH 2492560 - Lưu lượng: 1851	- Chỉ số ĐH 2351661 - Lưu lượng: 1854	1216	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
13/6	- Chỉ số ĐH 2497478 - Lưu lượng: 1618	- Chỉ số ĐH 2353263 - Lưu lượng: 1602	858	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
14/6	- Chỉ số ĐH 2498771 - Lưu lượng: 1296	- Chỉ số ĐH 2354644 - Lưu lượng: 1381	866	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			

Tháng 6 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
15/6	- Chỉ số ĐH: 2500353 - Lưu lượng: 1579	- Chỉ số ĐH: 2356205 - Lưu lượng: 1561	859	- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: 0,5 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Anh T Sang
16/6	- Chỉ số ĐH: 2501867 - Lưu lượng: 1514	- Chỉ số ĐH: 2357716 - Lưu lượng: 1511	959	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Anh Nam
17/6	- Chỉ số ĐH: 2503666 - Lưu lượng: 1799	- Chỉ số ĐH: 2359418 - Lưu lượng: 1702	954	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,7 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Anh Thắng
18/6	- Chỉ số ĐH: 2505420 - Lưu lượng: 1754	- Chỉ số ĐH: 2361438 - Lưu lượng: 2020	959	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Anh Nam
19/6	- Chỉ số ĐH: 2507238 - Lưu lượng: 1818	- Chỉ số ĐH: 2363240 - Lưu lượng: 1802	955	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Anh T Sang
20/6	- Chỉ số ĐH: 2508849 - Lưu lượng: 1611	- Chỉ số ĐH: 2364740 - Lưu lượng: 1500	951	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
21/6	- Chỉ số ĐH: 2510517 - Lưu lượng: 1668	- Chỉ số ĐH: 2366374 - Lưu lượng: 1634	8947	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,4 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: 1,0 kg			Thuỷ

Tháng 6 năm 2026

Tháng 6 năm 2026

Ngày	Lưu lượng NT đầu vào (m^3)	Lưu lượng nước thải đầu ra (m^3)	Mức điện tiêu thụ (kWh)	Hóa chất sử dụng	Lượng bùn thải	Tình trạng hệ thống	Người ghi (ký tên và ghi rõ họ tên)
22/6	- Chỉ số ĐH 2518448 - Lưu lượng: 1331	- Chỉ số ĐH 2367556 - Lưu lượng: 1182	954	- Phèn (PAC): 12 kg - Polyme Anion: 0,3 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Xin Anh Hiếu
23/6	- Chỉ số ĐH 2513450 - Lưu lượng: 1602	- Chỉ số ĐH 2369040 - Lưu lượng: 1484	949	- Phèn (PAC): 13 kg - Polyme Anion: 93 kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			Xin Anh Nam
24/6	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:		- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
25/6	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:		- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
26/6	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:		- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
7/6	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:	- Chỉ số ĐH ..... - Lưu lượng:		- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg - Javen: ..... kg - NaOH: ..... kg - H_2SO_4: ..... kg - Dinh dưỡng: ..... kg			
6	- Chỉ số ĐH	- Chỉ số ĐH		- Phèn (PAC): ..... kg - Polyme Anion: ..... kg			

UBND TỈNH AN GIANG **BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/QĐ-BQLKKT	*An Giang, ngày 07 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Tổ Quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung và Đại diện Ban Quản lý tại Khu công nghiệp Bình Long

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ Quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung và Đại diện Ban Quản lý tại Khu công nghiệp Bình Long, gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Duy Linh – Tổ trưởng, Đại diện Ban Quản lý tại Khu công nghiệp;

2. Ông Nguyễn Hoài Nam – Tổ phó;

3. Bà Phạm Huỳnh Quế Anh – Thành viên.

4. Ông Huỳnh Hà Thanh Sang – Thành viên;

5. Ông Phạm Văn Thẳng – Thành viên.

Tổ làm việc thường xuyên tại Khu công nghiệp Bình Long, chịu sự điều hành trực tiếp của Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và sự chỉ đạo, giám sát toàn diện của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Đối với Quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung:

- Tham mưu, xây dựng kế hoạch vận hành, quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung; tổ chức vận hành thường xuyên, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn và hiệu quả;

- Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng nước thải; lập hồ sơ báo cáo môi trường; tham mưu thực hiện các thủ tục pháp lý, mua sắm, bảo trì, sửa chữa thiết bị, vật tư, hóa chất;

- Thu gom, xử lý chất thải rắn, bùn thải, vệ sinh nhà máy; bảo đảm an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, hóa chất và môi trường.

2. Đối với Đại diện Ban Quản lý tại khu công nghiệp:

- Theo dõi, hướng dẫn, giám sát doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, lao động, môi trường, PCCC, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm;

- Phối hợp với chính quyền và các lực lượng chức năng bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường;

- Tiếp nhận, phản ánh, tổng hợp tình hình và đề xuất giải pháp, kiến nghị với Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;

- Thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng, quý và năm; quản lý hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị được giao.

Điều 3. Chế độ làm việc của Tổ

1. Tổ làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự điều hành của Tổ trưởng và sự chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn của Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế. Các thành viên chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện.

2. Họp định kỳ mỗi tháng một lần để đánh giá kết quả công tác, đề xuất nhiệm vụ mới; họp đột xuất khi có yêu cầu của Ban Quản lý hoặc Trung tâm.

3. Tổ trưởng tổng hợp, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất gửi Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế; Trung tâm tổng hợp, báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo quy định.

4. Chế độ công tác, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế, Trưởng các phòng chuyên môn và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Trưởng ban và các Phó Trưởng ban;
- Lưu: VT, nttnga.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Trần Minh Nhựt

CÔNG AN TỈNH AN GIANG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 288/TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1659/TTr-BQLKKT ngày 19/12/2019 của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Thanh Cường Chức danh: Phó Trưởng ban

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Bình Long (Giai đoạn 1).

Hạng mục: Nhà điều hành và nhà chức năng.

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long, xã Bình Long, Châu Phú, An Giang.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Phúc Khang Phát.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Vị trí xây dựng công trình; Bậc chịu lửa; Lối đường thoát nạn; Giao thông phục vụ chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC; Hệ thống chống sét; Hệ thống báo cháy tự động, đèn exit, đèn chiếu sáng sự cố; Hệ thống cung cấp nước chữa cháy; Bình chữa cháy xách tay.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

An Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2019

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Võ Phúc Thọ

Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành

2. Phần Thiết Bị

Công trình *: Hệ thống xử lý nước thải KCN Bình Long (giai đoạn 1).*

Hạng mục *: Thiết Bị.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----o0o----

An Giang , ngày 14 tháng 1 năm 2019

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Số:.....

Kính gửi : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang
Tư vấn giám sát

Sau khi thiết bị về kho nhà thầu mời Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nghiệm thu công việc như sau:

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long

Hạng mục : Phần thiết bị

1.Nội dung yêu cầu nghiệm thu :

- Cung cấp thiết bị (đợt 1)

2. Thời gian yêu cầu nghiệm thu: giờ 8h00 ngày 15 tháng 1 năm 2019

3. Địa điểm yêu cầu nghiệm thu tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải.

4. Tài liệu kèm theo:

5. Người gửi yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu	Nguyễn Thanh Hường	Ký tên CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN CHỈ HUY TRƯỞNG .....
6. Người nhận yêu cầu nghiệm thu của Tư vấn giám sát	**Nguyễn Sĩ Hoàng Khương**	Ký tên .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------oOo---------

Số : .....

An Giang , ngày 15 tháng 1 năm 2019

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CUNG CẤP THIẾT BỊ ĐỢT 1

Công Trình : Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục : Thiết Bị

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long - h.Châu Phú – t. An Giang.

1. **Đối tượng nghiệm thu :** (Danh mục kèm theo)
2. **Thành phần tham gia:**

Đ/d Chủ đầu tư : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

_ Ông : **Nguyễn Thanh Cường** Chức vụ : **P.Trưởng Ban**

_ Ông : Trần Chí Hoàng Chức vụ : Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát : Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

_ Ông : **Trịnh Gia Khải** Chức vụ : **Giám đốc**

_ Ông : **Nguyễn Sĩ Hoàng Khương** Chức vụ : **Giám sát viên**

Đ/d Thi Công :Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

_ Ông : **Lê Đức Bảo** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

_ Ông : **Nguyễn Thanh Hường** Chức vụ : **Chỉ huy Trưởng**

_ Ông : **Phạm Phúc Trình** Chức vụ : **CBKT**

3. **Thời gian nghiệm thu :**

Bắt đầu : 8h00 , ngày 15 tháng 1 năm 2019

Kết thúc : 11h00 , ngày 15 tháng 1 năm 2019

Tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

4. **Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :**

_ Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 14/ 1/ 2019 của nhà thầu thi công xây dựng.

_ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận

_Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.

_ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số : 836/2018/HĐ-BQLKKT.

_ Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.

_ Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).

_ Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.

5. Về chất lượng bộ phận công việc hoàn thành xây dựng :

_ Các số liệu đo đạc kiểm tra đối tượng nghiệm thu so với hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự duyệt đạt yêu cầu

6 .Ý kiến : không

.....

7 . Kết luận :

_ Chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho đơn vị thi công triển khai các công việc tiếp theo.

Đ/d : TƯ VẤN GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d : NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

Đ/d : CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------oOo---------

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỢT 1

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 15 tháng 01 năm 2019)

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN BÌNH LONG - CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY.ĐÊM

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
	BỂ AEROTEN 1							
1	17	Hệ thống phân phối khí bể Aeroten 1	84P	EDI	Mỹ	Hệ thống	2	
	BỂ AEROTEN 2							
2	20	Hệ thống phân phối khí bể Aeroten 2	84P	EDI	Mỹ	Hệ thống	1	
	HỆ THỐNG XỬ LÝ BÙN							
3	31	Máy ép bùn (trọn bộ)	TA-1000	Yuachang	Đài Loan	chiếc	1	
	THIẾT BỊ KHÁC							
4	46	Máy phát điện dự phòng	B450D5	Baudouin	Trung Quốc	chiếc	1	
	ĐIỆN ĐỘNG LỰC							
5	77	Đường dây và trạm biến áp	Trọn bộ 400KVA	Thiết bị		HT	1	
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM							
6	85	Tủ sấy	TC135S	Aqualytic	Đức	Bộ	1	

Đ/d TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT 3EEN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----o0o----

An Giang , ngày 15 tháng 4 năm 2019

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Số:.....

Kính gửi : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang
Tư vấn giám sát

Sau khi thiết bị về kho nhà thầu mời Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nghiệm thu công việc như sau:

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long

Hạng mục : Phần thiết bị

1.Nội dung yêu cầu nghiệm thu :

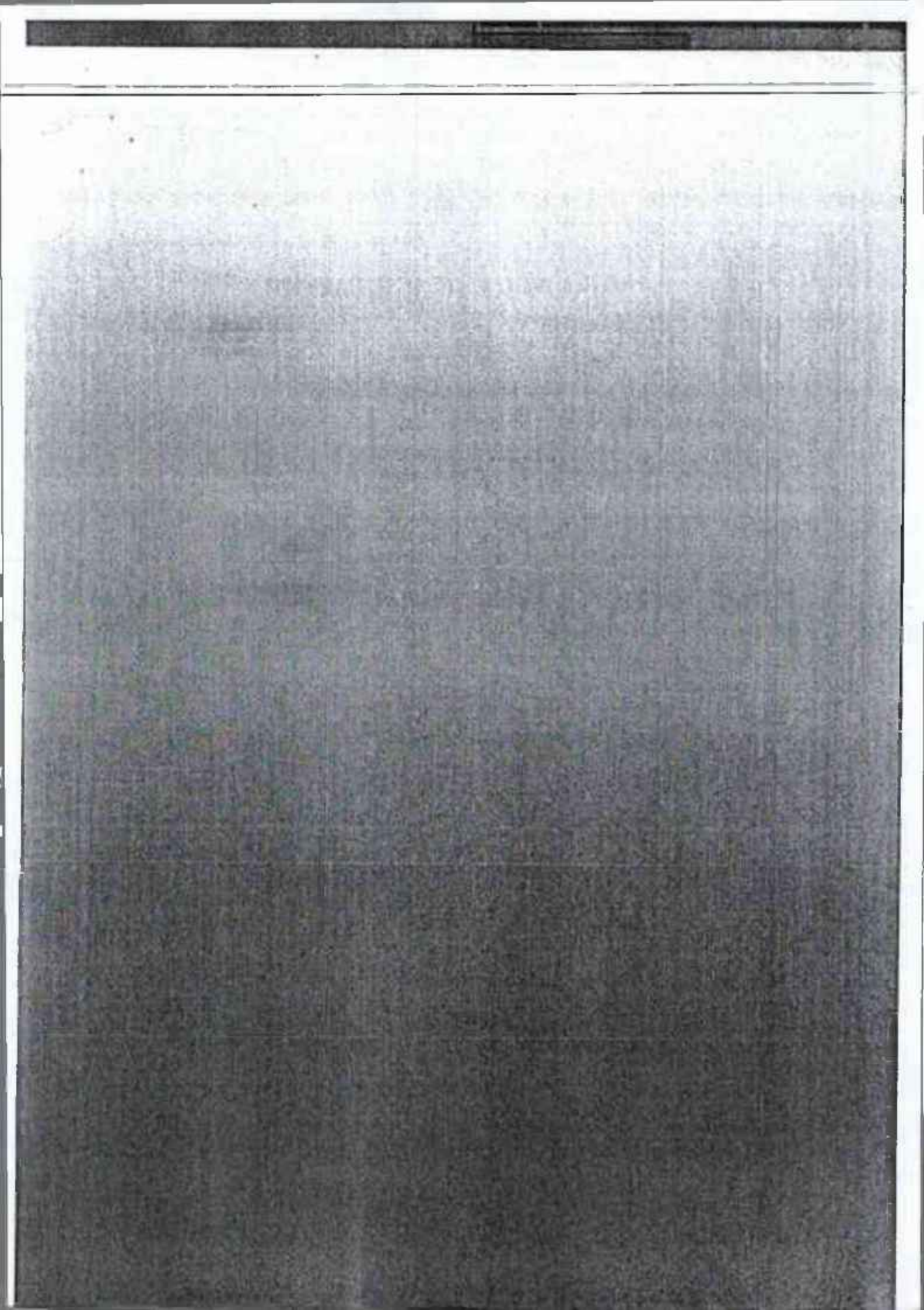
- Cung cấp thiết bị (đợt 2)

2. Thời gian yêu cầu nghiệm thu: giờ 8h00 ngày 16 tháng 4 năm 2019

3. Địa điểm yêu cầu nghiệm thu tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải.

4. Tài liệu kèm theo:

5. Người gửi yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu	**Nguyễn Thanh Hường**	Ký tên CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN CHỈ HUY TRƯỞNG .....
6. Người nhận yêu cầu nghiệm thu của Tư vấn giám sát	**Nguyễn Sĩ Hoàng Khương**	Ký tên .....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------o0o---------

Số : .....

An Giang , ngày 16 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CUNG CẤP THIẾT BỊ (ĐỢT 2)

Công Trình : Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục : Thiết Bị

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long – h.Châu Phú – t. An Giang.

1. **Đối tượng nghiệm thu :** (Danh mục kèm theo) .

2. **Thành phần tham gia:**

Đ/d Chủ đầu tư : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

_ Ông : **Nguyễn Thanh Cường** — Chức vụ : **P.Trưởng Ban**

_ Ông : **Trần Chí Hoàng** — Chức vụ : Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát : Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

_ Ông : **Trịnh Gia Khải** — Chức vụ : **Giám đốc**

_ Ông : **Nguyễn Sĩ Hoàng Khương** — Chức vụ : **Giám sát viên**

Đ/d Thi Công :Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

_ Ông : **Lê Đức Bảo** — Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

_ Ông : **Nguyễn Thanh Hường** — Chức vụ : **Chỉ huy Trưởng**

_ Ông : **Phạm Phúc Trình** — Chức vụ : **CBKT**

3. **Thời gian nghiệm thu :**

Bắt đầu : 14h00 , ngày 16 tháng 4 năm 2019

Kết thúc : 11h30 , ngày 16 tháng 4 năm 2019

Tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

4. **Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :**

_ Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 15/ 4/ 2019 của nhà thầu thi công xây dựng.

_ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận

_Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.

_ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số : 836/2018/HĐ-BQLKKT.

_ Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.

_ Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).

_ Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.

5. Về chất lượng bộ phận công việc hoàn thành xây dựng :

_ Các số liệu đo đạc kiểm tra đối tượng nghiệm thu so với hồ sơ thiết kế kỹ thuật - đ duyệt: đạt yêu cầu

6 .Ý kiến : không

.....

7 . Kết luận :

_ Chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho đơn vị thi công triển khai các công việc tiếp theo.

Đ/d : TƯ VẤN GIÁM SÁT
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d : NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bảo

Đ/d : CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỢT 2

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 16 tháng 4 năm 2019

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN BÌNH LONG - CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY.ĐÊM

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
	BỂ LẮNG CÁT							
1	4	Bơm cát	Bơm: CN651 Khớp nối tự động: P80	Shinmaywa	Nhật Bản	chiếc	2	
2	5	Thiết bị gạt dầu mỡ Bể lắng cát	CHHM2-6130-71	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	1	
	BỂ ĐIỀU HÒA							
3	8	Máy thổi khí bể Điều hòa	ARS125, 18.5kw	Shinmaywa	Nhật Bản	chiếc	3	
	CỤM BỂ PHẢN ỨNG							
4	11	Hệ thống trộn hóa chất với nước thải 2 (bể keo	CNVM2-6095-21	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	1	
5	12	Máy khuấy trộn hóa chất với nước thải 3 (bể tạo bông)	CNVM2-6115-43	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	1	
	BỂ LẮNG HÓA LÝ							
6	13	Hệ thống gạt bùn bể lắng hóa lý	CVVM 05-6190TA-TL-31433	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	1	
7	14	Bơm bùn Bể lắng hóa lý	CWT80,3.7kw	Shinmaywa	Nhật Bản	chiếc	2	
	BỂ AEROTEN 1							
8	17	Hệ thống phân phối khí bể Aeroten 1	84P	EDI	Mỹ	Hệ thống	2	
	BỂ LẮNG SINH HỌC							
9	21	Bơm bùn Bể lắng sinh	CWT80,3.7kw	Shinmaywa	Nhật Bản	chiếc	4	
10	22	Hệ thống gạt bùn bể lắng sinh học	CVVM 05-6190TA-TL-31433	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	2	
	HỆ THỐNG BỒN LỌC ÁP LỰC							
11	24	Hệ thống bồn lọc áp lực		SEEN	Việt Nam	chiếc	3	
	BỂ CHỨA BÙN							
12	29	Hệ thống gạt bùn bể chứa bùn	CVVM 05-6190TA-TL-31433	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	1	
	HỆ THỐNG XỬ LÝ BÙN							
13	31	Máy ép bùn (trọn bộ)	TA-1000	Yuachang	Đài Loan	chiếc	1	
	HỆ THỐNG PHA TRỘN HÓA CHẤT							

	HỆ THỐNG PHA TRỘN HÓA CHẤT							
14	32	Bơm vận chuyển hóa chất	SIFBISGTABS600	Sandpiper	Mỹ	chiếc	1	
15	33	Máy nén khí dùng cho bơm màng và máy ép bùn	TA-80	Fusheng	Việt Nam	chiếc	2	
16	43	Motor pha trộn hóa chất	CNVM1-6090-15	Sumitomo	Nhật Bản	chiếc	4	

Đ/d Tư vấn giám sát

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d Nhà thầu thi công

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

Đ/d Chủ Đầu Tư

PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HẬU GIANG

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----oOo----

An Giang , ngày 23 tháng 12 năm 2019

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆM THU

Số:.....

Kính gửi : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang

Tư vấn giám sát

Sau khi thiết bị về kho nhà thầu mời Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư nghiệm thu công việc như sau:

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long

Hạng mục : Phần thiết bị

1.Nội dung yêu cầu nghiệm thu :

- Cung cấp thiết bị (đợt 3)

2. Thời gian yêu cầu nghiệm thu: giờ 9h0 ngày 24 tháng 12 năm 2019

3. Địa điểm yêu cầu nghiệm thu tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải.

4. Tài liệu kèm theo:

5. Người gửi yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu	**Nguyễn Thanh Hường**	Ký tên CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN CHỈ HUY TRƯỞNG .....
6. Người nhận yêu cầu nghiệm thu của Tư vấn giám sát	**Võ Thành Phúc**	Ký tên
7. Người nhận yêu cầu nghiệm thu của Tư vấn giám sát	**Trần Chí Hoàng**	Ký tên .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------o0o---------

Số: ..... An Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2019

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CUNG CẤP THIẾT BỊ (ĐỢT 3)

Công Trình: Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục: Thiết Bị

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long – h.Châu Phú – t. An Giang.

1. Đối tượng nghiệm thu: (Danh mục kèm theo)

2. Thành phần tham gia:

Đ/d Chủ đầu tư: Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

- Ông: **Nguyễn Thanh Cường** — Chức vụ: **P. Trưởng Ban**
- Ông: Trần Chí Hoàng — Chức vụ: Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát: Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

- Ông: **Trịnh Gia Khải** — Chức vụ: **Giám đốc**
- Ông: **Võ Thành Phúc** — Chức vụ: **Giám sát viên**

Đ/d Thi Công: Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

- Ông: **Lê Đức Bảo** — Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Ông: **Nguyễn Thanh Hường** — Chức vụ: **Chỉ huy Trưởng**
- Ông: **Phạm Phúc Trình** — Chức vụ: **CBKT**

3. Thời gian nghiệm thu:

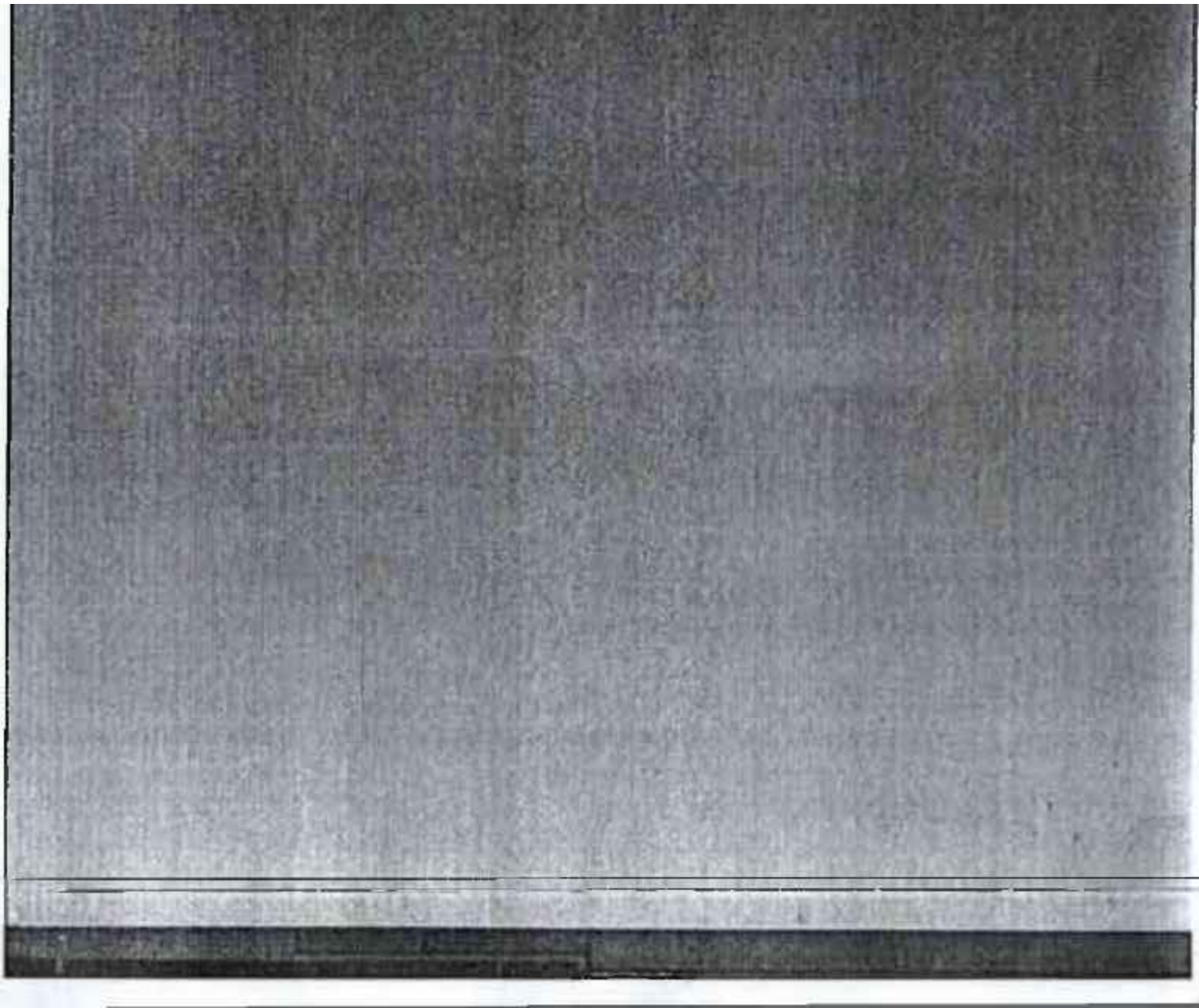
Bắt đầu: 9h00, ngày 24 tháng 12 năm 2019

Kết thúc: 11h40, ngày 24 tháng 12 năm 2019

Tại: Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

4. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 23/12/2019 của nhà thầu thi công xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận
- Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.
- Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 836/2018/HĐ-BQLKKT.
- Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.
- Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).
- Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------oOo---------

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỢT 3

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 24 tháng 12 năm 2019)

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN BÌNH LONG - CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY.ĐÊM

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
	BỂ GOM NƯỚC THẢI							
1	1	Bơm nước thải bể gom	Bơm: CN100 Khớp nối tự động: P80B	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	4	
2	2	Máy khuấy trộn chìm bể gom	SM15JA	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	1	
	BỂ ĐIỀU HÒA							
3	6	Máy tách rác tinh	R130	Cosme	Italia	Cái	1	
4	7	Bơm nước thải Bể Điều hoà	Bơm: CN100 Khớp nối tự động: P80B	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	4	
	CỤM BỂ PHẢN ỨNG							
5	10	Hệ thống trộn hóa chất với nước thải 1(bể phản ứng)	CNVM2-6095-13	Sumitomo	Nhật Bản	Cái	1	
	BỂ ANOXIC 1							
6	15	Máy khuấy trộn chìm bể thiếu khí Anoxic	SM15A-211	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	4	
	BỂ AEROTEN 1							
7	16	Bơm tuần hoàn nước từ bể Aeroten về bể Anoxic	Bơm CN150 Bộ kết nối: P150	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	2	
8	18	Máy thổi khí	ARS125	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	4	
	BỂ ANOXIC 2							
9	19	Máy khuấy trộn chìm bể thiếu khí Anoxic	SM15JA-111	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	4	
	BỂ TRUNG GIAN							
10	23	Bơm nước thải	Bơm: CN100 Khớp nối tự động: P80B	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	3	
	BỂ NÉN BÙN HÓA LÝ							
11	26	Bơm bùn sang bể chứa bùn	Bơm: CN80 Khớp nối tự động: P80B	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	2	
	BỂ NÉN BÙN SINH HỌC							

12	28	Bơm bùn sang bể chứa bùn	Bơm: CN80 Khớp nối tự động: P80B	Shinmaywa	Nhật Bản	Cái	2	
	BỂ CHỨA BÙN							
13	30	Bơm bùn vào máy ép bùn	BN	Seepex	Đức	Cái	2	
14	39	Hệ thống pha polymer tự động	PL3-7000	Yuanchang	Đài Loan	Cái	1	
	THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN							
15	60	Thiết bị đo lưu lượng đầu vào sử dụng trong công nghiệp: gồm sensor và transmiter	10L2F	Endress Hauser	Pháp	Cái	1	
16	61	Thiết bị đo pH bể phản ứng	Sensor: CPF81 Transmitter: CPM253	Endress Hauser	G7	TB	1	
17	62	Đầu đo nhanh TSS và bộ hiện thị tại bể trung gian	Sensor: CUS51D Transmitter: CM442	Endress Hauser -	Đức	Bộ	1	
18	63	Thiết bị đo DO bể Aeroten, Anoxic sử dụng trong công nghiệp gồm sensor và transmiter	Sensor: COS41 Transmitter: COM253	Endress Hauser	Đức	TB	6	
19	64	Thiết bị đo MLSS bể Aeroten, sử dụng trong công nghiệp gồm sensor và transmiter	Sensor: CUS51D Transmitter: CM442	Endress Hauser	Đức	TB	3	
20	65	Thiết bị đo mức theo phương pháp siêu âm cho bể Gom, Điều hoà nước thải	FMU42	Endress Hauser	Đức	TB	2	
21	66	Đầu đo nhanh COD cho bể gom nước thải	Sensor: CAS51D Transmitter: CM442	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM							
22	78	Máy đo DO cầm tay	SD 310 Oxi	Aqualytic	Đức	Cái	1	
23	79	Máy đo pH cầm tay	SD 300 pH	Aqualytic	Đức	Cái	1	
24	80	Cân phân tích điện tử	Practum - 313	Statorius	Đức	Cái	1	
25	81	Thiết bị phá mẫu COD, Nitơ, Phốt pho, ...	AL125	Aqualytic	Đức	TB	1	
26	82	Máy so màu QUANG PHỔ	AL450	Aqualytic	Đức	TB	1	
27	83	Thiết bị phân tích BOD: Bộ đo BOD và tủ ấm	Thiết bị phân tích: BD600 Tủ ấm: TCI35S	Aqualytic	Đức	Bộ	1	

28	87	Hóa chất thí nghiệm đủ dùng cho 02 tháng hoạt động của hệ thống xử lý		Aqualytic	Đức	Lô	1	
	THIẾT BỊ TRẠM QUAN TRẮC							
29	88	Thiết bị đo lưu lượng	10L3F	Endress Hauser	EU	Bộ	1	
30	89	Bộ hiển thị, điều khiển và truyền tín hiệu	CM444	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
31	90	Đầu đo nhanh COD	CAS51D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
32	91	Đầu đo nhanh TSS	CUS51D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
33	92	Đầu đo pH	CPF81D	Endress Hauser	Mỹ	Bộ	1	
34	93	Đầu đo DO	COS61D	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
35	94	Bộ nén khí làm sạch đầu đo	VA-65	Fusheng	Việt Nam	Bộ	1	

Đ/d Tư vấn giám sát
GIÁM ĐỐC

Trịnh Gia Khải

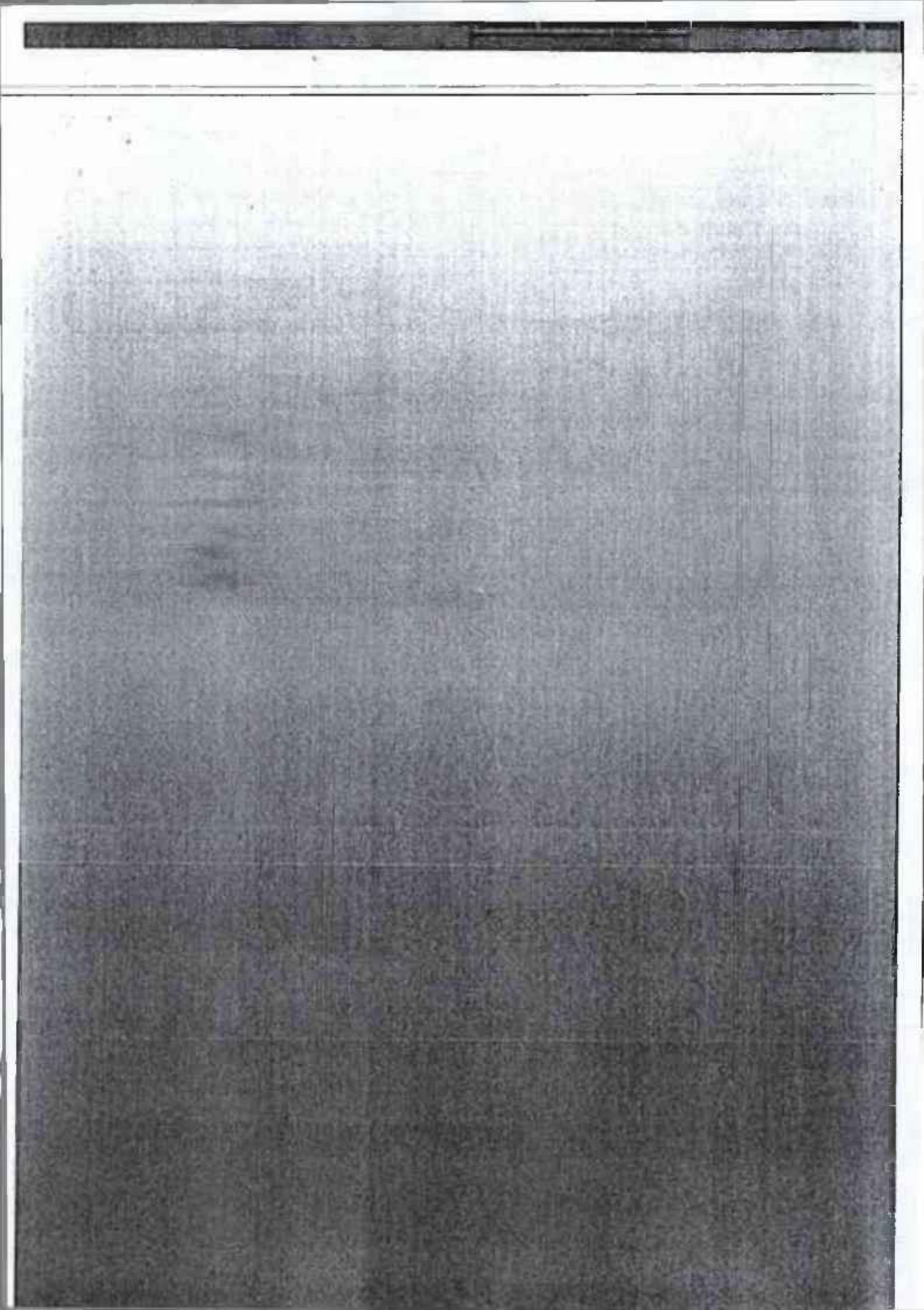
Đ/d Nhà thầu thi công

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thế Bảo

Đ/d Chủ Đầu Tư
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------oOo---------

Số : ..... **An Giang , ngày** 4 **tháng** 5 **năm** 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH CUNG CẤP THIẾT BỊ (ĐỢT 4)

Công Trình : Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục : Thiết Bị

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long – h.Châu Phú – t. An Giang.

1. **Đối tượng nghiệm thu :** (Danh mục kèm theo)
2. **Thành phần tham gia:**

Đ/d Chủ đầu tư : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

_ Ông : **Nguyễn Thanh Cường** Chức vụ : **P.Trưởng Ban**

_ Ông : Trần Chí Hoàng Chức vụ : Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát : Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

_ Ông : **Trịnh Gia Khải** Chức vụ : **Giám đốc**

_ Ông : Võ Thành Phúc Chức vụ : Giám sát viên

Đ/d Thi Công :Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

_ Ông : **Lê Đức Bảo** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

_ Ông : Nguyễn Thanh Hường Chức vụ : **Chỉ huy Trưởng**

Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 8h00, ngày 4 tháng 5 năm 2020.

Kết thúc : 11h30, ngày 4 tháng 5 năm 2020.

Tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :

_ Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 29/4/2020 của nhà thầu thi công xây dựng.

_ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận

_Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.

_ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số : 836/2018/HĐ-BQLKKT.

_ Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.

_ Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).

_ Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.

5. Về chất lượng bộ phận công việc hoàn thành xây dựng :

_ Các số liệu đo đạc kiểm tra đối tượng nghiệm thu so với hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán được duy

đạt yêu cầu

6 .Ý kiến : không

7 . Kết luận :

_ Chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho đơn vị thi công triển khai các công việc tiếp theo.

Đ/d : TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d : NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bắc

Đ/d : CHỦ ĐẦU TƯ

PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ (ĐỢT 4)

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 4 tháng 5 năm 2020)

B.Phần Thiết Bị

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
	3.BỂ ĐIỀU HÒA							
1	9	Hệ thống phân phối khí thô bể điều hòa	Kiểu: MaxAirTM, phân phối khí thô. Vật liệu: Inox; đầu phân phối khí dạng ống, loại bọt khí thô. - Vật liệu: Inox SUS 304	SEEN	Việt Nam	Hệ thống	1	
	13.BỂ NÉN BÙN HOA LY							
2	25	Hệ thống phân phối khí bể nén bùn hoá lý	Kiểu: MaxAirTM, phân phối khí thô. Vật liệu: Inox; đầu phân phối khí dạng ống, loại bọt khí thô. - Vật liệu: Inox SUS 304	SEEN	Việt Nam	Hệ thống	1	
	14.BỂ NÉN BÙN SINH HỌC							
3	27	Hệ thống phân phối khí bể nén bùn hoá lý	Kiểu: MaxAirTM, phân phối khí thô. Vật liệu: Inox; đầu phân phối khí dạng ống, loại bọt khí thô. - Vật liệu: Inox SUS 304	SEEN	Việt Nam	Hệ thống	1	
	HỆ THỐNG PHA TRỘN HÓA CHẤT							
4	44	Thùng chứa hoá chất: Kiềm, phèn, axit, javen	Vật liệu composite. Thể tích chứa 5 m3 Chế tạo theo thiết kế, độ bền cơ lý cao, chịu được hoá chất có độ ăn mòn cao...	LCT-V5M3	Việt Nam	Cái	4	
5	45	Bồn pha trộn hóa chất	Vật liệu composite. Thể tích chứa 1 m3. Chế tạo theo thiết kế; độ bền cơ lý cao; chịu được hoá chất có độ ăn mòn cao như: Axit, kiềm, javen... Bao gồm hệ thống giá đỡ	LCT-V1M3	Việt Nam	Cái	5	
	THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN							

6	56	Hệ thống điều khiển PLC	Hệ thống điều khiển chuyên dụng, cấu trúc module, khả năng mở rộng tốt, tốc độ xử lý cao, hoạt động ổn định, có khả năng chuẩn đoán và bảo vệ hệ thống. Hỗ trợ các kết nối truyền thông công nghiệp, cho phép lập trình theo chuẩn IEC. Thay thế dễ dàng, thông dụng tại Việt Nam	SEIMENS	Đức	Bộ	1	
7	57	Phần mềm điều khiển SCADA	Ngôn ngữ Anh/Việt, giao diện đồ họa đẹp. Có chức năng điều khiển, hiển thị, cảnh báo, lưu trữ. Truyền thông tốc độ cao với bộ điều khiển, có khả năng tương thích với các bộ điều khiển khác nhau.	SEIMENS	Đức	Bộ	1	
8	58	Máy tính điều khiển giám sát	(Máy tính + máy in) đồng bộ: [1] Bộ xử lý Intel® Core™I5 Tốc độ 1.5GHz hoặc tương đương [2] Bộ nhớ trong RAM ≥ 4GB [3] Ổ đĩa cứng ≥ 500 GB [4] Ổ đĩa DVD/CD ROM [5] Màn hình 23" LCD trở lên Mới 100%	Dell	Malaysia	Bộ	2	
9	59	Bộ lưu điện UPS	[1] Nguồn vào 1 Pha 220V/50Hz [2] Điện áp ra 1 pha 220V/50Hz [3] Thời gian lưu 10 phút, quá tải 120% [4] loại Online, 3KVA		Trung Quốc	Bộ	1	
10	69	Biến tần điều khiển bơm nước thải bể Gom	[1] Điện áp vào: 3 pha/380V/ 50Hz, [2] Điện áp ra: 3 Pha, 380V [3] Tần số điện áp ra: 0.5 đến 400Hz [4] Tín hiệu điều khiển 0-10V DC [5] Quá tải momen 130% [6] Công suất: 5,5 KW [7] Tín hiệu analog vào: 4-20mA [8] Mức bảo vệ: IP20	ACQ580-01-12A7-4	ABB Thụy Sĩ	TB	4	

11	70	Biến tần điều khiển bơm nước thải bể điều hòa	[1] Điện áp vào: 3 pha/380V/ 50Hz, [2] Điện áp ra: 3 Pha, 380V [3] Tần số điện áp ra: 0.5 đến 400Hz [4] Tín hiệu điều khiển 0-10V DC [5] Quá tải momen 130% [6] Công suất: 5,5 KW [7] Tín hiệu analog vào: 4-20mA [8] Mức bảo vệ: IP20	ACQ580-01-12A7-4	ABB Thụy Sĩ	TB	4	
12	71	Biến tần điều khiển bơm định lượng	[1] Điện áp vào: 3 pha/380V/50Hz, [2] Điện áp ra: 3 Pha, 380V [3] Tần số điện áp ra: 0.5 đến 400Hz [4] Tín hiệu điều khiển 0-10V DC [5] Quá tải momen 130% [6] Công suất: >=0,4 KW [7] Tín hiệu analog vào: 4-20mA [8] Mức bảo vệ: IP20	ACQ580-01-02A7-4	ABB Thụy Sĩ	TB	12	
	ĐIỆN ĐỘNG LỰC							
13	73	Tủ điện động lực	Chế tạo theo thiết kế. Vật liệu vỏ: Thép, sơn tĩnh điện. Vật tư: Nhật, Hàn Quốc; vỏ tủ và lắp ráp: tại Việt Nam Tủ bao gồm các thiết bị đóng cắt, bảo vệ tích hợp phù hợp điều kiển các thiết bị của hệ thống xử		Nhật/Hàn Quốc/Việt Nam	Lô	1	
14	74	Tủ điện khóa an toàn cho các thiết bị	Chế tạo theo thiết kế. Vật liệu vỏ: Thép không gỉ. Vật tư: Nhật, Hàn Quốc; vỏ tủ và lắp ráp: tại Việt Nam		Nhật/Hàn Quốc/Việt Nam	Lô	1	
15	75	Tủ điện điều khiển	Chế tạo theo thiết kế. Vật liệu vỏ: Thép, sơn tĩnh điện. Vật tư: Nhật, Hàn Quốc; vỏ tủ và lắp ráp: tại Việt Nam		Nhật/Hàn Quốc/Việt Nam	Lô	1	

16	76	Hệ thống thang cáp điện	Chế tạo theo thiết kế. Vật liệu vỏ: Thép, nhúng kẽm		Việt Nam	Lô	1	

Đ/d Tư vấn giám sát
GIÁM ĐỐC

Trịnh Gia Khải

Đ/d Nhà thầu thi công

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bảo

Đ/d Chủ Đầu Tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------o0o---------

Số : .....

An Giang , ngày 28 tháng 12 năm 2020

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ (đợt 5)

Công Trình : Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục : Cung cấp, lắp đặt thiết bị.

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long – h.Châu Phú – t. An Giang.

1. **Đối tượng nghiệm thu :** (Danh mục kèm theo)

2. **Thành phần tham gia:**

Đ/d Chủ đầu tư : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

_ Ông : **Nguyễn Thanh Cường** Chức vụ : **Trưởng Ban**

_ Ông : Trần Chí Hoàng Chức vụ : Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát : Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

_ Ông : **Trịnh Gia Khải** Chức vụ : **Giám đốc**

_ Ông : Nguyễn Thanh Sang Chức vụ : Giám sát viên

Đ/d Thi Công :Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

_ Ông : **Lê Đức Bảo** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

_ Ông : Nguyễn Thanh Hường Chức vụ : **Chỉ huy Trưởng**

3. **Thời gian nghiệm thu :**

Bắt đầu : 8h00 , ngày 28 tháng 12 năm 2020

Kết thúc : 10h00 , ngày 28 tháng 12 năm 2020

Tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

4. **Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :**

_ Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 25/12/ 2020 của nhà thầu thi công xây dựng.

_ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận

_Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.

_ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số : 836/2018/HĐ-BQLKKT.

_ Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.

_ Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).

_ Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.

5. Về chất lượng bộ phận công việc hoàn thành xây dựng :

_ Các số liệu đo đạc kiểm tra đối tượng nghiệm thu so với hồ sơ thiết kế kỹ thuật - dự toán được đạt yêu cầu

6 .Ý kiến : không

.....

7 . Kết luận :

_ Chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho đơn vị thi công triển khai các công việc tiếp theo.

Đ/d : TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d : NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đình Phúc

Đ/d : CHỦ ĐẦU TƯ

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - tự do - hạnh phúc
----------oOo---------

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ (ĐỢT 5)

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 28 tháng 12 năm 2020)

B.Phần Thiết Bị

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
		Hệ thống pha trộn hóa chất						
1	34	Bơm định lượng Axit đặc	D-101N-70/F-13	Doseuro	Italia	Cái	1	
2	35	Bơm định lượng Axit loãng	B-250N-75/B-43	Doseuro	Italia	Cái	2	
3	36	Bơm định lượng hóa chất Kiềm	B-250N-75/B-43	Doseuro	Italia	Cái	2	
4	37	Bơm định lượng hóa chất NaClO	B-250N-75/B-43	Doseuro	Italia	Cái	2	
5	38	Bơm định lượng dinh dưỡng	B-250N-75/B-43	Doseuro	Italia	Cái	2	
6	40	Bơm định lượng POLYME dùng cho keo tụ	A-250N-64/B-13	Doseuro	Italia	Cái	2	
7	41	Bơm định lượng POLYME dùng cho máy ép bùn	A-175N-64/C-13	Doseuro	Italia	Cái	2	
8	42	Bơm định lượng phèn	B-250N-75/B-43	Doseuro	Italia	Cái	2	
		Thiết bị điều khiển						
9	72	Hệ thống cáp quang	HT	asian	Việt Nam	HT	1	
		Thiết bị thí nghiệm						

10	84	Thiết bị lọc chân không: Máy hút chân không và bộ bình lọc				Lô	1	
		Thiết bị trạm quan trắc						
11	95	Tủ điện, bồn chứa nước trạm quan trắc			Việt nam	Bộ	1	
12	97	Bơm trích mẫu			Việt nam	Bộ	1	
13	99	Hệ thống chiếu sáng, tiếp địa, chống sét nhà trạm			Việt nam	Bộ	1	
		Phần bổ sung, phát sinh						
14	1	Hệ thống báo cháy và chữa cháy của nhà máy			Việt nam	Bộ	1	

Đ/d Tư vấn giám sát

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG KTC

Trịnh Gia Khải

Đ/d Nhà thầu thi công

CÔNG TY KỸ THUẬT SEEN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

Đ/d Chủ Đầu Tư

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---------oOo---------

Số : .....

An Giang , ngày 30 tháng 3 năm 2021

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CUNG CẤP, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

Công Trình : Hệ Thống Xử Lý Nước Thải Tập Trung KCN Bình Long (giai đoạn 1).

Hạng Mục : Cung cấp, lắp đặt thiết bị.

Địa điểm xây dựng: KCN Bình Long – xã Bình Long – h.Châu Phú – t. An Giang.

1. **Đối tượng nghiệm thu :** (Danh mục kèm theo)
2. **Thành phần tham gia:**

Đ/d Chủ đầu tư : Ban quản lý khu kinh tế tỉnh An Giang.

_ Ông : **Nguyễn Thanh Cường** Chức vụ : **P.Trưởng Ban**

_ Ông : Trần Chí Hoàng Chức vụ : Chuyên viên

Đ/d Tư Vấn Giám Sát : Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Giao Thông KTC

_ Ông : **Trịnh Gia Khải** Chức vụ : **Giám đốc**

_ Ông : Nguyễn Thanh Sang Chức vụ : Giám sát viên

Đ/d Thi Công :Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật SEEN

_ Ông : **Lê Đức Bảo** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

_ Ông : Nguyễn Thanh Hường Chức vụ : **Chỉ huy Trưởng**

3. **Thời gian nghiệm thu :**

Bắt đầu 8h00 , ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Kết thúc 10h00 , ngày 30 tháng 3 năm 2021.

Tại : Công trường nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

4. **Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu :**

_ Phiếu yêu cầu nghiệm thu ngày 29 / 3 / 2021 của nhà thầu thi công xây dựng.

_ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật-dự toán được duyệt và những thay đổi thiết kế khác đã được chấp thuận

_Căn cứ nghị định 46/2015NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng công trình.

_ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số : 836/2018/HĐ-BQLKKT.

_ Hồ sơ đề xuất kỹ thuật của nhà thầu được chủ đầu tư chấp thuận.

_ Danh sách các thiết bị tại hiện trường (kèm theo).

_ Hồ sơ thiết bị : CO, CQ, tờ khai hải quan, chứng từ hóa đơn , phiếu xuất xưởng, catalog.

6 .Ý kiến : không

7 . Kết luận :

_ Chấp nhận nghiệm thu, đồng ý cho đơn vị thi công triển khai các công việc tiếp theo.

Đ/d : TƯ VẤN GIÁM SÁT

GIÁM ĐỐC

Trịnh Gia Khải

Đ/d : NHÀ THẦU THI CÔNG

ỦNG GIÁM ĐỐC

Đ/d : CHỦ ĐẦU TƯ

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------o0o----------

BẢNG DANH MỤC THIẾT BỊ (ĐỢT 6)

(Kèm theo biên bản nghiệm thu ,ngày 30tháng 3 năm 2021)

7.Phần Thiết Bị

STT	Số theo HĐ	Tên thiết bị, chủng loại	Model	Hãng sản xuất	Nguồn gốc, xuất xứ	ĐV	SL	Ghi chú
18.	**Thiết bị khác**							
	47	Xe gom bùn khô	HVXT500-T	Việt Nam	Việt Nam	Xe	2	
	49	Vòi rửa ứng cứu sự cố an toàn hóa chất.	WJH0758A	Việt Nam	Việt Nam	TB	1	
	50	Hệ thống giám sát camera	Trọn bộ	HIKvison	Việt Nam	HT	1	
	51	Tivi màn hình phẳng.	UA55TU7000(0A1C3NDR100843;0A1C3NDR100870)	SAMSUNG	Việt Nam	TB	2	
	52	Phụ kiện kết nối máy tính và tivi.	Cáp và bộ chia	VIE	Việt Nam	TB	2	
	53	Bàn ghế văn phòng		Hòa Phát	Việt Nam	bộ	1	
	54	Điều hòa nhiệt độ	AH-X18XEW (01002758,01002954)	Sharp	Việt Nam	bộ	2	
	55	Đồng hồ nước	WPH/WI100-200	Powogaz	Balan	Cái	9	
19.	**Thiết bị điều khiển**							
	67	Thiết bị đo mức siêu âm cho bồn chứa hóa	FMU42	Endress Hauser	Đức	Cái	4	
	68	Van điều khiển bằng điện DN25 -DN100	PC:2050193-540010; 2152413-540057;2142526-	Belimo	Thụy Sĩ	Cái	4	
21.	**THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM**							
	86	Dụng cụ thủy tinh, và các dụng cụ chuyên dụng đủ dùng cho phòng thí nghiệm		TB	Việt Nam	Lô	1	
22.	**THIẾT BỊ TRẠM QUAN TRẮC**							
	96	Bộ lưu điện UPS	C3K-LCD	SANTAK	CHINA	Bộ	1	

	98	Điều hòa nhiệt độ	AH-X9XEW(01081681)	SHARP	Việt nam	Bộ	1	
	100	Hệ thống modem ADSL, GPRS kết nối mạng internet		VIETTEL	Việt nam	Bộ	1	
	101	Máy tính và phần mềm giám sát		Dell	Malaysia	Bộ	1	
23.	Phần thiết bị bổ sung							
	2	Thiết bị lấy mẫu tự động	SP5P	MAXX	Đức	Bộ	1	
	3	Hệ thống Camera theo dõi	Trọn bộ	HiKvison	Việt Nam	HT	1	
	4	Bộ Datalogger thu thập và truyền tín hiệu lên Sở Tài nguyên	AXC F2152	Phonenix	Đức	Bộ	1	
	5	Thiết bị đo Amoni	Cảm biến đo Ammonium Basic model :ISEmax sensor CAS40D ;	Endress Hauser	Đức	Bộ	1	
	6	Cửa Phai	Cửa phai inox 304	SEEN-PRO	Việt Nam	Bộ	3	
	7	Chi phí hiệu chuẩn thiết bị	HT	Việt Nam	Việt Nam	HT	1	
	8	Chi phí nhân công lắp đặt	HT	SEEN	Việt Nam	HT	1	

Đ/d Tư vấn giám sát

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG GIAO THÔNG

Trịnh Gia Khải

Đ/d Nhà thầu thi công

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

Đ/d Chủ Đầu Tư

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thanh Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Số:..31../HĐ-TTPTHTKKT

Đơn vị sử dụng dịch vụ: Công ty Cổ phần Cảng An Giang

Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang

Giữa

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG

An Giang, tháng 12 năm 2025

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 14 tháng 6 năm 2025;

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

- Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 3 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Bình Long, huyện Châu Phú (nay là xã Châu Phú), tỉnh An Giang;

- Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc áp dụng Quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực tài chính;

- Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

- Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

- Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của 02 bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2025 tại Văn phòng Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế, chúng tôi gồm có:

II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

1. ĐƠN VỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI *(sau đây viết tắt là **"Bên A"**)*

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**

- Người đại diện: **Ông Diệp Thanh Vinh** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-TTPTHTKKT ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế)

- Địa chỉ: Số 315, đường Nguyễn Thị Định, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 02962.246.789

- Mã số thuế: 1702339589

- Mã QHNS: 1100526

- Số tài khoản: 3714.0.1100526.00000

- Nơi mở: Kho bạc Nhà nước khu vực XX - Phòng Kế toán Nhà nước

2. ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI *(sau đây viết tắt là **"Bên B"**)*

- Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG AN GIANG**

- Người đại diện: ..... Nguyễn Văn Phú ..... Chức vụ: ~~PHÓ TGĐ PHỤ TRÁCH~~

- Địa chỉ: Quốc lộ 91, tổ 15, khóm Đông Thịnh B, phường Mỹ Thới, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: (02963) 831 535

- Tài khoản: 0151000003434 Tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh An Giang.

- Mã số thuế: 1600125108

- Đăng ký tại: Thuế tỉnh An Giang.

III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A là đơn vị đủ tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và Bên B đang có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Bên A. Do đó sau khi bàn bạc thảo luận, hai bên đã cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước thải *(sau đây viết tắt là **"Hợp đồng"**)* với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. VỊ TRÍ ĐIỂM ĐẤU NỐI

1.1. Bên A thiết lập các điểm đấu nối thoát nước các doanh nghiệp trong khu công nghiệp vào mạng lưới thu gom nước của hệ thống thoát nước.

1.2. Bên B có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước đến điểm đấu nối.

1.3. Việc đấu nối đảm bảo tuân thủ theo đúng tọa độ, cao trình, quy cách, sơ đồ đã được chấp thuận.

ĐIỀU 2. KHỐI LƯỢNG NƯỚC THẢI

Bên A đồng ý tính khối lượng nước thải cho Bên B cụ thể sau:

Khối lượng nước thải của Bên B xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A sẽ được tính bằng 80% khối lượng nước cấp đầu vào.

Khối lượng nước cấp được xác định thông qua đồng hồ lắp đặt trên đường ống nước cấp đầu vào và hoá đơn sử dụng nước cấp hàng tháng của doanh nghiệp phát sinh (nếu có). Đồng hồ phải có giấy kiểm định theo quy định, được niêm phong chì.

Trường hợp đồng hồ đo lưu lượng nước cấp bị hư, khi phát hiện thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết hoặc ngược lại, nước thải trong thời gian này được tính bằng: Số ngày bị hư nhân 80% khối lượng nước cấp trung bình các ngày trước đó trong tháng đó. Trường hợp Bên B tự ý tháo niêm phong đồng hồ mà không thông báo cho Bên A thì Bên A tính khối lượng nước thải từ ngày phát hiện tháo niêm phong đến ngày được niêm phong tính bằng 100% khối lượng nước cấp trung bình từ các ngày trước trong tháng để làm căn cứ tính tiền dịch vụ.

Trường hợp lưu lượng nước thải gia tăng do nâng công suất Nhà máy, Bên B có trách nhiệm thông báo trước cho Bên A ít nhất 10 ngày để có hướng dẫn và kế hoạch xử lý phù hợp.

ĐIỀU 3. CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

3.1. Bên B có trách nhiệm xử lý nước thải cục bộ tại đơn vị trước khi dẫn vào điểm đấu nối đã được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ của Bên B trước khi đấu nối vào điểm đấu nối nước thải của khu công nghiệp phải đảm bảo giá trị các thông số tại Bảng 1 như sau:

Bảng 1: Giới hạn giá trị cho phép các thông số trong nước thải trước khi đấu nối vào điểm đấu nối nước thải của khu công nghiệp

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giới hạn giá trị cho phép
1	Nhiệt độ	^0C	45
2	Màu	Pt-Co	200
3	pH	-	5 – 9
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	150
5	COD	mg/l	400
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	200
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	60
9	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	8
10	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/l	30
11	Clo dư	mg/l	2
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10

Trường hợp, nước thải sau xử lý cục bộ của Bên B có các thông số không đảm bảo giới hạn giá trị cho phép tại Bảng 1 của Hợp đồng này thì Bên A có quyền xem xét và không tiếp nhận lượng nước thải của Bên B; các vấn đề liên quan sẽ do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.2. Bên A tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên B đảm bảo đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống nước thải tập trung của khu công nghiệp.

3.3. Chất lượng nước thải của Bên B dẫn vào điểm đấu nối sẽ được Bên A thuê đơn vị có chức năng thu mẫu (dưới sự chứng kiến của Bên B hoặc Bên thứ ba) và gửi đơn vị có chức năng phân tích chỉ tiêu COD với tần suất tối thiểu 01 lần/tháng (trừ sự kiện bất khả kháng), việc xác định giá dịch vụ nước thải hàng tháng sẽ dựa trên kết quả phân tích chỉ tiêu COD. Trường hợp lấy nhiều mẫu trong một tháng, thì nồng độ COD được tính bằng trung bình cộng các lần lấy mẫu trong tháng đó.

Bên A có quyền quyết định thời điểm thu mẫu bất kỳ thời điểm nào trong tháng (không báo trước) để xác định chất lượng nước thải của Bên B (dưới sự chứng kiến của Bên B hoặc Bên thứ ba).

Chi phí thu và phân tích mẫu để xác định chất lượng nước thải sẽ do Bên A chi trả. Trường hợp, Bên B yêu cầu lấy mẫu để đối chứng với kết quả của Bên A

hoặc lý do khác thì Bên B phải chịu tất cả các chi phí liên quan đến việc lấy và phân tích mẫu thêm đó.

ĐIỀU 4. CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Bên A sẽ tiếp nhận và xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Bên B khi xả vào hệ thống thu gom của Bên A với chất lượng nước thải có các thông số đảm bảo giới hạn giá trị cho phép tại "Bảng 1: Giới hạn giá trị cho phép các thông số trong nước thải sau xử lý cục bộ" của Hợp đồng này, trường chất lượng nước thải của Bên B có các thông số không đảm bảo giới hạn giá trị cho phép tại Bảng 1 của Hợp đồng này thì Bên A sẽ xem xét và quyết định có tiếp nhận lượng nước thải của Bên B hay không. Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải sau xử lý.

Bên A sẽ không chịu các trách nhiệm liên quan nếu Bên B vi phạm khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

5.1. Các quyền của Bên A

- Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý nước thải theo hợp đồng đã ký kết. Bên A sẽ xem xét ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B nếu không nhận được khoản thanh toán sau 2 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên B.

- Kiểm tra việc xả nước thải của Bên B, lấy mẫu phân tích khi cần thiết.

- Yêu cầu Bên B cung cấp hóa đơn nước cấp hàng tháng để Bên A kiểm tra, đối chứng với lượng nước thải phát sinh (nếu có).

- Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước;

- Ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Được tính chi phí bổ sung khi Bên B xả nước thải vào hệ thống thu gom không đúng như đăng ký ban đầu mà chưa được sự đồng ý của hai bên.

- Không chịu bất cứ trách nhiệm và bồi thường nào đối với những thiệt hại mà nguồn nước thải của Bên B không đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên A

- Tuân thủ các quy trình, quy phạm về vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu công nghiệp;

- Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước thải;

- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Cung cấp thông tin thoả thuận đấu nối cho các đối tượng có nhu cầu;

- Bảo đảm duy trì ổn định dịch vụ thoát nước.

- Tiếp nhận và giải quyết các đơn yêu cầu về dịch vụ thoát nước của khách hàng;

- Khi tạm ngưng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước phải có văn bản thông báo cho Bên B và phải có biện pháp thoát nước tạm thời không hạn chế đến hoạt động thoát nước của Bên B.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

6.1. Các quyền của Bên B

- Được cung cấp dịch vụ thoát nước theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu đơn vị thoát nước kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

- Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động thoát nước;

- Được bồi thường thiệt hại do đơn vị thoát nước gây ra theo quy định của Hợp đồng dịch vụ thoát nước;

- Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước của đơn vị thoát nước hoặc các bên có liên quan;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của Bên B

- Thanh toán tiền dịch vụ thoát nước đầy đủ, đúng thời hạn;

- Xả nước thải vào hệ thống thoát nước đúng quy định, quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Thông báo kịp thời cho đơn vị thoát nước khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước;

- Đấu nối hệ thống thoát nước của công trình vào hệ thống thoát nước chung đúng các quy định của thỏa thuận đấu nối;

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

7.1. Mức giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số	Giá dịch vụ thoát nước (đồng/m^3)	Giá dịch vụ thoát nước đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5% (đồng/m^3)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	≤ 75		2.700	2.835

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số	Giá dịch vụ thoát nước (đồng/m^3)	Giá dịch vụ thoát nước đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 5% (đồng/m^3)
2	76 - 150	1,0	6.214	6.525
3	151 - 200	1,5	9.321	9.787
4	201 - 300	2,0	12.428	13.049
5	301 - 400	2,5	15.535	16.312
6	401 - 600	3,5	21.749	22.836
7	> 600	4,5	27.963	29.361

Giá dịch vụ này sẽ được thay đổi khi có quyết định điều chỉnh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.2. Phương thức thanh toán

a) Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, phí chuyển khoản do Bên B chịu.

b) Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên A sẽ gửi thông báo thu tiền xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Bên A trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

c) Trường hợp Bên B chậm thanh toán theo quy định tại mục 6.2, Bên A có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B cho đến khi Bên B thanh toán hết nợ cho Bên A. Tiền lãi được tính từ ngày thứ mười sáu (16) kể từ thời điểm khoản thanh toán đúng hạn, tiền lãi sẽ được tính với mức lãi suất bằng 12%/năm. Thời gian trễ hạn tối đa không quá hai (02) tháng. Quá thời hạn này, thì Bên A sẽ xem xét việc tiếp tục thực hiện các nội dung Hợp đồng.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

- Đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải có sự điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền quyết định.

- Trường hợp Bên B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Bên thứ ba thì phải chuyển giao cả quyền sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Bên thứ ba phải có trách nhiệm ký kết hợp đồng đối với Bên A.

- Kể từ thời điểm hoàn tất việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mặc dù chưa ký kết được hợp đồng về việc sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, bên thứ ba vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng dịch vụ, chấp hành các quy định về cung ứng dịch vụ, sử dụng dịch vụ và bảo vệ công trình đấu nối kỹ thuật hiện hữu.

ĐIỀU 9. NGỪNG DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Bên A sẽ ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong các trường hợp sau:

- Bên B vi phạm các quy định về thoát nước gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên A sẽ báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang và các cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định. Nếu doanh nghiệp không chấp hành, Bên A sẽ ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; đồng thời Bên B chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Bên B vi phạm khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Vi phạm điều khoản thanh toán đã quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Bên B không có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoặc ngưng sử dụng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thì thông báo cho Bên A trước 15 ngày bằng văn bản chính thức.

- Bên A không còn điều kiện để cung cấp dịch vụ.

- Bên B vi phạm hợp đồng mà không có biện pháp khắc phục.

- Bên B không thực hiện đúng theo yêu cầu trong Biên bản thỏa thuận đấu nối.

- Trường hợp bất khả kháng và đã thi hành mọi biện pháp khắc phục nhưng không thành công.

- Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B vẫn phải trả đầy đủ cho Bên A các khoản chi phí chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật Nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của Bên B tại khu công nghiệp.

- Thỏa thuận của các bên.

ĐIỀU 11. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Trong Hợp đồng này, sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù các bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự cố bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên còn lại về sự cố đó và nguyên nhân gây ra sự cố. Đồng thời, chuyển cho bên còn lại giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự cố bất khả kháng.

Trường hợp Bên B bị ảnh hưởng bởi sự cố bất khả kháng và Bên B không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ các biện pháp cần thiết để hạn chế thiệt hại do sự cố bất khả kháng gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả hư hỏng, thiệt hại bằng chi phí của mình.

Trong thời gian xảy ra sự cố do sự kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các điều khoản

trong hợp đồng này. Trong trường hợp này, Bên A báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét việc các yêu cầu của cho Bên B theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- Mọi tranh chấp xảy ra liên quan đến hợp đồng này, hai bên sẽ trao đổi và bàn bạc để giải quyết bằng thương lượng hoặc hòa giải.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng hoặc hòa giải thì hai bên sẽ đưa tranh chấp ra trước Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Căn cứ Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế tỉnh Kiên Giang và Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang.

Bên B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính (nếu có) phát sinh tại Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 388/HĐ-TTHT ngày 31 tháng 12 năm 2021 ký kết giữa Công ty Cổ phần Cảng An Giang và Trung tâm Đầu tư - Phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp Khu kinh tế tỉnh An Giang cho Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế (Bên A) theo thông tin tại hợp đồng này.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi bổ sung phải được hai bên chấp nhận bằng văn bản.

- Hợp đồng này là sự thoả thuận toàn bộ giữa Bên A và Bên B và thay thế các thảo luận, đàm phán, thoả thuận trước đó của các bên trước ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

- Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 (sáu) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
PHÓ TGĐ PHỤ TRÁCH	PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Phú	Diệp Thanh Vinh

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 319 /TB-TTPTHTKKT

An Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện lấy mẫu, quan trắc nước thải và bảo trì, sửa chữa phương tiện đo COD của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ Môi trường.

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang;

Ngày 07/8/2026, Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế (viết tắt là Trung tâm) có Báo cáo số 86/TB-TTPTHTKKT gửi Chi cục Bảo vệ Môi trường về việc khắc phục sự cố các trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại KCN Bình Hòa và KCN Bình Long.

Ngày 22/9/2026, Trung tâm nhận được Báo cáo đánh giá và kiểm soát chất lượng (viết tắt là Báo cáo RA) đối với trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long do Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ thực hiện.

Theo kết quả quan trắc đối chứng và nội dung Báo cáo RA, giá trị độ chính xác tương đối (RA) đối với thông số COD là 304%, vượt giới hạn cho phép RA $\leq$ 20% theo quy định tại Bảng 4 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Qua đối chiếu dữ liệu quan trắc tự động, liên tục đối với thông số COD với kết quả lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải hằng ngày do Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 23/7/2026 đến ngày 04/8/2026, cho thấy kết quả phân tích COD có giá trị từ **12–42 mg/l** trong giới hạn cho phép theo Giấy phép môi trường *(đính kèm kết quả phân tích)*.

Tuy nhiên, theo nội dung Báo cáo RA, do kết quả quan trắc theo phương pháp quan trắc của hệ thống nên giá trị RA lớn hơn giới hạn cho phép được quy định trong Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Vì vậy, Trung tâm tổ chức quan trắc đối chứng lại thông số COD bởi đơn vị có chức năng.

Thực hiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT, Trung tâm xây dựng kế hoạch thực hiện khắc phục, bảo trì, sửa chữa, đánh giá và kiểm soát chất lượng phương tiện đo thông số COD của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bình Long, cụ thể như sau:

1. Thông số thực hiện quan trắc: COD.

2. Tần suất thực hiện: Hằng ngày.

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 24/9/2026 đến khi hoàn thành việc sửa chữa, kiểm định, đánh giá và kiểm soát chất lượng phương tiện đo thông số COD.

4. Địa điểm thực hiện: Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trong thời gian thực hiện khắc phục, sửa chữa và kiểm soát chất lượng phương tiện đo, Trung tâm sẽ tổ chức thực hiện quan trắc đối chứng theo quy định nhằm theo dõi, đánh giá tình trạng hoạt động của phương tiện đo thông số COD và làm cơ sở thực hiện các bước kiểm định, đánh giá và kiểm soát chất lượng theo quy định.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ Môi trường biết, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQLKKT (để báo cáo);
- BGĐ Trung tâm;
- Các phòng: HCTH, HTKT;
- Lưu: VT, ndlinh.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Diệp Thanh Vinh

Số: 08093/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 09550926/CS2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 500mL
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu.. Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Bình Long. Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vị trí lấy mẫu: Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long - Giai đoạn hoạt động X: 1168486 Y: 554865
- Số biên bản lấy mẫu: 1024/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 24/09/2026
- Ngày trả kết quả: 02/10/2026
- Thời gian thử nghiệm: 24/09/2026 đến ngày: 02/10/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 10 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 09550926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	22,9

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 08109/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 10050926/CS2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 500mL
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu.. Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Bình Long. Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vị trí lấy mẫu: Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long - Giai đoạn hoạt động X: 1168486 Y: 554865
- Số biên bản lấy mẫu: 1029/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 25/09/2026
- Ngày trả kết quả: 02/10/2026
- Thời gian thử nghiệm: 25/09/2026 đến ngày: 02/10/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 10 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 10050926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	22,4

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 08110/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 10640926/CS2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 500mL
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu.. Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Bình Long. Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vị trí lấy mẫu: Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long - Giai đoạn hoạt động X: 1168486 Y: 554865
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 26/09/2026
- Ngày trả kết quả: 02/10/2026
- Thời gian thử nghiệm: 26/09/2026 đến ngày: 02/10/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 10 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 10640926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	26,3

Kết luận:

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng*
- *(*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017*
- *(δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts*
- *(γ): Chỉ tiêu được Bộ Y tế chỉ định (19/2023/BYT-KNTP).*
- *(a): Chỉ tiêu được Bộ Công thương chỉ định (013/2024/BCT-KNTP)*
- *(Δ): Chỉ tiêu được chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón.*
- *(**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện*

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 08111/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 10980926/CS2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 500mL
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu.. Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Bình Long. Địa chỉ: KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang. Vị trí lấy mẫu: Thu tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Bình Long - Giai đoạn hoạt động X: 1168486 Y: 554865
- Số biên bản lấy mẫu: 1034/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 27/09/2026
- Ngày trả kết quả: 02/10/2026
- Thời gian thử nghiệm: 27/09/2026 đến ngày: 02/10/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ**
- Địa chỉ: Số 315 - đường Nguyễn Thị Định - Phường Rạch Giá - Tỉnh An Giang
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 10 năm 2026
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thoại

Số: 10980926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	17,3

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 11770926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1★	Nhu cầu ôxy hóa học-COD[δ]	SMEWW 5220B:2023	mg/L	17,6

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 12540926/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220C:2023	mg/L	66,7

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng*
- *(*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017*
- *(δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts*

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 00261026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	17,6

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 00841026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	22,2

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng*
- *(*): Chi tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017*
- *(δ): Chi tiêu chứng nhận Vimcerts*

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 01271026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	12,5

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 01641026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	15,3

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Số: 02141026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT*	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	14,5

Ghi chú:

- *KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng*
- *(*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017*
- *(δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts*

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

Trụ sở chính: Khu phố Hội Gia, Phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp
Cơ sở 2: Số 130, đường Phù Đổng, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (0273) 3872454 - (0277) 3851 833 - 3852 908
E-mail.dovetecvn@gmail.com Website: https://dovetec.vn

Số: 05121026/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy hóa học-COD$^{\delta}$	SMEWW 5220B:2023	mg/L	18,0

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Bích Trân

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TTPTHTKKT

An Giang, ngày tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc tháo thiết bị của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long để thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Bảo vệ Môi trường.

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Thực hiện khắc phục một số nội dung yêu cầu tại Công văn số 926/CCBVMT-KSON ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc khắc phục sự cố trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long.

Hiện nay, Trung tâm khẩn trương phối hợp với Công ty TNHH Tự động hóa Thành Công tiến hành thực hiện khắc phục sự cố, bảo đảm khả năng đo lường, hiển thị và truyền dữ liệu của hệ thống về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Để phục vụ công tác kiểm tra, bảo trì, sửa chữa. Việc sửa chữa dự kiến sẽ tháo bộ chuyển đổi tín hiệu của đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, phương tiện đo thông số COD và bộ hiển thị giá trị đo thông số COD để chuyển đến đơn vị có năng lực chuyên môn kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật và xác định nguyên nhân, làm cơ sở khôi phục hoạt động của các thiết bị theo yêu cầu kỹ thuật.

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 5 Điều 35 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT, Trung tâm thông báo kế hoạch thực hiện như sau:

1. Nội dung thực hiện:

Phối hợp Công ty TNHH Tự động hóa Thành Công tháo bộ chuyển đổi tín hiệu của đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra, phương tiện đo thông số COD và bộ hiển thị giá trị đo thông số COD của trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục để chuyển đến đơn vị có năng lực chuyên môn thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa và khắc phục sự cố.

Sau khi hoàn thành sửa chữa, Trung tâm tổ chức lắp đặt lại thiết bị, kiểm tra tình trạng hoạt động, khả năng đo lường, hiển thị, ghi nhận và truyền dữ liệu; đồng thời thực hiện đánh giá, kiểm soát chất lượng phương tiện đo thông số COD theo

quy định. Kết quả thực hiện khắc phục sự cố sẽ được tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện tháo thiết bị kiến nghị: 09 giờ 00 phút ngày 20/10/2026;

- Thời gian dự kiến kiểm tra, sửa chữa: 30 ngày làm việc.

3. Địa điểm thực hiện:

Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bình Long, xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trong thời gian thiết bị được tháo để kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, Trung tâm tiếp tục tổ chức lấy mẫu, phân tích nước thải hằng ngày đối với thông số COD theo nội dung Thông báo số 319/TB-TTPTHTKKT ngày 24/9/2026 nhằm theo dõi, đánh giá chất lượng nước thải đầu ra.

Trung tâm Phát triển hạ tầng Khu kinh tế thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường biết, theo dõi và hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQLKKT (để báo cáo);
- BGĐ Trung tâm;
- Các phòng: HCTH, HTKT;
- Lưu: VT, hhtsang.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Diệp Thanh Vinh

HUYỆN CHÂU PHÚ – TỈNH AN GIANG

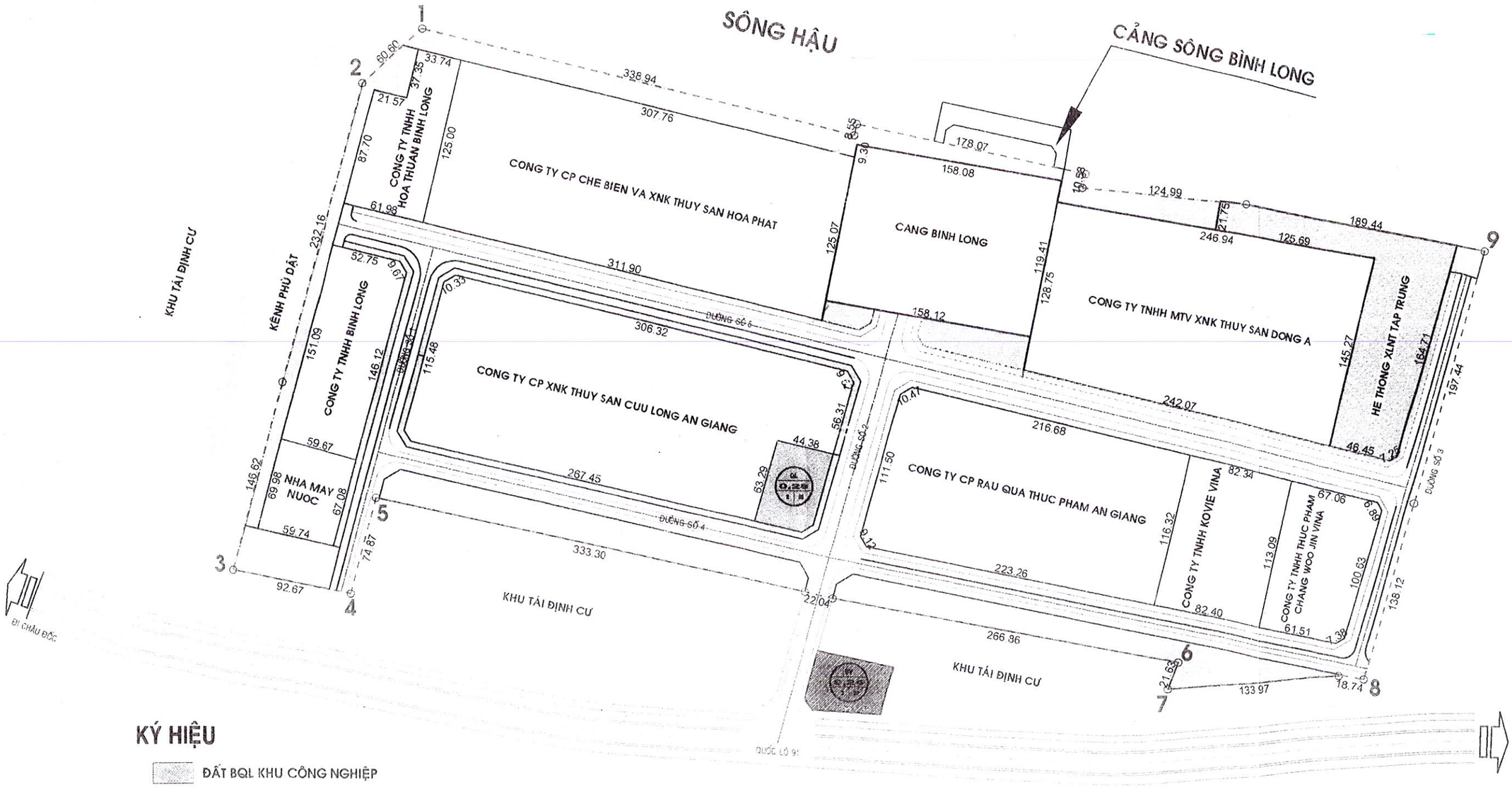
MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG

TỶ LỆ: 1/2000

B

0 25 50 75 100

TL 1:2.000



KÝ HIỆU

- ĐẤT BQL KHU CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT KHU DỊCH VỤ
- ĐẤT CT ĐẦU MỐI KỸ THUẬT (XỬ LÝ NƯỚC THẢI)
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- RANH KHU CÔNG NGHIỆP

Điểm góc	Tọa độ (VN 2000)	
	X (m)	Y (m)
1	1169040	554279
2	1169022	554225
3	1168756	553928
4	1168684	554003
5	1168735	554055
6	1169887	573368
7	1168307	554513
8	1168244	554613
9	1168098	554507

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

PHÓ TRƯỞNG BAN

CÔNG TRÌNH: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN

01/2 02/2

PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Quốc Thanh

SÔNG HẬU

KHU TÁI ĐỊNH CƯ - ĐÃ CÓ DỰ ÁN

CHI TIẾT 1

CHI TIẾT 2

CHI TIẾT 3

TUYẾN ỐNG G uPVC Ø630 i = 0.17%

Hướng thoát nước

CỐNG BTLT Ø400 i=0.25%

CỐNG BTLT Ø400 i=0.25%

ĐÃ THẨM TRA

BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA THEO VĂN BẢN SỐ: 547 NGÀY: 11 THÁNG 08 NĂM 2009

CỐNG BTLT Ø800 i= 0.30%

ỐNG uPVC D630 CỐNG BTLT D800

ỐNG uPVC D300

ĐƯỜNG SỐ 5

ĐƯỜNG SỐ 4

ĐƯỜNG SỐ 1

ĐƯỜNG SỐ 2

KHU TÁI ĐỊNH CƯ - ĐÃ CÓ DỰ ÁN

QUỐC LỘ 91

ĐI CHÂU ĐỐC

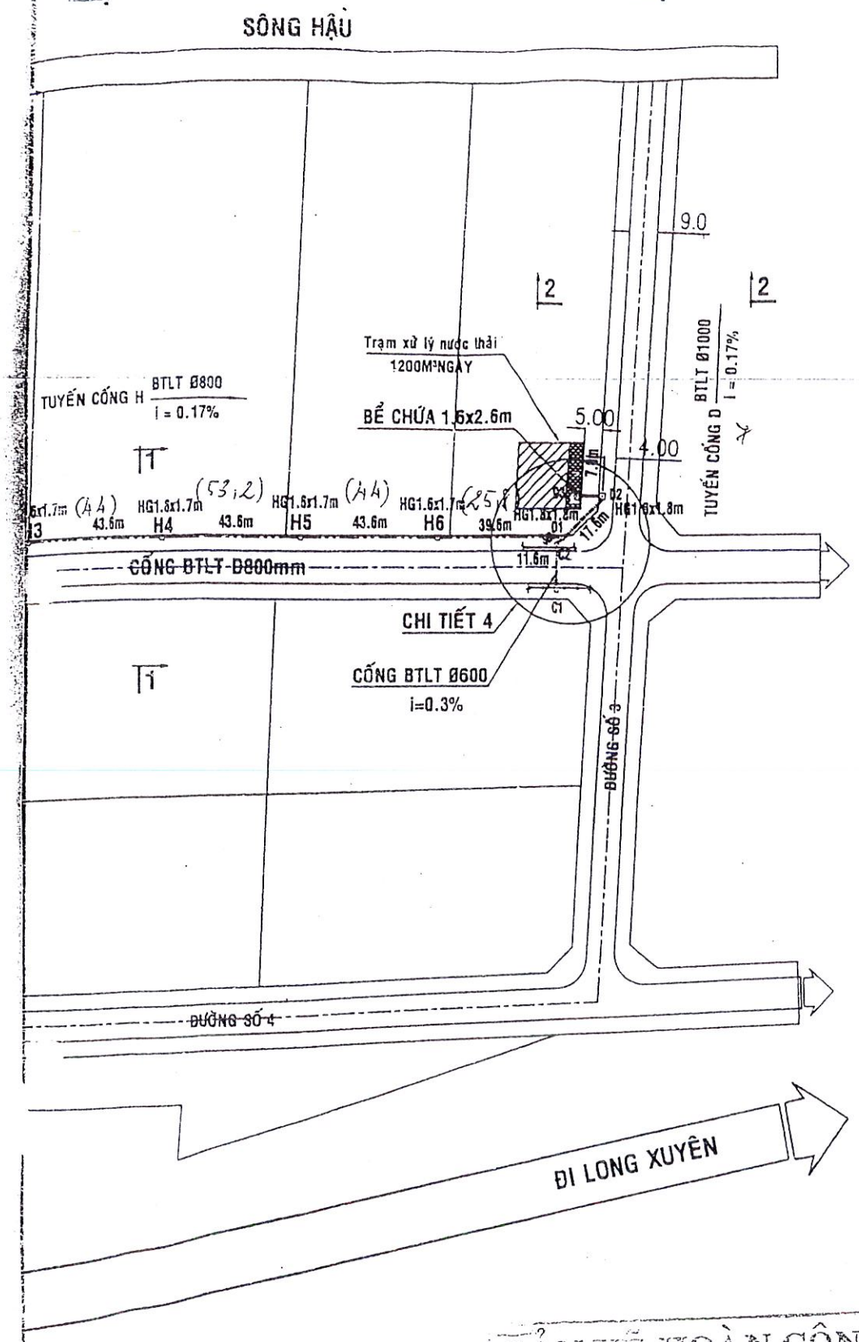
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 1 Tháng 12 Năm 2009

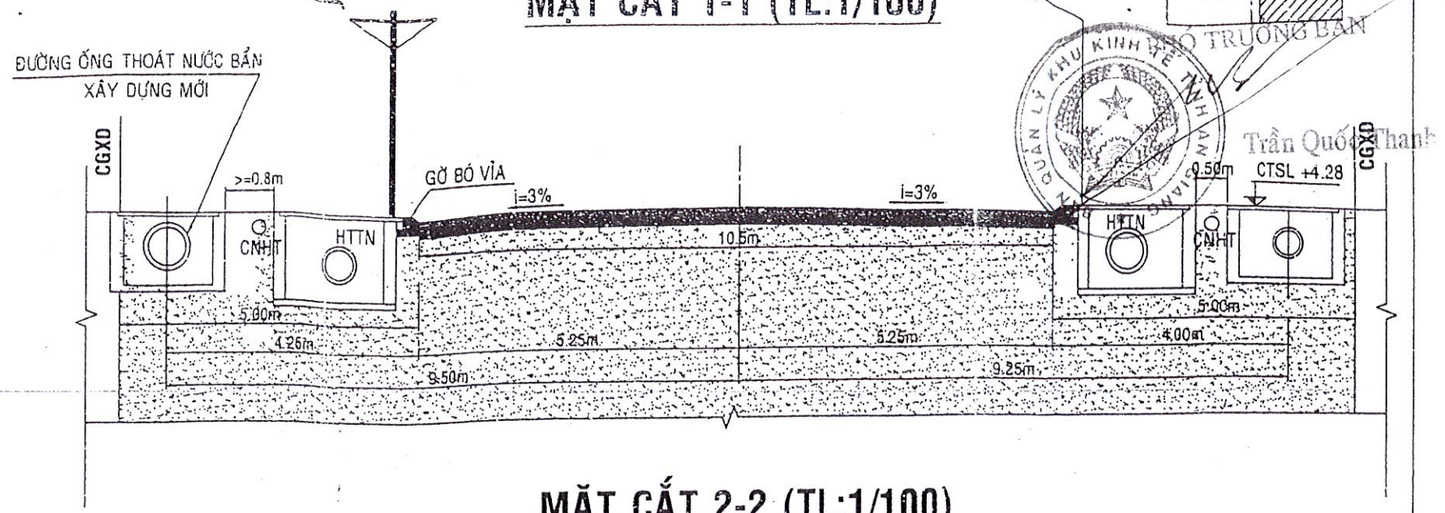
CHỦ ĐẦU TƯ	TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐƠN VỊ THI CÔNG
	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & DỊCH VỤ XÂY DỰNG TSC	DNTN TRƯỜNG THẮNG	GIÁM ĐỐC
Trương Nhắc Lường		Phạm Thanh Sang

CHÚ THÍCH:

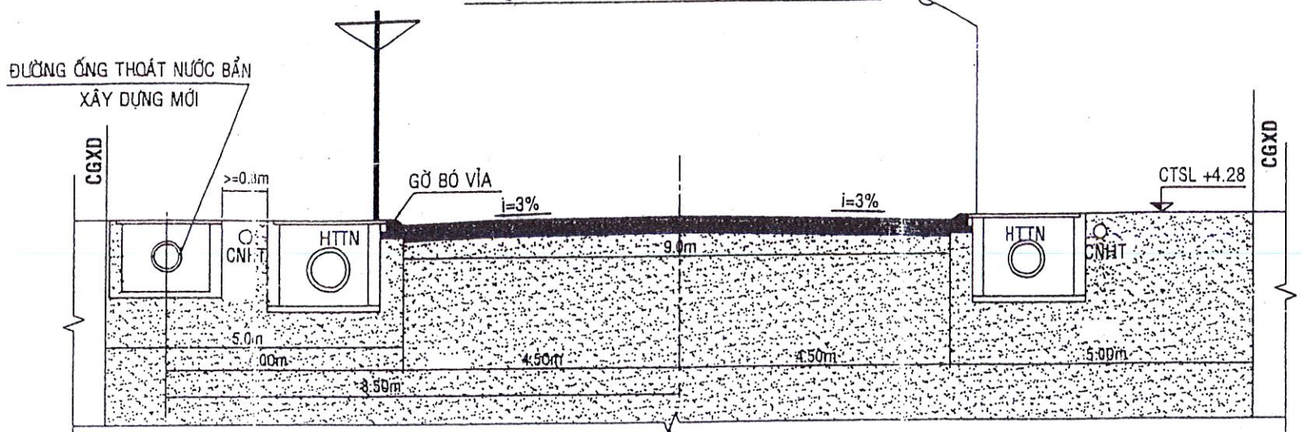
- Tuyến cống BTLT D 400 qua lộ
- Tuyến ống PVC D630
- Tuyến cống BTLT D 800 dọc đường
- Tuyến cống BTLT D 600 qua lộ
- Tuyến cống BTLT D 1000 dọc đường



MẶT CẮT 1-1 (TL:1/100)



MẶT CẮT 2-2 (TL:1/100)



TỔNG CỘNG	Tổng L cống (m)	Số lượng hố ga	Loại hố ga	Chiều cao tb hố ga (m)	Đoạn tuyến cống
Cống Ø400 QUA ĐƯỜNG	24	2	1.4 x 2.8 và 1.4 x 2.6	2,34	F1 - F2
		2	1.4 x 2.0 và 1.4 x 2.4	2,14	A1 - A2
Cống Ø600 QUA ĐƯỜNG	12	2	1.6 x 2.4 và 1.6 x 2.6	2,53	C1 - C2
Cống Ø800 QUA ĐƯỜNG	18	2	1.6 x 1.7	2,07	I1 - I2
TỔNG	54,00	8,00		2,27	

CHỦ THÍCH:

- Tuyến cống BTLT D 400 qua lộ
- Tuyến ống PVC D630
- Tuyến cống BTLT D 800 dọc đường
- Tuyến cống BTLT D 600 qua lộ
- Tuyến cống BTLT D 1000 dọc đường
- Tuyến cống hộp BTCT B=1.0m

- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là m.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG — Ngày 1 tháng 12 năm 2009

CHỦ ĐẦU TƯ | TƯ VẤN GIÁM SÁT | ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG TM&DV TRƯỜNG THẮNG — Chỉnh lưu tuyến cống Hướng thoát nước

GIÁM ĐỐC

Trương Khắc Bường — Phạm Minh Trung

CHỦ ĐẦU TƯ
CTY ĐIỆN NƯỚC AN GIANG

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH ĐẠT
16GB6 Đinh Công Tráng, Phường Bình Khánh
Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
ĐT: 076.3956688 Fax: 076.3956669
GIÁM ĐỐC
TRẦN THANH SỬA

CÔNG TRÌNH: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG.			HỒ SƠ BVTKTC
HẠNG MỤC: TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC BẨN KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG			THÁNG 03 / 2009
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN			BV 02
CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM TRA
NGUYỄN TRỌNG TÍN	VÕ THỊ HUỲNH NGA	VÕ THỊ HUỲNH NGA	NGUYỄN TRỌNG TÍN

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
ĐÃ THẨM TRA
BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA THEO VĂN BẢN SỐ 520/SXD-KTXD NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2009

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI AN GIANG
PHÒNG QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỬA KHẨU
TRƯỞNG BAN
Trần Quốc Thanh

01/2 | 02/2

BẢNG TỔNG HỢP CHUNG TUYẾN CỐNG

TỔNG CỘNG	Tổng L cống (m)	Số lượng hố ga	Loại hố ga	Chiều cao tb hố ga (m)	Tổng số gối cống	Đoạn tuyến cống
Cống Ø400 QUA ĐƯỜNG	24,00	2	1.4 x 2.8 và 1.4 x 2.6	2,34	-	F1 - F2
		2	1.4 x 2.0 và 1.4 x 2.4	2,14	-	A1 - A2
Cống Ø600 QUA ĐƯỜNG	12,00	2	1.6 x 2.4 và 1.6 x 2.6	2,53	-	C1 - C2
Cống Ø800 QUA ĐƯỜNG	18,00	2	1.6 x 1.7	1,97	-	I1 - I2
CỐNG PVC Ø630	462,00	13	1.4 x 1.7	1,90	218,00	GI-I1, I2-H1
CỐNG PVC Ø400	9,00	0		2,09	3,00	F2-G1, A2-G6, C2-D1
CỐNG VỈA HÈ Ø800	274,00	6	1.6 x 1.7	2,01	131,00	H1-D1
Cống VỈA HÈ Ø1000	18,00	2	1.8 x 1.8	2,09	7,00	D1-D2
CỐNG HỘP B=1M	7,00	1	1.6 x 2.6	2,08	0,00	D2-D3
TỔNG	824,00	30,00		2,13	359,00	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG | Ngày 2 Tháng 12 Năm 2009

CHỦ ĐẦU TƯ | TƯ VẤN GIÁM SÁT | ĐƠN VỊ THI CÔNG | GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XÂY DỰNG TSC - S.Đ.K.K.D: 1800830173 - C.T.C.P - TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRƯỜNG THẮNG - S.Đ.K.K.D: 5201000068 - D.N.T.N - TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

Trương Khắc Cường

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

ĐÃ THẨM TRA

BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA THEO VĂN BẢN SỐ 527A NGÀY 11 THÁNG 8 NĂM 2009

TRONG ĐÓ TUYẾN CỐNG QUA ĐƯỜNG

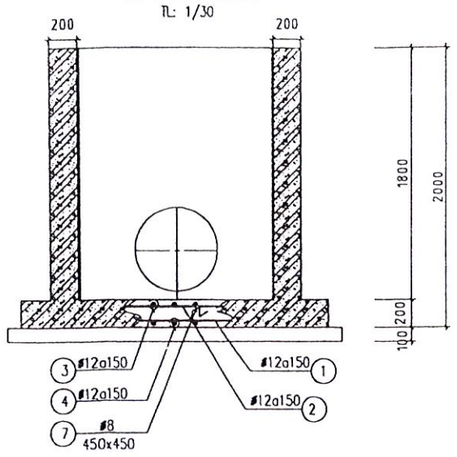
TỔNG CỘNG	Tổng L cống (m)	Số lượng hố ga	Loại hố ga	Chiều cao tb hố ga (m)	Đoạn tuyến cống
Cống Ø400 QUA ĐƯỜNG	24	2	1.4 x 2.8 và 1.4 x 2.6	2,34	F1 - F2
		2	1.4 x 2.0 và 1.4 x 2.4	2,14	A1 - A2
Cống Ø600 QUA ĐƯỜNG	12	2	1.6 x 2.4 và 1.6 x 2.6	2,53	C1 - C2
Cống Ø800 QUA ĐƯỜNG	18	2	1.6 x 1.7	2,07	I1 - I2
TỔNG	54,00	8,00		2,27	

CHỦ ĐẦU TƯ CTY ĐIỆN NƯỚC AN GIANG	CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH ĐẠT 16088 Đinh Công Tráng, Phường Bình Khánh Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang ĐT: 076.3956668 Fax: 076.3956669	CÔNG TRÌNH: KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG.			HỒ SƠ BVTKTC
		HẠNG MỤC: TUYẾN CỐNG THOÁT NƯỚC BẨN KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG			THÁNG 07 / 2009
		TÊN BẢN VẼ: BẢNG TỔNG HỢP TUYẾN CỐNG			CT 01
	GIÁM ĐỐC	CHỦ TRÌ	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM TRA
	CHƯƠNG THANH SỬA	NGUYỄN TRỌNG TÍN	VÕ THỊ HUỲNH NGA	VÕ THỊ HUỲNH NGA	NGUYỄN TRỌNG TÍN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG MINH ĐẠT - S.Đ.K.K.D: 1600673317 - C.T.T.N.H.H - TP. LONG XUYÊN - T. AN GIANG

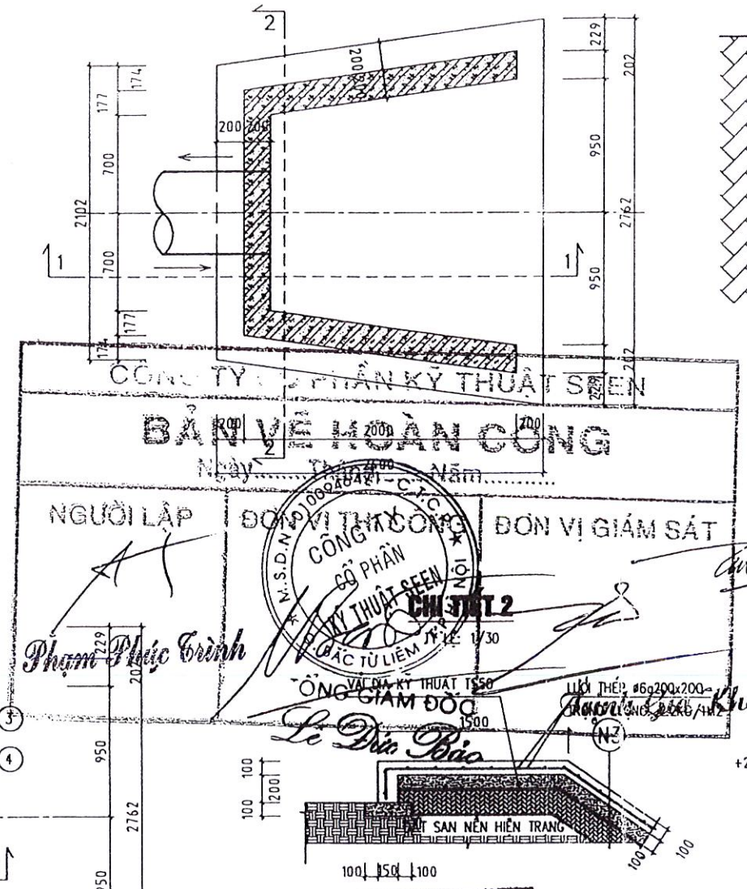
MẶT CẮT 2-2

TL: 1/30



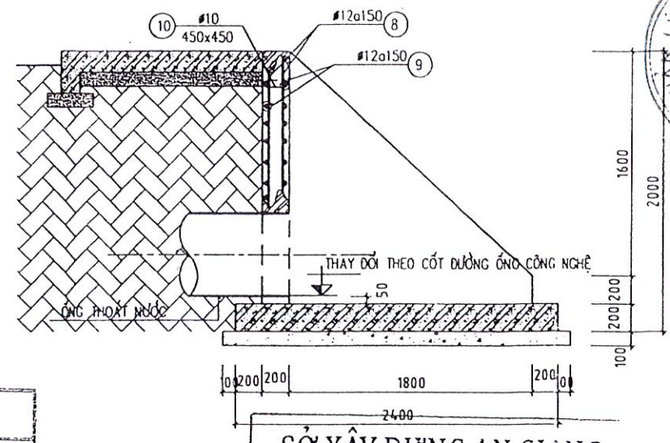
MẶT BẰNG CỬA XẢ

TL: 1/30



MẶT CẮT 1-1

TL: 1/30



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

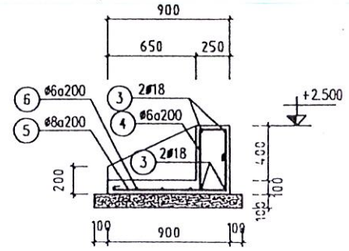
ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ 3597

NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2020

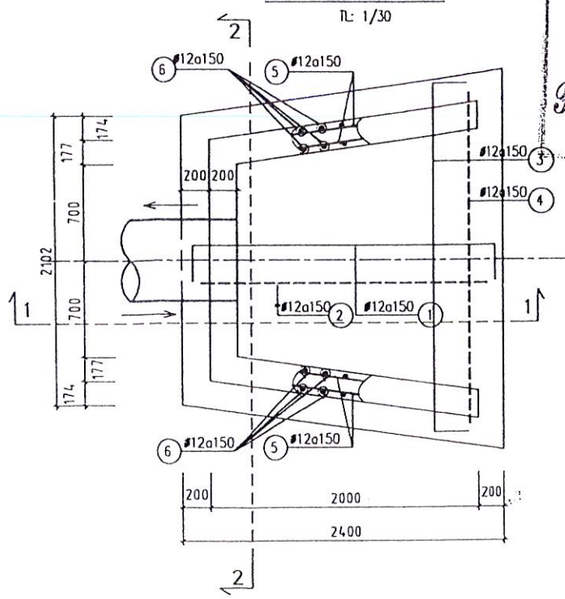
CHI TIẾT 1

TỶ LỆ: 1/30



CỐT THÉP CỬA XẢ

TL: 1/30



CHI TIẾT 2

TỶ LỆ: 1/30

CHI TIẾT SƯỜN CỨNG

TỶ LỆ: 1/30

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số:...../TT-TK

ngày 31 tháng 8 năm 20.20

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... Tháng ... Năm ...

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN VAC DA KỸ THUẬT TS50 ỐNG GIÁM ĐỐC Lê Địa Bảo	Bùi Văn Khải

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

CẤU KIỆN	S.H	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC(mm)	ĐK (mm)	CH.DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG 1CK	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CỘNG C.D(m)	TỔNG CỘNG K.L (kg)
CỬA XẢ (1CK)	1	140 2340 140	ϕ12	2620	32	32	83.8	74.41
	2	2340	ϕ12	2340	32	32	74.9	66.51
	3	140 2250 140	ϕ12	2530	32	32	81	71.92
	4	2250	ϕ12	2250	32	32	72	63.93
	5	140 2020 140	ϕ12	2300	56	56	128.8	114.37
	6	140 2000 140	ϕ12	2280	56	56	127.7	113.39
	7	240 150 240	ϕ8	630	54	54	34	13.42
	8	140 2000 140	ϕ12	2280	24	24	54.7	48.57
	9	140 2100 140	ϕ12	2380	44	44	104.7	92.97
	10	60 140 60	ϕ12	260	100	100	26	23.09
SƯỜN (42CK)	1	840	ϕ12	840	2	84	70.6	62.69
	2	60 300 60	ϕ6	420	6	252	105.8	23.49
DẦM KÈ HỐ (1CK)	3	511362	ϕ18	511362	4	4	2045.4	4086.37
	4	550 150 500 200	ϕ6	1400	2560	2560	3584.0	795.58
	5	300 800 60	ϕ8	1160	2560	2560	2969.6	1171.91
	6	511362	ϕ6	511362	5	5	2556.8	562.496
MÁI TALUY	tb	1000X1000	ϕ6	1M2	5	5	2577.4	5670.268

GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG MÉT TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC.
- BÊ TÔNG LÓT CẤP BỀN B7,5(M100), ĐÁ 4X6CM
- BÊ TÔNG CHỊU LỰC CẤP BỀN B20 (M250), ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP: CB240-T CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH <10MM (ϕ) Rs=210 MPA
  CB300-V CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH >=10MM (ϕ) Rs=260 MPA

PHÓ TRƯỞNG BAN

Trần Quốc Thanh

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG (GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
KCN BÌNH LONG, HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
XÂY DỰNG HỒ SỰ CỐ, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHO HỒ GA ĐO LƯU LƯỢNG, TƯỜNG RÀO, HỐ GA THU NƯỚC TỪ BỂ GOM ĐẾN HỒ SỰ CỐ

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
CHI TIẾT CỬA XẢ
BẢNG THỐNG KÊ THÉP

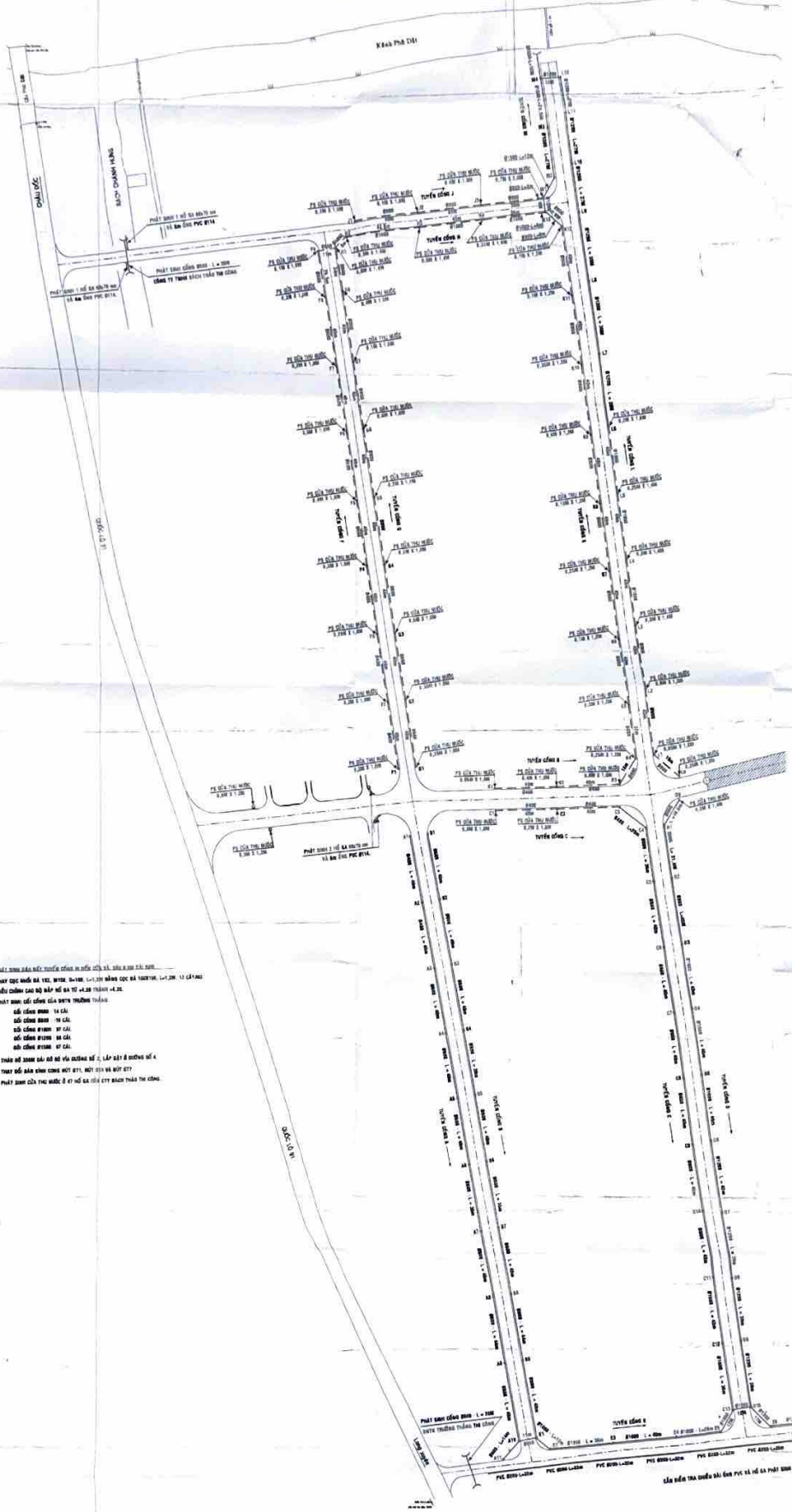
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	
KIỂM TRA	BÙI THỊ HIỀN	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	BÙI THỊ HIỀN	
THIẾT KẾ ĐIỆN ĐỘNG LỰC	ĐẶNG VIỆT LINH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN MẠNH TUẤN	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	LÊ VĂN HƯỜNG	
TỈ LỆ - SCALE		
NGÀY - DATE	09 - 2020	
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2020	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-XD:HSC-04	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG (KHỐI LƯỢNG CÒN LẠI)

TỶ LỆ : 1/1000



1/ HOÀN THIỆN THÀNH HỐ GA & LẮP LƯỚI GÀ Ở CÁC TUYẾN CỐNG G,D,F,G,H,I,K,L,M THUỘC BAN QUẢN LÝ CÁC KCN KHỐI LƯỢNG HOÀN THIỆN NÀY CHƯA TÍNH NGHIỆM THU LẦN II.

2/ ĐỔ BÊ TÔNG THÀNH HỐ GA ĐẾN PHÍA DƯỚI ĐÁ ĐỠ ĐAN.

TUYẾN CỐNG	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	Ø1500	HỐ GA
K				1		K13
L				7		TỪ L6 ĐẾN L12
M					4	TỪ M1 ĐẾN M4
CỘNG						

ĐỔ BÊ TÔNG THÀNH HỐ GA HOÀN THIỆN (CHỈ CÒN NẮP)

TUYẾN CỐNG	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	Ø1500	HỐ GA
A	2	9					TỪ A1 ĐẾN A11
B		3	6				TỪ B1 ĐẾN B9
C		2	6	3			TỪ C4 ĐẾN C13
D			2	3	5		TỪ D1 ĐẾN D10
E				5		5	TỪ E1 ĐẾN E10
CỘNG	2	14	13	11	5	5	

3/ THI CÔNG LẮP ĐẶT CỐNG VỈA HÈ

TUYẾN CỐNG	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	Ø1500	HỐ GA
A	80	302					TỪ A1 ĐẾN A11
B		120	245				TỪ B1 ĐẾN E1
C	20	76	200	76			TỪ C3 ĐẾN C13
D			90	120	175		TỪ D0 ĐẾN E6
E				128		150	TỪ E1 ĐẾN CX
H				4			NỐI VÀO K13
J		4					NỐI VÀO M1
K			5,4				K12 NỐI VÀO K13
L					192		TỪ L6 ĐẾN L12
M						82,5	TỪ M1 ĐẾN CX
CỘNG	100	502	540,4	328	368	242,5	

THI CÔNG LẮP ĐẶT CỐNG QUA LỘ

TUYẾN CỐNG	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	HỐ GA
A		11				TỪ A10 ĐẾN E1
C				12		TỪ C13 ĐẾN D10
K					9	TỪ K13 ĐẾN M1
L					12	TỪ L12 ĐẾN M4

4/ ĐỔ BÊ TÔNG VÀ LẮP ĐẶT GỐI CỐNG

GỐI CỐNG	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	Ø1500	HỐ GA
TUYẾN CỐNG A	36	136					TỪ A1 ĐẾN A11
TUYẾN CỐNG B		54	112				TỪ B1 ĐẾN E1
TUYẾN CỐNG C	8	34	90	34			TỪ C3 ĐẾN C13
TUYẾN CỐNG D			40	54	108		TỪ D0 ĐẾN E6
TUYẾN CỐNG E				54		98	TỪ E1 ĐẾN CX
TUYẾN CỐNG H				1			NỐI VÀO K13
TUYẾN CỐNG J		1					NỐI VÀO M1
TUYẾN CỐNG K			3				K12 NỐI VÀO K13
TUYẾN CỐNG L					116		TỪ L6 ĐẾN L12
TUYẾN CỐNG M						48	TỪ M1 ĐẾN CX
CỘNG	44	225	245	143	224	146	K.LƯỢNG LẮP ĐẶ
CẤU KIỆN BÁCH THẢO	44	200	213	94	66	43	CV 17/KCN-QHMT
DNTN TRƯỜNG THẮNG	0	25	32	49	158	103	CẤU KIỆN

5/ THI CÔNG LẮP ĐẶT MỚI NỐI CỐNG.

TUYẾN CỐNG	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	Ø1500	HỐ GA
A	18	68					TỪ A1 ĐẾN A11
B		27	56				TỪ B1 ĐẾN E1
C	4	17	45	17			TỪ C3 ĐẾN C13
D			20	27	54		TỪ D0 ĐẾN E6
E				27		49	TỪ E1 ĐẾN C13
H				1			NỐI VÀO K13
J		1					NỐI VÀO M1
K			2				K12 NỐI VÀO K13
L					58		TỪ L6 ĐẾN L12
M						24	TỪ M1 ĐẾN CX
CỘNG	22	113	123	72	112	73	

THI CÔNG LẮP ĐẶT MỚI NỐI CỐNG QUA LỘ

QUA LỘ	Ø400	Ø600	Ø800	Ø1000	Ø1200	HỐ GA
A		2				TỪ A10 ĐẾN E1
C				2		TỪ C13 ĐẾN D10
K					2	TỪ K13 ĐẾN M1
L					3	TỪ L12 ĐẾN M4

PHÁT SINH ĐÀO ĐẤT TUYẾN CỐNG H ĐẾN VỊ TRÍ XẢ, SÂU 0,5M TẠI SUỐI

THAY CỤC GHỐI ĐÁ VXL, M150, D=500, L=1,2M BẰNG CỌC ĐÁ 1X2(T1R, L=1,2M, 12 CÂY/M2

ĐIỀU CHỈNH CAO ĐỘ ĐẤY HỐ GA TỪ +4,2M THÀNH +4,2C

PHÁT SINH GỐI CỐNG CỦA DNTN TRƯỜNG THẮNG

GỐI CỐNG Ø600 : 14 CÁI;
GỐI CỐNG Ø800 : 16 CÁI;
GỐI CỐNG Ø1000 : 37 CÁI;
GỐI CỐNG Ø1200 : 64 CÁI;
GỐI CỐNG Ø1500 : 67 CÁI;

THÁO DỠ 2000 CÁI GỐI ĐỠ VỈA ĐƯỜNG SỐ 4, LẮP ĐẶT Ở ĐƯỜNG SỐ 4.

THAY ĐỔ BÊN ĐÌNH CỐNG HỘT ĐT1, HỘT 2T4 VÀ HỘT C77

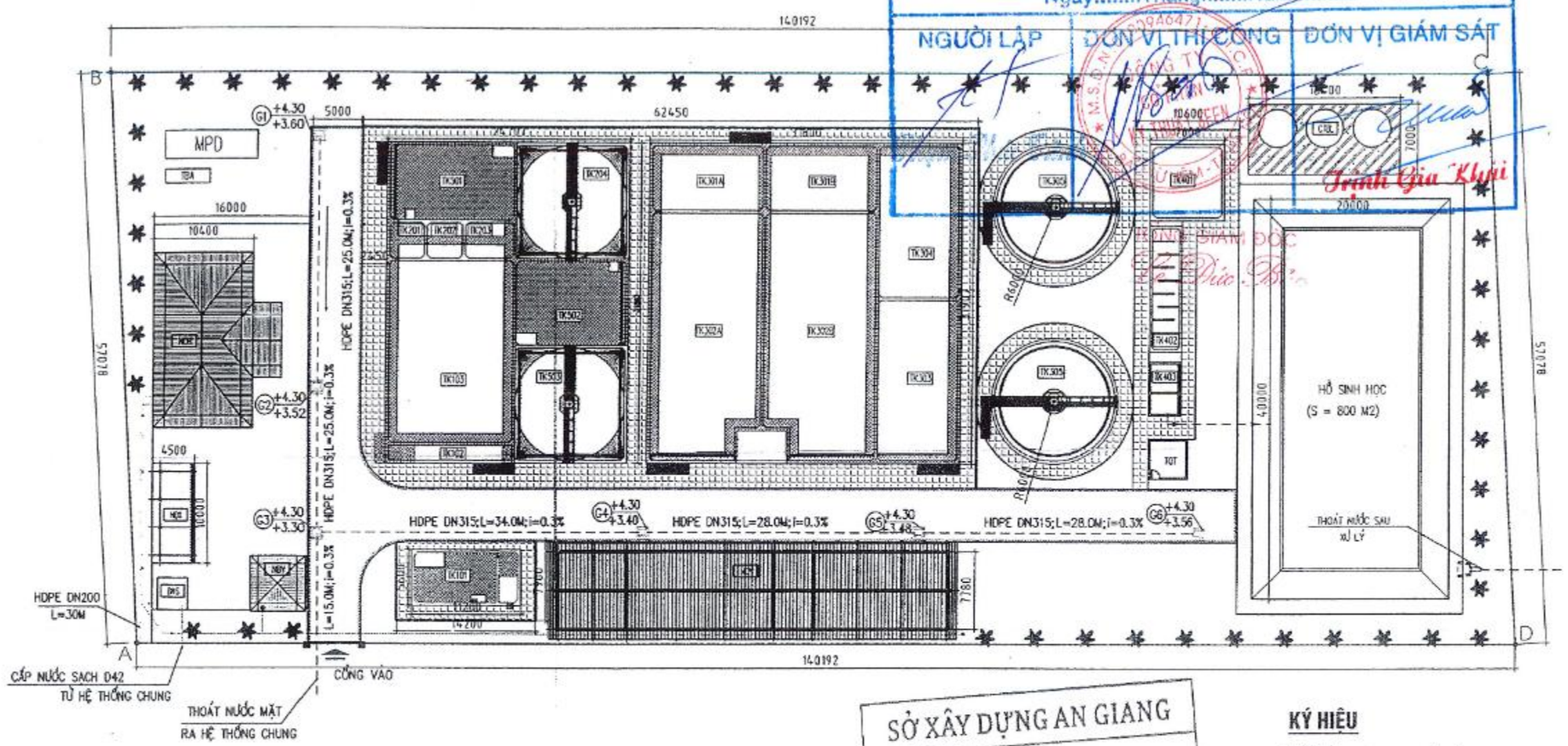
PHÁT SINH CỬA THU NƯỚC Ở 47 HỐ GA CỦA CTY BÁCH THẢO THI CÔNG.

CẢI ĐIỂN TRA CHIỀU DÀI ỐNG PVC VÀ HỐ GA PHÁT SINH

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN	TƯ VẤN GIÁM SÁT	NHÀ THẦU THI CÔNG
TRƯỞNG BAN	Giám đốc	GIÁM ĐỐC
Trần Anh Ngọc	Nguyễn Thanh Tùng	Nguyễn Thanh Tùng

Trần Quốc Thanh

MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC NHÀ MÁY

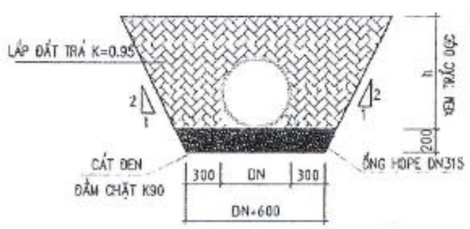


BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ CHÍNH

NO. STT	TÊN VÀ QUI CÁCH	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	ỐNG HDPE (PE10) PN8 DN315	——	M	155
2	HỐ GA BÊ TÔNG CỐT THÉP		HỐ	6
3	ỐNG CẤP NƯỚC SẠCH D42		M	150
4	CÂY XANH		CÂY	58

- CAO ĐỘ VỈA HÈ HOÀN THIỆN NHÀ MÁY TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +4.400 CAO ĐỘ QUỐC GIA

MẶT CẮT ĐẶT ỐNG ĐIỂN HÌNH



KÝ HIỆU

- CÂY XANH, THẢM CỎ
- LÁT GẠCH BLOCK TỰ CHÈN
- HÀNG RÀO NHÀ MÁY
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- SÂN BÊ TÔNG
- THOÁT NƯỚC THẢI
- CẤP NƯỚC SẠCH
- THOÁT NƯỚC SAU XỬ LÝ
- CAO ĐỘ HOÀN THIỆN GA ..... TÊN HỐ GA
- CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG (ĐÁY MƯƠNG)

G1 +4.30 / +3.60

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....
NGƯỜI LẬP | ĐƠN VỊ THI CÔNG | ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Trịnh Gia Khải

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCG
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 801 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC

GIÁM ĐỐC		
KIỂM TRA		
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN,TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CẤP THOÁT	NGUYỄN VĂN THIỀU	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC- XD: CTN--01

MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC RA SAU XỬ LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Thúc Tình		Trịnh Gia Khuu

TỔNG GIÁM ĐỐC

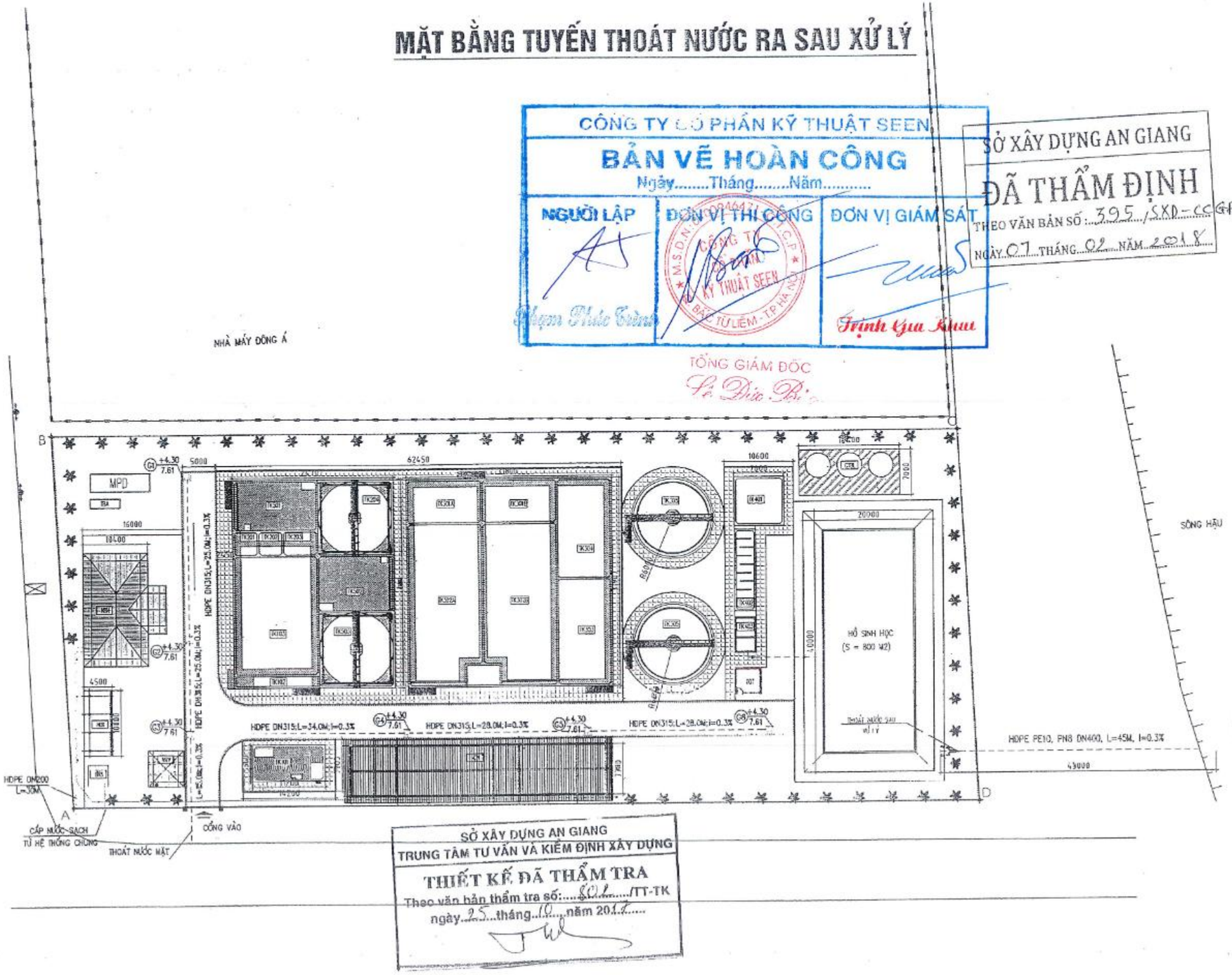
Lê Đức Bi

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGH

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số:.....801...../TT-TK

ngày.25...tháng..10....năm 2017.....

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL . 043.765 7092 FAX . 043.790 3241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

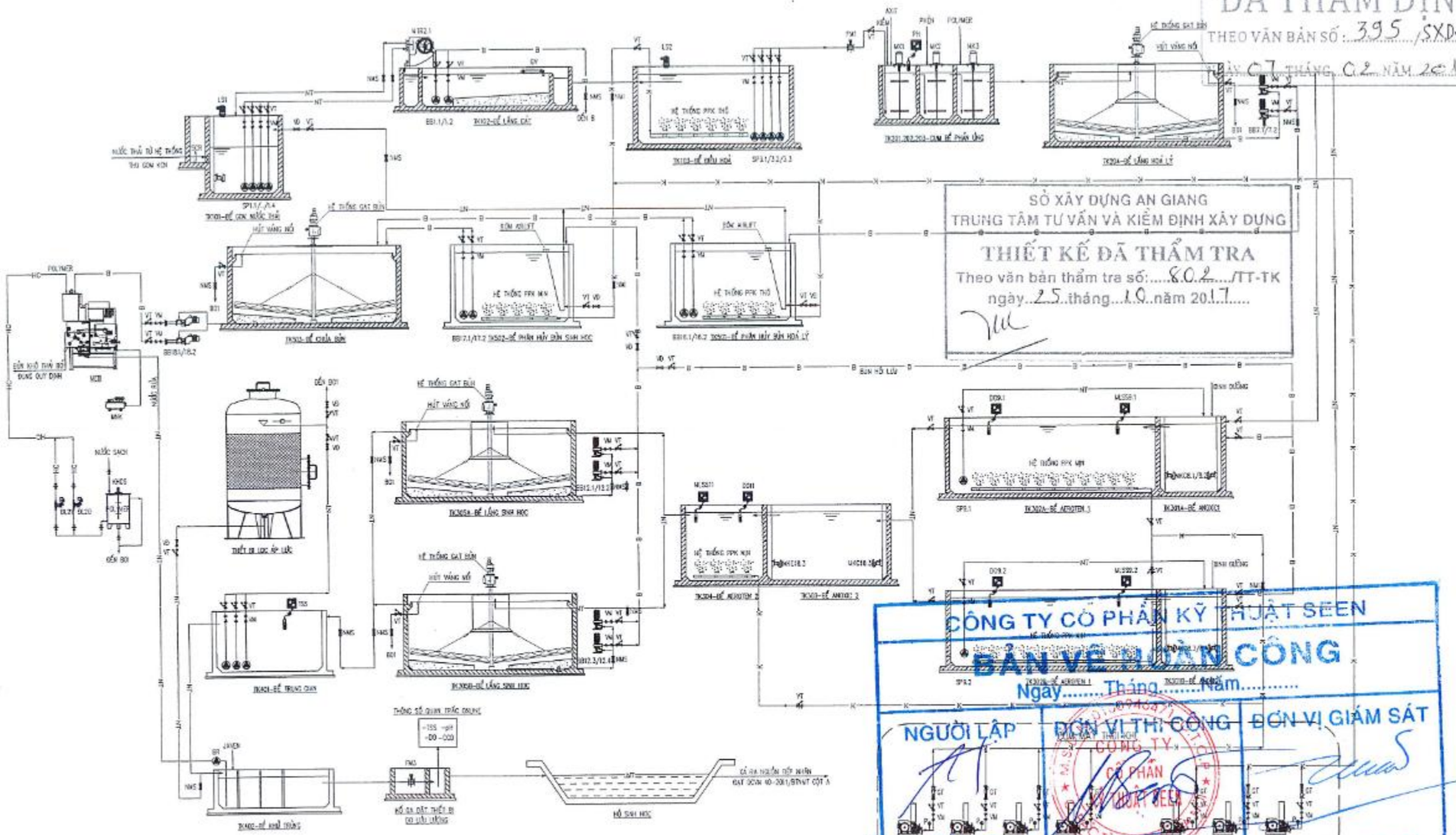
MẶT BẰNG TUYẾN THOÁT NƯỚC SAU XỬ LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN,TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN BÊN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-XD-07H-04

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG (GIAI ĐOẠN 1)
CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY ĐÊM

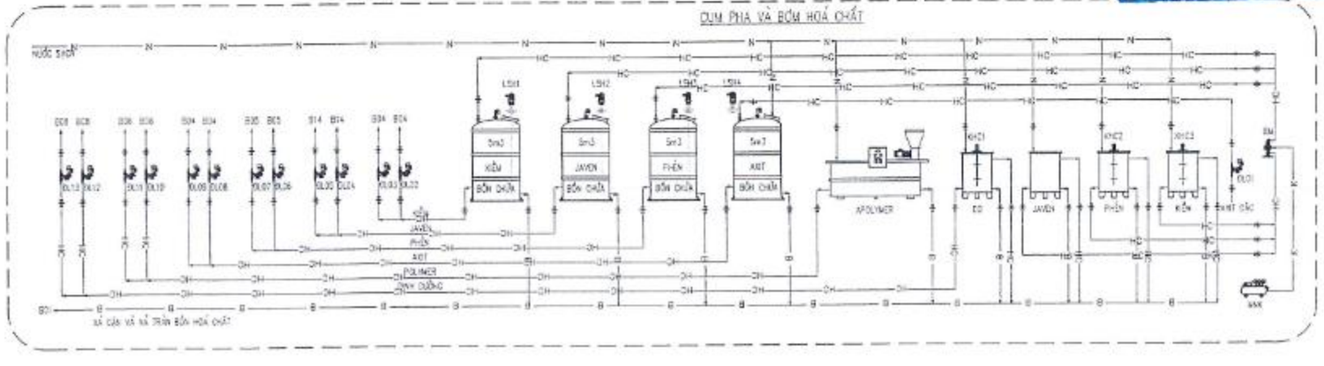


SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-QLCG
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ SEEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày ..... Tháng ..... Năm .....
NGƯỜI LẬP: Phạm Phú Trình
ĐƠN VỊ THI CÔNG: Trịnh Gia Khải
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

DỤM PHA VÀ BƠM HOÁ CHẤT



KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
MTR	MÁY TÁCH RÁC
SP	BƠM NƯỚC THẢI
GVH	THIẾT BỊ CẤT KHÍ
FH	THIẾT BỊ ĐO LƯU LƯỢNG
DL	BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT
BB, BK	BƠM BÙN, BƠM MÀNG
AB	MÁY THỔI KHÍ
MK, MKC	MÁY KHUẤY, MÁY KHUẤY CHÌM
LS, LSH	THIẾT BỊ ĐO MỨC, BỒN HÓA CHẤT
DH, DO	THIẾT BỊ ĐO pH, DO
MDBS	THIẾT BỊ MÀNG ĐỘ BÙN
MEB	MÁY ÉP BÙN
APOLYMER	MÁY PHA POLYMER TỰ ĐỘNG
MKK	MÁY KHỬ KHÍ
KHC	MÁY KHUẤY BỒN HÓA CHẤT
NBC	NỐI MỀM CAO SU
NBI	NỐI MỀM INOX

KÝ HIỆU	DIỄN GIẢI
VT	VAN TAY
VMC	VAN MỘT CHIỀU
VĐ	VAN ĐIỆN
NM	NỐI MỀM
ỐNG THÉP	ỐNG GIÁN THÉP
VM	VAN MỘT CHIỀU
ỐNG THÉP	ỐNG GIÁN THÉP
	BỒN RỬA
	VAN ĐIỆN
	VAN TAY
	VAN MỘT CHIỀU
	ỐNG GIÁN THÉP

TỔNG GIÁM ĐỐC
GHI CHÚ:

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL: 043.765 7092 FAX: 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

GIÁM ĐỐC-DIRECTOR: HOÀNG VĂN THÀNH

THIẾT KẾ	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIỆN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 07

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ

HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG KCN BÌNH LONG (GIAI ĐOẠN 1), CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

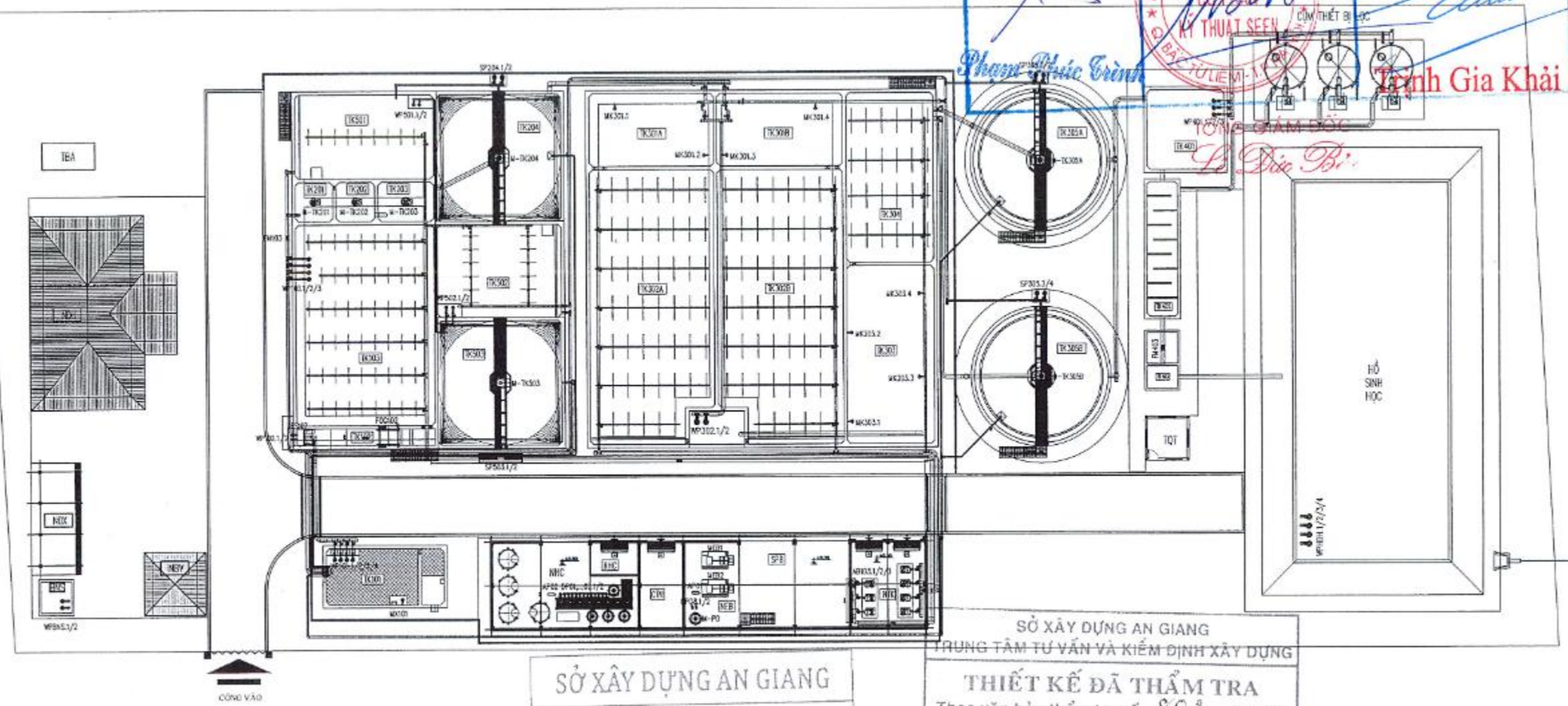
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Đức Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bí



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

CHÚ THÍCH:

STT	NỘI DUNG	STT	NỘI DUNG
TK101	BỂ GOM	TK501	BỂ PHÂN HỦY BÙN HÓA LÝ
TK102	BỂ LẮNG CÁT - TÁCH DẦU	TK502	BỂ PHÂN HỦY BÙN SINH HỌC
TK103	BỂ ĐIỀU HÒA	TK503	BỂ CHỨA BÙN
TK201	BỂ TRUNG HÒA	NĐH	NHÀ ĐIỀU HÀNH
TK202	BỂ KEO TỤ	NĐX	NHÀ ĐỂ XE
TK203	BỂ TẠO BÔNG	CTNH	NHÀ ĐỂ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TK204	BỂ LẮNG HÓA LÝ	KHC	KHO HÓA CHẤT
TK301	BỂ ANOXIC 1	NTK	NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ

STT	NỘI DUNG	STT	NỘI DUNG
TK302	BỂ AROTEN 1	NEB	NHÀ ĐẶT MÁY ÉP BÙN
TK303	BỂ ANOXIC 2	KCB	KHO CHỨA BÙN
TK304	BỂ AROTEN 2	SFB	SÂN PHƠI BÙN
TK305	BỂ LẮNG SINH HỌC	BNS	BỂ NƯỚC SẠCH
TK401	BỂ TRUNG GIAN	TBA	TRẠM BIẾN ÁP
TK402	BỂ KHỬ TRÙNG	BHCT	BIỂN HIỆU CÔNG TRÌNH
TK403	HỐ GA ĐO LƯU LƯỢNG	CTBL	CỤM THIẾT BỊ LỌC

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL: 043.765 7092 FAX: 043.793 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG
CÔNG NGHỆ & THIẾT BỊ

GIÁM ĐỐC-DIRECTOR

HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN/TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 09

MẶT BẰNG BỐTRÍ THIẾT BỊ

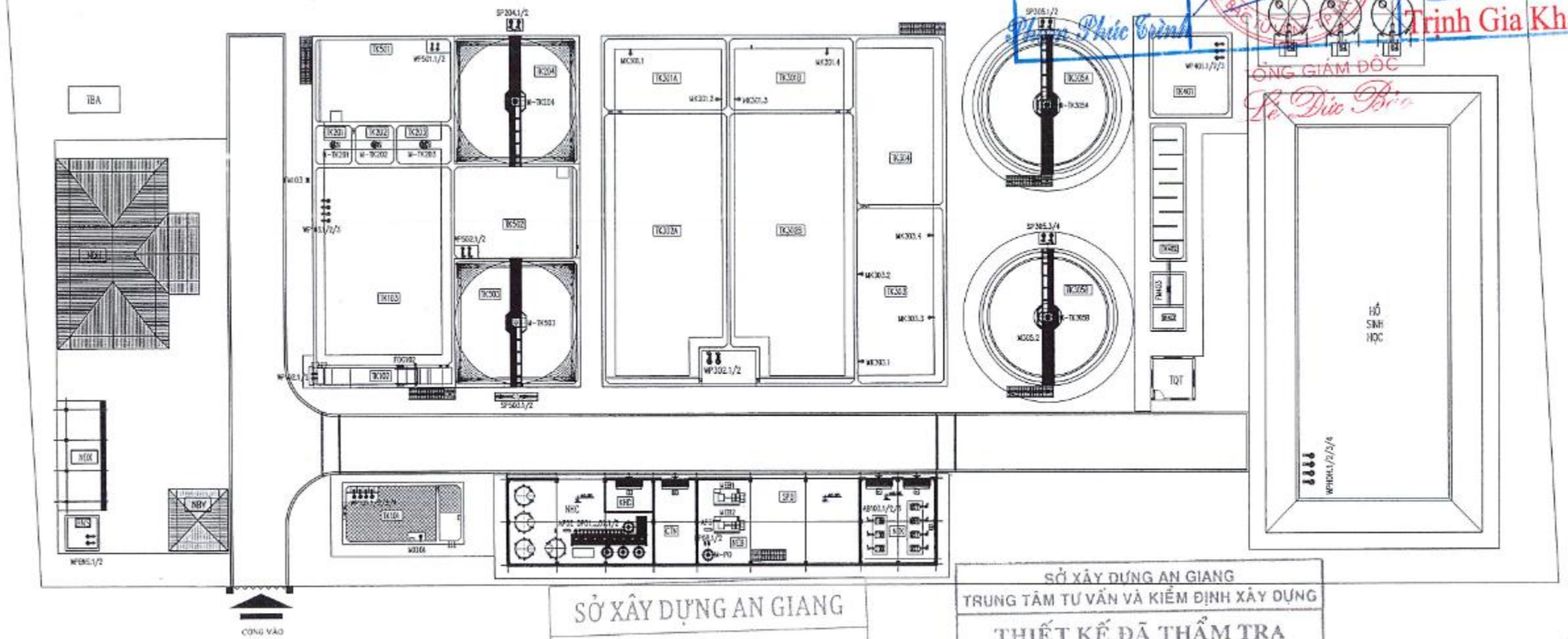
HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG KCN BÌNH LONG (GIAI ĐOẠN 1), CÔNG SUẤT 4.000 M3/NGÀY ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Hoàng Phúc Trình	Trịnh Gia Khải	



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

CHÚ THÍCH:

STT	NỘI DUNG	STT	NỘI DUNG
TK101	BỂ GOM	TK501	BỂ PHÂN HỦY BÙN HÓA LÝ
TK102	BỂ LẮNG CÁT - TÁCH DẦU	TK502	BỂ PHÂN HỦY BÙN SINH HỌC
TK103	BỂ ĐIỀU HÒA	TK503	BỂ CHỨA BÙN
TK201	BỂ TRUNG HÒA	NDH	NHÀ ĐIỀU HÀNH
TK202	BỂ KEO TỤ	NDX	NHÀ ĐỂ XE
TK203	BỂ TẠO BÔNG	CTNH	NHÀ ĐỂ CHẤT THẢI NGUY HẠI
TK204	BỂ LẮNG HÓA LÝ	KHC	KHO HÓA CHẤT
TK301	BỂ ANOXIC 1	NTK	NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ

STT	NỘI DUNG	STT	NỘI DUNG
TK302	BỂ AEROTEN 1	NEB	NHÀ ĐẶT MÁY ÉP BÙN
TK303	BỂ ANOXIC 2	KCB	KHO CHỨA BÙN
TK304	BỂ AEROTEN 2	SPB	SÂN PHƠI BÙN
TK305	BỂ LẮNG SINH HỌC	BNS	BỂ NƯỚC SẠCH
TK401	BỂ TRUNG GIAN	TBA	TRẠM BIẾN ÁP
TK402	BỂ KHỬ TRÙNG	BHCT	BIỂN HIỆU CÔNG TRÌNH
TK403	HỐ GA ĐO LƯU LƯỢNG	CTBL	CỤM THIẾT BỊ LỌC

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 8a - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

MẶT BẰNG
BỐ TRÍ THIẾT BỊ

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR — HOÀNG VĂN THÀNH

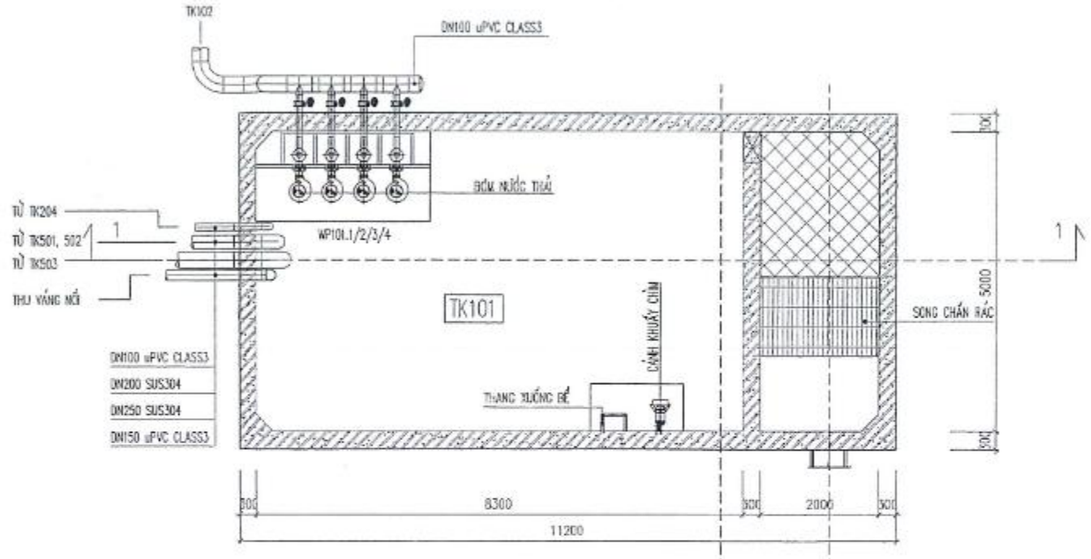
KIỂM TRA	LÊ PHI HỒNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HỒNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 10

BỂ GOM NƯỚC THẢI TK101

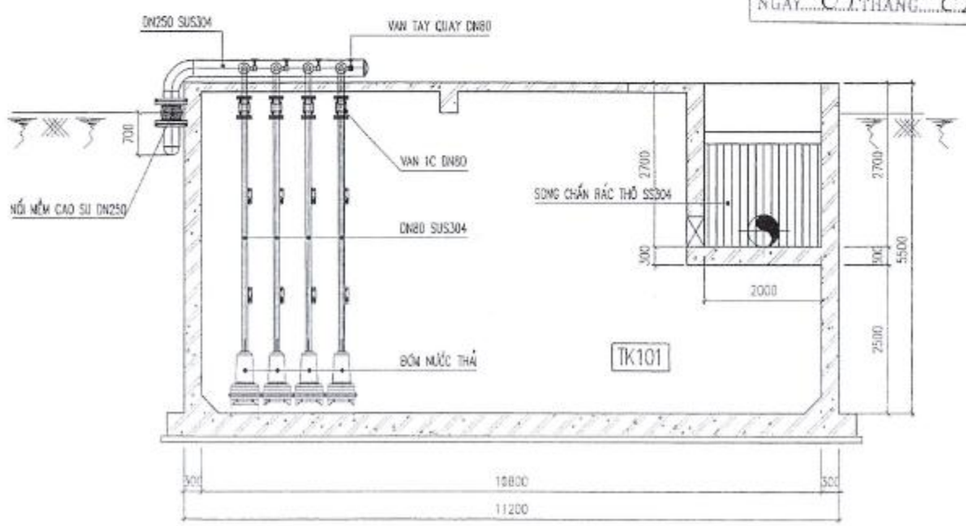
MẶT BẰNG BỂ GOM

TỈ LỆ: 1/100



MẶT CẮT 1-1

TỈ LỆ: 1/100

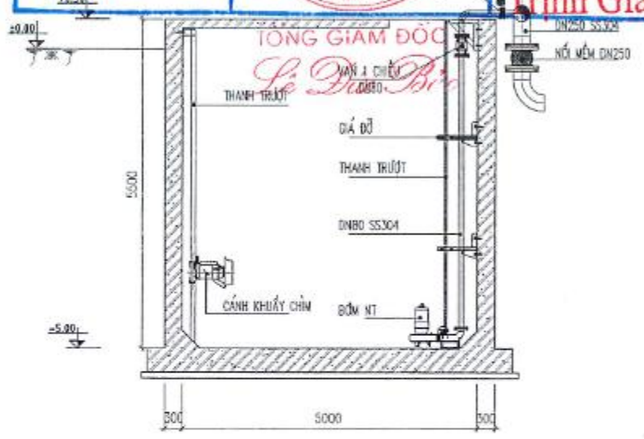


CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

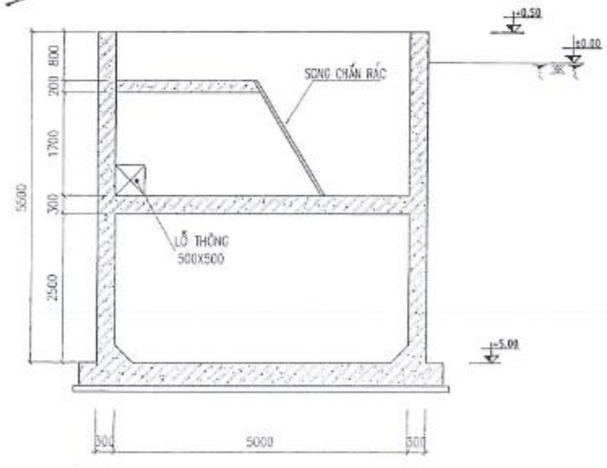
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017



NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765.7092 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BỂ GOM NƯỚC THẢI

GIÁM ĐỐC-DIRECTOR

HOÀNG VĂN THÀNH

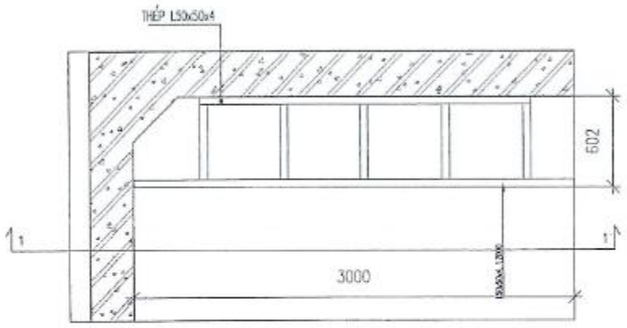
KIỂM TRA	LÊ PHI HỒNG	
CHỦ NHIỆM BỘ MÔN PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HỒNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	
TỈ LỆ - SCALE		
NGÀY - DATE	08 - 2017	
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN-11	

CẤU TẠO SONG CHẮN RÁC VÀ GIÁ ĐỠ ỐNG

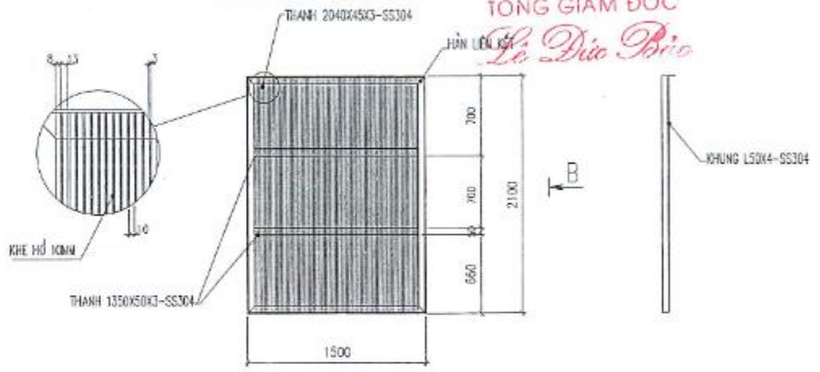
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....
NGƯỜI LẬP | ĐƠN VỊ THI CÔNG | ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình
Trịnh Gia Khải

CHI TIẾT GIÁ ĐỠ NÂNG HẠ BƠM

TỈ LỆ: 1/40



MẶT BẰNG SONG CHẮN RÁC NHÌN THEO B



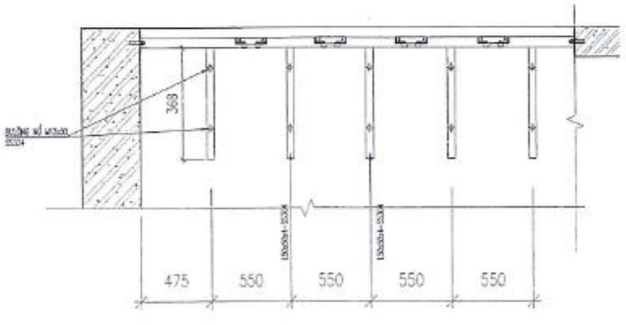
A

NHÌN THEO A



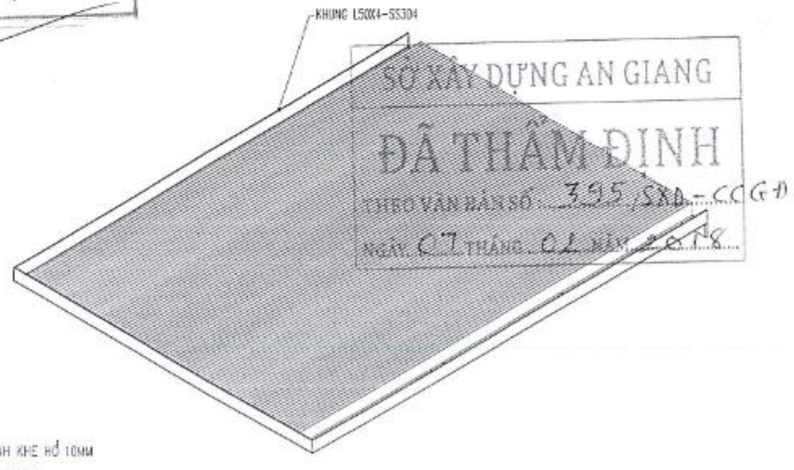
CHI TIẾT GIÁ ĐỠ NÂNG HẠ BƠM

MẶT CẮT 1-1



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 862 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

MÔ PHỎNG 3D



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
THEO VĂN BẢN SỐ 395 /SXD-QLCG
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bio

GHI CHÚ
- THANH CHẮN RÁC ĐƯỢC BỐ TRÍ DỌC, SONG SONG TẠO THÀNH KHE HỞ 10MM
- SONG CHẮN RÁC ĐƯỢC BẮT VÀO THÀNH BỂ BẰNG BULÔNG M10x80
- SONG CHẮN RÁC ĐƯỢC LÀM BẰNG INOX 304

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.768.7093 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

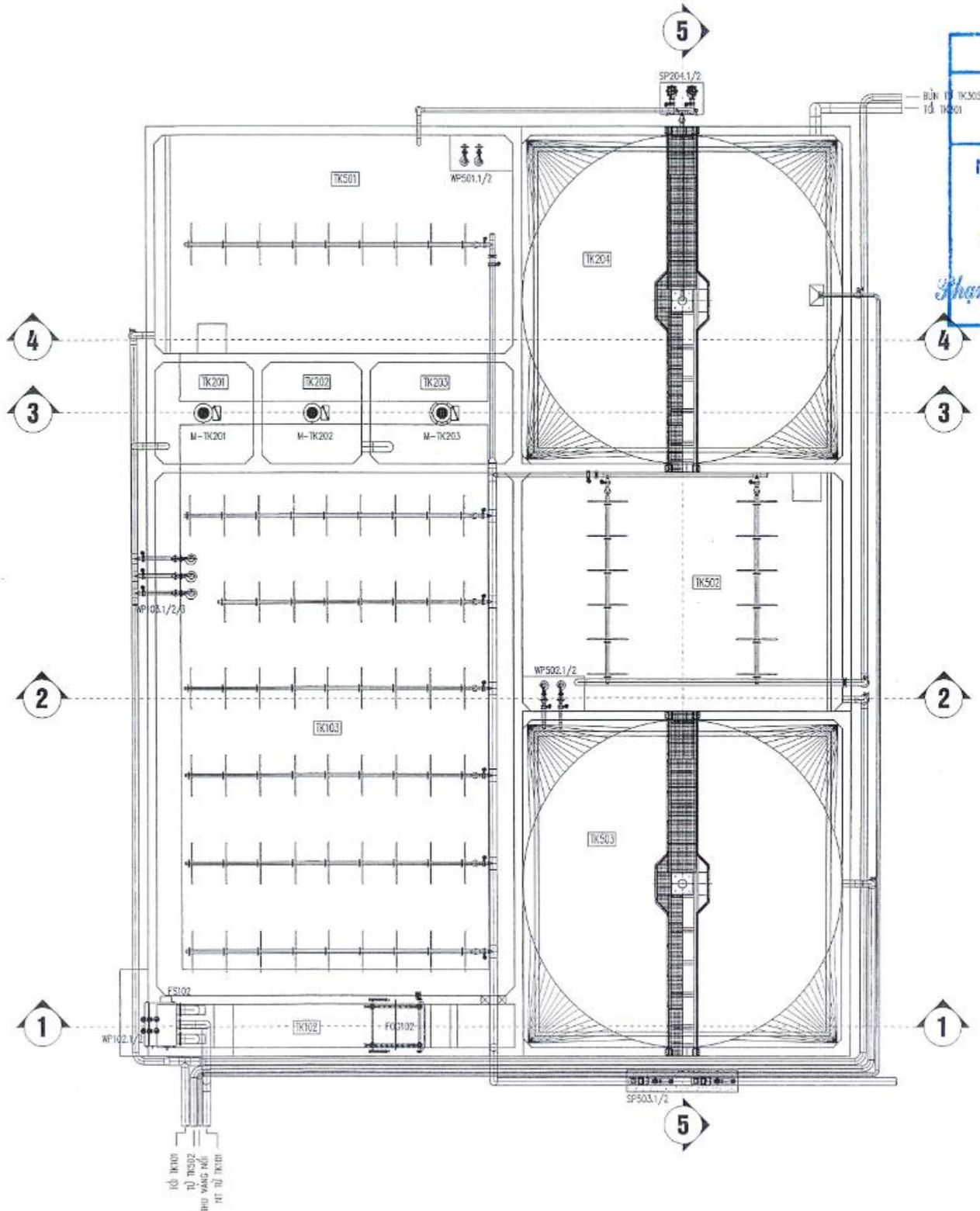
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
SONG CHẮN RÁC
VÀ GIÁ ĐỠ ỐNG

GIÁM ĐỐC DIRECTOR
HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN 12

MẶT BẰNG CỤM BỂ TK102-204, TK501-503



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Khạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bảo

CHÚ THÍCH:

STT	NỘI DUNG
TK102	BỂ LẮNG CÁT - TÁCH DẦU
TK103	BỂ ĐIỀU HÒA
TK201	BỂ TRUNG HÒA
TK202	BỂ KEO TỤ
TK203	BỂ TẠO BÔNG
TK204	BỂ LẮNG HÓA LÝ
TK501	BỂ PHÂN HỦY BÙN HÓA LÝ
TK502	BỂ PHÂN HỦY BÙN SINH HỌC
TK503	BỂ CHỨA BÙN

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 862 /TT-TK
ngày 25 tháng 12 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043 765 7092 FAX : 043 780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
MẶT BẰNG CỤM BỂ
TK102-204, TK501-503

GIÁM ĐỐC-DIRECTOR: HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PH HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PH HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TÀI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 14

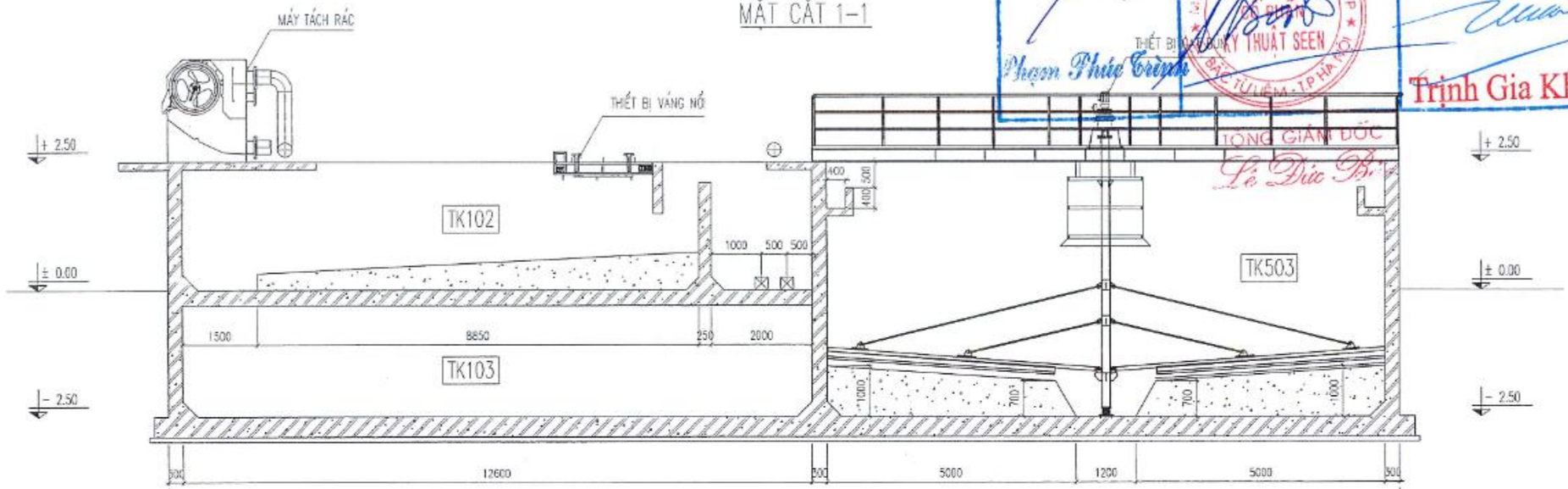
CỤM BỂ TK102-204, TK501-503
MẶT CẮT 1-2, 2-2

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

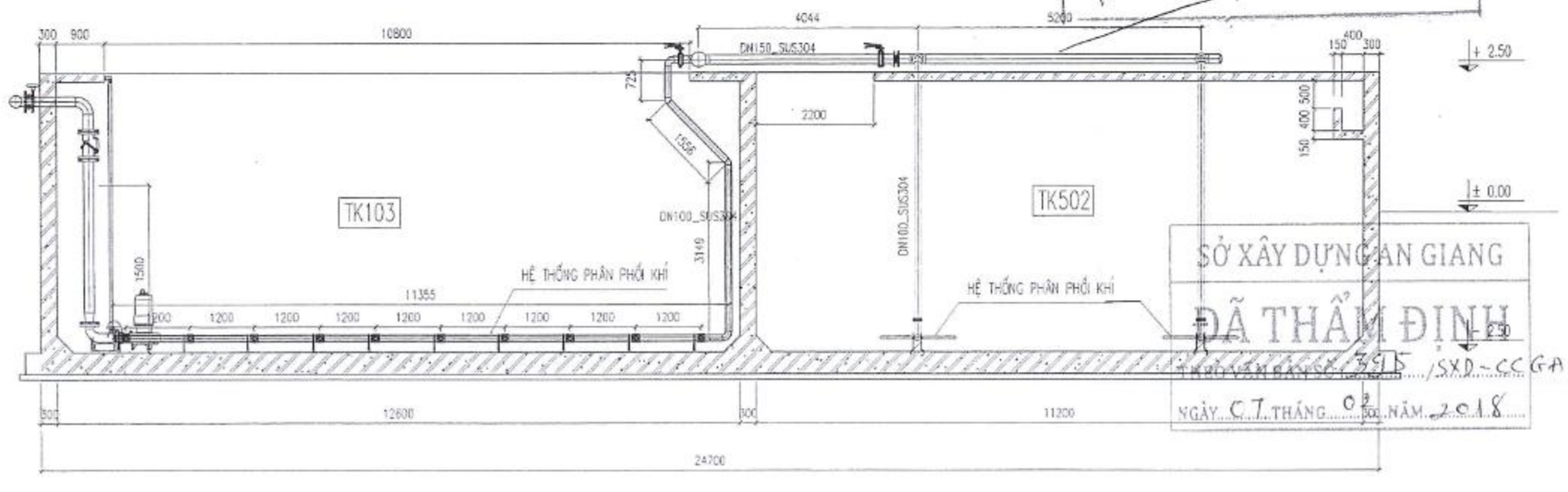
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bình

MẶT CẮT 1-1



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 862 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

MẶT CẮT 2-2



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 3915 /SXD-CCGA
NGÀY 07 THÁNG 03 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.795 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
CỤM BỂ TK102-204, TK501-503
MẶT CẮT 1-1, 2-2

GIÁM ĐỐC DIRECTOR
HOÀNG VĂN THÀNH

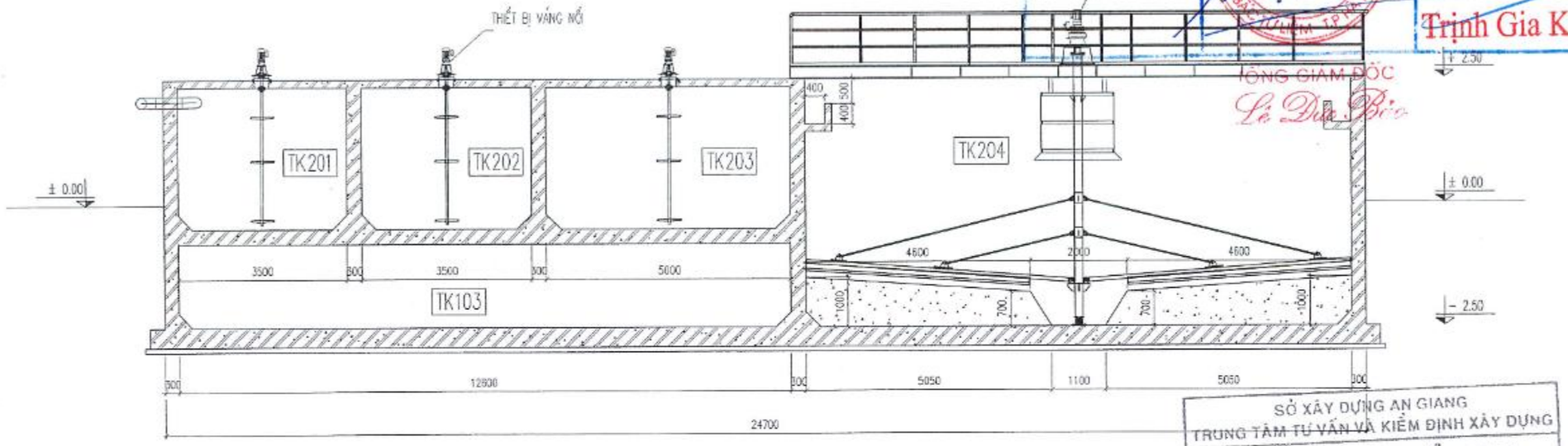
THIẾT KẾ	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TÀI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIỆN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN 15

CỤM BỂ TK102-204, TK501-503
MẶT CẮT 3-3, 4-4

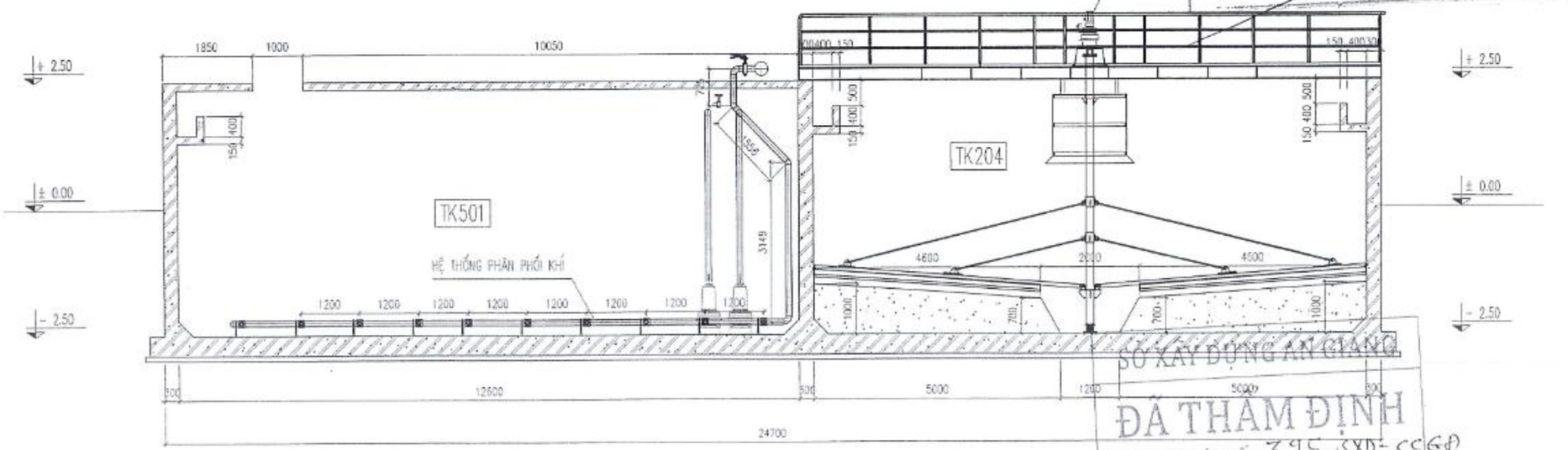
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....
NGƯỜI LẬP | ĐƠN VỊ THI CÔNG | ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phú Trình
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN
Trịnh Gia Khải
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bảo

MẶT CẮT 3-3



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

MẶT CẮT 4-4



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH
GREENSEA ENGINEERING CORP.
SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

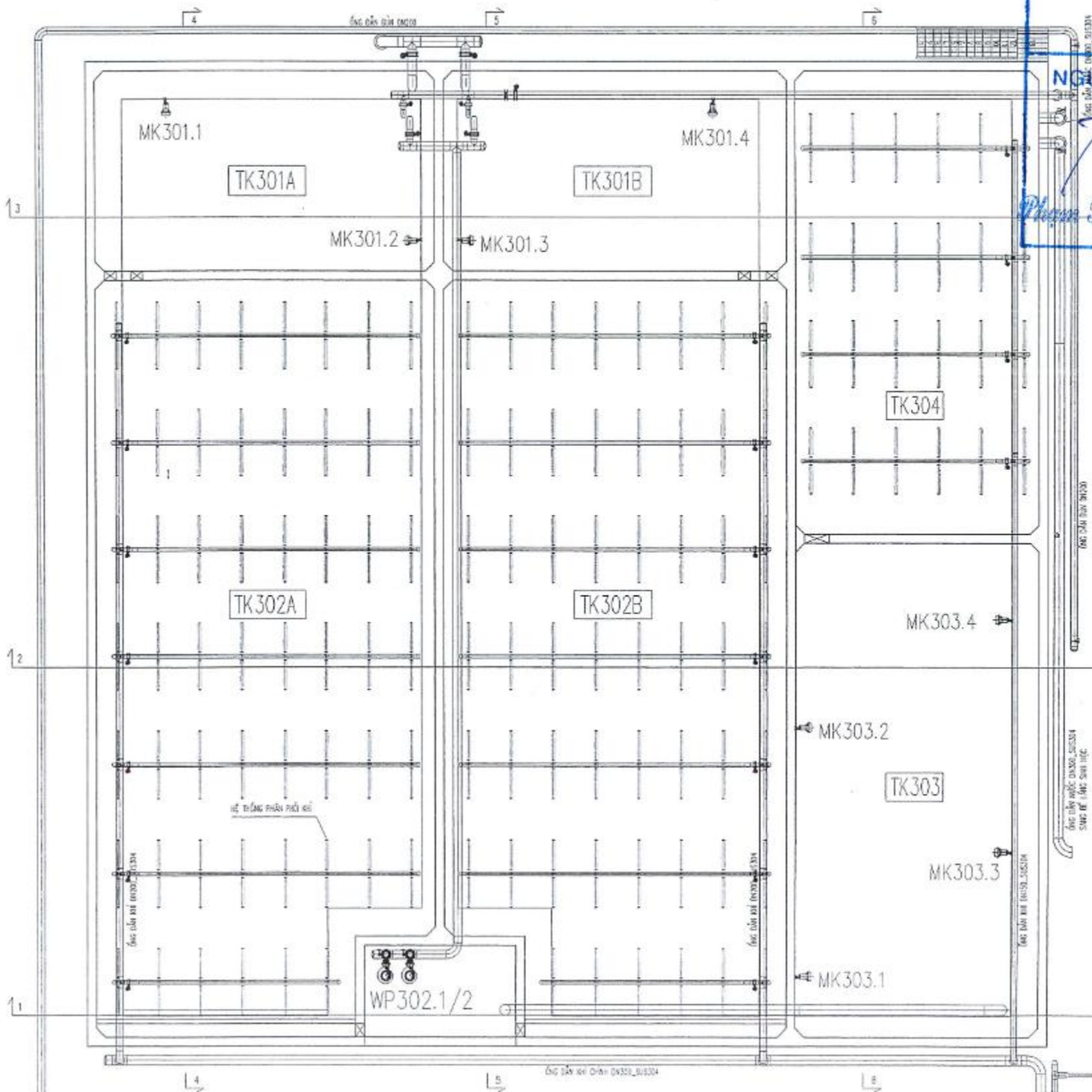
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
CỤM BỂ TK102-204, TK501-503
MẶT CẮT 1-1, 2-2

GIÁM ĐỐC DIRECTOR
HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TÀI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN:16

MẶT BẰNG CỤM BỂ TK301 - TK304



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Chinh	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bí

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

CHÚ THÍCH:

STT	NỘI DUNG
TK301	BỂ ANOXIC 1
TK302	BỂ AEROTEN 1
TK303	BỂ ANOXIC 2
TK304	BỂ AEROTEN 2

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ : 395/SXD-CCGD

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765.7092 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

MẶT BẰNG CỤM BỂ
TK301-304

GIÁM ĐỐC DIRECTOR

HOÀNG VĂN THÀNH

THIẾT KẾ	LÊ PH HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PH HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN,ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TÀI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN-13

MẶT CẮT CHI TIẾT CỤM BỂ TK301-TK304

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

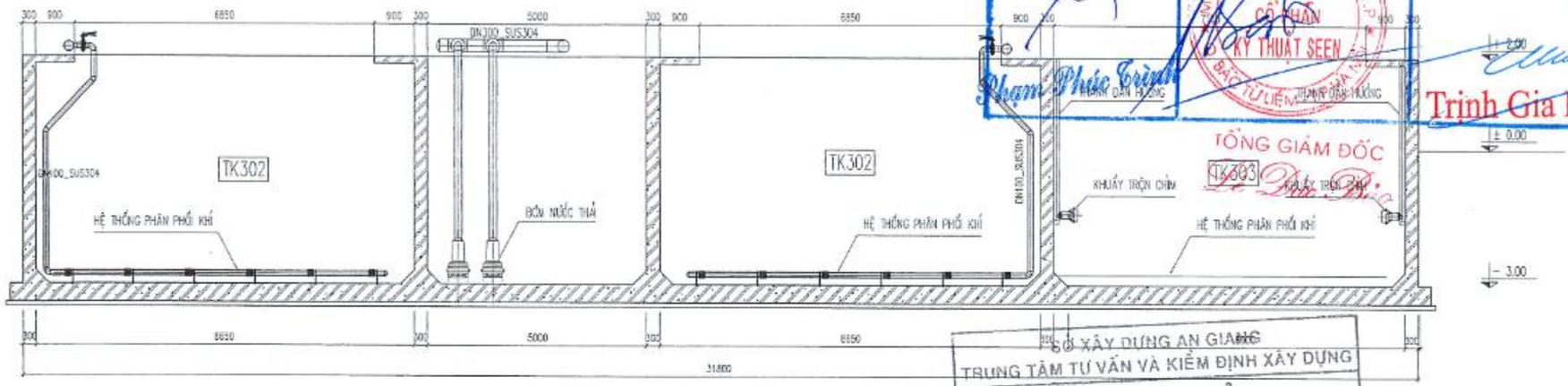
Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải
HƯỚNG DẪN HƯỚNG	HƯỚNG DẪN HƯỚNG	

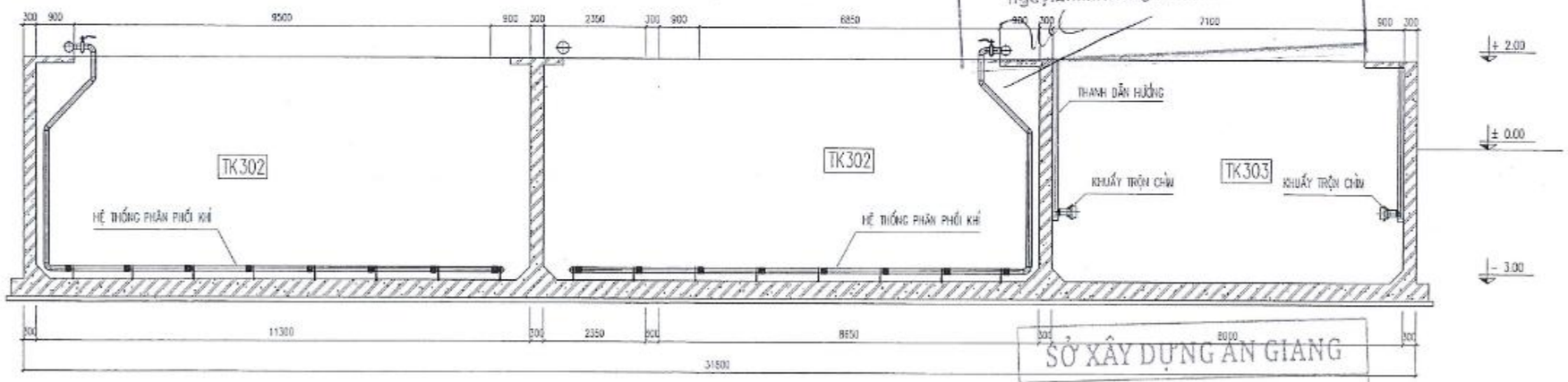
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Phúc Trình

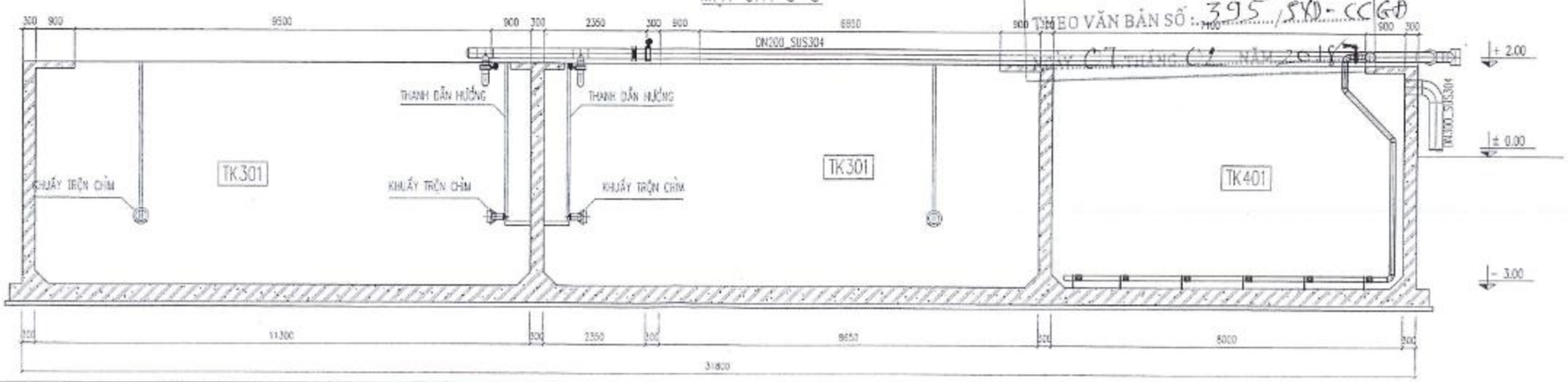
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 902 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2017

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765.7092 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

CỤM BỂ TK301-304
MẶT CẮT CHI TIẾT

GIÁM ĐỐC DIRECTOR

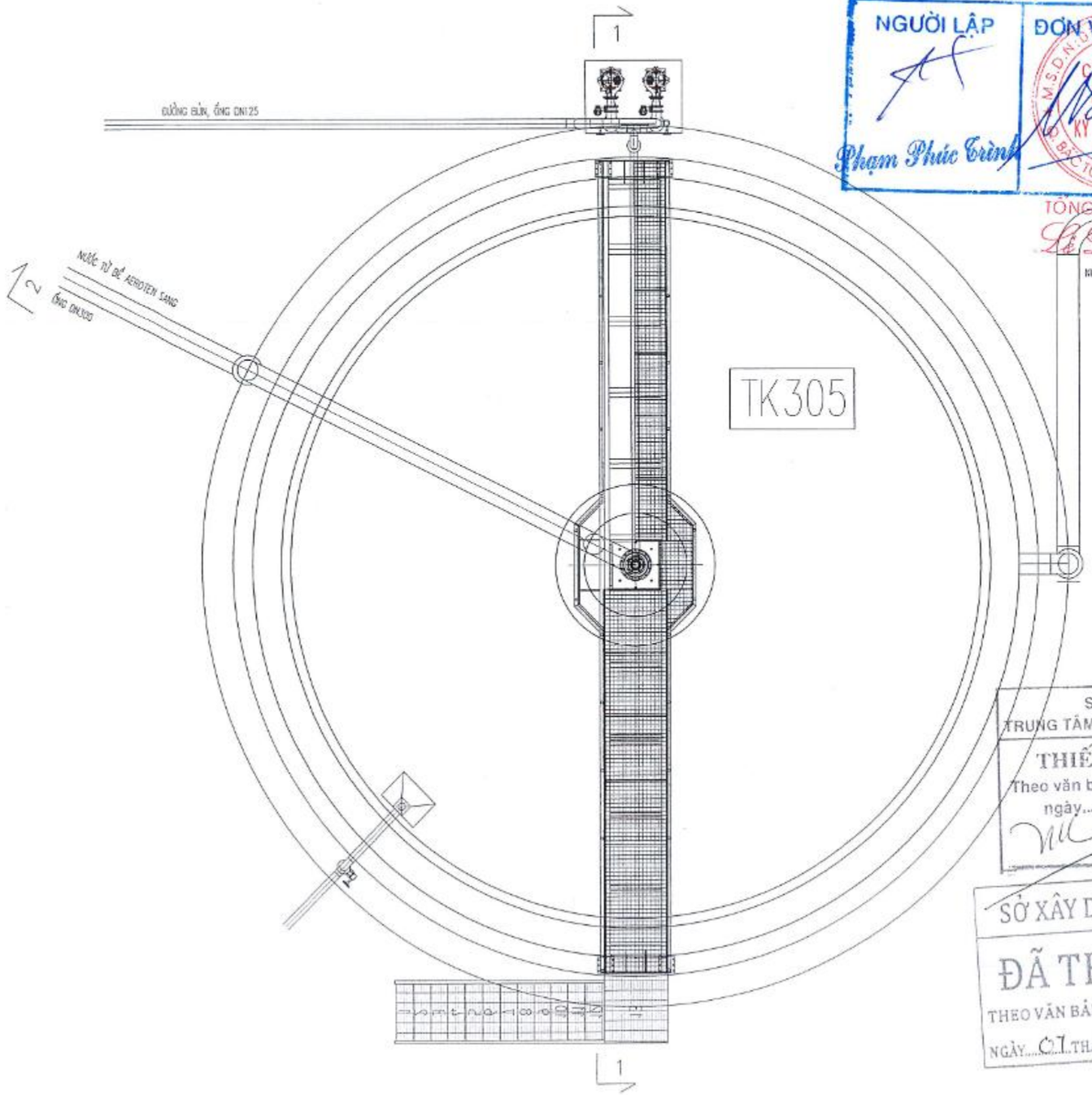
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

HOÀNG VĂN THÀNH

CHỦ TRÌ	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 19

MẶT BẰNG BỂ LẮNG SINH HỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bí

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGA

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

MẶT BẰNG BỂ LẮNG SINH HỌC

GIÁM ĐỐC DIRECTOR — HOÀNG VĂN BÌNH

THIẾT KẾ	LÊ TH HƯNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ TH HƯNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN,TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 20

BỂ LẮNG SINH HỌC - MẶT CẮT

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Bức Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

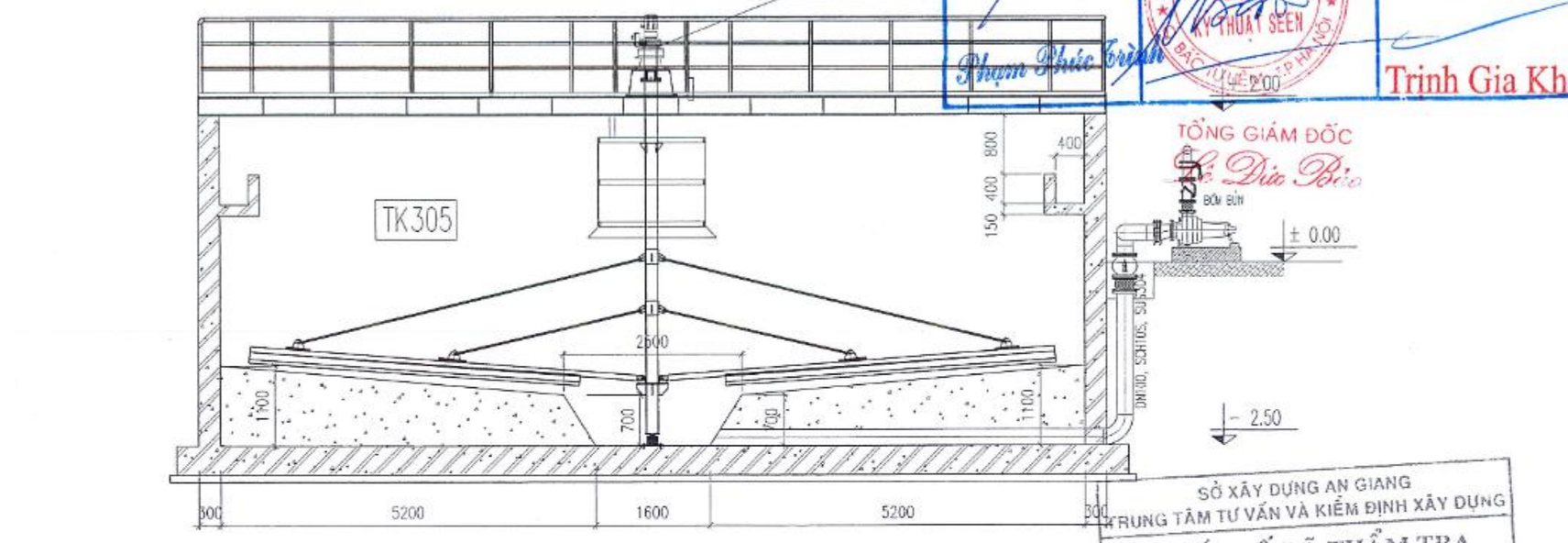
SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

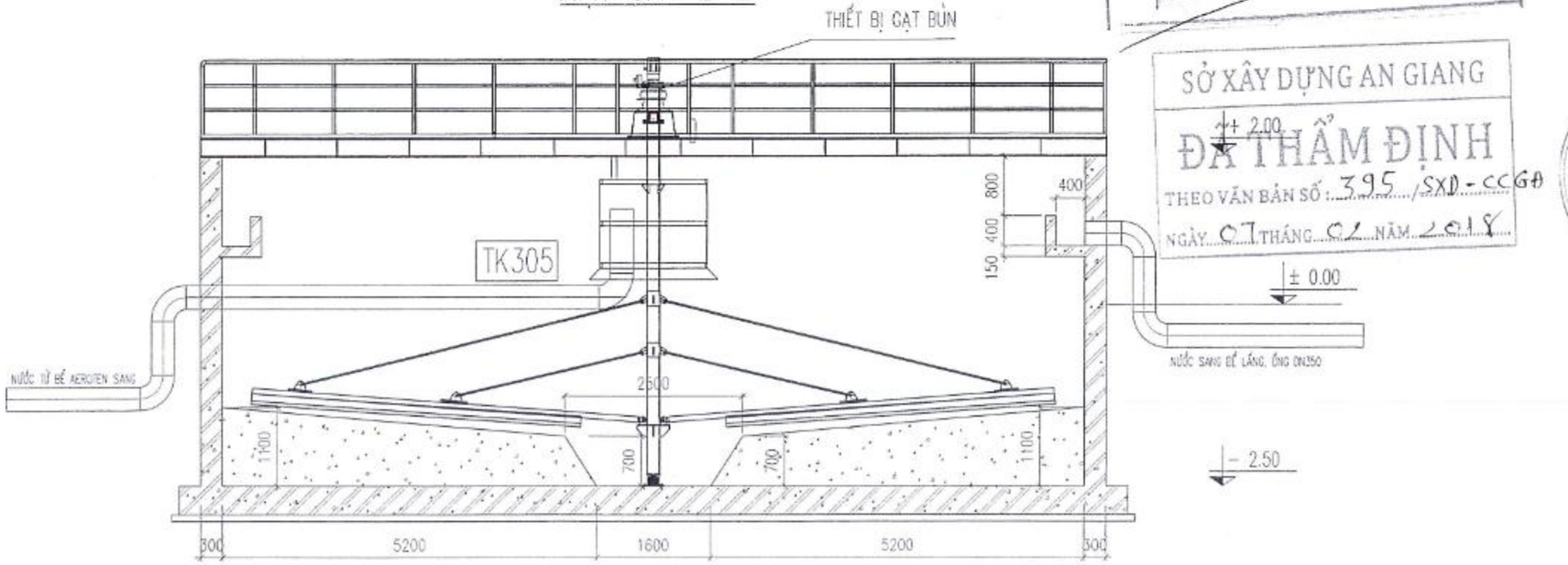
THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD - CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765.7092 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BỂ LẮNG SINH HỌC
MẶT CẮT CHI TIẾT

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

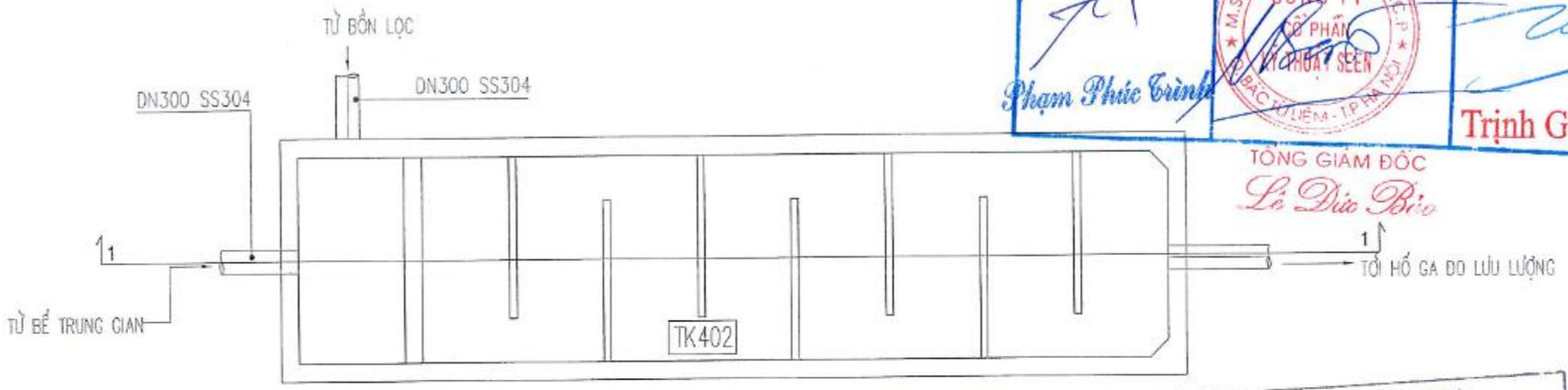
HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PH HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PH HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ÁNH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TÀI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 21

BỂ KHỬ TRÙNG

TỈ LỆ: 1/50



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng. .....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

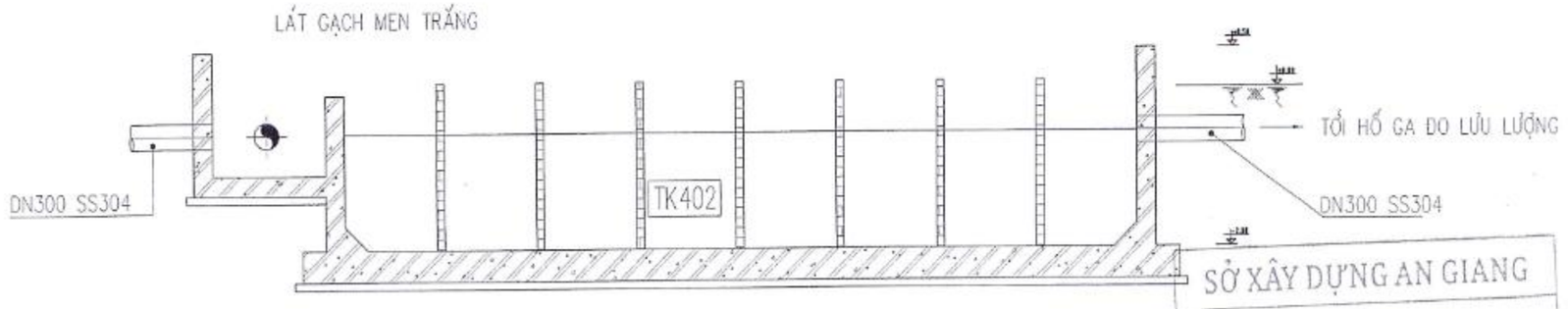
SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

MẶT CẮT 1-1



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2017

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765.7092 FAX : 043.780.5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BỂ KHỬ TRÙNG

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

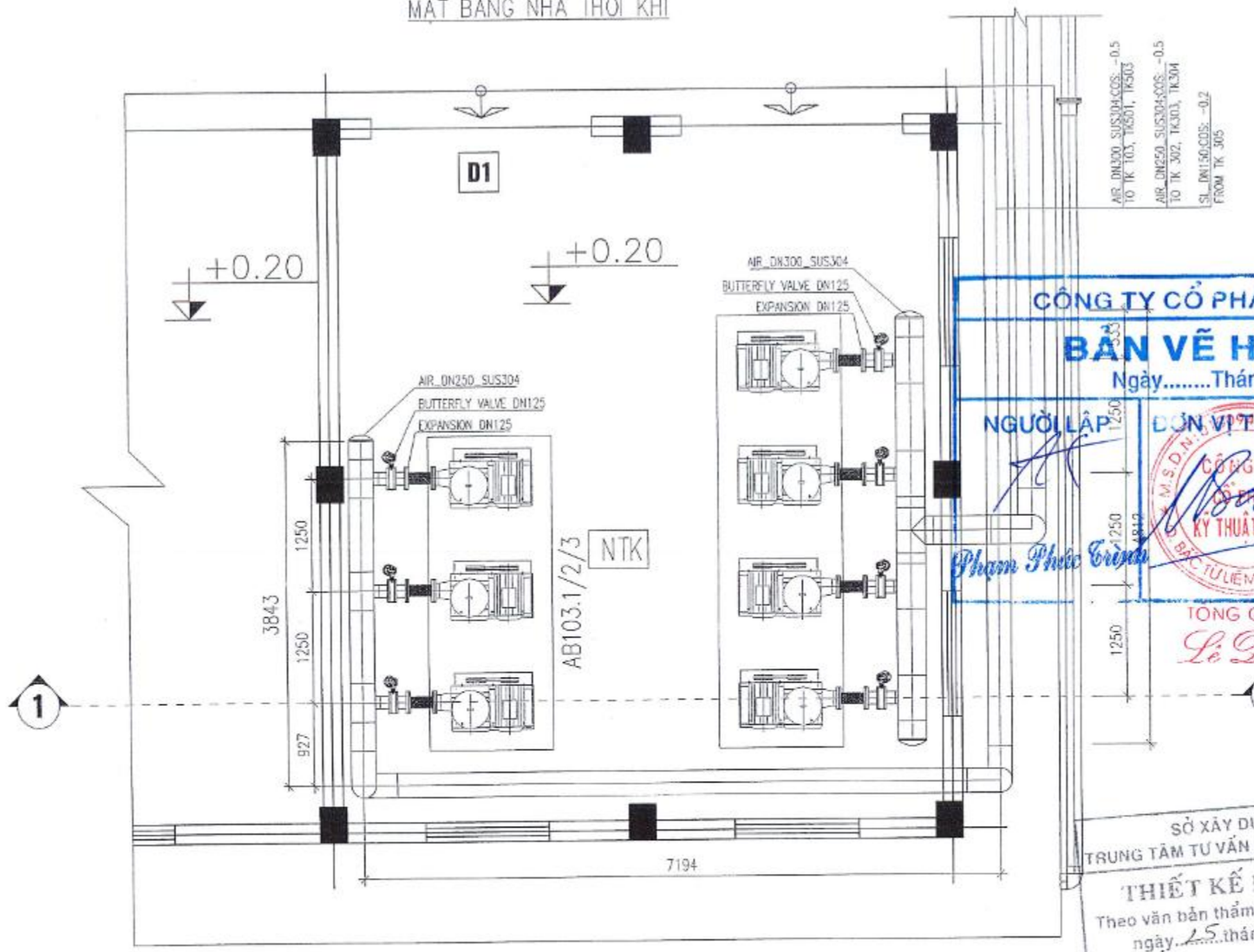
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

HOÀNG VĂN THÀNH

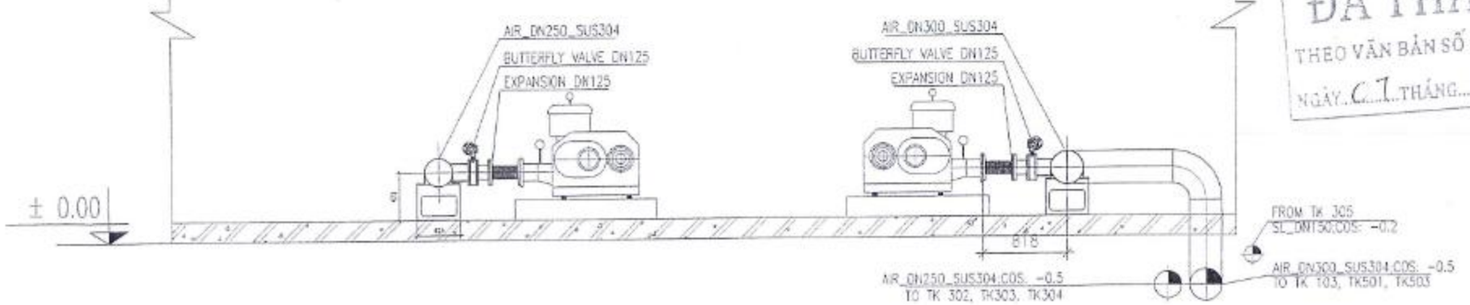
KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN 22

MẶT BẰNG NHÀ THỔI KHÍ



MẶT CẮT 1-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải
	TỔNG GIÁM ĐỐC	
	Lê Diệu Bảo	

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 821 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ
NGÀY 07 THÁNG 12 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.760 6241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
NHÀ THỔI KHÍ

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR
HOÀNG VĂN THÀNH

THIẾT KẾ	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN 23

NHÀ HÓA CHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bảo

D1

+0.20

NHC

KHC

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

AP02

DP01,..,07.1/2

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
ĐÃ THẨM ĐỊNH
THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-QLCG
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

MẶT BẰNG NHÀ HÓA CHẤT

GIÁM ĐỐC CHỊU TRÁCH NHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

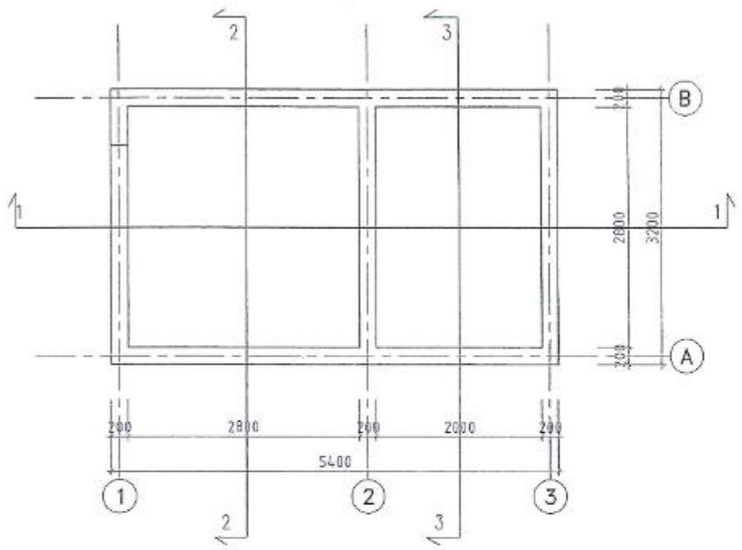
HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TKBVTC-CN: 24

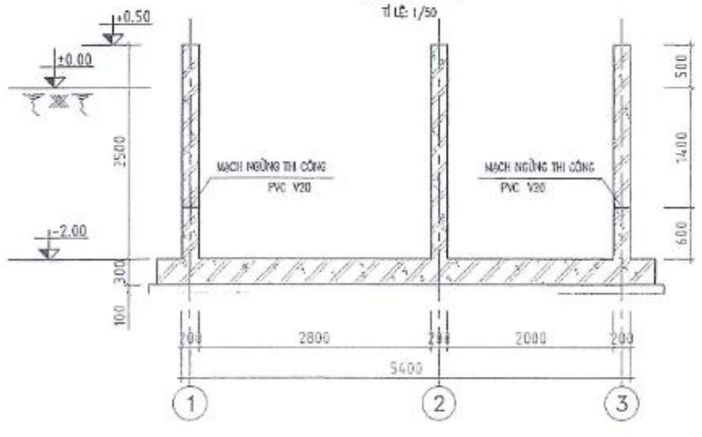
MẶT BẰNG HỐ GA ĐO LƯU LƯỢNG

TỈ LỆ: 1/50



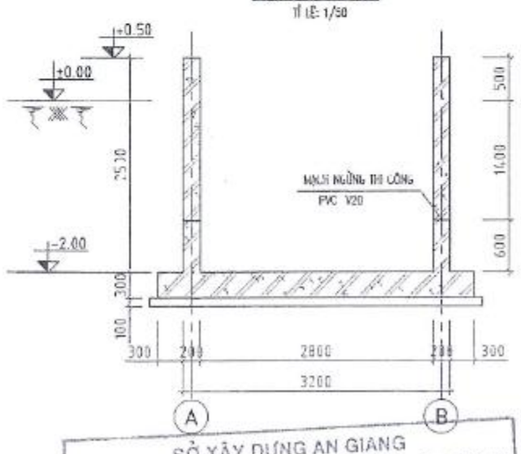
MẶT CẮT 1-1

TỈ LỆ: 1/50



MẶT CẮT 2-2, 3-3

TỈ LỆ: 1/50



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
		Trịnh Gia Khải

GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG MÉT TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC.
- BÊ TÔNG LÓT VÀ BÊ TÔNG NGHÈO CẤP BỀN B7.5(M100), ĐÁ 4X6CM
- BÊ TÔNG CHỊU LỰC CẤP BỀN B22.5 (M300) SỬ DỤNG PHỤ GIA CHỐNG THẤM SIKA PLASTOCRETE N HOẶC LOẠI TƯƠNG ĐƯƠNG
- LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP DÀY 50MM CHO ĐÁY VÀ 40MM CHO THÀNH DÀY 30MM CHO CÁC KẾT CẤU CÒN LẠI.
- CỐT THÉP NHÓM AI CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH 10MM (Φ) Rs=225 MPA
  CỐT THÉP NHÓM AII CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH >=10MM (Φ) Rs=280 MPA
- CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI CHỒNG CỐT THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH.
- NHỮNG THÉP QUA LỖ CHỜ SẼ BỊ CẮT.
- SỬ DỤNG CỐP PHA PHẲNG, CHẮC
- BỀ MẶT NGOÀI THÀNH BÊ TÔNG CỐT THÉP TIẾP XÚC VỚI ĐẤT ĐƯỢC QUÉT HAI LỚP BITUM NÓNG
- BỀ MẶT NGOÀI THÀNH NỔI TRÊN MẶT ĐẤT ĐƯỢC QUÉT 1 LỚP SƠN LÓT MÀU TRẮNG VÀ 2 LỚP SƠN MÀU THEO CHỈ ĐỊNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
- KẾT HỢP XEM BẢN VẼ CÔNG NGHỆ ĐỂ THI CÔNG CHO CHÍNH XÁC
- BỀ MẶT TRONG THÀNH VÀ ĐÁY BỂ QUÉT SƠN EPOXY 1 LỚP SƠN LÓT, 2 LỚP PHỦ CHỐNG THẤM
- GIOĂNG MẠCH NGỪNG THI CÔNG LOẠI PVC V200
- GIA CỐ NỀN BẰNG CỌC BTCT
- CAO ĐỘ ±0.000 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ QUỐC GIA +4.400

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-QLCL

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL: 043.765 7092 FAX: 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

HỐ GA ĐO LƯU LƯỢNG
MẶT BẰNG & MẶT CẮT HỐ GA

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

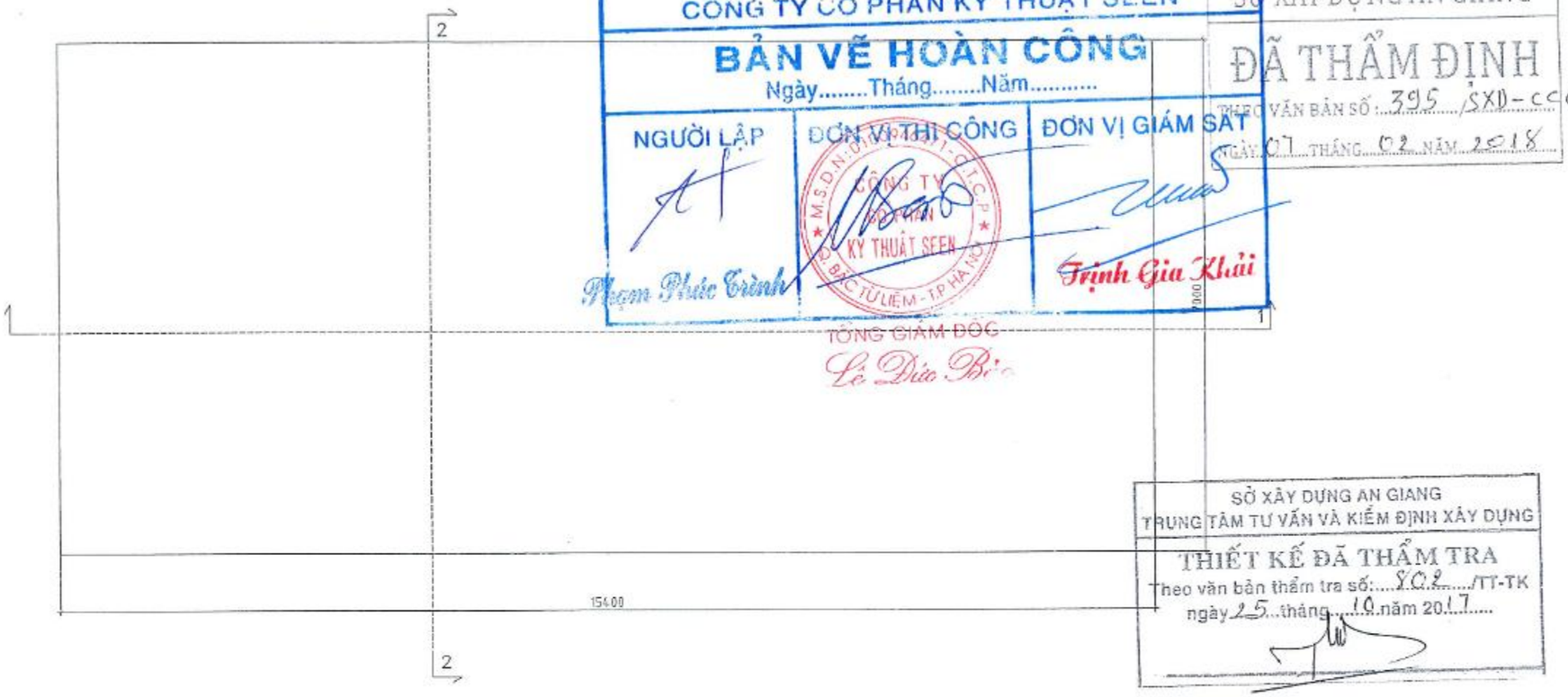
HOÀNG VĂN THÀNH

KIỂM TRA	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN-ĐK CÔNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KH	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	1/50
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
KÝ HIỆU BẢN VẼ - DRAWING NO	[illegible]

MẶT BẰNG BỆ ĐẶT CỤM THIẾT BỊ LỌC

1/50



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Đức Bi

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

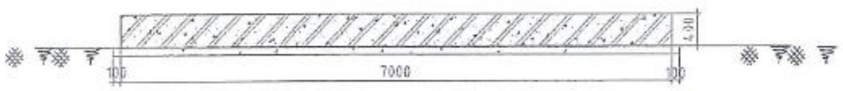
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

MẶT CẮT 2-2

1/50



GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM,CAO ĐỘ GHI BẰNG MÉT
- BÊ TÔNG LÓT VÀ BÊ TÔNG NGHÈO CẤP BỀN B7,5(M100), ĐÁ 4X6CM
- BÊ TÔNG CHỊU LỰC CẤP BỀN B22,5 (M300) ĐÁ 1X2,
  PHỤ GIA CHỐNG THẤM SIKA PLASTOCRETE N HOẶC LOẠI TƯƠNG ĐƯƠNG
- LỚP BẢO VỆ ĐỐT THÉP DÀY 50MM CHO ĐÁY VÀ 40MM CHO THÀNH VÁCH
  DÀY 30MM CHO CÁC KẾT CẤU CÒN LẠI.
- CỐT THÉP NHÓM AI CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH <10MM (ø) Rs=225 MPA
  CỐT THÉP NHÓM AII CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH >=10MM (ø) Rs=280 MPA
- CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI CHỒNG CỐT THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH.
- SỬ DỤNG CỐP PHA PHẲNG, CHẮC
- GIA CỐ NỀN BẰNG ĐỌC BTCT
- KẾT HỢP XEM BẢN VẼ CÔNG NGHỆ ĐỂ THI CÔNG CHO CHÍNH XÁC
- CAO ĐỘ ±0.000 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ QUỐC GIA +4.400

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION

XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE

BỆ ĐẶT CỤM THIẾT BỊ LỌC

MẶT BẰNG,MẶT CẮT

GIÁM ĐỐC DIRECTOR

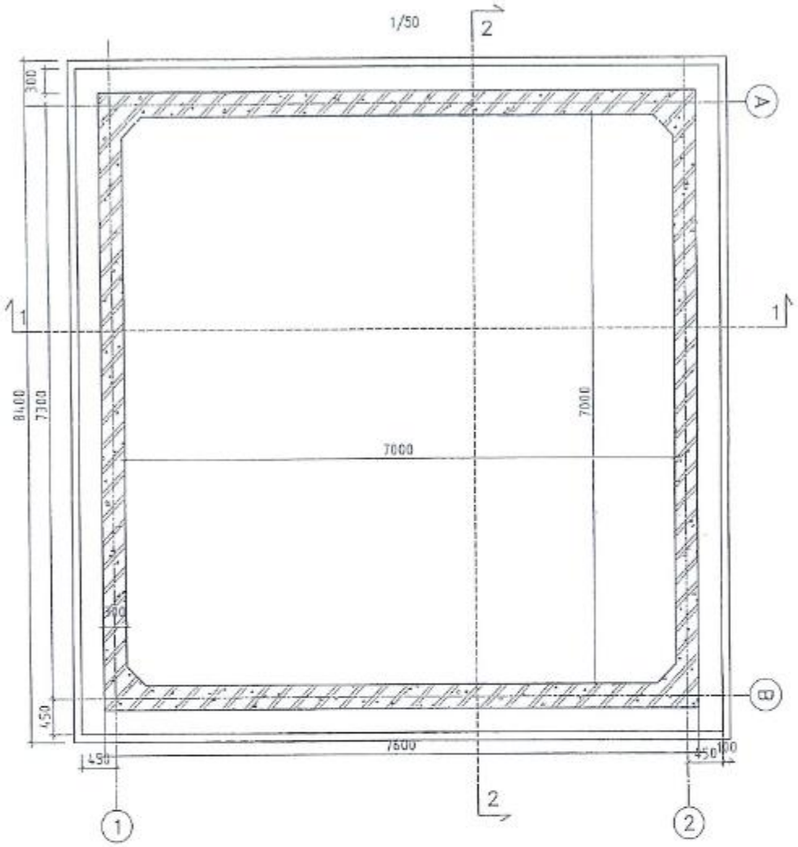
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

HOÀNG VĂN THÀNH

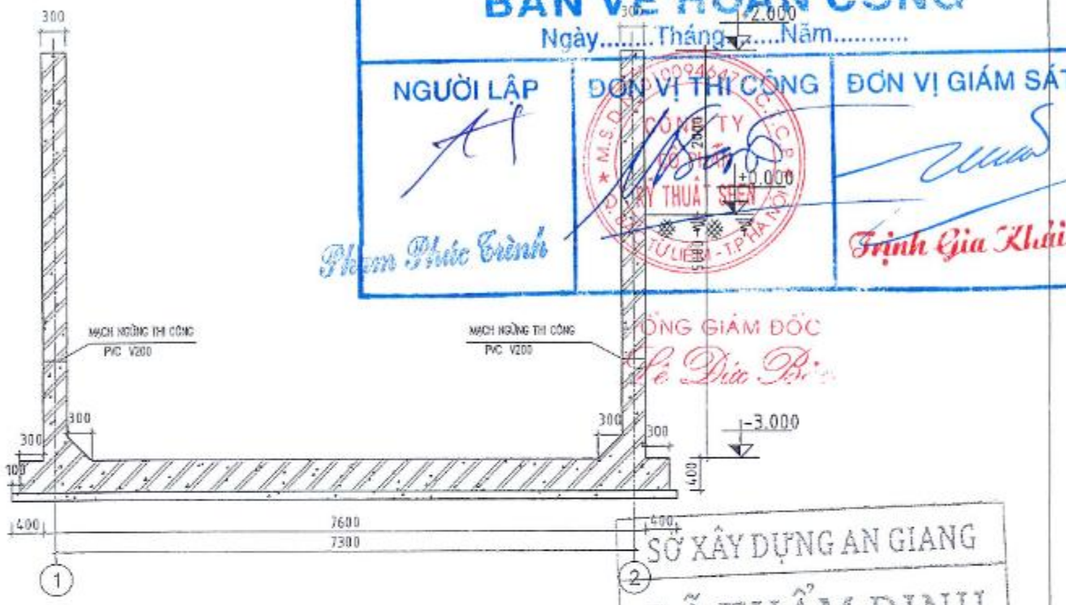
VẼ - DRAWN	LÊ PHI HÙNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - DESIGNER	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN TỰ ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	1/50
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
KÝ HIỆU BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TK-BV-TC-XD-BCTBL-01

MẶT BẰNG ĐÁY BỂ



MẶT CẮT 1-1,2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN	Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Bi

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-QLXD
NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

GHI CHÚ:

- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI BẰNG MM, CAO ĐỘ GHI BẰNG MÉT TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC.
- BÊ TÔNG LÓT VÀ BÊ TÔNG NGHÈO CẤP BỀN B7,5(M100), ĐÁ 4X6CM
- BÊ TÔNG CHỊU LỰC CẤP BỀN B22,5 (M300) ĐÁ 1X2
  PHỤ GIA CHỐNG THẤM SIKA PLASTOCRETE N HOẶC LOẠI TƯƠNG ĐƯƠNG
- LỚP BẢO VỆ CỐT THÉP DÀY 50MM CHO ĐÁY VÀ 40MM CHO THÀNH DÀY 30MM CHO CÁC KẾT CẤU CÒN LẠI.
- CỐT THÉP NHÓM AI CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH <10MM (ø) Rs=225 MPA
  CỐT THÉP NHÓM AII CHO LOẠI CÓ ĐƯỜNG KÍNH >=10MM (ø) Rs=280 MPA
- CHIỀU DÀI ĐOẠN NỐI CHỒNG CỐT THÉP >=30 LẦN ĐƯỜNG KÍNH.
- NHỮNG THÉP QUA LỖ CHỜ SẼ BỊ CẮT.
- SỬ DỤNG CỐP PHA PHẲNG, CHẮC
- BỀ MẶT NGOÀI THÀNH BỂ TÔNG CỐT THÉP TIẾP XÚC VỚI ĐẤT ĐƯỢC QUÉT HAI LỚP BITUM NÓNG
- BỀ MẶT NGOÀI THÀNH NỔI TRÊN MẶT ĐẤT ĐƯỢC QUÉT 1 LỚP SƠN LÓT MÀU TRẮNG VÀ 2 LỚP SƠN MÀU THEO CHỈ ĐỊNH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
- KẾT HỢP XEM BẢN VẼ CÔNG NGHỆ ĐỂ THI CÔNG CHO CHÍNH XÁC
- BỀ MẶT TRONG THÀNH VÀ ĐÁY BỂ QUÉT SƠN EPOXY 1 LỚP SƠN LÓT, 2 LỚP PHỦ CHỐNG THẤM
- GIOĂNG MẠCH NGỪNG THI CÔNG LOẠI PVC V200
- GIA CỐ NỀN BẰNG CỌC BTCT
- CAO ĐỘ ±0.000 TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ QUỐC GIA +4.400

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.780 6241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

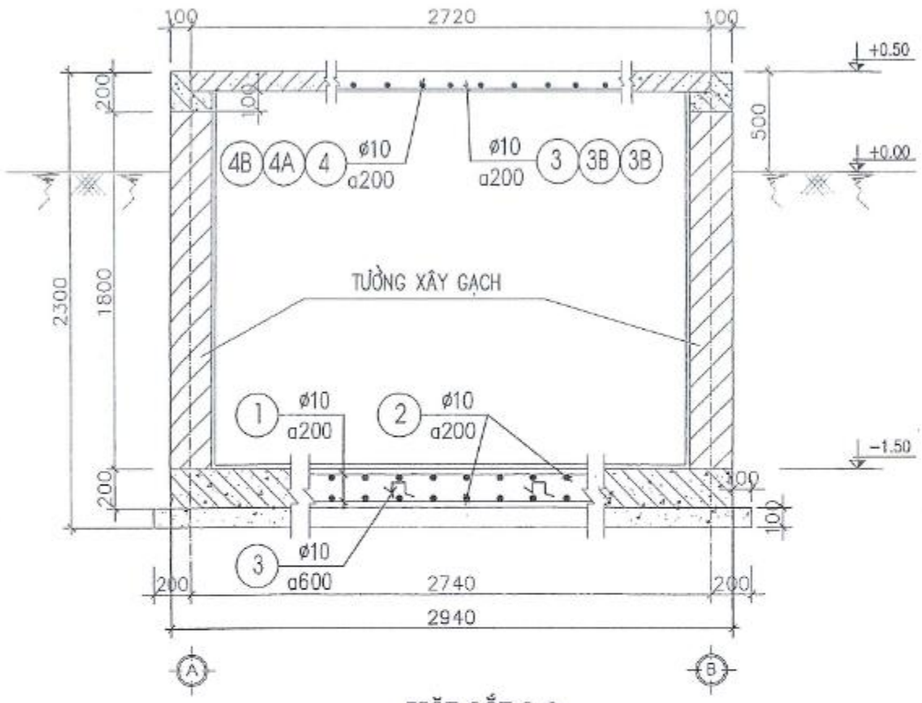
TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
BỂ TRUNG GIAN
MẶT BẰNG ĐÁY BỂ,MẶT CẮT 1-1,2-2

GIÁM ĐỐC CÔNG TY — HOÀNG VĂN THÀNH

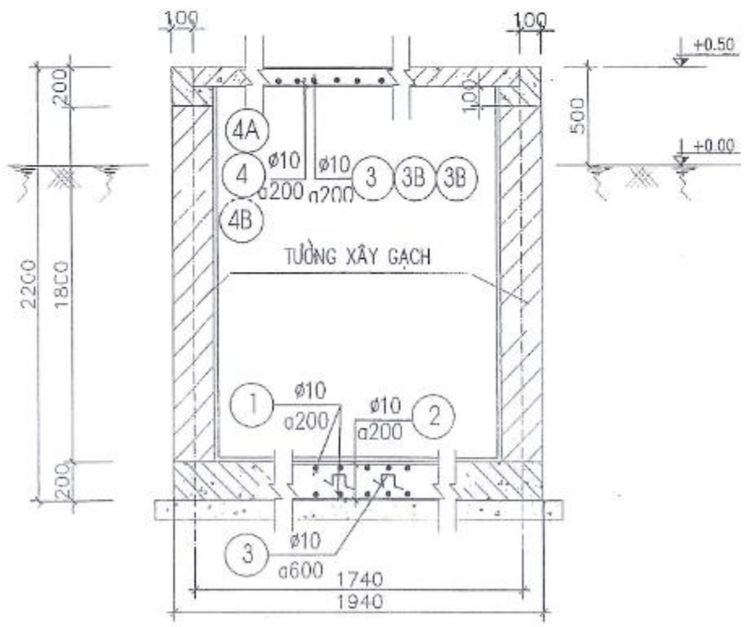
THIẾT KẾ	LÊ HỒNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ HỒNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN ĐỘNG LỰC	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	1/50
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TK-BVTC-XD- 010-04

MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2



CHI TIẾT DẦM BO



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Tình	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN TỔNG GIÁM ĐỐC Trịnh Gia Khải	

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
ĐÁY Số lượng: 1	1	100 2880 100	10	3080	20	20	61.6	37.98
	2	100 1880 100	10	2080	30	30	62.4	38.47
	3	100 120 100 120 100	10	540	18	18	9.72	5.99
NẮP BỂ Số lượng: 1	4	100 2660 100	10	2860	7	7	20.02	12.34
	4A	100 1940 100	10	2140	4	4	8.56	5.28
	4B	100 160 100	10	360	4	4	1.44	0.89
	5	100 1660 100	10	1860	12	12	22.32	13.76
	5A	100 940 100	10	1140	4	4	4.56	2.81
	5B	100 160 100	10	360	4	4	1.44	0.89
Dầm bo Số lượng: 1	6	10000	12	10000	5	5	50	30.83
	7		6	760	45	45	34.2	7.59

- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 118.41 kg; Chiều dài = 192.06 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 30.83 kg; Chiều dài = 50 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 7.59 kg; Chiều dài = 34..2 mét

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA
Theo văn bản thẩm tra số: 502 /TT-TK
ngày 25 tháng 10 năm 2017

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7072 FAX : 043.780 5241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH
MẶT CẮT 1-1, 2-2, THỐNG KÊ THÉP

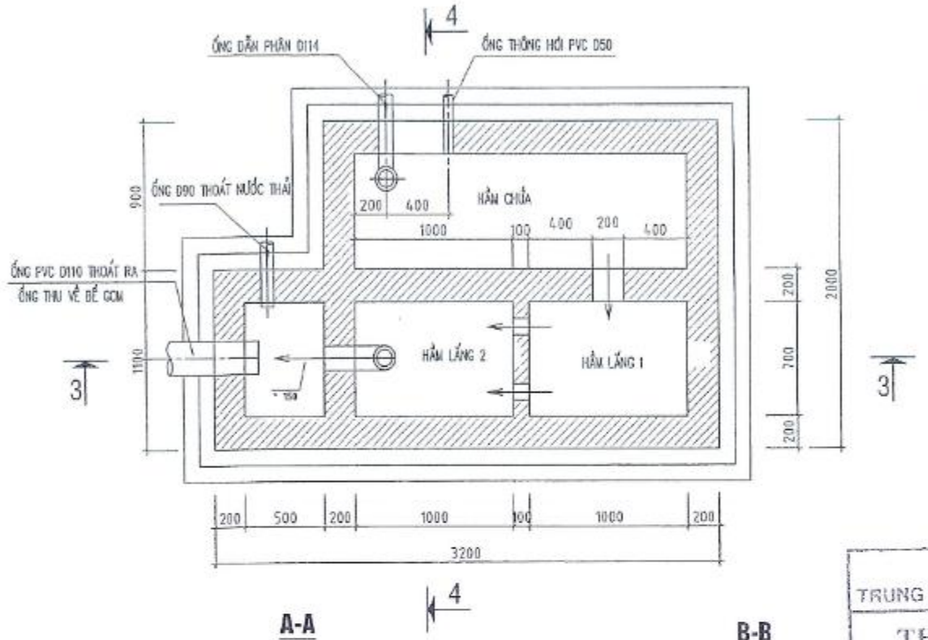
GIÁM ĐỐC-CHỦ NHIỆM
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ BIỂN XANH
HOÀNG VĂN THÀNH

KẾT CẤU	LÊ PHI HÙNG	
KỸ SƯ KIỂM TRA THIẾT KẾ PHẦN ĐIỆN NƯỚC	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN NƯỚC	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN LAI GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TB-10-CTO SNS.02

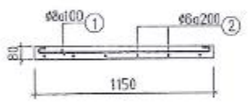
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC HẦM PHÂN TỰ HOẠI

TỶ LỆ: 1/25



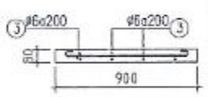
A-A

TL :1/25



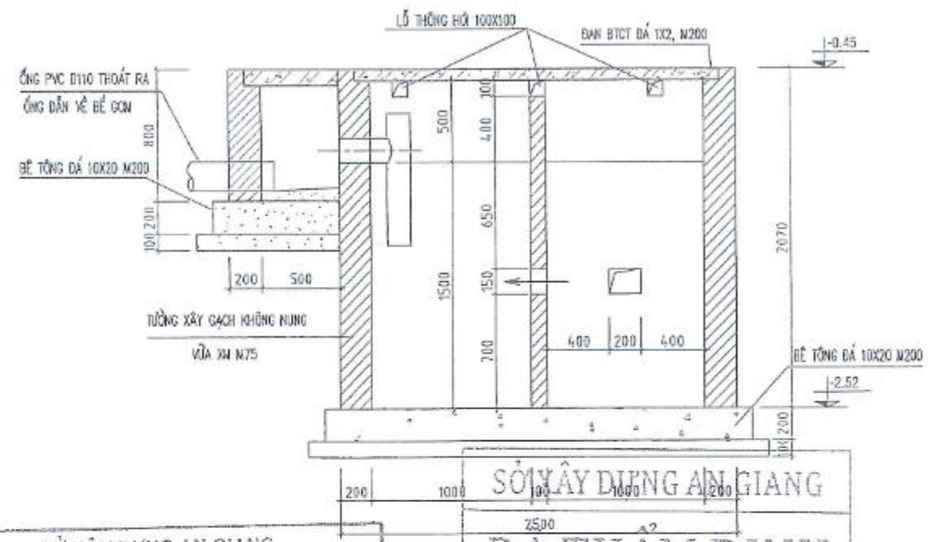
B-B

TL :1/25



MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/25



SỞ XÂY DỰNG AN GIANG
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG

THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA

Theo văn bản thẩm tra số: 802 /TT-TK

ngày 25 tháng 10 năm 2017

SỞ XÂY DỰNG AN GIANG

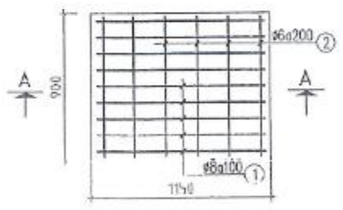
ĐÃ THẨM ĐỊNH

THEO VĂN BẢN SỐ: 395 /SXD-CCGĐ

NGÀY 07 THÁNG 02 NĂM 2018

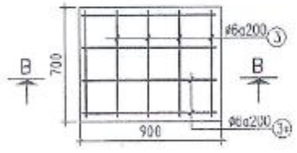
ĐAN HẦM TỰ HOẠI Đ1

TL :1/25 SL :08



ĐAM HẦM TỰ HOẠI Đ2

TL :1/25 SL :01



MẶT CẮT 4-4

TỶ LỆ 1/25



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT SEEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... Tháng ... Năm ...

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
Phạm Phúc Trình		Trịnh Gia Khải

TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
ĐAN Đ1 Số lượng: 8	1	1100	8	1100	9	72	79.2	31.25
	2	550	6	820	6	48	40.8	9.06
ĐAN Đ2 Số lượng: 1	1	850	6	850	4	4	3.4	0.75
	2	650	6	650	5	5	3.25	0.72

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 10.53 kg; Chiều dài = 47.45 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 31.25 kg; Chiều dài = 79.2 mét

NOTICE:

CÔNG TY CÔNG NGHỆ BIỂN XANH

GREENSEA ENGINEERING CORP.

SỐ 86 - PHỐ DUY TÂN - PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU
QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
TEL : 043.765 7092 FAX : 043.790 3241

HIỆU CHỈNH / REVISIONS

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECKED

CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

DỰ ÁN - PROJECT, TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG(GIAI ĐOẠN 1)

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
XÃ BÌNH LONG,HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

HẠNG MỤC - ARTICLE
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 4000M³/NGÀY.ĐÊM

TÊN BẢN VẼ - DWG. TITLE
NHÀ ĐIỀU HÀNH
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR — HOÀNG VĂN THÂN

KIỂM TRA	TRẦN HÙNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PHẦN CÔNG NGHỆ	LÊ PHI HÙNG	
THIẾT KẾ ĐIỆN ĐỘNG	NGUYỄN NGỌC ANH	
THIẾT KẾ XÂY DỰNG	NGUYỄN TẤT GIANG	
THIẾT KẾ CƠ KHÍ	NGUYỄN VĂN TIẾN	

TỈ LỆ - SCALE	
NGÀY - DATE	08 - 2017
SỐ DỰ ÁN - PROJECT NO	TKTC/BL/2017
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	BL-TK-TC-HD-XDH-08

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

BẢN ĐỒ VỆ TINH VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ĐỊA ĐIỂM: ẤP BÌNH CHÁNH, XÃ BÌNH LONG, HUYỆN CHÂU PHÚI, TỈNH AN GIANG



- CÁC THÔNG SỐ CỦA CÔNG TRÌNH XẢ NƯỚC THẢI:

TT	VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI	Tọa độ điểm lấy nước (VN2000 múi 3 độ)	
		X	Y
1	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH LONG	1168491	554869

- Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Hậu.
- Vị trí xả nước thải: Ấp Bình Chánh, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Công suất xả nước thải: 2.800 m^3/ngày.đêm.
- Chu kỳ xả nước thải: hàng ngày.
- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA SEN AN GIANG

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ VỆ TINH VỊ TRÍ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

NGƯỜI THỰC HIỆN	BẢN VẼ SỐ	NGÀY HOÀN THÀNH
PHẠM TRUNG HIỂN	01	10 - 12 - 2018

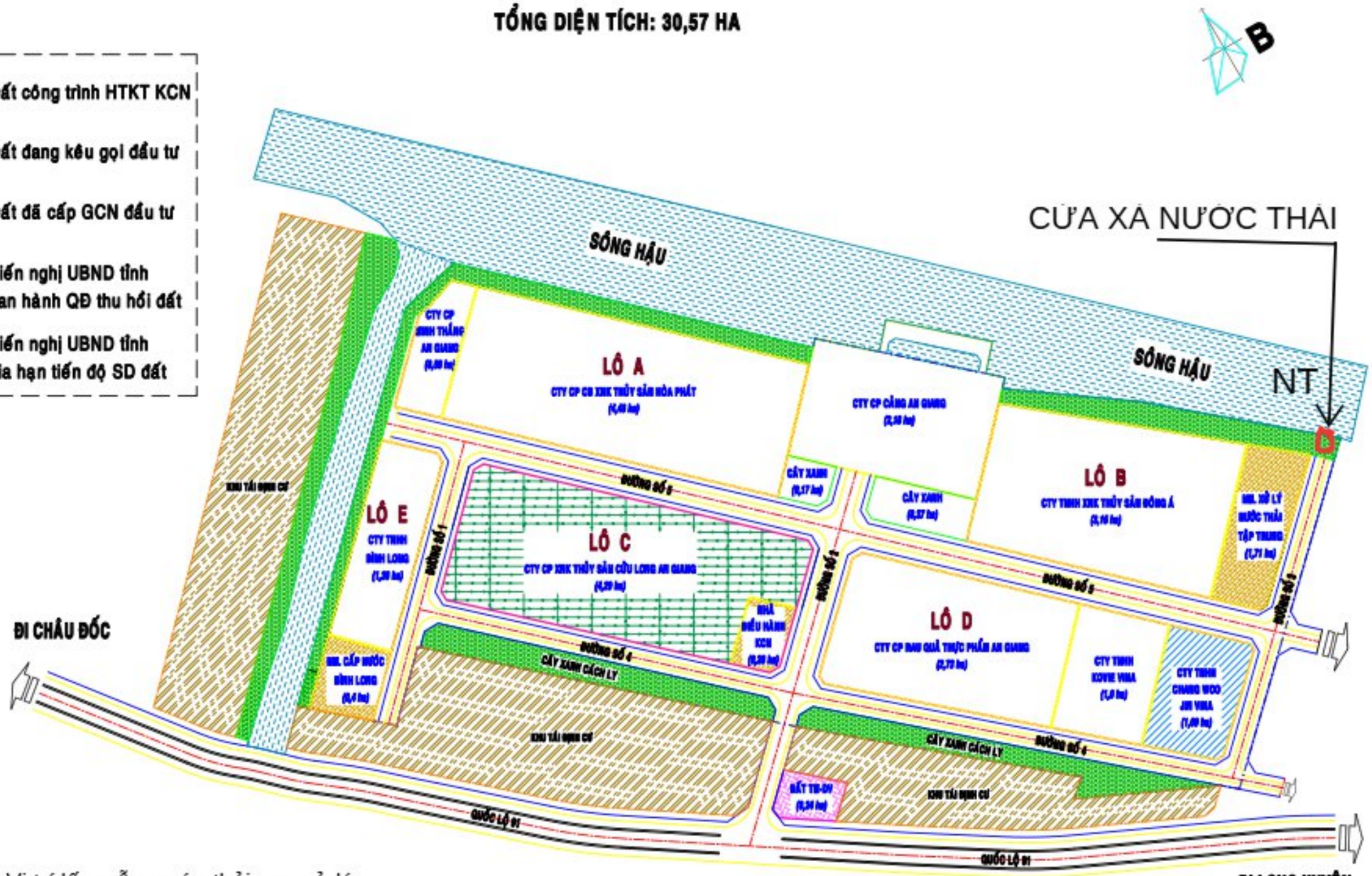
SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KCN BÌNH LONG

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

TỔNG DIỆN TÍCH: 30,57 HA

GHI CHÚ:

- Đất công trình HTKT KCN
- Đất đang kêu gọi đầu tư
- Đất đã cấp GCN đầu tư
- Kiến nghị UBND tỉnh ban hành QĐ thu hồi đất
- Kiến nghị UBND tỉnh gia hạn tiến độ SD đất



NT Vị trí lấy mẫu nước thải sau xử lý